**BÀI MỞ ĐẦU**

**(NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC SÁCH NGỮ VĂN 8)**

****

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Phát triển năng lực tự học thông qua việc tự đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà; tích cực, chủ động trong tìm hiểu bài học.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.

**1.2. Năng lực đặc thù: năng lực ngôn ngữ và văn học**

- Nhận biết được nội dung cơ bản của SGK Ngữ văn 8 .

- Biết được cấu trúc và các bài học trong sách Ngữ văn 8.

- Nêu được những suy nghĩ cảm xúc riêng của bản thân .

- Biết cách sử dụng sách Ngữ văn 8

**2. Phẩm chất:**

Bài học góp phần bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm với việc học tập của bản thân và tinh thần hợp tác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, máy tính, bảng phụ. SGK

**2. Học liệu:** SGK **,** Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **Ổn định tổ chức.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Sĩ số** | **Ngày dạy** | **HS vắng** |
|  |  |  |  |

1. **Kiểm tra sự chuẩn bị của HS.**
2. **Bài mới.**

**Hoạt động: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Khơi gợi kiến thức nền để bước vào bài học.

**b. Nội dung:** Học sinh trả lời cá nhân câu hỏi

**c Sản phẩm:** sản phẩm của HS

**d.Tổ chức hoạt động:**

**- GV tổ chức trò chơi “AI NHANH HƠN”**

+ GV mời 4 bạn (2 bạn viết thể loại, 2 bạn viết tên văn bản lên bảng)

+ Kể tên các văn bản em đã học trong chương trình ngữ văn 7 CD.

+ Tên văn bản không được lặp lại

+ Trong vòng 1 phút, nếu bạn nào không nêu được đáp án sẽ thua cuộc và chịu hình phạt của lớp đề ra.

- GV áp dụng kĩ thuật KWL

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nh Những điều em đã biết về**  **SGK Ngữ văn 8**  **(K)** | | **Những điều em mong đợi học được ở SGK Ngữ văn 8**  **(W)** | **Những điều học được (Cuối tiết học sẽ điền cột này)**  **(L)** |
| ......................... | ................................... | ................................. |

Giáo viên : Chương trình ngữ văn 6,7 giúp học sinh được học tập, rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói nghe, phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học. Môn học cũng đã giúp các em phát triển phẩm chất của người công dân đáp ứng yêu cầu của thời đại: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Hướng các em biết tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Chương trình Ngữ văn 8 sẽ tiếp tục kế thừa và phát huy những điều đó, đồng thời sẽ mở rộng hơn giúp các em tiếp cận và làm quen với 1 số thể loại mới.

**Hoạt động: Hình thành kiến thức mới**

**Phần I. Nội dung sách Ngữ văn 8**

**Nội dung I. Học đọc**

**a. Mục tiêu**: Học sinh nắm được nội dung chương trình Ngữ văn 8

**b. Nội dung :** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Gv tổ chức hoạt động nhóm.**  - Hoạt động cá nhân: quan sát bìa của SGK và mô tả.  - Hoạt động nhóm: 5 nhóm  - Câu hỏi tìm hiểu: Thống kê các văn bản, nội dung của các văn bản trong từng thể loại  - Thời gian: 5 phút  **GV tiếp tục dẫn dắt HS tìm hiểu nội dung 6**. Thực hành tiếng Việt  + Bốn nội dung lớn về sách tiếng Việt Ngữ văn 8 là gì?  + Hệ thống bài tập trong sách Ngữ văn 8 có những loại cơ bản nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện cá nhân  - HS hoạt động nhóm và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **I. Học đọc**  **1. Đọc hiểu văn bản truyện**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tiểu loại** | **Truyện ngắn, truyện vừa** | **Tiểu thuyết** | **Truyện lịch sử** | **Truyện cười** | | **Một số văn bản trong sách Ngữ văn 8** | - Tôi đi học (Thanh Tịnh)  - Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam)  - Người mẹ vườn cau (Nguyễn Ngọc Tư)  - Chuỗi hạt cườm màu xám (Đỗ Bích Thúy)  - Lão Hạc (Nam Cao)  - Người thầy đầu tiên (Ai-ma-tốp)  - Cố hương (Lỗ Tấn) | - Đánh nhau với chiếc cối xay gió ( Xéc-van-téc)  - Trong mắt trẻ (Ê-xu-pe-ri)  - Tức nước vỡ bờ (Ngô Tất Tố) | - Hoàng Lê nhất thống chí (Ngô gia văn phái)  - Bên bờ Thiên Mạc (Hà Ân) | - Cái kính (A-dít Nê- xin)  - Hai truyện cười dân gian Việt Nam: Thi nói khoác, Treo biển |   **2. Đọc hiểu văn bản thơ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiểu loại** | **Thơ sáu chữ, bảy chữ** | **Thơ Đường luật** | | Một số văn bản trong sách Ngữ văn 8 | - Nắng mới (Lưu Trọng Lư)  - Nếu mai em về Chiêm Hóa (Mai Liễu)  - Đường về quê mẹ (Đoàn Văn Cừ)  - Quê người (Vũ Quần Phương) | - Mời trầu (Hồ Xuân Hương)  - Cảnh khuya (Hồ Chí Minh)  - Xa ngắm thác núi Lư (Lý Bạch)  - Vịnh khoa thi Hương (Trần Tế Xương)  - Qua đèo ngang (Bà huyện Thanh Quan) |   **3. Đọc hiểu văn hài kịch**  - Đổi tên cho xã (Lưu Quang Vũ)  - Ông Giuốc- đanh mặc lễ phục (Mô-li-e)  **4. Đọc hiểu văn bản nghị luận**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiểu loại** | **Nghị luận xã hội** | **Nghị luận văn học** | | Một số văn bản trong sách Ngữ văn 8 | - NLXH Trung đại  + Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn)  + Nước Đại Việt ta (Nguyễn TraĨ)  + Chiếu dời đô (Lý Công Uẩn)  - NLXH Hiện đại  + Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ (Dương Trung Quốc)  + Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới (Vũ Khoan) | - Vẻ đẹp của bài thơ “Cảnh khuya” (Lê Trí Vĩ)  - Chiều sâu của truyện “Lão Hạc” (Văn Giá)  - Nắng mới, áo đỏ và nét cười đen nhánh ( về bài thơ “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư)  - “Hoàng tử bé”- Một cuốn sách diệu kì (theo reviewsach.net) |   **5. Đọc hiểu văn bản thông tin**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiểu loại** | **VBTT giải thích một hiện tượng tự nhiên** | **VBTT giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim** | | Một số văn bản trong sách Ngữ văn 8 | - Sao băng  - Nước biển dâng: Bài toán khó cần giải trong thế kỉ XXI  - Lũ lụt là gì? Nguyên nhân và tác hại.  - Vì sao chim bồ câu không bị lạc đường? | - Bài giới thiệu về truyện “Lá cờ thêu sáu chữ vàng”  - Về bộ phim “Người cha và con gái”  - Cuốn sách “Chìa khóa vũ trụ của Giooc-nơ”  - Tập truyện “Quê Mẹ” |   **6. Thực hành tiếng Việt**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung lớn** | **Nội dung cụ thể** | | 1. Từ ngữ | - Nghĩa của một số thành ngữ và tục ngữ tương đối thông dụng.  - Sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ.  - Từ tượng hình và từ tượng thanh: đặc điểm và tác dụng.  - Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng | | 2. Ngữ pháp | - Trợ từ và thán từ: đặc điểm và chức năng.  - Thành phần biệt lập trong câu: đặc điểm và chức năng.  - Đặc điểm và chức năng của câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu khẳng định, câu phủ định. | | 3. Hoạt động giao tiếp | - Biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ: đặc điểm và tác dụng.  - Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu  - Các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp: đặc điểm và chức năng.  - Kiểu văn bản và thể loại. | | 4. Sự phát triển của ngôn ngữ | - Từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương: chức năng và giá trị.  - Biệt ngữ xã hội: chức năng và giá trị  - Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ |   **Hệ thống bài tập tiếng Việt:**  a/ Bài tập nhận biết các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt.  Ví dụ: bài tập nhận biết từ loại: trợ từ, thán từ. Bài tập nhận biết các kiểu câu:câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu khẳng định, phủ định…  b/ Bài tập phân tích tác dụng của các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt.  Ví dụ: Bài tập phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ , từ tượng hình, tượng thanh.  c/ Bài tập tạo lập đơn vị tiếng Việt.  Ví dụ: Bài tập viết đoạn văn: diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp |

**Nội dung II. Học viết**

**a. Mục tiêu**: Rèn luyện kĩ năng viết văn bản theo 4 bước: chuẩn bị; tìm ý và lập dàn ý; viết; kiểm tra và chỉnh sửa những nội dung phù hợp theo từng kiểu văn bản.

**b. Nội dung :** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV yêu cầu HS đọc phần *Học viết*  và trả lời các câu hỏi sau:**  a) Sách *Ngữ văn 8* rèn luyện cho các em viết những kiểu văn bản nào? Nội dung cụ thể của mỗi kiểu văn bản là gì?  b) Những yêu cầu về quy trình và kiểu văn bản nào tiếp tục được rèn luyện ở lớp 8?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **Nội dung II. Học viết**  **Bước 1**: Chuẩn bị  **Bước 2**: Tìm ý và lập dàn ý  **Bước 3**: Viết  **Bước 4**: Kiểm tra và chỉnh sửa   |  |  | | --- | --- | | **Kiểu văn bản** | **Nội dung cụ thể** | | TỰ SỰ | Kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội có yếu tố miêu tả, biểu cảm. | | BIỂU CẢM | Bước đầu biết làm bài thơ sáu chữ, bảy chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩvề một bài thơ sáu chữ, bảy chữ | | NGHỊ LUẬN | Viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống (NLXH) và bài phân tích một tác phẩm văn học (NLVH) | | THUYẾT MINH | Giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách. | | NHẬT DỤNG | Kiến nghị về một vấn đề đời sống. | |

**Nội dung III. Học nói và nghe**

**a. Mục tiêu**: Rèn luyện kĩ năng nói và nghe

**b. Nội dung :** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn và yêu cầu HS hoàn thành PHT theo hình thức nhóm bàn.**  - Theo em, kĩ năng nói và nghe có quan trọng trong hoạt động giao tiếp hằng ngày của con người không? Vì sao?  **Hoạt động nhóm bàn**  - Tìm hiểu nội dung của kĩ năng nói, nghe, nói nghe tương tác trong phần Học nói và nghe  - Thời gian: 3 phút  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HStrả lời câu hỏi và hoàn thành PHT  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **III. Học nói và nghe**   |  |  | | --- | --- | | **Kĩ năng** | **Nội dung cụ thể** | | Nói | - Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội  - Trình bày giới thiệu ngắn về một cuốn sách. | | Nghe | Nắm bắt nội dung chính mà nhóm đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại được nội dung đó. | | Nói nghe tương tác | - Thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi. | |

**Phần II. Cấu trúc sách Ngữ văn 8**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được cấu trúc của sách Ngữ văn 8.

**b. Nội dung :** Làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV tổ chức hoạt động nhóm bàn**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoàn thành PHT  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **B. Cấu trúc sách Ngữ văn 8**     |  |  | | --- | --- | | **Các phần của bài học** | **Nhiệm vụ của học sinh** | | Yêu cầu cần đạt | - Đọc trước khi học để có định hướng đúng.  - Đọc sau khi học để tự đánh giá. | | Kiến thức ngữ văn | - Đọc trước khi học để có kiến thức làm căn cứ thực hành  - Vận dụng trong quá trình thực hành. | | Đọc  - Đọc hiểu văn bản  +Tên văn bản.  +Chuẩn bị  + Đọc hiểu.  - Thực hành tiếng Việt.  - Thực hành đọc hiểu. | - Đọc hiểu thông tin về thể loại, bối cảnh, tác giả, tác phẩm…  - Đọc trực tiếp tác phẩm, các câu gợi ý ở bên phải, chú thích ở chân trang.  - Trả lời câu hỏi đọc hiểu.  - Làm bài tập thực hành tiếng Việt. | | Viết  - Định hướng.  - Thực hành. | - Đọc định hướng viết.  - Làm các bài tập thực hành viết. | | Nói và nghe.  - Định hướng.  - Thực hành. | - Đọc định hướng nói và nghe.  - Làm các bài tập thực hành nói và nghe. | | Tự đánh giá | Tự đánh giá kết quả đọc hiểu và viết thông qua phần đọc và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, tự luận về 1 văn học tương tự văn bản đã học. | | Hướng dẫn tự học | - Đọc mở rộng theo gợi ý.  - Thu thập tư liệu liên quan đến bài học. | |

**Hoạt động : Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- **GV yêu cầu HS hoàn thiện bảng kĩ thuật KWL ở phần khởi động**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nh Những điều em đã biết về**  **SGK Ngữ văn 8**  **(K)** | | **Những điều em mong đợi học được ở SGK Ngữ văn 8**  **(W)** | **Những điều học được (Cuối tiết học sẽ điền cột này)**  **(L)** |
| ......................... | ................................... | ................................. |

Hoặc thực hiện Vẽ sơ đồ tư duy

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động : Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức, năng lực thực hiện.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HS sẽ đưa ra những kinh nghiệm về phương pháp học tập cho tốt bộ môn Ngữ văn

**Bài 1**

**TRUYỆN**

**Đọc – hiểu vb 1**

**TÔI ĐI HỌC**

*– Thanh Tịnh –*

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Những nét tiêu biểu về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của nhà văn Thanh Tịnh

- Những nét chung về văn bản “Tôi đi học”.

- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một tác phẩm truyện ngắn Việt Nam.

**2. Năng lực**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.

- Nhận biết được một số yếu tốt hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ…) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, tình cảm, …) của truyện ngắn “Tôi đi học”.

- Phát hiện, phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật kể chuyện của nhà Thanh Tịnh

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm:

- Chăm chỉ trong thực hiện nhiệm vụ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu…

- Học liệu: Hình ảnh, viedeo phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5’)**

**a. Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức ngữ văn, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung**:

**GV** cho HS nghe bài hát “Ngày đầu tiên đi học”, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

**HS** nghe bài hát: “Ngày đầu tiên đi học”, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:**

**-** HS nghe nội dung bài hát. Trình bày được những cảm xúc của bản thân trong ngày đầu tiên đi học.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV: Trước khi vào nội dung của tiết học này, cô và các em cùng lắng nghe bài hát.

**Bài hát đã khơi gợi trong em những tình cảm, cảm xúc nào?**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**HS:** Quan sát, lắng nghe video và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi. HS khác nhận xét

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

- Kết nối vào nội dung bài học

**2. HOẠT DỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tác giả** | |
| **Mục tiêu**: Học sinh biết được những thông tin cơ bản về nhà văn Thanh Tịnh  **Nội dung:**  GV: Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.  HS:Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  (?)Trình bày những thông tin chính về nhà văn Thanh Tịnh?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Xem lại nội dung chuẩn bị ở nhà trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** Mời HS trả lời  **HS:** trình bày thông tin về nhà văn Thanh Tịnh  - Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  **GV**:  - Nhận xét phần chuẩn bị của HS  **-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | **1. Tác giả**  - Thanh Tịnh **(1911-1988),** tên thật là Trần Văn Ninh  - Quê ven sông Hương, ngoại ô Huế  - Là nhà giáo, nhà văn, nhà thơ.  - Sáng tác của ông toát lên vẻ đẹp đằm thắm, tình cảm êm dịu, trong trẻo.  - **Tác phẩm tiêu biểu**: *Hậu chiến trường* (1937), *Quê mẹ* (1941)… |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Tác phẩm** | |
| **Mục tiêu**:  - HS biết cách đọc và tóm tắt văn bản “Tôi đi học”  - Nhận biết được một số đặc điểm của truyện ngắn: cốt truyện, nhân vật, chi tiết, sự kiện,…  - Trình bày những thông tin chính về văn bản “Tôi đi học”:  + Thể loại  + Phương thức biểu đạt  + Nhân vật chính  + Ngôi kể  + Các sự việc chính  + Bố cục…  **Nội dung:**  **GV:** Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.  **HS:** Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc  - Yêu cầu HS tóm tắt ngắn gọn văn bản  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  **-** Yêu cầu HS đọc mẫu  - Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc  **HS** đọc mẫu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét cách đọc và phần tóm tắt của HS  - Chốt cách đọc, chốt nội dung tóm tắt và chuyển dẫn sang phần b. Tìm hiểu chung về văn bản  **b. Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Yêu cầu HS mở PHT số 1  - Chia nhóm cặp đôi theo bàn  - Nhiệm vụ:  + 1 phút HĐ cá nhân: xem lại PHT đã chuẩn bị  + 2 phút tiếp theo: trao đổi, chia sẻ để thống nhất nội dung trong PHT số 1   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | | | - Thể loại truyện ngắn:  + Quy mô:  + Bối cảnh:  + Nhân vật: .............  + Sự kiện: .................  + Chi tiết: .................  + Cốt truyện:.... |  | | - Phương thức biểu đạt |  | | - Nhân vật |  | | - Ngôi kể |  | | - Các sự việc chính |  | | - Bố cục… |  | | - Cốt truyện |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV gợi ý:** Bằng sự chuẩn bị PHT ở nhà, em hãy đọc PHT của bạn xem có nội dung nào cần trao đổi hay không.  **HS**: Đọc PHT số 1 của bạn và đánh dấu nội dung khác biệt để trao đổi.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** Chỉ định một số cặp đôi trình bày sản phẩm (PHT số 1)  **HS:**  - Đại diện cặp đôi trình bày từng nội dung trong PHT số 1.  - Những cặp đôi còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm cặp đôi của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  **GV**:  - Nhận xét từng nội dung của bạn, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).  **-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | **2. Tác phẩm**  **a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích**  - ***Đọc***  - ***Chú thích (SGK)***  ***- Tóm tắt***  **b. Tìm hiểu chung về vb**  - *Thể loại*: truyện ngắn  + Quy mô: tác phẩm văn xuôi cỡ nhỏ  + Bối cảnh: không gian nhỏ, thời gian nhất định  + Nhân vật: thường ít nhân vật  + Sự kiện: ít sự kiện phức tạp.  + Chi tiết: chi tiết cô đúc, lời văn mang nhiều ẩn ý…  + Cốt truyện đơn giản, nhiều dạng: sự việc khác thường kỳ lạ; sự việc giản dị, đời thường mà giàu chất thơ; có truyện giàu tính, triết lý; lại có truyện ngắn rất giàu chất thơ.  - *Phương thức biểu đạt*: tự sự  - *Ngôi kể*: ngôi thứ nhất  - *Nhân vật chính:* nhân vật tôi  *- Nhân vật phụ*: mẹ, ông Đốc, các bạn  - *Các sự việc chính*:  + Dòng cảm xúc của nhân vật “tôi” trên đường đến trường  + Dòng cảm xúc của nhân vật “tôi” ở trên sân trường  + Dòng cảm xúc của nhân vật “tôi” khi vào lớp học  - *Bố cục*:  **+ Phần 1:** từ đầu đến “trên ngọn núi”: Cảm giác, tâm trạng của “tôi” khi mẹ dắt tay đến trường  **+ Phần 2:** tiếp theo đến “nghỉ cả ngày nữa”: Suy nghĩ, cảm xúc của “tôi” khi bước vào sân trường Mĩ Lí.  **+ Phần 3:** còn lại: Tâm trạng của “tôi” khi ngồi trong lớp học  *- Cốt truyện:* giản dị, đời thường, giàu chất thơ. Kể theo trình tự thời gian, men theo dòng hồi tưởng của nhân vật “tôi”. |

**II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Bối cảnh của câu chuyện** | |
| **Mục tiêu**:  - HS tìm, phát hiện và nêu được những chi tiết về bối cảnh của câu chuyện.  + Thời gian xảy ra câu chuyện  + Cảnh vật …  + Con người  - Nhận xét được bối cảnh của câu chuyện…  **Nội dung**:  **GV** sử dụng kĩ thuật vấn đáp, kĩ thuật khăn phủ bàn để hướng dẫn HS tìm hiểu về bối cảnh của câu chuyện.  **HS** suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  ***HĐ cá nhân (GV đặt câu hỏi)***:  ? Cảnh vật trong truyện được nhìn qua con mắt của ai và được nhớ lại theo trình tự nào?  ***HĐ nhóm***  - GV chia nhóm lớp  - Yêu cầu mở PHT và hoàn thành PHT bằng cách trả lời câu hỏi sau:  ?Nêu một số chi tiết nổi bật của cảnh vật trong phần 1 (chi tiết miêu tả khung cảnh thiên nhiên và hình ảnh con người).  ?Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng? *(Vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học)*  ? Qua đó em có nhận xét gì về bối cảnh của câu chuyện?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)**  **GV** hướng dẫn HS đọc đoạn văn số 1 và tìm chi tiết.  **HS** đọc SGK, tìm chi tiết  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  ***HĐ cá nhân***:  **GV:**  **-** Gọi HS trả lời câu hỏi  - Gọi HS nhận xét câu trả lời của bạn  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi  - HS còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  ***HĐ nhóm***  **GV:**  **-** Yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm  - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).  **HS**:  **-** Nhóm đại diện trình bày sản phẩm học tập  - Các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời/sản phẩm học tập và nhận xét của cá nhân/nhóm HS.  - Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**  **1. Bối cảnh của câu chuyện**  - Thời điểm: cuối thu🡪 thời điểm khai trường  - Không gian: trên con đường dài và hẹp🡪Thời điểm, nơi chốn quen thuộc, gắn liền với tuổi thơ tác giả   |  |  | | --- | --- | | **Thiên nhiên** | **Con người** | | *+ một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh…*  *+ con đường làng dài và hẹp....*  *+ cảnh vật xung quanh đều thay đổi.* | *+Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi,*  *+ mấy cậu nhỏ trạc bằng tuổi tôi áo quần tươm tất, nhí nhảnh gọi tên nhau hay trao sách vở cho nhau xem...*  *+ Mấy cậu đi trước ôm sách vở nhiều lại kèm cả bút thước nữa.* | | 🡪 NT: Miêu tả, tưởng tượng,..  **=> Người đọc như nhập vào cảnh sắc, hòa cùng tâm trạng nao nức của nhà văn. Rút ngắn khoảng cách giữa quá khứ và hiện tại.** | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Cách xây dựng nhân vật trong truyện** | |
| **Mục tiêu**:  - HS tìm, phát hiện những chi tiết về nhân vật “tôi”: (cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, tâm trạng của nhân vật).  - Nhận xét của người kể chuyện và các nhân vật khác.  **Nội dung**:  **GV** sử dụng kĩ thuật vấn đáp, kĩ thuật khăn phủ bàn để hướng dẫn HS tìm hiểu về các nhân vật trong truyện.  **HS** suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập   |  |  |  | | --- | --- | --- | | PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 | | | | **Trên đường đến trường** | **Ở trên sân trường** | **Khi vào lớp học** | | *- con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên thấy lạ”*  *- Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi*  *-Nâng niu mấy quyển vở, muốn thử sức cầm bút.* | *- Cảm thấy ngôi trường vừa cao, vừa sạch sẽ, vừa oai nghiêm.*  *- Cảm thấy nhỏ bé so với trường, lo sợ vẩn vơ*  *- Khi trống trường vang lên: giật mình, lúng túng, sợ hãi quả tim như ngừng đập.* | *- Mùi hương lạ, thấy lạ với bức hình treo trên tường, lạm nhận bàn ghế, chỗ ngồi là của mình; không hề thấy xa lạ với người bạn mới ngồi bên.* | | - Nghệ thuật: miêu tả tâm lí, hình ảnh so sánh đặc sắc  => **Khắc họa thành công nhân vật “tôi” hồn nhiên, trong sáng nhưng cũng rất nhạy cảm và đã bắt đầu có ý thức về sự trưởng thành ngay trong ngày đầu tiên đi học.** | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  ***HĐ cá nhân (GV đặt câu hỏi)***:  ? Nhân vật “tôi” được miêu tả qua những chi tiết nào?  ***HĐ nhóm***  - GV chia nhóm lớp  - Yêu cầu mở PHT và hoàn thành PHT bằng cách trả lời câu hỏi sau:  ? Tâm trạng của nhân vật “tôi” trong ngày đầu tiên đến lớp có sự thay đổi như thế nào? Chỉ ra một số chi tiết tiêu biểu trong truyện thể hiện những tâm trạng ấy.  ? Chỉ ra tác dụng của một số câu văn miêu tả và hình ảnh so sánh trong việc khắc họa tâm trạng nhân vật.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 | | | | **Trên đường đến trường** | **Ở trên sân trường** | **Khi vào lớp học** | | *……* | *……* | *…….* | | - Nghệ thuật: | | |   **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS:  + Hoạt động cá nhân 5 phút, hoàn thành PHT  + Thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến, hoàn thành sản phẩm nhóm 5 phút.  + Cử đại diện chuẩn bị báo cáo sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả và bổ sung cho nhau.  - Giáo viên điều hành quá trình thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - Học sinh tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Giáo viên đánh giá, kết luận | **2. Cách xây dựng nhân vật trong truyện**  **a. Nhân vật “tôi”**  ***\* Nhân vật được miêu tả qua:***  + Lời nói: Xin mẹ được cầm bút thước  + Hành động: Nâng niu sách vở…  + Tâm trạng: Có sự thay đổi theo trình tự không gian  ***\* Tâm trạng của nhân vật tôi***  - Ban đầu là bâng khuâng, phấn chấn đi bên mẹ trên con đường đến trường.  - Sau đó chuyển sang bỡ ngỡ, rụt rè khi đứng ở sân trường. Tiếp đến là cảm thấy lúng túng, vụng về, sau đó, giật mình khi nghe gọi đến tên rồi bật khóc.  - Cuối cùng là cảm giác vừa xa lạ vừa thân quen khi ngồi trong lớp học.  ***\* Nghệ thuật so sánh:***  - “... những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cánh hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng” **→ tình cảm đẹp đẽ, trong sáng của cậu bé lần đầu đi học.**  - “Họ như con chim non đứng bên bờ tổ nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ” **→ sự non nớt, khát vọng của những cậu học sinh.**  ***=> Nhân vật “tôi” là cậu bé hồn nhiên, trong sáng nhưng cũng rất nhạy cảm và đã bắt đầu có ý thức về sự trưởng thành ngay trong ngày đầu tiên đi học.*** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  ***HĐ cá nhân (GV đặt câu hỏi)***:  ? Nhân vật “ông Đốc” và các bậc phụ huynh được miêu tả qua những chi tiết nào?  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  + Hoạt động cá nhân tìm câu trả lời  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời các câu hỏi  - Giáo viên hỗ trợ nếu cần  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - Học sinh tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Giáo viên đánh giá, kết luận | **b. Các nhân vật khác**  **\* Ông Đốc**  *- Lời nói:* “Thế là các em vào lớp 5, các em phải cố gắng học để thầy mẹ được vui lòng, để thầy dạy các em được sung sướng”. “Thôi các em nên đứng đây để sắp hàng vào lớp”. “ Các em đừng khóc. Trưa nay các em được về nhà cơ mà”  *- Hành động:* Nhìn học trò 1 cách hiền từ và cảm động.  ***=> Ông Đốc là một người thầy, một lãnh đạo hiền từ, thân thiện và yêu thương học sinh.***  ***\** Phụ huynh**  - Chuẩn bị quần áo, sách vở, đưa con đến trường, cầm sách vở cho con. Kiên nhẫn chờ đợi đưa các con vào lớp  ***=> Là người chu đáo, quan tâm, đầy tình yêu thương và trách nhiệm*** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **THẢO LUẬN NHÓM hoàn thành PHT S3**  ? Truyện ngắn “Tôi đi học” là một truyện ngắn giàu chất thơ. Theo em, điều gì tạo nên đặc điểm ấy? (về nội dung, hình thức, ngôn ngữ)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 | | | | **Về nội dung** | **Về hình thức** | **Về ngôn ngữ** | | *……* | *……* | *…….* |   **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS:  + Hoạt động cá nhân 4 phút, hoàn thành PHT  + Thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến, hoàn thành sản phẩm nhóm 5 phút.  + Cử đại diện chuẩn bị báo cáo sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả và bổ sung cho nhau.  - Giáo viên điều hành quá trình thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - Học sinh tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Giáo viên đánh giá, kết luận, bình đan xen trong quá trình chốt các ý. | **3. Đặc điểm truyện ngắn giàu chất trữ tình trong “Tôi đi học”**  *- Về nội dung:* tập trung miêu tả những cảm xúc và diễn biến tâm trạng vừa vui mừng, phấn chấn vừa ngỡ ngàng, lo sợ,… của nhân vật “tôi” trong buổi đầu tiên đến trường một cách chân thực và cảm động.  *- Về hình thức:* Cốt truyện rất đơn giản, nhẹ nhàng, không có tình huống gay cấn, không nhiều sự kiện.  *- Về ngôn ngữ:* Sử dụng những câu văn giàu cảm xúc với giọng điệu nhẹ nhàng, những hình ảnh so sánh độc đáo và việc sử dụng hàng loạt các từ láy trong việc miêu tả khung cảnh thiên nhiên, tái hiện chân thực, rõ nét cảm xúc bỡ ngỡ, rụt rè của nhân vật tôi trong ngày tựu trường. |
| **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nhắc lại những thành công về nghệ thuật của văn bản?  ? Khái quát nội dung chính của văn bản?  ? Văn bản “Tôi đi học” nói hộ những suy nghĩ, tình cảm gì của rất nhiều người đọc? Điều đó còn có ý nghĩa với cuộc sống hôm nay?  **\*Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ.  GV theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **\*Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **HS** đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, HS cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **\*Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của cả lớp | **III. TỔNG KẾT:**  **1. Nghệ thuật:**  - Cốt truyện đơn giản, chủ yếu là miêu tả cảnh vật và tâm trạng nhân vật  - Sử dụng ngôn ngữ miêu tả tinh tế, giàu hình ảnh và đậm chất thơ  **2. Nội dung**  - Truyện ghi lại những tình cảm, cảm xúc trong sáng, chân thực của nhân vật “tôi” trong buổi đi học đầu tiên.  - Truyện gây được xúc động, đồng cảm trong mỗi người đọc.  **3. Ý nghĩa**  Văn bản “Tôi đi học” đã thay nhiều người đọc nói lên những nỗi nhớ về những năm tháng một thời cắp sách tới trường. Điều đó khơi dậy trong lòng bao người hình dáng ngày đầu đến trường trong kí ức. Đó là những kỉ niệm đẹp, những khoảnh khắc không thể quên.  **4. Kỹ năng đọc hiểu truyện ngắn giàu chất thơ**  + Đọc kĩ truyện  + Tóm tắt được nội dung văn bản  + Tìm hiểu một số yếu tố cơ bản để thấy rõ đặc điểm của truyện ngắn giàu chất thơ (nội dung, hình thức, ngôn ngữ)  + Xác định được nhân vật chính và phân tích các phương diện mà nhân vật được miêu tả như ngoại hình, lời nói, hành động, mối quan hệ với các nhân vật khác, đặc biệt là tâm trạng, cảm xúc  + Liên hệ, kết nối với kinh nghiệm của bản thân để hiểu sâu sắc về nội dung tư tưởng của truyện. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**\* GV giao nhiệm vụ:**

**Câu 1.** Quê hương của Thanh Tịnh là ở đâu?

**A. Ven sông Hương, thành phố Huế**

B. Ven sông Hồng, thành phố Hà Nội

C. Ven sông Đuống, Gia Lâm (Hà Nội)

D. Một tỉnh thuộc đồng bằng Bắc Bộ

**Câu 2.** Văn bản “Tôi đi học” của Thanh Tịnh được viết theo thể loại nào?

A. Bút kí

B. Tiểu thuyết

C. Tùy bút

**D. Truyện ngắn**

**Câu 3.** Nhân vật chính trong văn bản “Tôi đi học” là ai?

A. Người mẹ

**B. Nhân vật “tôi”**

C. Thầy giáo

D. Ông Đốc

**Câu 4.** Nhân vật chính trong văn bản" Tôi đi học" được miêu tả chủ yếu ở phương diện nào?

**A. Tâm trạng.**

B. Hành động.

C. Ngoại hình

D. Tính cách

**Câu 5.** Câu văn ***"Tôi bặm tay ghi thật chặt, nhưng một quyển vở cũng xệch ra và chênh đầu chúi xuống đất"*** trong văn bản “Tôi đi học” của Thanh Tịnh cho ta hiểu điều gì?

A. Cậu bé chưa quen với việc cầm vở

B. Cậu bé chưa tập trung vào công việc

**C. Cậu bé quá hồi hộp**

D. Cậu bé thấy không đủ sức giữ vở

**Câu 6.** Đọc đoạn văn sau:

"Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim non đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thèm vụng và ao ước thầm được như những người học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ". (Tôi đi học, Thanh Tịnh)

Biện pháp tu từ nào được tác giả sử dụng trong đoạn văn trên

A. Nhân hóa.

B. Điệp ngữ.

C. Ẩn dụ.

**D. So sánh.**

**Câu 7.** Trong tác phẩm “Tôi đi học” của Thanh Tịnh, câu văn nào sau đây không nói lên tâm trạng hồi hộp, cảm giác bỡ ngỡ của nhân vật "tôi" trong buổi tựu trường đầu tiên?

A. "Cũng như tôi, mấy bạn học trò bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám đi từng bước nhẹ".

**B. "Lần ấy trường đối với tôi là một nơi xa lạ"..**

C. "Trong lúc ông ta đọc tên từng người, tôi cảm thấy như quả tim tôi ngừng đập".

D. "Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên thấy lạ"..

**Câu 8.** Hình ảnh "bàn tay" trong hai câu văn: "Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước...Một bàn tay quan nhẹ vuốt mái tóc tôi" nhằm diễn tả ý gì?

A. Sự âu yếm của mẹ hiền.

B. Sự săn sóc của mẹ hiền

C. Tình thương con bao la của mẹ hiền.

**D. Tấm lòng mẹ hiền bao la săn sóc, âu yếm, chở che, nâng đỡ và thương yêu đối với con thơ.**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ:**

Bằng sự trải nghiệm của bản thân, hãy tưởng tượng mình là “người bạn tí hon” ngồi cạnh nhân vật “tôi” trong truyện, hôm ấy, em sẽ nói với “tôi” điều gì? Trình bày trong 01 đoạn văn ngắn.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà

**\* Báo cáo, thảo luận:** GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp

**\* Kết luận, nhận định:** GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ.

**Bài 1**

**TRUYỆN**

**Đọc – hiểu vb 2**

**GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA**

*– Thạch Lam –*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Những nét tiêu biểu về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của nhà văn Thạch Lam

- Những nét chung về văn bản “Gió lạnh đầu mùa”.

- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một tác phẩm truyện ngắn Việt Nam.

**2. Năng lực**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.

- Nhận biết được một số yếu tốt hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ…) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, tình cảm, thái độ của người kể chuyện…) của truyện ngắn “Gió lạnh đầu mùa”.

- Phát hiện, phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật kể chuyện của nhà Thạch Lam

- Cảm nhận được ý nghĩa nhân văn sâu sắc của truyện.

**3. Phẩm chất:** Tiết học góp phần bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm: có trách nhiệm với bản thân trong việc chống chọi với số phận và bệnh tật.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu…

- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5’)**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc quan sát một số hình ảnh trong cuộc sống.

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

**HS** quan sát hình ảnh, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

**c. Sản phẩm:**

**-** HS nói được nội dung của những hình ảnh đó là sự giúp đỡ, tương trợ trong cuộc sống…

**-** Học sinh nêu cảm nhận về

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV: Trước khi vào nội dung của tiết học này, cô mời các em đến với một số hình ảnh sau. Các em chú ý quan sát những hình ảnh và cho cô biết:  
1. Nêu nội dung những bức ảnh, qua đó gợi cho em nghĩ đến đất nước nào?

2. Dựa vào kiến thức lịch sử đã học, em hãy cho cô biết tình hình nước Mĩ trong những năm 1970?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**GV** bật video

**HS:**

**-** Nhận nhiệm vụ.

- Quan sát, lắng nghe video và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

- Sau khi trả lời xong câu hỏi số 1, HS nghe câu hỏi số 2 và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi 1, 2…

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản:………..

**2. HOẠT DỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30’)**

**I. TÌM HIỂU CHUNG (10 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tác giả** | |
| **Mục tiêu**: Giúp học sinh biết được những thông tin cơ bản về nhà văn Thạch Lam  **Nội dung:**  **GV:** Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.  **HS:** Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  **GV** yêu cầu HS mở PHT số 1    (?)Trình bày những thông tin chính về nhà văn Thạch Lam?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV gợi ý:** Tra cứu trên Google để hoàn thiện PHT số 1  **HS**: Mở PHT số 1, xem lại thông tin trong PHT số 1.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** Mời HS trình bày sản phẩm (PHT số 1)  **HS:**  - Đại diện trình bày thông tin về nhà văn Thạch Lam  - Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  **GV**:  - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).  **-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | - Thạch Lam (1910 - 1942)  - Tên thật: Nguyễn Tường Vinh  Nguyễn Tường Lân  - Quê: Hà Nội  - Văn của Thạch Lam không có tiếng súng của chiến tranh hay thúc sưu thuế mạnh mẽ như những nhà văn khác nhưng nó vẫn khắc họa được tâm trạng cùng cực, đau đớn của nhân vật khi phải đối diện với hiện thực cuộc sống. Các tác phẩm của ông thường đi vào cuộc sống của những người dân nghèo, ông khai thác nội tâm nhân vật một cách sâu sắc. |
| ***Chuyển dẫn***: GV tập trung vào phong cách sáng tác để bình, kết nối sang phần 2 | |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Tác phẩm** | |
| **Mục tiêu**:  - HS biết cách đọc và tóm tắt văn bản “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam  - Trình bày những thông tin chính về văn bản “Gió lạnh đầu mùa”:  + Xuất xứ  + Thể loại  + Phương thức biểu đạt  + Nhân vật chính  + Ngôi kể  + Các sự việc chính  + Bố cục…  **Nội dung:**  **GV:** Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.  **HS:** Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc  - Yêu cầu HS tóm tắt ngắn gọn văn bản  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  **-** Yêu cầu HS đọc mẫu  - Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc  **HS** đọc mẫu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét cách đọc và phần tóm tắt của HS  - Chốt cách đọc, chốt nội dung tóm tắt và chuyển dẫn sang phần b. Tìm hiểu chung về văn bản  **b. Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Yêu cầu HS mở PHT số 2  - Chia nhóm cặp đôi theo bàn  - Nhiệm vụ:  + Hoán đổi PHT cho nhau  + 1 phút HĐ cá nhân: xem lại PHT đã chuẩn bị  + 2 phút tiếp theo: trao đổi, chia sẻ để thống nhất nội dung trong PHT số 2    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV gợi ý:** Bằng sự chuẩn bị PHT ở nhà, em hãy đọc PHT của bạn xem có nội dung nào cần trao đổi hay không.  **HS**: Đọc PHT số 2 của bạn và đánh dấu nội dung khác biệt để trao đổi.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** Chỉ định một số cặp đôi trình bày sản phẩm (PHT số 2)  **HS:**  - Đại diện cặp đôi trình bày từng nội dung trong PHT số 2.  - Những cặp đôi còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm cặp đôi của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  **GV**:  - Nhận xét từng nội dung của bạn, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).  **-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.  \* Tóm tắt:  *Sơn và Lan là hai chị em sinh ra trong một gia đình khá giả. Không giống như những đứa trẻ có điều kiện khác, hai chị em Sơn, Lan luôn hòa đồng, gần gũi với những đứa trẻ nghèo cùng phố huyện. Vào một ngày trời chuyển lạnh, hai chị em mặc áo ấm ra chợ chơi thấy Hiên – cô bé hàng xóm đang co ro bên cột quán với manh áo mong manh, rách tả tơi. Thấy vậy, hai chị em bèn đem tặng Hiên chiếc áo bông cũ. Chính chiếc áo bông ấy đã thắp sáng tình yêu thương, sưởi ấm cho Hiên cũng như những đứa trẻ nghèo nơi đây qua mùa đông giá rét. Câu chuyện đã để lại dư âm trong lòng độc giả, khiến độc giả vừa thấm thía nỗi khổ đau, bất hạnh, hoàn cảnh éo le của những con người nghèo khổ, vừa cảm nhận sâu sắc tình người ấm nồng, cao quý, thiêng liêng; từ đó thêm trân trọng cuộc sống này hơn.* | **a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích**  - ***Đọc***  - ***Chú thích (SGK)***  **b. Tìm hiểu chung về vb**  - *Xuất xứ*: Trích trong tập truyện ngắn “Gió lạnh đầu mùa”, xuất bản năm 1937.  - *Thể loại*: truyện ngắn  - *Phương thức biểu đạt*: tự sự  - *Ngôi kể*: ngôi thứ ba  - *Nhân vật chính:* Sơn  - *Các sự việc chính*:  + Những cơn gió lạnh đầu mùa thổi đến phố chợ.  + Chị em Lan, Sơn xúng xính trong những chiếc áo ấm đắt tiền; những đứa trẻ nghèo hàng xóm vẫn mặc những chiếc áo mong manh thường ngày; riêng Hiên vẫn mặc chiếc áo rách tơi tả, đang co ro vì lạnh.  + Ái ngại về hoàn cảnh của Hiên, Sơn và Lan quyết định về nhà lấy áo bông của Duyên (đứa em xấu số), giấu mẹ, mang sang cho Hiên.  + Chuyện đến tai người nhà, Sơn và Lan sợ bị mẹ mắng. đi đòi lại áo không được, không dám về nhà.  + Mẹ Hiên mang áo bông sang nhà trả lại, may mắn được mẹ Sơn và Lan cho vay tiền mua áo ấm cho Hiên.  - *Ngôi kể*: ngôi thứ ba  - *Bố cục*: 3 phần  + Phần 1: từ đầu…*rơm rớm nước mắt.*  *🡪 Cảnh sinh hoạt trong gia đình Sơn ngày gió đầu mùa.*  + Phần 2: tiếp …*ấm áp vui vui*.  *🡪 Cảnh hai chị em Sơn cùng vui chơi và chia sẻ áo ấm cho Hiên.*  + Phần 3: phần còn lại  *🡪 Sự lo lắng của Sơn và cảnh mẹ Hiên trả lại áo.* |
| ***Chuyển dẫn***: …. | |

**II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Bối cảnh của câu chuyện** | |
| **Mục tiêu**:  - HS tìm, phát hiện và nêu được những chi tiết về bối cảnh của câu chuyện.  + Thời gian xảy ra câu chuyện  + Cảnh vật …  - Nhận xét được bối cảnh của câu chuyện…  **Nội dung**:  **GV** sử dụng kĩ thuật vấn đáp, kĩ thuật khăn phủ bàn để hướng dẫn HS tìm hiểu về bối cảnh của câu chuyện.  **HS** suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **a. Hoàn cảnh sống**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  ***HĐ cá nhân (GV đặt câu hỏi)***:  (?) Câu chuyện xảy ra trong thời gian nào?  ***HĐ nhóm***  - GV chia nhóm lớp  - Yêu cầu mở PHT và hoàn thành PHT bằng cách trả lời câu hỏi sau:  (?) Tìm những chi tiết miêu tả khung cảnh thiên nhiên và hình ảnh con người ở hai thời điểm hôm trước và hôm sau?  (?) Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng? Qua đó em có nhận xét gì về bối cảnh của câu chuyện?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)**  **GV** hướng dẫn HS đọc đoạn văn số 1 và tìm chi tiết.  **HS** đọc SGK, tìm chi tiết  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  ***HĐ cá nhân***:  **GV:**  **-** Gọi HS trả lời câu hỏi  - Gọi HS nhận xét câu trả lời của bạn  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi  - HS còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  ***HĐ nhóm***  **GV:**  **-** Yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm  - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).  **HS**:  **-** Nhóm đại diện trình bày sản phẩm học tập  - Các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời/sản phẩm học tập và nhận xét của cá nhân/nhóm HS.  - Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | **\* Thời gian:** Buổi sáng đầu tiên của mùa đông.   |  |  | | --- | --- | | **Hôm trước** | **Hôm sau** | | - **Thiên nhiên**:  + Trời nắng ấm và hanh  + Nứt lẻ đất ruộng, làm khô những chiếc lá rơi.  - **Con người**: Sơn và chị chơi cỏ gà. | - **Thiên nhiên**:  + đất khô trắng  + Gió vi vu … bốc lên những làn bụi nhỏ.  + Trời không u ám, toàn một màu trắng đục.  + Những cây lan sắt lại vì rét.  - **Con người**:  + Chị và mẹ Sơn ngồi quạt hỏa lò.  + Mọi người đã mặc áo rét. | | 🡪 NT: Miêu tả, liệt kê…   * **Trong cái hanh hao, giá lạnh khắc nghiệt của đầu đông. Con người cần sự ấm áp.** | | |
| ***GV bình giảng:*** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Cách xây dựng nhân vật trong truyện** | |
| **Mục tiêu**:  - HS tìm, phát hiện những chi tiết về bối cảnh của câu chuyện.  + Thời gian xảy ra câu chuyện  + Cảnh vật …  - Nhận xét được bối cảnh của câu chuyện…  **Nội dung**:  **GV** sử dụng kĩ thuật vấn đáp, kĩ thuật khăn phủ bàn để hướng dẫn HS tìm hiểu về bối cảnh của câu chuyện.  **HS** suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **NV1:**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **THẢO LUẬN NHÓM hoàn thành PHT**  *(Dự kiến khó khăn: Nếu HS gặp khó khăn, GV gợi dẫn bằng các câu hỏi nhỏ:*  *? Tìm những chi tiết tái hiện sự quan sát của Sơn về các bạn và về em Hiên trong buổi sớm gió lạnh ấy?*  *? Sơn đã có những lời nói, suy nghĩ, hành động gì với các bạn và với Hiên?*  *? Sơn đã có ý nghĩ gì? Khi đợi chị Lan về lấy áo, tâm trạng Sơn như thế nào? Cảm xúc ấy giúp em hiểu gì về ý nghĩa của sự chia sẻ?*  *? Nhân vật Sơn được tái hiện qua những phương diện nào?*  *? Em cảm nhận được điều gì về nhân vật này?*    **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS:  + Hoạt động cá nhân 5 phút, hoàn thành PHT  + Thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến, hoàn thành sản phẩm nhóm 5 phút.  + Cử đại diện chuẩn bị báo cáo sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả và bổ sung cho nhau.  - Giáo viên điều hành quá trình thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - Học sinh tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Giáo viên đánh giá, kết luận, bình đan xen trong quá trình chốt các ý:  => ***Sơn rất nhạy cảm, quan tâm đến các bạn (****nhận ra cảnh nghèo của bọn trẻ xóm chợ khác hẳn cảnh sung túc của gia đình Sơn: trong khi chị em Sơn được mặc ấm áp, đẹp đẽ thì các bạn ăn mặc rách rưới, thiếu thốn đáng thương****).***  **Sơn là một cậu bé nhân hậu, sống tình cảm, giàu lòng trắc ẩn, biết quan tâm và yêu thương bạn bè.**  ***(****hành động cho bạn áo ấm là hành động thể hiện yêu thương vô tư, trong sáng của Sơn. Có lẽ trong lòng Sơn nghĩ chiếc áo bông em Duyên không còn dùng được nữa ấy sẽ khiến Hiên ấm áp trong mùa đông giá rét.*  *Sự “ấm áp, vui vui” khi đợi chị về lấy áo là tâm trạng hạnh phúc ngọt ngào, ấm áp của sự trao tặng yêu thương, san sẻ sự đủ đầy).*  ***-> Sơn là một cậu bé hồn nhiên, trong sáng ngây thơ.***  *(Hành động đòi lại áo không làm giảm bớt thiện cảm với nhân vật Sơn. Bởi vì đó là tâm lý và hành động bình thường của một đứa trẻ khi tự ý mang đồ dùng ở nhà đi cho người khác và sợ bị mẹ mắng).*  Dự kiến câu trả lời theo hướng khác (vẫn chấp nhận nếu HS lí giải hợp lí): *Hành động đó khiến em giảm bớt thiện cảm đối với nhân vật vì thấy Sơn trẻ con quá, đã cho bạn rồi còn đòi lại).*  **NV2**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Trong phần kết truyện, mẹ Hiên và mẹ Sơn đã ứng xử như thế nào? Nhận xét về cách ứng xử đó của hai bà mẹ?  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS trao đổi cặp đôi, hoàn thành câu trả lời  GV hỗ trợ nếu cần.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  HS đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, HS cặp khác nhận xét, bổ sung nếu cần.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV nêu kết luận, chuyển dẫn sang nhiệm vụ mới.  **NV 3**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nhắc lại những thành công về nghệ thuật của văn bản?  ? Khái quát nội dung chính của văn bản?  ? Câu chuyện gợi lên trong em những suy nghĩ và tình cảm như thế nào?  Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi học xong truyện ngắn?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ.  GV theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, HS cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của cả lớp | **1. Nhân vật Sơn**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Thái độ và tình cảm của Sơn khi chơi ngoài xóm chợ | | Thái độ và tình cảm của Sơn khi về nhà | | Đối với các ban | Đối với Hiên | | **Quan sát về các bạn:**  - Các bạn mặc không khác gì mọi ngày, những bộ quần áo nâu đã vá nhiều chỗ; môi chúng tím tái, da thịt thâm đi, người run lên, hàm răng va đập vào nhau;  - Chúng vui mừng khi thấy chị em Sơn, nhưng vẫn đứng xa, không dám vồ vập;  - **Thái độ và hành động:**  Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa, chứ không kiêu kì và khinh khỉnh như các em họ của Sơn. | **Quan sát về Hiên:**  Hiên co ro đứng bên cột quán”, chỉ mặc có “manh áo rách tả tơi hở cả lưng và tay”;  **Ý nghĩ:**  - Sơn chợt nhớ ra mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề mò cua bắt ốc; động lòng thương;  - Một ý nghĩ tốt thoáng qua trong trí.  **Lời nói:**  “Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.”  **Tâm trạng khi đợi chị về lấy áo:**  Lòng tự nhiên thấy ấm áp, vui vui.” | **Tâm trạng:**  lo sợ bị mẹ mắng.  **Hành động:**  vội vã đi tìm hiên để đòi lại chiếc áo bông cũ | | Nhận xét:  **Về NT xây dựng nv:** NV Sơn được xây dựng qua nhiều phương diện như hành động, lời nói nhưng chủ yếu qua tâm trạng, cảm xúc  **Về đặc điểm tính cách NV:**  - Sơn là một cậu bé nhân hậu sống tình cảm.  - Là một cậu bé hồn nhiên, ngây thơ, trong sáng. | | |   **2. Những người mẹ**  **- Mẹ Hiên:**  *Mang trả mẹ Sơn chiếc áo bông*  **->** Cách ứng xử thể hiện đức tính "đói cho sạch, rách cho thơm" của một người mẹ tuy nghèo nhưng giàu lòng tự trọng.  - **Mẹ Sơn:**  + Nhìn con nghiêm nghị bảo: *Kìa, hai cô cậu đã về kia. Thế áo bông của tôi đâu mà tự tiện đem cho đấy?*  + Cho mẹ Hiên mượn tiền để may áo cho Hiên.  + Vẫy hai con lại gần, rồi âu yếm ôm vào lòng mà bảo"*Hai con tôi quý quá, dám tự do lấy áo đem cho người ta không sợ mẹ mắng ư?"*  -> Cách ứng xử của một người mẹ vừa nghiêm khắc, vừa ấm áp yêu thương *(giúp các con hiểu rằng: không nên tự tiện lấy áo đem cho mà cần phải xin phép mẹ; nhưng mẹ vui vì các con biết chia sẻ, giúp đỡ người khác).*  -> Cách ứng xử của một người nhân hậu, tế nhị.  (*Tấm lòng, việc làm của mẹ Sơn khiến câu chuyện viết về thời điểm gió lạnh đầu mùa nhưng thơm thảo, ấm áp tình người).*  **III. TỔNG KẾT:**  **1. Nghệ thuật:**  - Xây dựng cốt truyện nhẹ nhàng nhưng hấp dẫn; bố cục theo dòng cảm xúc của nhân vật.  - Cách xây dựng nhân vật qua nhiều phương diện.  - Sự quan sát, lối miêu tả tinh tế để tái hiện sự đổi thay của thời tiết, cảnh vật lúc giao mùa đồng thời thể hiện được tâm hồn tinh tế, nhạy cảm của nhân vật Sơn  **2. Nội dung**  - Truyện kể về những con người trong xóm chợ khi gió lạnh đầu mùa về. Qua đó, Thạch Lam ca ngợi tình yêu thương chia sẻ ấm áp, trong trẻo của con người với con người.  **3. Ý nghĩa**  - Truyện gửi gắm bài học về tình yêu thương, chia sẻ.  - Nhắc nhở mỗi người về đạo lí tốt đẹp của dân tộc: “Thương người như thể thương thân”.  **4. Chiến thuật đọc hiểu truyện ngắn hiện đại:**  + Đọc kĩ truyện  + Tóm tắt được nội dung văn bản  + Xác định nhân vật chính là ai? Nhân vật được nhà văn thể hiện qua những phương diện nào?  + Truyện giúp em hiểu được điều gì và tác động đến tình cảm của em như thế nào? |
| ***GV bình giảng:*** Thạch Lam sử dụng lồng ghép nhiều yếu tố miêu tả: *nhìn ra ngoài sân, Sơn thấy đất khô trắng, luôn luôn cơn gió vi vu làm bốc lên những màn bụi nhỏ, thổi lăn tăn những cái lá khô lạo xạo. Trời không u ám, toàn một màu trắng đục. Những cây lan trong chậu, lá rung động và hình như sắt lại vì rét[…]. Gió thổi mạnh làm Sơn thấy lạnh và cay mắt. Nhưng chân trời trong hơn mọi hôm, những làng ở xa, Sơn thấy rõ như gần. Mặt đất rắn lại và nứt nẻ những đường nho nhỏ, kêu vang lên tanh tách dưới nhịp guốc của hai chị em…* | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập GV đưa ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

1. Một vài điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật cô bé bán diêm (*Cô bé bán diêm - An-đec-xen)* và Hiên *(Gió lạnh đầu mùa- Thạch Lam*) về hoàn cảnh sống, về số phận,…

2. Tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về tình yêu thương giữa con người với con người trong xã hội?

3. Theo em, khi cho đi yêu thương và nhận lại yêu thương chúng ta cần có thái độ như thế nào?

**Dự kiến sản phẩm:**

1. Một vài điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật cô bé bán diêm (*Cô bé bán diêm – An-đec-xen)* và Hiên *(Gió lạnh đầu mùa- Thạch Lam*) về độ tuổi, dáng vẻ bề ngoài, hoàn cảnh sống, số phận, kết thúc của từng nhân vật,…

\* Giống nhau: Đều là những cô bé có hoàn cảnh nghèo khó, thiếu thốn, không được hưởng một cuộc sống có "cơm no áo ấm".

\* Khác nhau:

- Cô bé bán diêm: Có cuộc sống bất hạnh, không có sự yêu thương, bảo vệ của gia đình. Em phải tự mình kiếm tiền mang về cho bố, nếu không có tiền sẽ không được về nhà. Số phận của em là một số phận đầy bi kịch khi em đã không thể chống chọi được sự khắc nghiệt của cuộc sống, đã chết đi, về với vòng tay yêu thương của bà

- Hiên: Em vẫn có mẹ bên cạnh chăm sóc, vẫn có bạn bè, có hai chị em Sơn quan tâm, yêu thương và đùm bọc, được sống trong sự ấm áp của tình người.

2. Một số câu ca dao, tục ngữ: Thương người như thể thương thân; Lá lành đùm lá rách; Bầu ơi thương lấy bí cùng/Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn…

3. Khi cho đi yêu thương cần có thái độ đồng cảm, chân thành, tự nguyện,…

Khi nhận yêu thương cần trân trọng, biết ơn và lan tỏa tình yêu thương đó…

*GV:*

*Các em thân mến:*

*Câu chuyện “Gió lạnh đầu mùa” khép lại nhưng dư âm trong lòng độc giả còn mãi về hoàn cảnh éo le của những con người nghèo khổ và đặc biệt là tình người ấm nồng, cao quý, thiêng liêng.*

*“Thương người như thể thương thân” là một truyền thống đạo lí tốt đẹp của dân tộc ta. Ngày nay, truyền thống đó vẫn được bồi đắp, được làm đẹp thêm bởi những nghĩa cử cao đẹp. Đó là sự sẻ chia của đồng bào cả nước đối với miền Trung, là tình yêu thương bệnh nhân đến quên mình của các y bác sĩ trong đại dịch Covid-19,…Tất cả như cùng nhau viết nên những câu chuyện cổ tích giữa đời thường. Chúng ta hãy cùng nhau truyền đi thông điệp: Cho đi yêu thương, nhận lại yêu thương và lan tỏa yêu thương.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ:**

Có nhiều nhân vật trẻ em xuất hiện trong truyện ***Gió lạnh đầu mùa***. Hãy viết một đọan văn (khoảng 5- câu) trình bày cảm nhận về một nhân vật mà em thấy thú vị.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà

**\* Báo cáo, thảo luận:** GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp

**\* Kết luận, nhận định:**

GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ.

HỒ SƠ HỌC TẬP: DỰ KIẾN SẢN PHẨM PHT SAU KHI ĐÃ HOÀN THÀNH

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Thái độ, tình cảm của Sơn khi chơi ngoài xóm chợ*** | | ***Thái độ và hành động của Sơn khi về nhà*** |
| ***Đối với các bạn*** | ***Đối với Hiên*** |
| Quan sát về các bạn:  . *Các bạn mặc không khác gì mọi ngày, những bộ quần áo nâu đã vá nhiều chỗ; môi chúng tím tái, da thịt thâm đi, người run lên, hàm răng va đập vào nhau;*  *. chúng vui mừng khi thấy chị em Sơn, nhưng vẫn đứng xa, không dám vồ vập;*  Thái độ, hành động:  *Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa, chứ không kiêu kỳ và khinh khỉnh như các em họ của Sơn.* | Quan sát về Hiên:  *Hiên co ro đứng bên cột quán”, chỉ mặc có “manh áo rách tả tơi hở cả lưng và tay”;*  Ý nghĩ:  *Sơn chợt nhớ ra mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề mò cua bắt ốc; động lòng thương;*  *. một ý nghĩ tốt thoáng qua trong trí.*  Lời nói:  *“Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.”*  Tâm trạng khi đợi chị về lấy áo*:*  *Lòng tự nhiên thấy ấm áp, vui vui.”* | Tâm trạng*:*  *+ Lo sợ bị mẹ mắng*  Hành động:  *+ Vội vã đi tìm Hiên để đòi lại chiếc áo bông cũ.* |
| **Nhận xét :**  **- Về nghệ thuật xây dựng nhân vật Sơn:**  Nhân vật Sơn được xây dựng qua nhiều phương diện như hành động, lời nói nhưng chủ yếu qua từng cảm xúc, tâm trạng *(tâm lí nhân vật Sơn được miêu tả tự nhiên, chân thực: hiểu lòng mẹ, thương bé Hiên rét lạnh, cho Hiên áo nhưng sợ mẹ mắng nên tìm Hiên để đòi lại áo…)*  **- Về đặc điểm tính cách nhân vật Sơn**  + Là một cậu bé nhân hậu, sống tình cảm, giàu lòng trắc ẩn, biết quan tâm và yêu thương bạn bè.  + Là một cậu bé hồn nhiên, trong sáng ngây thơ. | | |

|  |
| --- |
| **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TRỢ TỪ, THÁN TỪ**  **Thời lượng: 1 tiết** |

**I. MỤC TIÊU**

***1- Kiến thức:***

- Hiểu được thế nào là trợ từ, thế nào là thán từ.

- Đặc điểm và cách sử dụng trợ từ, thán từ.

**2. Về năng lực:**

- Nhận diện được trợ từ, thán từ của một số yếu tố ngôn ngữ trong câu hoặc trong văn bản.

- Xác định được trợ từ, thán từ trong câu hoặc trong văn bản

- Sử dụng trợ từ, thán từ trong các trường hợp giao tiếp cụ thể.

- Rèn kỹ năng nói và viết phù hợp trong câu văn, đồng thời có khả năng lĩnh hội chính xác nội dung, mục đích của trợ từ, thán từ trong tình huống cụ thể.

***3- Về phẩm chất.***

- Nhân ái: Yêu ngôn ngữ của dân tộc, có trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- Chăm chỉ: tìm tòi vốn từ vựng tiếng Việt trong nói và viết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Phiếu học tập, bài trình bày của HS, bảng phụ.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:**

**GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

**HS** quan sát hình ảnh, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**-** HS nói được ý nghĩa của từ “những” dùng để nhấn mạnh ý, *a* được dùng để bộc cảm xúc vui mừng khi mẹ về.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra 2 ví dụ :  1- Hôm nay con được những 2 điểm 9.  2- A, mẹ đã về !  ?/ Em hãy tìm trong 2 câu trên, từ nào được dùng để nhấn mạnh ý và từ nào được dùng để bộc lộ tình cảm cảm xúc ?  => Từ *những* được dùng để nhấn mạnh ý : Được nhiều điểm 9, còn từ *a* được dùng để bộc cảm xúc vui mừng khi mẹ về.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh thảo luận, cử đại diện trình bày.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung phần trình bày cho phần trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **- GV** nhận xét và giới thiệu bài học: Trong đời sống ta vẫn sử dụng một số từ để nhấn mạnh điều ta muốn nói hay để bày tỏ cảm xúc của mình. Những từ đó chính là trợ từ và thán từ. Vậy trợ từ, thán từ là gì? Bài học này sẽ giúp các em trả lời câu hỏi đó. | - Tạo hứng thú giúp HS vào bài mới. |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu:**

- Khái niệm của trợ từ, thán từ.

- Hiểu và biết cách sử dụng trợ từ, thán từ.

**b. Nội dung:**

**-** Kiến thức về Từ địa phương và Biệt ngữ XH.

**c. Sản phẩm học tập:**

**-** *Phiếu học tập cá nhân, bảng kết quả hoạt động nhóm.*

**-** Sơ đồ tư duy của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***I. GV hướng dẫn HS tìm hiểu kiến thức về trợ từ, thán từ.***  ***Nhiệm vụ 1. Trợ từ***  **Bước 1: Chia nhóm, chuyển giao nhiệm vụ:**  ***- GV trình chiếu Ngữ liệu ( BT1, SGK trang 24) -> Y/c học sinh đọc VD và thực hiện các yêu cầu của phiếu học tập sau :***  + Cả lớp chia thành 4 nhóm.    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HĐ cá nhân:  + Trao đổi nhóm: 3’  - GV quan sát, đôn đốc, hỗ trợ HS ( nếu cần)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Đại diện nhóm trình bày kết quả.  + Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **\* GV đưa thêm một số ví dụ để HS phân tích:**    ***\* GV nhấn mạnh một số lưu ý khi xác định Trợ từ ( rút ra từ BT trên) như sau:***    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HĐ cá nhân : 1’.  - GV quan sát, đôn đốc, hỗ trợ HS ( nếu cần)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  Đại diện HS trình bày kết quả.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  **\*) Hoạt động cá nhân:**  Từ việc tìm hiểu các từ trên, hãy cho biết trợ từ là gì?  *- GV tổ chức cho HS trình bày, nhận xét,đánh giá, chấm chéo bài của nhau*  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận:  + Trợ từ là những từ được thêm vào câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ, tình cảm, sự đánh giá hay mục đích phát ngôn của người nói (người viết). Trợ từ gồm hai nhóm:  + Trợ từ đi kèm các từ ngữ trong câu *(chính, đích, ngay cả, chỉ, những,...).*  Ví dụ: Từ *chính* trong câu “Chính mắt con trông thấy nó.” (Nguyễn Công Hoan) nhấn mạnh vào sự vật nêu ở chủ ngữ *(mắt con).*  Ví dụ 2: Trong câu “San ăn những hai quả chuối.” (Nam Cao), từ *những* biểu thị sự đánh giá vé số lượng sự vật: *ăn hai quả chuối* là nhiều.  + Trợ từ ở cuối câu (à, *ạ, ư, nhỉ, nhé, nào, cơ, cơ mà, thôi,...).* Ví dụ: Từ *nhé* trong câu “Em thắp đèn lên chị nhé?" (Thạch Lam) vừa thể hiện mục đích hỏi, vừa biểu thị tình cảm thân mật của người nói. | ***I- Hình thành tri thức.***  ***1.Trợ từ***  **a. Phân tích VD**  **\* Nhận xét:**  a) Trợ từ: ***chính***  - Tác dụng: biểu thị nhấn mạnh sắc thái của chủ ngữ “lòng tôi”.  b) Trợ từ: ***cả***  - Tác dụng: biểu thị nhấn mạnh về mức độ cao, ý bao hàm.  c) Trợ từ: ***cơ mà***  - Tác dụng: biểu thị tình cảm ân cần, nhẹ nhàng của ông đốc khi nói với các em học sinh.  d) Trợ từ: ***à***  - Tác dụng: biểu thị mục đích hỏi và tình cảm của Lan khi nói chuyện với Hiên.  e) Trợ từ***: ư***  - Tác dụng: biểu thị mục đích hỏi và tình cảm thân mật của mẹ với hai người con.  **\* Dự kiến sản phẩm:**  1/ - Từ *" chính, đích, ngay* " nhấn mạnh đối tượng được nói đến: *mình, danh, tôi).*  2/- Thầy HT tặng tôi quyển sách này  *-> Chính thầy HT…(nhấn mạnh người tặng và bộc lộ niềm tự hào).*  - Tôi không biết đến việc này.  *-> Ngay tôi cũng…(nhấn mạnh ý người gần gũi nhất, trách móc ai đó đã không cho mình biết việc đó).*  ***b/ Kết luận***: |
| ***Nhiệm vụ 2. Thán từ***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  ***\*) Phân tích ngữ liệu***    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HĐ cá nhân : 1’’. Trao đổi cặp: 2’  - GV quan sát, đôn đốc, hỗ trợ HS ( nếu cần)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  Đại diện cặp trình bày kết quả.  **BÀI TẬP NHANH: GV đưa thêm một số ví dụ để HS phân tích:** **Các thán từ in đậm trong những câu sau đây bộc lộ những cảm xúc gì?** | **2/ Thán từ.**  ***a/ Phân tích ngữ liệu : Bài tập 3, SGK trang 25***  \* Nhận xét:  a. **A** => Thể hiện sự ngạc nhiên của người nói  b. **Ừ, phải đấy** => Nó dùng để gọi và đáp trong giao tiếp.  c. **Ôi chào** => Bộc lộ cảm xúc, tình cảm của người nói.  d. **Vâng** => Nó dùng để gọi và đáp trong giao tiếp.  e. **Ô hay** => Bộc lộ cảm xúc, tình cảm của người nói.  **\* Dự kiến sản phẩm**  **a)** **– *Ha ha*:** bộc lộ sự sảng khoái, sung sướng trước những phát hiện thú vị.  ***– Ái ái*:** tiếng thốt lên khi bị đau đột ngột (sự sợ hãi).  **b)** **– *Than ôi*:** biểu thị sự đau buồn, tiếc nuối.  *-> Thán từ có khả năng làm thành một câu độc lập ( ví dụ b). Thán từ cũng có lúc làm thành phần biệt lập của câu****)*** |
| **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV tổ chức cho HS trả lời, nhận xét, đánh giá và chấm chéo bài của nhau.  **- Hoạt động cá nhân:**  Từ việc tìm hiểu các câu hỏi trên, em hãy cho biết: Thán từ là gì? Có mấy loại thán từ?  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận.  ***+*** *Như vậy thán từ có khả năng làm thành một câu độc lập. Thán từ cũng có lúc làm thành phần biệt lập của câu.*  ***+ Thán từ biểu lộ tình cảm, cảm xúc*** *(a, ái, a ha, ối, ô hay, than ôi,...).* Ví dụ: “ôi, con đã cho bố một bất ngờ quá lớn.” (Tạ Duy Anh), “ơ hay! Mợ giận tôi đấy à?” (Nguyễn Công Hoan).  ***+ Thán từ gọi đáp*** *(này, ơi, dạ, vâng, ừ,...).* Ví dụ: “Vâng! ông giáo dạy phải!” (Nam Cao). | ***b/ Kết luận*** : |

**3.HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS được luyện tập để khái quát lại kiến thức đã học trong bài, áp dụng kiến thức để làm bài tập.

**b. Nội dung:**

- HS vận dụng kiến thức về Trợ từ, thán từ để làm bài tập.

- Giáo viên hướng dẫn học sinh làm tập SGK

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động 3: Luyện tập, củng cố.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chia nhóm, chuyển giao nhiệm vụ:**  Trò chơi: “ KHỈ CON LEO CÂY”  Luật chơi: Chia lớp thành 2 đội. Mỗi đội 4 HS. Đội nào đanh đụơc quyền trả lời nhanh và nhiều câu đúng thì đội đó chiến thắng.  - Mỗi câu trả lời đúng tương đương với 1 điểm  1/ Giải thích nghĩa của trợ từ in đậm trong câu sau*“Mặc dầu non 1 năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà.”*  2/ Giải thích nghĩa của trợ từ in đậm trong câu sau *“Hai đứa mê nhau lắm. Bố mẹ đứa con gái biết vậy, nên cũng bằng lòng gả. Nhưng họ thách nặng quá: nguyên tiền mặt phải một trăm đồng bạc, lại còn cau, còn rượu…cả cưới nữa thì mất đến cứng hai trăm bạc.”*  3/ Thán từ in đậm trong câu sau đây bộc lộ cảm xúc gì:*“Lũ chuột bò lên chạn, leo lên bác Nồi Đồng. Năm sáu thằng xúm lại húc mõm vào, cố mãi mới lật được cái vung nồi ra. “****Ha ha****! Cơm nguội! Lại có một bát cá kho! Cá rô kho khế: vừa dừ vừa thơm. Chít chít, anh em ơi, lại đánh chén đi thôi!”.*  4/ Thán từ in đậm trong câu sau đây bộc lộ cảm xúc gì:*“****Than ôi****! Thời oanh liệt nay còn đâu?”*  5/ **Giải thích câu tục ngữ: “Gọi dạ bảo vâng”**  6/ Giải thích nghĩa của trợ từ in đậm trong câu sau *“Tính ra cậu Vàng cậu ấy ăn khỏe hơn cả tôi, ông giáo ạ!”*  7/ Giải thích nghĩa của trợ từ in đậm trong câu sau*“Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám / Tựa nhau trông xuống thế gian cười”*  8/ Các thán từ in đậm trong những câu sau đây bộc lộ cảm xúc gì: *“*Bác Nồi Đồng run như cầy sấy: “Bùng boong. **Ái ái**! Lạy các cậu, các ông, ăn thì ăn, nhưng đừng đánh đổ tôi xuống đất. Cái chạn cao thế này, tôi ngã xuống không vỡ cũng bẹp, chết mất!*”.*  9/ Thán từ in đậm trong câu sau đây bộc lộ cảm xúc gì: “Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi,… toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương….”  **10/ Đặt 1 câu có trợ từ và 1 câu có thán từ**  ***+ Thảo luận cặp đôi ( Thời gian 3p)***    ***Bài tập 4/25 (SGK Ngữ Văn 8, tập 1 Cánh Diều)***    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HĐ cá nhân : 2’.  + Trao đổi cặp đôi : 1’  - GV quan sát, đôn đốc, hỗ trợ HS ( nếu cần)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  Đại diện nhóm trình bày kết quả.  Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **4: Kết luận, nhận định.**  - GV tổ chức cho HS nhận xét, chấm chéo bài của nhau.  - GV nhận xét, bổ sung, đánh giá và cho điểm. | **III- Luyện tập.**  ***Bài tập 2/24,25 : (SGK Ngữ Văn 8, tập 1 Cánh Diều)***  a. Từ **cả** không phải là trợ từ. Cụm từ cả ngày biểu thị một ngày xuyên suốt.  b. Từ **cả** là trợ từ, biểu thị với mức độ cao, ý bao hàm, có nghĩa chỉ ở đây rất đông người.  c. Từ **chính** là trợ từ, nhấn mạnh vào thời gian, thời điểm nói đến, có nghĩa chỉ tại thời điểm này.  d. Từ **chính** không phải là trợ từ. Cụm từ nhân vật chính biểu thị là nhân vật điển hỉnh, then chốt của cốt truyện, từ chính bổ sung ý nghĩa cho danh từ nhân vật.  *-> Các từ:* ***“cả”*** *ví dụ* ***b*** *và* ***“chính”*** *ví dụ* ***c*** *là thán từ*.  **Bài 4:**  a. **“ ấy”** : Không phải thán từ vì nó không bộc lộ cảm xúc của người nói hay dùng để gọi và đáp trong giao tiếp.  b. **“ Ấy”** : Là thán từ vì nó là từ biểu lộ cảm xúc về mức độ của sự việc.  c. **“ này”** : Không phải thán từ vì từ không bộc lộ cảm xúc của người nói hay dùng để gọi và đáp trong giao tiếp. Từ này trong trường hợp câu trên chỉ biểu thị nhấn mạnh cho sự việc được nhắc đến tại thời điểm hiện tại của người nói.  d**. “ Này”** : Là thán từ vì nó dùng để gọi và đáp trong giao tiếp. |

**4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

*a- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vào làm bài.*

*b- Nội dung: Kiến thức về Trợ từ, thán từ.*

*c- Sản phẩm: Bài tập cá nhân.*

*d- Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **\* HS LÀM VIỆC CÁ NHÂN:**  ***Bài 5/ 25 ( SGK Ngữ Văn 8, tập 1 – Cánh Diều) : Viết đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) kể về một kỉ niệm của em , trong đó có sử dụng ít nhất một trợ từ hoặc một thán từ. Chỉ ra trợ từ (hoặc thán từ) trong đoạn văn đó.***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HĐ cá nhân : 5’’.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện HS trình bày kết quả trên lớp  - HS khác lắng nghe, nhận xét và chia sẻ ý kiến.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV tổ chức cho HS nhận xét, chấm chéo bài của nhau.  - GV nhận xét, bổ sung, đánh giá và cho điểm. | **IV. VẬN DỤNG**  \* Gv hướng dẫn HS cách viết đoạn văn đảm bảo hình thức và yêu cầu nội dung của đoạn văn |

**\* Giáo viên hướng dẫn về nhà:**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:**

**-** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

-Giáo viên hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ học tập bằng sơ đồ tư duy.

**c) Sản phẩm:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

1/ Học ghi nhớ, làm bài tập vận dụng viết đoạn văn có sử dụng thán từ ?

2/ Vẽ SĐT kiến thức bài học, tiết sau gv thu sản phẩm chấm, chữa

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà

**B3: Báo cáo**

- GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV thu sản phẩm của HS để chấm, chữa và rút kinh nghiệm.

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

|  |  |
| --- | --- |
| *Tuần: Tiết:*  *Ngày soạn: …................................*  *Ngày dạy: ………………………....* | **KẾ HOẠCH DẠY TỰ ĐÁNH GIÁ**  **CHUỖI HẠT CƯỜM MÀU XÁM**  ***(Đỗ Bích Thúy)*** |

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Khái niệm truyện ngắn, các đặc trưng của truyện ngắn.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (cốt truyện, nhận vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ…) và nội dung (đề tài, chủ đề; ý nghĩa; tình cảm, thái độ của người kể chuyện…) của truyện ngắn.

- Tưởng tượng trong tiếp nhận tác phẩm văn học.

- Đọc hiểu văn bản truyện ngắn trong và ngoài SGK.

- Kiến thức về trợ từ, thán từ trong văn bản truyện ngắn.

**2. Năng lực**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.

- Nhận biết được một số yếu tốt hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ…) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, tình cảm, thái độ của người kể chuyện…) của truyện ngắn “Gió lạnh đầu mùa”.

- Phát hiện, phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật kể chuyện của nhà Đỗ Bích Thúy.

- Cảm nhận được ý nghĩa nhân văn sâu sắc của truyện.

- Kĩ năng làm dạng bàn trắc nhiệm khách quan và tự luận.

- Rèn kĩ năng làm các dạng đề đọc hiểu về truyện ngắn trong và ngoài SGK.

- Nhận biết và sử dụng được trợ từ, thán từ trong ngữ liệu trong và ngoài SGK.

**3. Phẩm chất**

- Biết trân trọng những kỉ niệm đẹp và phát huy những cảm xúc, tình cảm đẹp, trong sáng, nhân văn về con người và cuộc sống trong trang sách cũng như ngoài đời thực.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, sơ đồ tư duy.

- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Học sinh:**

- Soạn bài.

- Thực hiện nhiệm vụ mà GV giao cho.

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC**

***\* Ổn định lớp (1’)***

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

***a) Mục tiêu:*** Tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh; tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập.

***b) Nội dung:*** Tổ chức cho HS chơi trò chơi “Mảnh ghép tri thức”.

***c) Sản phẩm:*** Kiến thức học sinh nắm được ở phần tri thức ngữ văn.

***d) Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | **HOẠT ĐỘNG TRÒ CHƠI “MẢNH GHÉP TRI THỨC”**  - GV yêu cầu HS chia làm 4 nhóm chơi trò chơi “Mảnh ghép tri thức”  - HS:Tiếp nhận |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - GV tổ chức trò chơi “Mảnh ghép tri thức”  **\* Luật chơi:**  + GV phát cho nhóm HS các ảnh ghép các góc của mảnh ghép sẽ liên quan đến nhau.  + Nhóm HS ghép các mảnh ghép lại với nhau sau cho các cạnh của các mảnh ghép là những dữ kiện lối tiếp nhau.  + Nhóm nào ghép xong hô “Bingo”  + Các nhóm dừng ghép mảnh ghép, GV kiểm tra kết quả nhóm hộ “Bingo”.  + Nếu đúng thì trò chơi kết thúc nhóm Bingo chiến thắng và nhận quà.  + Nếu sai các nhóm khác tiếp tục ghép mảnh ghép, nhóm hô Bingo mất quyền chơi trò chơi này.  - HS làm việc theo nhóm.  - GV theo dõi, quan sát HS, điều chỉnh lớp học. |
| **Báo cáo thảo luận** | - GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm.  - HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.  - Nhóm khác chú ý lắng nghe.  **\* Dự kiến sản phẩm:**  **1. Truyện ngắn**  - Truyện ngắn là thể loại cỡ nhỏ của tác phẩm văn xuôi hư cấu, thường phản ánh một “khoảng khắp”, một tình huống độc đáo, một sự kiện gây ấn tượng mạnh, có ý nghĩa nhất trong cuộc đời nhân vật.  - Kết cấu truyện ngắn không chia thành nhiều tuyến  - Bút pháp trần thuật thường chấm phá.  - Yếu tố quan trọng nhất của truyện ngắn là những chi tiết cô đúc, lối hành văn mang nhiều hàm ý.  - Có truyện ngắn khai thác cốt truyện kí lạ, lại có truyện ngắn viết về câu chuyện giản dị, đời thường; có truyện giàu tính triết lí, trào phúng, châm biến, hài hước; lại có truyện ngắn rất giàu chất thơ.  **2. Tưởng tượng trong tiếp nhận tác phẩm văn học**  - Tưởng tượng là tạo ra trong tâm trí hình ảnh những cái không có trước mắt hoặc chưa hề có.  - Tưởng tượng gắn với nhiều công việc và lĩnh vực khác nhau trong cuộc sống con người.  - Nhà văn sáng tác cần dùng trí tưởng tượng để tạo ra cuộc sống như thật trong tác phẩm của mình.  - Độc giả khi đọc văn bản cũng phải tưởng tượng. Nhờ có tưởng tượng mà tất cả những hình ảnh, màu sắc, âm thanh, hình khối… của một sự vật, sự việc, con người, cảnh sắc… được tác giả miêu tả trong tác phẩm đều có thể hiện lên trước mắt chúng ta như thật.  **3. Trợ từ và thán từ**  **a. Trợ từ**  - Trợ từ là những từ được thêm vào câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ, tình cảm, sự đánh giá hay mục đích phát ngôn của người nói (người viết). Trợ từ gồm hai nhóm:  - Trợ từ đi kèm các từ ngữ trong câu: *chính, đích, ngay cả, chỉ, những*… nhấn mạnh vào sự vật nêu ở chủ ngữ, biểu thị sự đánh giá về số lượng sự vật.  - Trợ từ ở cuối câu: *à, ạ, ư, nhỉ, nhé, nào, cơ, cơ mà, thôi…* thể hiện mục đích hỏi, vừa biểu thị tình cảm thân mật của người nói.  **b. Thán từ**  - Thán từ là những từ dùng để biểu lộ tình cảm, cảm xúc của người nói (viết) hoặc dùng để gọi đáp. Thán từ thường được dùng ở đầu câu nhưng cũng có thể được tách ra thành một câu đặc biệt. Thán từ gồm 2 nhóm:  + Thán từ biểu lộ tình cảm, cảm xúc: *a, ái, a ha, ối, ôi, than ôi…*  + Thán từ gọi đáp: *này, ơi, dạ, vâng, ừ…* |
| **Đánh giá kết quả** | - GV chốt kết quả và công bố nhóm chiến thắng.  - GV trao quà cho nhóm HS.  - Nhóm HS cử đại diện nhận quà. |
| **Dự kiến ghi bảng/ trình chiếu** |  |

***=> GV bổ sung, chuyển ý:*** *Từ hoạt động trên, ta tổng kết lại được kiến thức phần tri thức ngữ văn liên quan đến truyện ngắn, tưởng tượng trong tiếp nhận tác phẩm văn học và trợ từ, thán từ. Cần nhớ các kiến thức này để áp dụng vào việc đọc hiểu các văn bản truyện ngắn trong và ngoài SGK. Cùng chuyển qua hoạt động tiếp theo để tiếp cận sâu vơi với đọc hiểu văn bản truyện ngắn….*

**HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP KIẾN THỨC VÀ LUYỆN TẬP**

***a) Mục tiêu:***Ôn tập kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

***b) Nội dung:*** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

***c) Sản phẩm:*** Phần trả lời ở phiếu bài tập, vở ghi của HS.

***d) Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | **HOẠT ĐỘNG TRÒ CHƠI “AI NHANH HƠN AI”**  *-* GV yêu cầu HS đọc thầm văn bản “Chuỗi hạt màu xám” trong 3 phút.  - GV yêu cầu HS giữ 4 nhóm ở hoạt động trên tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn ai”.  **\* Luật chơi:**  + GV chiếu các câu hỏi trắc nhiệm lên máy chiếu/ tivi.  + HS dùng cờ/ giơ tay để dành quyền trả lời.  + Nhóm trả lời đúng được cộng điểm (1 điểm/1 câu).  + Thư kí ghi lại kết quả của trò chơi.  + Nhóm nào nhiều điểm nhất dành chiến thắng trong trò chơi “Ai nhanh hơn ai?”  - HS:Tiếp nhận |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn ai?”  **\* Bộ câu hỏi trắc nghiệm:**  **Câu 1: Nội dung chính của truyện “*Chuỗi hạt cườm màu xám*” là gì?**  A. Miêu tả vẻ đẹp của chuỗi hạt cườm màu xám.  B. Ca ngợi tài năng của Na, người làm ra chuỗi hạt cườm.  C. Kể lại câu chuyện về hai ông cháu nhân vật Na.  D. Kể lại câu chuyện về chuỗi hạt cườm màu xám.  **Câu 2: Cốt truyện “Chuỗi hạt cườm màu xám” thuộc dạng nào?**   |  |  | | --- | --- | | A. Cốt truyện kì lạ, khác thường.  B. Cốt truyện giản dị, đời thường. | C. Cốt truyện trào phúng, hài hước.  D. Cốt truyện giàu tính triết lí. |   **Câu 3: Tình huống gay cấn trong truyện “*Chuỗi hạt cườm màu xám*” là tình huống nào?**  A. Cuộc cãi nhau giữa Di và Na về đôi măt Na màu đen hay màu xám.  B. Cảnh Di giả vờ ngã khi trèo lên cây hái hoa phong lan cho Na.  C. Na trông thấy chuối hạt cườm mình tặng Di trên cổ con Vện.  D. Na tặng cho Di một chuỗi hạt cườm xâu bằng chỉ đỏ.  **Câu 4: Vì sao Di lại đeo chuỗi hạt cườm Na tặng lên cổ con Vện?**  A. Vì không thích chuỗi hạt cườm Na tặng.  B. Vì đeo cho con Vện trông cũng hay hay.  C. Vì Di muốn trêu đùa cô bé Na.  D. Vì Di nghĩ con Vện cũng như mình.  **Câu 5: Câu văn nào sau đây chứa thán từ?**   |  |  | | --- | --- | | A. Không phải anh chê nó không đẹp.  B. Không biết Na ở nơi nào, Na ơi! | C. Nó không đẹp à?  D. Không phải thế, đẹp chứ. |   - GV theo dõi và tổ chức trò chơi.  - Thư kí ghi lại kết quả trò chơi. |
| **Báo cáo thảo luận** | - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn ai”.  - Nhóm HS cử đại diện trả lời câu hỏi.  - Nhóm khác chú ý lắng nghe.  **\* Dự kiến sản phẩm:**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | | **Đáp án** | D | B | C | B | B |   - Thư kí ghi lại kết quả. |
| **Đánh giá kết quả** | - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau  - GV nhận xét, đánh giá |

***=> GV bổ sung, chuyển ý:*** *Thông qua hoạt động trên, các em rèn thêm kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện ngắn thông qua bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan. Để làm được dạng bài đọc hiểu văn bản thông qua câu hỏi trắc nhiệm khách quan cần lưu ý các bước sau:*

*- B1: Đọc kĩ văn bản đề bài đưa ra.*

*- B2: Đọc kĩ câu hỏi và nhận biết yêu cầu đề bài.*

*- B3: Dựa vào văn bản để tìm ra câu trả lời đúng nhất.*

*- B4: Điền hoặc chọn đáp án đúng nhất theo đề bài.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | **HOẠT ĐỘNG NHÓM THẺ BÀI READ – THINK - WIRTE**  *-* GV yêu cầu HS hoạt động nhóm  - GV phát cho HS các thẻ bài.  - HS:Tiếp nhận |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - GV phát thẻ cho đại diện nhóm  - Nhóm cử đại diện nhóm nhận thẻ bài  **\* Bộ thẻ bài**  **THẺ READ**  Câu 1: Theo em, nhân vật Na là người như thế nào?  Câu 2: Chi tiết “Na túm chặt lấy hai tai con Vện, nhìn tôi, nhìn chuỗi hạt, lặp bắp không ra tiếng.” thể hiện điều gì đang xảy ra trong tâm hồn nhân vật Na?  **THẺ THINK**  Câu 1: Em suy nghĩ như thế nào về đoạn kết thúc truyện: “Hằng ngày, tôi lên lớp, cố tìm trong đám trò nhỏ của mình hình bóng Na, nhưng làm gì có gương mặt rám nắng, mái tóc vàng hoe như râu ngô và đôi mắt xám buồn mênh mang. Không biết Na ở nơi nào, Na ơi!”?  Câu 2: Có người cho rằng: “Câu chuyện như một bài thơ buồn phả vào hồn ta những rung động cao quý, thiêng liêng.” Em nghĩ như thế nào về ý kiến trên?  **THẺ WRITE**  Câu 1: Đã có lần nào do vô tình em làm cho người thân hoặc bạn bè phải buồn phiền chưa? Nhớ lại và nêu ngắn gọn trong khoảng 6-8 dòng?  - GV theo dõi, giúp đỡ HS |
| **Báo cáo thảo luận** | - GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm.  - HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.  - Nhóm khác chú ý lắng nghe.  **\* Dự kiến sản phẩm:**  **THẺ READ**  **Câu 1: Theo em, nhân vật Na là người như thế nào?**  - Na là một cô bé nhà nghèo nhưng chăm chỉ, đáng yêu, rất trân trọng tình bạn và hay khóc nhè trước trò đùa của nhân vật “tôi”.  **Câu 2: Chi tiết “Na túm chặt lấy hai tai con Vện, nhìn tôi, nhìn chuỗi hạt, lặp bắp không ra tiếng.” thể hiện điều gì đang xảy ra trong tâm hồn nhân vật Na?**  - Na đang cảm thấy buồn, thất vọng, tức giận vì món quà chia tay mình tặng Di lại bị đem đeo cho một con vật.  **THẺ THINK**  **Câu 1: Em suy nghĩ như thế nào về đoạn kết thúc truyện: “Hằng ngày, tôi lên lớp, cố tìm trong đám trò nhỏ của mình hình bóng Na, nhưng làm gì có gương mặt rám nắng, mái tóc vàng hoe như râu ngô và đôi mắt xám buồn mênh mang. Không biết Na ở nơi nào, Na ơi!”?**  - Nhân vật “tôi” đang cảm thấy ân hận về hành động của mình trong quá khứ. Cậu muốn tìm kiếm bóng hình của Na để xin lỗi vì hành động của mình. Đây có lẽ sẽ là chắc trở trong suốt cuộc đời cậu.  **Câu 2: Có người cho rằng: “Câu chuyện như một bài thơ buồn phả vào hồn ta những rung động cao quý, thiêng liêng.” Em nghĩ như thế nào về ý kiến trên?**  - Đồng ý.  - Bởi xuyên suốt văn bản, người đọc được trải mình cùng những kỉ niệm của nhyana vật “tôi”, từ những kỉ niệm vui vẻ đến kỉ niệm buồn. Kết truyện khiến chúng ta phải cảm thấy hối tiếc. Truyện cũng nhắc nhở chúng ta phải biết cẩn thận trong từng hành động tưởng chừng như nhỏ nhặt trong từng hành động tưởng chừng như nhỏ nhặt, bởi nó có thể tạo thành vết thương lòng với người khác và khiến ta phải ân hận vì những gì đã qua.  **THẺ WRITE**  **Câu 1: Đã có lần nào do vô tình em làm cho người thân hoặc bạn bè phải buồn phiền chưa? Nhớ lại và nêu ngắn gọn trong khoảng 6-8 dòng?**  - Trong cuộc đời ai cũng có lúc gây ra những lỗi lầm khiến cho những người xung quanh phải buồn phiền, em cũng vậy em đã làm một chuyện vô cùng không nên đó là nói dối mẹ. Hôm ấy, cô giáo giao bài tập về nhà cho cả lớp nhưng buổi tối em lại muốn được đi chơi nên em đãnói dối mẹ rằng em không có bài tập. Sáng hôm sau, khi cô giáo kiểm tra vở em đã nói dối rằng do tối qua em bị ốm nên không thể hoàn thành bài. Em đã nói dối cô giáo và bố mẹ thành công. Nhưng trong lòng em luôn cảm thấy áy náy vô cùng. Khi bị mẹ gặng hỏi chuyện ở lớp em đã ấp úng hối lâu. Cuối cùng em chọn nói ra sự thật và xin lỗi bố mẹ cùng cô giáo. Từ đây em nhận được bài học đáng nhớ và sẽ không bao giờ tái phạm lần nữa. |
| **Đánh giá kết quả** | - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau  - GV nhận xét, đánh giá |

***=> GV bổ sung, chuyển ý:*** *Từ hoạt động trên ta rút ra được kĩ năng làm bài dạng đề sau:*

*- B1: Đọc kĩ văn bản đề bài đưa ra.*

*- B2: Đọc kĩ câu hỏi và xác định yêu cầu đề bài.*

*- B3: Dựa vào văn bản và suy ngẫm của bàn thân để tìm ra câu trả lời đúng nhất.*

*- B4: Viết vào bài những ý tìm được*

*Đối với kiểu bài viết đoạn văn kể lại một sự việc khiến người thân hoặc bạn bè buồn phiền trong khoảng 6-8 dòng cần lưu ý các bước thực hiện sau:*

*- B1: Đọc kĩ và xác định yêu cầu đề bài.*

*- B2: Nhớ lại và lựa chọn 1 sự việc đáng nhớ nhất để kể.*

*- B3: Ghi lại những chi tiết xảy ra sự việc đáng nhớ vừa chọn.*

*- B4: Chọn lọc các chi tiết sao cho phù hợp với dung lượng đề bài ra (6-8 dòng).*

*- B5: Viết đoạn văn 6-8 dòng kể lại sự việc.*

*- B6: Đọc và kiểm tra lại đoạn văn vừa viết, chỉnh sửa các lỗi cần thiết.*

**HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**

***a) Mục tiêu:*** Phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

***b) Nội dung:*** Hoàn thiện các bài tập GV giao.

***c) Sản phẩm:*** Phần bài làm của HS.

***d) Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  *-* GV phát cho HS phiếu học tập cá nhân.  - GV yêu cầu HS đọc và làm phiếu tại nhà.  - HS:Tiếp nhận |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - HS làm việc cá nhân tại lớp, hoàn thành dung lượng bài tập theo yêu cầu của GV.  **PHIẾU HỌC TẬP**  **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi**:  **Vị vua và những bông hoa**  *Một ông vua nọ rất có tài chăm sóc những cây hoa và ông đang muốn tìm một người kế vị mình. Ông quyết định để những bông hoa quyết định, vì thế ông đưa cho tất cả mọi người mỗi người một hạt giống. Người nào trồng được những bông hoa đẹp nhất từ hạt giống này sẽ được lên ngôi.*  *Một cô gái tên là Serena cũng muốn tham gia vào cuộc cạnh tranh để trồng được bông hoa đẹp nhất. Cô gieo hạt giống trong một cái chậu rất đẹp, chăm sóc nó rất kỹ càng, nhưng đợi mãi mà chẳng thấy hạt giống nảy mầm.*  *Năm sau, cô thấy mọi người tụ tập tại cung điện với những chậu hoa rất đẹp.*  *Serena rất thất vọng, nhưng vẫn tới cuộc tụ họp với chậu hoa trống rỗng. Nhà vua kiểm tra tất cả chậu hoa, rồi dừng lại ở chậu hoa của Serena. Ngài hỏi “tại sao chậu hoa của cô không có gì?” “Thưa điện hạ, tôi đã làm mọi thứ để nó lớn lên nhưng tôi đã thất bại” – cô gái trả lời.*  *“Không, cô không thất bại. Những hạt giống mà ta đưa cho mọi người đều đã được nướng chín, vì thế chúng không thể nảy mầm. Ta không biết tất cả những bông hoa đẹp này ở đâu ra. Cô đã rất trung thực, vì thế cô xứng đáng có được vương miện. Cô sẽ là nữ hoàng của vương quốc này”*  (Dẫn theo *Quà tặng cuộc sống*)  **Phần I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**  **Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính trong văn bản?**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A. Miêu tả | B. Tự sự | C. Biểu cảm | D. Nghị luận |   **Câu 2: Nội dung chính truyện “*Vị vua và những bông hoa”* là gì?**  A. Kể lại câu chuyện về một vị vua và những bông hoa.  B. Con người cần sống trung thực và tin vào sự trung thực của bản thân.  C. Kể lại câu chuyện về hai ông cháu nhân vật Na.  D. Kể lại câu chuyện về chuỗi hạt cườm màu xám.  **Câu 3: Cốt truyện “*Vị vua và những bông hoa*” thuộc dạng nào?**  A. Cốt truyện kì lạ, khác thường.  B. Cốt truyện giản dị, đời thường.  C. Cốt truyện trào phúng, hài hước.  D. Cốt truyện giàu tính triết lí.  **Câu 4: Tình huống gay cấn trong truyện “*Vị vua và những bông hoa*” là tình huống nào?**  A. Nhà vua tìm người kế vị ngôi báu.  B. Nhà vua dùng những hạt giống hoa để thử tài mọi người.  C. Serena tham gia vào cuộc cạnh tranh để trồng được bông hoa đẹp nhất.  D. Sersna tới cung điện với chậu hoa trống rỗng nhưng được nhà vua trao ngôi báu.  **Câu 5: Vì sao cô Serena lại được nhà vua phong làm nữ hoàng?**  A. Vì cô đã rất trung thực khi trồng đúng hạt giống hoa mà nhà vua ban.  B. Vì cô đã trồng được chậu hoa đẹp nhất.  C. Vì cô đã gieo hạt giống trong một cái chậu rất đẹp, chăm sóc nó rất kỹ càng.  D. Vì cô được ông Bụt bà Tiên giúp đỡ.  **Câu 6: Câu văn nào sau đây chứa trợ từ?**  A. Ông quyết định để những bông hoa quyết định, vì thế ông đưa cho tất cả mọi người mỗi người một hạt giống.  B. Serena rất thất vọng, nhưng vẫn tới cuộc tụ họp với chậu hoa trống rỗng.  C. Những hạt giống mà ta đưa cho mọi người đều đã được nướng chín, vì thế chúng không thể này mầm.  D. Cô sẽ là nữ hoàng của vương quốc này.  **Câu 7.** Em có đồng ý với quyết định của vị vua trong câu chuyện trên không? Vì sao?  ………………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………………..  **Câu 8.** Bài học cho bản thân khi đọc xong câu chuyện trên.**?**  ………………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………………..  **PHẦN II. VIẾT**  **Kể lại kỉ niệm khiến người thân hoặc bạn bè mà em vui vẻ và xúc động mà em nhớ nhất?**  - GV theo dõi, giúp đỡ HS |
| **Báo cáo thảo luận** | - GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm vừa làm.  - HS báo cáo sản phẩm.  - HS khác chú ý lắng nghe.  **\* Dự kiến sản phẩm:**  **PHẦN I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | | **Đáp án** | B | A | B | D | A | C | | **Câu 7:** HS trình bày theo ý kiến cá nhân và lí giải.  + Đồng ý – Vì…  + Không đồng ý – Vì… | | | | | | | | **Câu 8: Bài học rút ra:** Con người cần phải sống trung thực, có lòng tin vào sự trung thực của bản thân. Khi có lòng trung thực con người sẽ gặt hái được nhiều thành công trong cuộc sống. | | | | | | |   **PHẦN II. VIẾT**  **Kể lại kỉ niệm khiến người thân hoặc bạn bè mà em vui vẻ và xúc động mà em nhớ nhất?**  **GỢI Ý DÀN Ý**  **1. Mở bài**  Dẫn dắt vào câu chuyện: giới thiệu hoàn cảnh xảy ra câu chuyện đó.  **2. Thân bài**  a. Nguyên nhân xảy ra câu chuyện  Đưa ra nguyên nhân xảy ra câu chuyện: Câu chuyện xảy ra khi nào? Ở đâu? Tại sao lại có kỉ niệm đó?  Bày tỏ tâm trạng, thái độ của em và tâm trạng, thái độ của bạn em trong hoàn cảnh xảy ra câu chuyện: tức giận hay vui vẻ? Ngạc nhiên hay sững sờ  b. Diễn biến câu chuyện  Kể chi tiết những sự việc diễn ra liên tiếp nhau của câu chuyện theo trình tự thời gian để tránh bỏ sót sự việc: sự việc nào xảy ra trước thì kể trước, xâu chuỗi với nhau hợp lí.  Xen kẽ vào những sự việc là cảm xúc của em và bạn em: đó là tâm trạng vui hay buồn? Ngạc nhiên hay hụt hẫng.  c. Kết quả  Nêu lên kết quả/ hậu quả cũng như kết thúc câu chuyện.  Qua câu chuyện em rút ra được bài học gì cho bản thân? Thái độ của em với người bạn đó là gì?  **3. Kết bài**  Khái quát lại, nội dung ý nghĩa câu chuyện. |
| **Đánh giá kết quả** | - HS nộp bài và chữa bài vào tiết học đại trà  - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau  - GV nhận xét, đánh giá |

=====================🙞🕮🙜===================

**Bài 1**

**TRUYỆN**

**Tiết Thực hành đọc hiểu văn bản**

**NGƯỜI MẸ VƯỜN CAU**

*– Nguyễn Ngọc Tư –*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS xác định được ngôi kể, đề tài, nhan đề Người mẹ vườn cau.

- Hiểu được chủ đề, tình huống truyện gợi ra qua hình ảnh người mẹ vườn cau.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Người mẹ vườn cau.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Người mẹ vườn cau.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: nhận thức được ý nghĩa của tình yêu thương; biết quan tâm, chia sẻ với mọi người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Các phương tiện kỹ thuật, những hình ảnh liên quan đến chủ đề bài học *Người mẹ vườn cau.*

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS:* Kể tên một số văn bản có đề tài viết về người mẹ.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

\*Dự kiến sản phẩm: Mẹ (Đỗ Trung Lai), Mẹ và quả (Nguyễn Khoa Điềm), Về thăm mẹ (Đinh Nam Khương),…

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:*Trong văn học, đề tài về mẹ luôn là nguồn cảm hứng bất tận với các nghệ sĩ bởi tình yêu thương, sự hi sinh của người mẹ là những đại dương sâu thẳm mà cuộc đời con người không thể đo đạc cũng không thể thấu hiểu hết. Ở đó, các nhà văn có thể bộc lộ, thể hiện tâm tư tình cảm của mình dành cho người mẹ yêu quý và nhà văn Nguyễn Ngọc Tư cũng không ngoại lệ, ông cũng đóng góp vào văn học ấy với tác phẩm Người mẹ vườn cau.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm Người mẹ vườn cau.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm *Người mẹ vườn cau*.

**2. HOẠT DỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30’)**

**I. TÌM HIỂU CHUNG (10 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tác giả** | |
| **Mục tiêu**: Giúp học sinh biết được những thông tin cơ bản về nhà văn Nguyễn Ngọc Tư  **Nội dung:**  **GV:** Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.  **HS:** Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  (?)Trình bày những thông tin chính về nhà văn Nguyễn Ngọc Tư ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV gợi ý:** Tra cứu trên Google để tìm hiểu ở nhà  **HS**: xem lại thông tin tìm hiểu ở nhà  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** Mời HS trình bày sản phẩm  **HS:**  - Đại diện trình bày thông tin về nhà văn Nguyễn Ngọc Tư  - Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  **GV**:  - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).  **-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | Giáo án Tôi đi học (Cánh diều 2023) | Giáo án Ngữ văn 8 (ảnh 1)  - **1. Tác giả (1976)**  - Quê quán: xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.  - Phong cách sáng tác: gần gũi, bình dị nhất và dễ cảm, giọng văn đậm chất Nam Bộ, mềm mại nhưng vô cùng sâu cay về số phận và cuộc đời éo le chìm nổi.  - Tác phẩm nổi bật: *Ngọn đèn không tắt, Nước chảy mây trôi, Giao thừa, Cánh đồng bất tận,…*  . |
| ***Chuyển dẫn***: GV tập trung vào phong cách sáng tác để bình, kết nối sang phần 2 | |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Tác phẩm** | |
| **Mục tiêu**:  - Trình bày những thông tin chính về văn bản “ Người mẹ vườn cau”  + Thể loại  + Nhân vật chính  + Ngôi kể  + Nhan đề  + Bố cục…  **Nội dung:**  **GV:** Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.  **HS:** Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **a. Đọc và tìm hiểu chú thích**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc  - tìm hiểu chú thích sgk  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  **-** Yêu cầu HS đọc mẫu  - Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc  **HS** đọc mẫu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét cách đọc của HS  - Chốt cách đọc, và chuyển dẫn sang phần b. Tìm hiểu chung về văn bản  **b. Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**     GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *+ Truyện ngắn trên viết về đề tài gì? Giải thích nhan đề Người mẹ vườn cau.*  *+ Chủ đề của truyện ngắn Người mẹ vườn cau là gì?*  *+ Truyện được kể theo ngôi kể thứ mấy? Ngôi kể ấy có tác dụng như thế nào?*  *+ Cốt truyện của văn bản Người mẹ vườn cau có gì đáng chú ý?*  *+ Tóm tắt văn bản và nêu bố cục của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.        **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV gợi ý:** Bằng sự chuẩn bị PHT ở nhà, em hãy đọc PHT của bạn xem có nội dung nào cần trao đổi hay không.  **HS**: Đọc PHT số 2 của bạn và đánh dấu nội dung khác biệt để trao đổi.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** Chỉ định một số cặp đôi trình bày sản phẩm (PHT số 2)  **HS:**  - Đại diện cặp đôi trình bày từng nội dung trong PHT số 2.  - Những cặp đôi còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm cặp đôi của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  **GV**:  - Nhận xét từng nội dung của bạn, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).  **-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | **a. Đọc và tìm hiểu chú thích**  - ***Đọc***  - ***Chú thích (SGK)***  **b. Tìm hiểu chung về vb**  - Thể loại: truyện ngắn  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất.  - Nhan đề: Chỉ người mẹ có công với Cách mạng, người mẹ ấy không có tên gọi cụ thể mà chỉ gọi theo đặc điểm nơi ở.  - Chủ đề: nói về những con người giàu đức hi sinh, anh dũng vì lí tưởng cách mạng lớn lao, đánh đổi lại một nền hòa bình cho Tổ quốc ta.  - Cốt truyện gần gũi, kể theo dòng hồi tưởng của nhân vật “tôi”.  - Bố cục: 3 phần  + Phần 1 (từ đầu đến…ngủ với bà nghe ba): Hoàn cảnh của người mẹ vườn cau.  + Phần 2 (tiếp theo đến…ba tôi chuyển công tác lên tỉnh): tình cảm của người mẹ vườn cau.  + Phần 3 (phần còn lại): Ý nghĩa, giá trị công lao của người mẹ.  - Tóm tắt: nói về kí ức của tác giả về người bà – một người mẹ anh hùng giàu đức hi sinh và đáng thương. |
| ***Chuyển dẫn***: …. | |

**II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Bối cảnh của câu chuyện** | |
| 1. **Mục tiêu**:   Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Nội dung**:  **GV** sử dụng kĩ thuật vấn đáp, kĩ thuật khăn phủ bàn để hướng dẫn HS tìm hiểu về bối cảnh của câu chuyện.  **HS** suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS theo dõi văn bản, làm việc theo cặp và trả lời câu hỏi:  *+ Tình huống khơi gợi cho nhân vật “tôi về hình ảnh “người mẹ vườn cau” là gì?*  *+ Nhận xét về cách dẫn dắt câu chuyện của tác giả.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.    **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**    - GV yêu cầu HS quan sát văn bản, thảo luận và đặt câu hỏi:  *+ Chi tiết nào cho em thấy khung cảnh nơi ở của người mẹ vườn cau hiện lên?*  *+ Hình ảnh “người mẹ vườn cau” đã được tái hiện với những chi tiết tiêu biểu nào? Em ấn tượng với chi tiết nào nhất? Vì sao?*  *+ Những kỉ niệm thời ấu thơ nào được tác giả nhắc đến trong văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *+ Sau khi nghe nhân vật chú Biểu, ba đã có quyết định như thế nào?*  *+ Bài văn của nhân vật “tôi” có điều gì đặc biệt? Vì sao bài văn chỉ được 4 điểm nhưng nhưng nhân vật “tôi” cũng không hề cảm thấy buồn?*  *+ Phần kết truyện đã gợi mở cho chúng ta những vấn đề gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.      **NV4:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi: *Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  => Ghi bảng. | **1. Nguyên nhân câu chuyện**  - Cô giáo yêu cầu viết bài văn về mẹ, tuy nhiên nhân vật “tôi” không biết viết như nào.  - Nhớ lại rằng ba có nhiều mẹ và mình có bà, trong đó, ba có một “người mẹ vườn cau”.  → Cách dẫn dắt gần gũi, sinh động.                        **2. Những kỉ niệm thời nhỏ tại quê của “người mẹ vườn cau”**  ***a. Khung cảnh***  - Con đường đến nhà bà là con đường đát, những khi trời mưa đường bùn ướt nhẹp.  - Nhà bà là nhà mái lá nhỏ xíu.  ***→ Cuộc sống giản dị, đơn sơ.***  ***b. Hình ảnh “người mẹ vườn cau”***  - Là một bà mẹ anh hùng.  - Làm nghề bán ve chai, đưa thư, mang thức ăn, tin tức,…  - Dáng còm cõi, nụ cười phúc hậu, đôi mắt già nua.  - Mái tóc trắng phau phau.  - Nội gầy gò, cười phô cả lợi nhưng vẫn luôn lo lắng cho các con các cháu.  ***→ Sự hi sinh thầm lặng của người mẹ già, cả một đời vất vả, lam lũ, nhưng vẫn luôn là hậu phương vững chắc cho những đứa con của mình đi chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.***  ***c. Những kỉ niệm thời ấu thơ ấu***  - Bữa cơm giỗ chỉ vài ba bát canh chua cá rô đồng, mắm kho bông súng. → đơn giản nhưng ngon và chứa đựng sự ấm áp.  - Khi trời mưa tanh, mọi người ào ào kéo đến làm nhân vật “tôi” thắc mắc rằng tại sao bà lại có nhiều con như thế.  - Các chú cùng bố nhậu một bữa nhưng vẫn phải xin phép bà, mọi người vui vẻ nói chuyện ngày xưa.  ***→ Khung cảnh gia đình ấm áp, hạnh phúc.***    **3. Trở về thực tại với bài văn bị điểm kém**  - Do ba chuyển công tác nên gia đình cũng chuyển lên phố.  - Chỉ khi chú Biểu đến nhà, nghe câu chú nói mình bạc, bố mới nằm suy nghĩ và quyết định mai về lại thăm “người mẹ vườn cau”.  → Khẳng định tình cảm của người con dành cho “người mẹ làng cau”.  - Bài văn:  + Văn bản nói về những kỉ niệm về mẹ vườn cau của bố còn trở về thực tại, mẹ của nhân vật “tôi” chỉ “*là người sinh ra em, nuôi em lớn, ngày thường mẹ nấu cơm em ăn, giặt đồ em mặc*”.  + Bài văn tuy 4 điểm nhưng “tôi” không hề buồn vì viết về mẹ đâu chỉ bằng vài câu.  ***→ bài học về sự biết ơn, kính trọng đến những người mẹ.***    **II. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, đậm chất Nam bộ.  - Cốt truyện gần gũi, dễ dàng truyền tải nội dung.  - Ngôn từ mộc mạc, giản dị những giàu cảm xúc  **2. Nội dung**  - Văn bản nói về kí ức của tác giả về người bà nội - một người mẹ anh hùng giàu đức hy sinh và đáng thương. Qua đó, gửi gắm đến người đọc thông điệp về sự biết ơn và kính trọng những người đã hi sinh vì lí tưởng cách mạng, vì nền hòa bình độc lập và những người mẹ anh hùng. |
| ***GV bình giảng:*** | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập GV đưa ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Câu 1:** Truyện ngắn này viết về đề tài gì?

1. Gia đình
2. Người mẹ
3. Lòng hiếu thuận
4. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 2:** Hãy giải thích nhan đề *“Người mẹ vườn cau”.*

1. Vì vườn cau sinh ra người mẹ.
2. Vì nhân vật chủ đạo được người kể nhắc đến trong truyện là người mẹ gắn bó với vườn cau.
3. Vì người mẹ vườn cau là người truyền cảm hứng cho nhân vật chính ước mơ trờ thành một chiến sĩ.
4. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 3:** Câu văn nào cho thấy nội vườn cau rất quan tâm đến con cháu?

1. Má tưởng con không về được, mưa gió tối trời vầy khéo cảm.
2. Ba gắp thức ăn cho bà, bà gắp thức ăn cho tôi, đôn hậu bảo: “Ăn cho mau lớn, con”.
3. Ba tôi cùng các chú nói chuyện huyên thuyên, toàn là chuyện ngày xưa.
4. Cả A và B.

**Câu 4:** Không khí khi có mặt của mọi người ở nhà nội như thế nào?

1. Buồn sầu
2. Tranh cãy nảy nửa
3. Vui tươi
4. U ám

**Câu 5:**Đâu là một chi tiết tiêu biểu về hình ảnh “người mẹ vườn cau”?

1. Bà có khí chất của một người thủ lĩnh, luôn biết cách tổ chức các cuộc vui chời.
2. Bà gắn bó cả đời với vườn cau, có kĩ năng buôn bán rất tốt.
3. Bà là một bà mẹ anh hùng, anh hùng theo một cách riêng, điều khiến cho nhân vật “tôi” cảm thấy yêu thương bà.
4. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 6:** Đâu **không** phải chi tiết cho thấy nội rất yêu quý “tôi”?

1. Bà nội dẫn tôi ra vườn xem vườn cây đầy quả, đầy màu sắc.
2. Nội ôm tôi vào lòng, ngồi trên võng bố đưa kẽo kẹt.
3. Bà nội nuôi cho tôi một khát khao cháy bỏng sau này sẽ trở thành một doanh nhân tầm cỡ.
4. Đêm hôm ấy bà mắc mùng cho tôi ngủ, giường lạ ngủ không được.

**Câu 7:** Cốt truyện của văn bản *“Người mẹ vườn cau”* có gì đáng chú ý?

1. Nhân vật “tôi” viết rất tốt, chạm đến trái tim người đọc mà lại bị phê là viết kém.
2. Khiến người ta phải suy nghĩ, cảm thấy sâu lắng: Khi ba của nhân vật “tôi” chuyển lên tỉnh thì không gặp lại mẹ mình nữa, tuy nhiên tình cảm của mẹ đã khiến anh ta phải chạnh lòng.
3. Không đi theo logic thông thường, mượn một việc khác để từ đó mới nói vào chuyện chính của mình.
4. Tất cả các đáp án trên

**Dự kiến sản phẩm**

1.2, 2.2, 3.2, 4.3, 5.3, 6.3, 7.2

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Giao nhiệm vụ**

Có người cho rằng, qua truyện ngắn Người mẹ vườn cau, tác giả muốn nhắn gửi đến người đọc thông điệp về truyền thống "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc. Ý kiến của em như thế nào? (Trình bày thành đoạn văn khoảng 8 - 10 dòng)

**Thực hiện nhiệm vụ: HS làm ở nhà**

**Dự kiến sản phẩm:**

Sau khi đọc xong truyện Người mẹ vườn cau, tác giả Nguyễn Ngọc Tư đã đem tới chúng ta thông điệp vô cùng sâu sắc và ý nghĩa về truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc. Nhờ có công lao to lớn của những thế hệ đi trước, không ngại gian khổ, hiểm nguy đến tính mạng, mà chúng ta có được cuộc sống như ngày hôm nay, một cuộc sống không có chiến tranh, bom đạn, đau thương và mất mát. Từ đó, văn bản dăn dạy chúng ta cần có lòng biết ơn đến những anh hùng đã hi sinh cho nền độc lập nước nhà, đồng thời cần tích cực rèn luyện bản thân để góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, vững chắc.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Ngày soạn:* | *Dạy* | *Ngày* |  |
| *Tiết* |  |
| *Lớp* |  |

**HOẠT ĐỘNG VIẾT**

**KỂ LẠI MỘT CHUYẾN ĐI**

**HOẶC MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI**

Thời gian thực hiện: 3 tiết

**I. MỤC TIÊU**

*1. Về kiến thức:*

- Kể lại được kỉ niệm là một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội mà bản thân là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất( xưng “tôi”, “em”, “chúng tôi”, “chúng em”,…)

- Cảm xúc sâu sắc, tình cảm chân thành của người viết trước sự việc được kể.

*2. Về năng lực:*

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

- Giới thiệu được kỉ niệm về một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội.

- Tập trung vào sự việc đã xảy ra.

*3. Về phẩm chất:*

- Nhân ái, trân trọng những kỉ niệm đẹp của bản thân và phát huy những cảm xúc, tình cảm đẹp trong sáng, nhân văn về con người và cuộc sống trong trang sách cũng như ngoài đời thực.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, máy chiếu(tivi), máy tính.

- Phiếu học tập.

- Đọc lại VB” Đồng Tháp Mười mùa nước nổi” –Văn Công Hùng (NV6, tập 1).

- Bài văn tham khảo: ***Là học sinh, mỗi người trong chúng ta ít nhất một lần đã làm từ thiện. Hoặc tham gia các hoạt động từ thiện. Từ trải nghiệm đó của bản thân mình, em hãy viết một bài văn kể lại một chuyến đi từ thiện đáng nhớ, có ý nghĩa nhất đối với em.*** (Trang 63 - Hướng dẫn làm các dạng bài văn lớp 6 – NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.TRƯỚC GIỜ HỌC**

GV kiểm tra sự chuẩn bị của HS

**2.TRÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 1: Khởi động** | |
| *a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. GV giới thiệu kiểu bài sẽ viết.*  *b) Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi, nắm được kiểu bài.*  *c) Sản phẩm: Nhận thức về kiểu bài và thái độ tích cực của HS.*  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN**  **SẢN PHẨM** |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*  **GV gợi mở vấn đề:**  1/ Trong kỉ niệm của mình, các em đã tham gia các buổi sinh hoạt đoàn, đội; các việc làm công ích, tình nguyện như hoạt động thiện nguyện, giúp đỡ người già neo đơn...chưa?  2/ Em đã được đi những đâu? Nơi nào để lại cho em nhiều cảm xúc và suy nghĩ nhất?  3/ Em có thể kể lại một cách ngắn gọn cho cô và các bạn nghe …được không?  HS tiếp nhận nhiệm vụ  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  **HS:**  + HS nghe và trả lời  **GV**:  - Dự kiến khó khăn HS gặp: không biết kể về kỉ niệm của bản thân?  - Tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ:  ? Kỉ niệm đó tên là gì? (một chuyến đi hay một hoạt động: giúp đỡ quần áo, sách vở cho một em bé mồ côi, dọn dẹp nhà cửa và nói chuyện với một bà mẹ Việt Nam anh hùng…)? Diễn ra khi nào? Ra sao?  *B3: Báo cáo, thảo luận*  - Đề yêu cầu kể về một chuyến đi hay một hoạt động xã hội?  - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời.  - Các bạn còn lại nhận xét về nội dung câu trả lời của bạn đã trình bày.  *B4: Kết luận, nhận định*  - GV nhận xét câu trả lời của HS. Nhận xét, bổ sung từ các bạn khác.  - GV dẫn dắt vào bài | **Đề bài:** Kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa. |

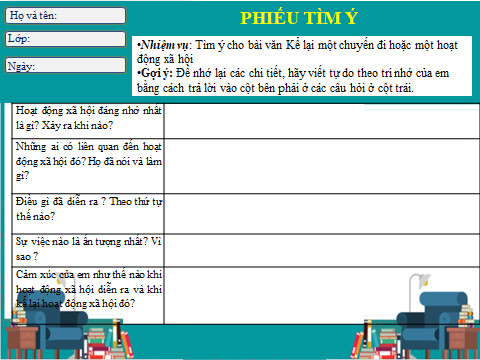
**Hoạt động2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU**  **ĐỐI VỚI BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CHUYẾN ĐI HOẶC MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI** | | | | |
| **Nhiệm vụ 1: Định hướng**  *a) Mục tiêu:* HS biết được các yêu cầu đối với dạng bài kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội:  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Biết cách kể kỉ niệm của bản thân  *b)Nội dung:*  - GV chia nhóm lớp  - Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập  *c) Sản phẩm:* Phiếu tìm ý, sơ đồ tư duy sau khi HS đã hoàn thành.  *d) Tổ chức thực hiện* | | | | |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | | **DỰ KIẾN**  **SẢN PHẨM** | | |
| **HĐ1: Tìm hiểu chung về dạng bài kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa.**  **ND1: Thế nào là bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa.**  *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*  - GV giao nhiệm vụ:  **Đọc định hướng**  HS nhớ lại kiến thức phần Viết bài 3 (SGK Ngữ văn 6 tập 1, trang 64) và bài 6 (SGK Ngữ văn 6 tập 2, trang 20). Đọc mục định hướng (SGK NV 8, trang 29), trả lời câu hỏi: ***Thế nào là bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa?***  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  HS :  - Làm việc cá nhân 2’(Dựa vào mục Định hướng trong SGK)  - GV quan sát, khuyến khích.  *B3: Báo cáo, thảo luận*  **- GV** yêu cầu HS trình bày.  **- HS:**  + 1 HS trình bày.  + Các bạn khác khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  *B4: Kết luận, nhận định (GV)*  - Nhận xét sản phẩm của HS và chuẩn kiến thức.  **NV2: Tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội**  *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*  - GV giao nhiệm vụ:  GV mời HS đọc mục 1.2(SGK trang 30) và nhớ lại VB” Đồng Tháp Mười mùa nước nổi” –Văn Công Hùng (NV6, tập 1). Bài văn mẫu kể lại một chuyến đi từ thiện đáng nhớ, có ý nghĩa nhất của em (Trang 63 - Hướng dẫn làm các dạng bài văn lớp 6 – NXB Đại học Quốc gia Hà Nội) và cho biết:  ? Nêu các yêu cầu của bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa?  ? Có ý kiến cho rằng: “Với dạng bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa chúng ta chỉ cần kể được hết, đầy đủ các sự kiện”. Nhưng có ý kiến lại cho rằng: “Ngoài việc kể lại các sự kiện chính ta cần kết hợp các yếu tố miêu tả không gian, cảnh vật, thiên nhiên, con người và nêu bật những tình cảm, suy nghĩ của bản thân”? Em đồng ý với ý kiến nào? Vì sao?  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  HS :  - Trả lời (Dựa vào mục Định hướng trong SGK)  - GV quan sát, khuyến khích.  *B3: Báo cáo, thảo luận*  **- HS:**  + 1 HS trình bày.  + Các bạn khác khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  *B4: Kết luận, nhận định (GV)*  - Nhận xét sản phẩm của HS và chuẩn kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau | | **I. Định hướng.**  **1. Thế nào là bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa?**    **2. Các yêu cầu đối với kiểu bài kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội** | | |
| **2.2.Các bước làm bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội.**  *a) Mục tiêu:*Giúp HS  - Biết viết bài theo các bước.  - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.  - Tập trung vào những sự việc đã xảy ra.  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  *b) Nội dung:*  **- GV** sử dụng KT công não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài.  - **HS** sử dụng SGK, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  *c) Sản phẩm:*Câu trả lời của HS.  *d) Tổ chức thực hiện* | | | | |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN**  **SẢN PHẨM** | | | |
| **HĐ2: Tìm hiểu****các bước làm bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội. (một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa mà em đã tham gia, chứng kiến)**  **NV1: HD học sinh chuẩn bị cho bài viết**  *B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)*  ***HS đọc ngữ liệu tham khảo: Bài văn mẫu kể lại một chuyến đi từ thiện đáng nhớ, có ý nghĩa nhất của em (Trang 63 - Hướng dẫn làm các dạng bài văn lớp 6 – NXB Đại học Quốc gia Hà Nội), trả lời các câu hỏi:***  - Bài văn trên kể về hoạt động xã hội giàu ý nghĩa nào?  - Văn bản được viết theo PTBĐ chính nào?  - Qua việc đọc và phân tích bài viết tham khảo, em cần huy động kiến thức ở đâu để bài viết chân thực, sinh động, chạm đến trái tim người đọc?  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  HS :  - Trả lời (Dựa vào mục Định hướng trong SGK)  - GV quan sát, khuyến khích.  *B3: Báo cáo, thảo luận*  **- HS:**  + 1 HS trình bày.  + Các bạn khác khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  *B4: Kết luận, nhận định (GV)*  - Nhận xét sản phẩm của HS và chuẩn kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau  ***NV 2: HD học sinh tìm ý, lập dàn ý cho bài viết,***  *B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)*  ***Hs làm việc nhóm bàn: 10p***  ***Nhận xét về ngữ liệu tham khảo:***  - Theo em, ngữ liệu trên đã được trình bày theo một trình tự hợp lí chưa? Vì sao?  - Dựa vào cách làm dạng bài kể lại một trải nghiệm của bản thân (NV 6) và hướng dẫn trong SGK Ngữ văn 8, em hãy cho biết có mấy cách tìm ý cho 1 bài văn kể lại….?  - Em hãy tìm ý cho bài văn trên bằng cách hoàn thiện phiếu tìm ý và sơ đồ tư duy?  - Sắp xếp thành dàn ý?  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  HS :  - Suy nghĩ cá nhân  - Thảo luận trả lời (Dựa vào mục Định hướng trong SGK)  - GV quan sát, khuyến khích.  *B3: Báo cáo, thảo luận*  **- HS:**  + 1 HS đại diện nhóm trình bày.  + Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  *B4: Kết luận, nhận định (GV)*  - Nhận xét sản phẩm của HS và chuẩn kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau  ***NV3: HD học sinh viết bài, chỉnh sửa***  *B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)*  ***- Gv yêu cầu HS dựa vào dàn ý viết thành bài***  ***văn hoàn chỉnh.***  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  **GV:**  - Hướng dẫn HS viết bài  - Chỉ ra một số chú ý khi viết bài  **HS:**  - Viết bài theo dàn ý.  *B3: Báo cáo thảo luận*  - **GV** yêu cầu HS đọc bài viết.  **HS:**  - Đọc bài viết của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bài của bạn.(dựa vào phiếu đánh giá)  *B4: Kết luận, nhận định (GV)*  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.  **HĐ3: Rèn luyện kĩ năng viết mở bài và kết bài.**  *B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)*  - GV yêu cầu hs đọc phần 2.2.SGK  - Chỉ ra cách viết MB, KB?  - Viết mở bài và kết bài cho đề bài trên theo các cách?  *B2: Thực hiện nhiệm vụư*  - **GV** giao nhiệm vụ  - **HS** làm việc cá nhân  *B3: Báo cáo thảo luận*  - **GV** yêu cầu HS đọc bài. nhận xét bài của bạn.  - **HS** nhận xét bài viết.  *B4: Kết luận, nhận định (GV)*  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, | **II. Thực hành.**  **2.1.Thực hành viết theo các bước**  **1, Chuẩn bị.(Tìm hiểu đề)**  - Đề bài: Kể lại một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa mà em đã tham gia, chứng kiến.  **\*Đọc kĩ và tìm hiểu đề:**  **-** Trọng tâm cần làm rõ  - Kiểu VB chính  - Phạm vi kiến thức cần huy động  **2, Tìm ý và lập dàn ý.**  **a) Tìm ý**  **Cách 1: Đặt và trả lời câu hỏi**   |  |  | | --- | --- | | Hoạt động xã hội đáng nhớ nhất là gì? Xảy ra khi nào? |  | | Những ai có liên quan đến hoạt động xã hội đó? Họ đã nói và làm gì? |  | | Điều gì đã diễn ra ? Theo thứ tự thế nào? |  | | Sự việc nào là ấn tượng nhất? Vì sao ? |  | | Cảm xúc của em như thế nào khi hoạt động xã hội diễn ra và khi kể lại hoạt động xã hội đó? |  |   **Cách 2: Suy luận từ khái quát đến cụ thể:**  Xác định vấn đề (ý khái quát): một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa.  - Phát triển ý cụ thể cấp 1 (ý lớn)  - Phát triển ý cụ thể cấp 2 (ý nhỏ)  -Từ các ý đã tìm được, các em có thể trình bày bằng một sơ đồ:    **b) Lập dàn ý**    **3. Viết bài**  Dựa vào dàn ý để viết bài văn kể về một hoạt động xã hội. Trong khi viêt, chú ý vận dụng cách viết mở bài và kết bài. Bài viết cần lưu ý:  - Đủ cấu trúc 3 phần: mớ bài. thân bài và kết bài.   * Có thể mở bài bằng cách trực tiếp hoặc gián tiếp. * Thân bài gồm các đoạn văn, mỗi đoạn văn là một ý lớn * Kết bài cần tổng hợp được các ý đã nêu ở thân bài.   **4. Chỉnh sửa bài viết**  - Đọc và sửa lại bài viết theo bản tự đánh giá.  **2.2. Rèn luyện kĩ năng viết mở bài, kết bài**  **a. Cách thức**  **b. Bài tập**  **Gợi ý:**  - Mở bài  + Trực tiếp  Vào sáng thứ bảy tuần trước, em đã có buổi từ thiện đến với các bạn nhỏ vùng cao. Đó là một chuyến đi đầy ý nghĩa, để lại trong em những cảm xúc khó quên.  + Gián tiếp  Trong cuộc sống, không phải ai cũng may mắn có được sự đủ đầy, trọn vẹn. Có bao nhiêu người ngoài xã hội kia gặp những khó khăn, trắc trở, bất hạnh trong cuộc đời, dù đã nỗ lực, cố gắng vẫn khó có thể một mình vượt qua. Bởi vậy, vòng tay yêu thương giúp đỡ của những tấm lòng nhân ái là điều đáng quý, đáng được trân trọng vô cùng. Tôi rất may mắn là một trong những học sinh của nhà trường cùng với thầy cô tham gia vào hoạt động từ thiện đầy nhân văn đó. Và chuyến đi có ý nghĩa nhất đối với tôi là đến với các bạn ở vùng cao.  - Kết bài:  Chuyến đi từ thiện khép lại nhưng những dư âm về chuyến đi ấy cứ vang vọng mãi trong tâm trí tôi. Nó cho tôi rất nhiều bài học đáng nhớ. Hãy biết quý trọng những gì chúng ta đang có bởi với rất nhiều người đó là những thứ rất xa vời. Hãy nâng cao tỉnh thần tương thân tương ái, tự giác giúp đỡ những con người bất hạnh. Đó là lẽ sống nhân văn đầy tình người mà mỗi người chúng ta nên hướng đến. | | | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**  *a. Mục tiêu:*  - Nhận biết được những kiến thức và kĩ năng của dạng bài.  - Thông hiểu những kiến thức và kĩ năng của dạng bài  - Vận dụng những kiến thức và kĩ năng của dạng bài để lập dàn ý và tạo lập được văn bản hoàn chỉnh theo đề bài đã cho.  *b. Nội dung:* Sử dụng sgk, kiến thức đã học, một vài bài mẫu, bài của HS để viết, chữa củng cố.  *c. Sản phẩm học tập:* HS viết lại sau khi đã nhận ra lỗi.  *d. Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | | | **DỰ KIẾN**  **SẢN PHẨM** | |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)*  **- Lập dàn ý cho đề bài:**  “Khôi phục Trái Đất của chúng ta” là chủ đề của ngày Trái Đất năm 2021 trong bối cảnh thế giới đang đối mặt với dịch Covid 19 và hướng tới khôi phục lại cuộc sống bình thường, khôi phục lại kinh tế và khôi phục Trái Đất? Em hãy kể lại một hoạt động xã hội có ý nghĩa của em đã góp phần bảo vệ môi trường, không gian xanh, sạch, đẹp của chúng ta.  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  - **HS** làm việc cá nhân: lựa chọn một hoạt động xã hội có ý nghĩa và lập dàn ý  - GV cho Hs thực hành lập dàn ý và giải đáp nhứng thắc mắc, khó khăn của HS trong quá trình làm bài.  *B3: Báo cáo thảo luận*  - **GV** mời HS đọc bài, nhận xét bài của bạn.  - **HS** nhận xét bài viết.  *B4: Kết luận, nhận định (GV)*  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, | | | **III. Luyện tập**  **Đề bài:** “Khôi phục Trái Đất của chúng ta” là chủ đề của ngày Trái Đất năm 2021 trong bối cảnh thế giới đang đối mặt với dịch Covid 19 và hướng tới khôi phục lại cuộc sống bình thường, khôi phục lại kinh tế và khôi phục Trái Đất? Em hãy kể lại một hoạt động xã hội có ý nghĩa của em đã góp phần bảo vệ môi trường, không gian xanh, sạch, đẹp của chúng ta.  + Mở bài  + Thân bài  + Kết bài | |
| **Hoạt động 4: Vận dụng**  *a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm BT, liên hệ thực tiễn.*  *b. Nội dung:* Sử dụng kiến thức, bài viết của HS đã học để hỏi và trả lời, trao đổi  *c. Sản phẩm học tập:* Câu trả lời của HS, bài viết của HS.  *d. Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | | | | **DỰ KIẾN**  **SẢN PHẨM** |
| *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:*  - GV chiếu những hình ảnh về các hoạt động thiện nguyện các bạn học sinh, thanh niên tình nguyện….  ? Cảm xúc của em khi xem những hình ảnh đó?  ? Hãy kể lại một hoạt động thiện nguyện của bản thân cùng các bạn trong lớp.  - Nộp sản phẩm bằng giấy hoặc qua zalo của cô giáo.  *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*  **GV**: Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.  **HS**: Đọc, xác định yêu cầu của bài tập.  *Bước 3: Báo cáo, thảo luận*  **GV**: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.  **HS**: Nộp sản phẩm bằng giấy hoặc qua zalo của cô giáo.  *Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)*  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà. | | | | **IV.Vận dụng** |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

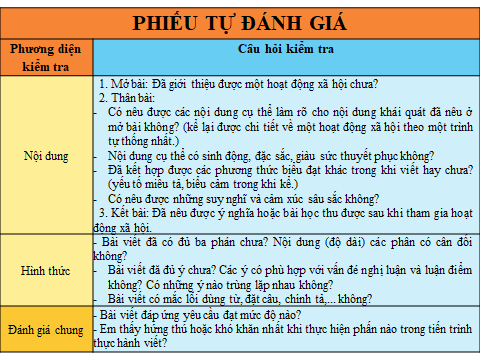
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi - đáp  - Hình thức viết bài kiểm tra tại lớp/ ở nhà. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung.  - Hấp dẫn, sinh động.  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học.  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách viết khác nhau của người học. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài viết của HS  - Trao đổi, thảo luận |  |

**PHỤ LỤC**

****







**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**HĐ 1: Khởi động**

**a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học, khơi gợi tâm thế tốt, sự hứng thú cho HS.

**b) Nội dung:** Trò chơi “Nhanh như chớp”.

**\* Luật chơi**

**-** GV chia lớp thành 4 nhóm

**-** GV chiếu hình ảnh đã chuẩn bị về các vấn đề xã hội

- HS phát hiện, gọi tên các vấn đề được đề cập đến trong tranh

- Nhóm nào có HS giơ tay “nhanh như chớp” thì sẽ được phát biểu, nếu câu trả lời đúng sẽ được ghi điểm cộng; câu trả lời chưa đúng thì nhường lại quyền chơi cho các nhóm còn lại.

**c) Sản phẩm:**

- Các câu trả lời của HS

- Sự sôi nổi, hứng thú của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV:**

* Các em hãy quan sát tranh và trả lời thật nhanh nhé: “Những bức tranh sau đề cập đến vấn đề xã hội nào?”

A person holding a sword to a child

Description automatically generated with low confidenceA group of children putting money into a box

Description automatically generated with low confidence

**A group of people holding hands together

Description automatically generated with medium confidenceA picture containing outdoor, grass, plant, litter

Description automatically generated**

**A group of people taking a picture of a person's hand

Description automatically generated with low confidence**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS** quan sát, thảo luận

**B3: Báo cáo, thảo luận**

HS giơ tay nhanh, phát biểu

**GV** ghi điểm cho các nhóm HS

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét phần chơi trò chơi của HS và dẫn dắt vào bài nói:....

**HĐ 2: Tìm hiểu định hướng nói và nghe**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu:** Hiểu được thế nào là các vấn đề xã hội; nhận biết được một số nội dung cần lưu ý trong bài nói  **Nội dung: HS** hoạt động nhóm (lớp 4 nhóm)   * **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để HS xác định mục đích nói và đối tượng nghe trong bài nói của mình. * **HS** hoàn thiện phiếu học tập   **HS** trả lời câu hỏi, chuẩn bị nội dung nói và luyện nói từ ở nhà. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS đọc SGK trang 33 và hoàn thiện PHT:    - GV gọi HS xác định mục đích nói và người nghe.  ? Nêu mục đích của bài nói?  ? Những người nghe là ai?   * Dự kiến các nội dung bài nói theo bảng Trang 34- SGK.   ***Đề bài:*** Suy nghĩ của em về lòng nhân ái trong cuộc sống sau khi đọc truyện “Gió lạnh đầu mùa”.  \* Luyện tập trước khi nói  + Tập nói thành tiếng một mình; vừa nói vừa giới thiệu tranh ảnh, hình vẽ, dụng cụ (nếu có)  + Nếu em chuẩn bị thuyết trình thì nói theo bản trình chiếu đã chuẩn bị  -GV quan sát, hỗ trợ, chỉnh sửa cho các nhóm  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** hoạt động nhóm trả lời câu hỏi, hoàn thiện PHT và chuẩn bị bài nói  **GV** hướng dẫn HS trả lời, hỗ trợ (nếu cần).  **HS** suy nghĩ và viết câu trả lời ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**   * Thư kí nhóm thống nhất đáp án * Các em trong nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung…   **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét phần hoạt động nhóm của các nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau.  - Lưu ý: Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng; chú ý về ngôn ngữ, khả năng truyền cảm thể hiện ở các yếu tố kèm lời và phi lời. | **1. Xác định mục đích nói và người nghe**  - Mục đích: Nêu ý kiến của bản thân về một vấn đề xã hội.  - Người nghe: thầy (cô), bạn bè, người thân và những ai quan tâm đến vấn đề này.  ***2. Chuẩn bị nội dung nói và luyện tập***  a) Chuẩn bị nội dung (SGK)  b) Luyện tập nói  - HS nói một mình hoặc nói theo cặp.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. |

**HĐ 3: Thực hành nói và nghe**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu:** Trình bày được ý kiến của bản thân về một vấn đề xã hội. Cụ thể là: ***Lòng nhân ái***.  **Nội dung:**  **GV** yêu cầu HS nói trước lớp  **HS**:  - Nói theo dàn ý đã chuẩn bị.  - Các em khác theo dõi, ghi nhận xét ra giấy và cho điểm đối với bài của bạn trên padlet. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu kĩ thuật 5 xin và phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của nhóm đã chuẩn bị.  - Các bạn khác lắng nghe và ghi chép  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí.  **HS** xem lại dàn ý của HĐ viết.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS thực hành nói trước lớp, kịp thời hỗ trợ các em (nếu cần).  - Quay video thuyết trình của các nhóm và đưa lên Padlet để các HS cùng đánh giá.  **HS:** Đại diệnnói, các em còn lại theo dõi và ghi nhận xét ra giấy.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét chung về ý thức tham gia HĐ nói của HS và chuyển dẫn sang mục nhận xét HĐ nói. | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (Nêu được quan điểm của mình về ***lòng nhân ái***).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |

**HĐ 4: Tổng kết**

|  |  |
| --- | --- |
| **a)** **Mục tiêu:** Góp ý, đánh giá bài nói, rút kinh nghiệm khi trình bày bài nói.  **b) Nội dung:**  **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn dựa trên các tiêu chí nói.  **HS** trình bày bản nhận xét của mình ở tiết trước. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Các HS nhận xét bài nói theo phiếu tiêu chí  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  **HS** quan sát HĐ nói của bạn và ghi nhận xét ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, bổ sung nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |

**HĐ 5: Hướng dẫn về nhà**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Nhật kí nói.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Quan sát, đọc tin tức và ghi chép thêm một số vấn đề xã hội; trao đổi với các bạn trong nhóm về quan điểm của bản thân em.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn các em ghi chép sổ “Nhật kí nói”.

**HS** thực hành chọn lọc thông tin từ nhiều kênh và làm sổ nhật kí.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**HS** tự thực hiện.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV có thể kiểm tra đột xuất, ngẫu nhiên, cho điểm thưởng với những HS có ý thức học tốt.

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

\*Phiếu tiêu chí:

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm**:………. | | | | |
| **Tiêu chí** | **Nội dung đánh giá** | **Mức độ đạt được** | | |
| **Chưa đạt** | **Đạt** | **Tốt** |
| **Nội dung bài nói** | Giới thiệu được vấn đề xã hội: ***Lòng nhân ái*** |  |  |  |
| Đưa ra được cách hiểu về ***lòng nhân ái*** và quan điểm của bản thân về vấn đề này trong xã hội |  |  |  |
| Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng thuyết phục |  |  |  |
| Các lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp hợp lí |  |  |  |
| **Cách thể hiện** | Nói có ngữ điệu phù hợp, biết nhấn giọng những chỗ cần thiết, biết nêu một số câu hỏi gợi mở nhằm kích thích sự tò mò trước những ý quan trọng |  |  |  |
| Dùng từ ngữ chính xác, gây ấn tượng, biết sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ |  |  |  |
| **Sự tương tác** | Nắm bắt chính xác sự chú ý của người nghe để thực hiện những điều chỉnh cần thiết về nội dung nói và cách nói; giải đáp rõ ràng, nhã nhặn các thắc mắc của người nghe. |  |  |  |
| **ĐÁNH GIÁ CHUNG: ………………..** | | | | |

**BÀI 2: THƠ SÁU CHỮ, BẢY CHỮ**

**Đọc – hiểu văn bản: NẮNG MỚI**

**- Lưu Trọng Lư -**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**A. MỤC TIÊU:**

**1. Về kiến thức**

- HS nhận biết, phân tích được một số yếu tố hình thức của bài thơ bảy chữ (số chữ ở mỗi dòng, vần, nhịp, từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc…) và tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.

- Hiểu được những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả và các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực đặc thù***

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như: Từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua VB; Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ VB;

**3. Về phẩm chất**:

- Giúp HS biết xúc động trước tình cảm, niềm xót thương khi nói về người mẹ.

- Biết trân trọng, gìn giữ những kỉ niệm, những tình cảm thiêng liêng; đồng thời có trách nhiệm với hiện tại và tương lai.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU** **1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Tranh ảnh về mẹ, tình mẫu tử...

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SGV, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

1. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới.

**b) Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

*Đọc những câu thơ/ cao dao viết về mẹ*

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe

- GV quan sát

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs đọc thơ, ca dao

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: Mẹ - tiếng gọi thân thương trìu mến mà thiêng liêng vô cùng. Nhạc sĩ nào đó đã từng viết “Riêng mặt trời chỉ có 1 mà thôi/ Và mẹ em chỉ có 1 trên đời”. Mẹ là bầu sữa ngọt lành nuôi con khôn lớn, mẹ là ánh sáng của cuộc đời con. Nói về mẹ có rất nhiều nhà thơ viết hay, viết lạ, thế nhưng với Lưu Trọng Lư, ông đã có một cách thể hiện riêng. Hãy cùng tìm hiểu về tình cảm đó qua bài thơ “Nắng mới”.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các kĩ năng đọc.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thể loại thơ bảy chữ và văn bản *Nắng mới.*

**c. Sản phẩm:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG** | | | | |
| **Mục tiêu**: - Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà. - Nhận biết được tác phẩm thơ lãng mạn. - Đọc diễn cảm tác phẩm thơ hiện đại viết theo bút pháp lãng mạn . **Nội dung**: - **GV** sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung. - **HS** dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm. | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | | **Sản phẩm** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Từ phần chuẩn bị ở nhà, hãy trình bày những hiểu biết về tác giả Lưu Trọng Lư và bài thơ Nắng mới.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - GV bổ sung:  + Ông là một trong những nhà thơ khởi xướng Phong trào Thơ mới và rất tích cực diễn thuyết bênh vực “Thơ mới” đả kích các nhà thơ “cũ”.   + Sau Cách mạng tháng Tám, ông tham gia Văn hoá cứu quốc ở Huế. Trong kháng chiến chống Pháp, ông hoạt động tuyên truyền, văn nghệ ở Bình Trị Thiên và Liên khu IV.  + Sau năm 1954, ông tiếp tục hoạt động văn học, nghệ thuật: hội viên Hội nhà văn Việt Nam từ năm 1957, đã từng làm Tổng thư ký Hội nghệ sỹ sân khấu Việt Nam.  + Năm 1991, ông mất tại Hà Nội. Ông đã được trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật năm 2000.  **NV 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc bài thơ: giọng điệu nhẹ nhàng, chậm rãi, tình cảm...  GV đọc mẫu, HS đọc, nhận xét   * Giải nghĩa từ: thiếu thời, giậu, nội, mường tượng.   - HS thảo luận nhóm đôi phiếu học tập số 1 để tìm hiểu chung bài thơ. (HS có thể làm ở nhà, đến lớp trao đổi ý kiến để thống nhất)   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | | | Xuất xứ |  | | Thể thơ, đặc điểm |  | | PTBĐ |  | | Bố cục, mạch cảm xúc |  | | Chủ thể, đối tượng trữ tình |  | | Nhan đề |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**1. Hướng dẫn HS cách đọc  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | | | | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:**  **C:\Users\admin\AppData\Local\Microsoft\Windows\INetCache\Content.MSO\40F425C3.tmp**  **LƯU TRỌNG LƯ (1911-1991)**  - Lưu Trọng Lư (19/6/1911–10/8/1991), là một nhà thơ, nhà văn, nhà soạn kịch Việt Nam.  - Quê quán: làng Cao Hạ, xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.  - Phong cách nghệ thuật: giọng thơ trong trẻo, ý thơ tinh tế  - **Tác phẩm chính**: *Khói lam chiều, Tiếng thu (1939); Tỏa sáng đôi bờ (1959); Người con gái sông Gianh (1966)*  **2. Tác phẩm**  **a) Đọc và giải nghĩa từ**  - Đọc  - Giải nghĩa từ:  ***+ Thầy me (từ cũ):*** bố mẹ + Thiếu thời: thời kì còn bé, còn đang ở độ tuổi thiếu niên ***+ Giậu:*** Tấm tre nứa đan hoặc hàng cây nhỏ, rậm để ngăn sân vườn.  + ***Nội***: cánh đồng + Mường tượng: nhớ lại hoặc tưởng tượng ra trong trí hình ảnh nào đó không rõ ràng **b) Tìm hiểu chung**  - **Xuất xứ**: Trích từ tập thơ “Tiếng thu”  - **Thể thơ**: thơ bảy chữ  Đặc điểm:  *Thơ bảy chữ là thể thơ mỗi dòng có 7 chữ. Các dòng trong bài thơ thường ngắt nhịp 4/3, cũng có khi bắt nhịp ¾. Cách ngắt nhịp còn phụ thuộc vào nghĩa của câu thơ, dòng thơ.*  *Bài thơ sáu chữ hoặc 7 chữ thường có nhiều vần. Vần thường là vần chân(được gieo ở cuối dòng thơ thứ nhất, thứ hai, thứ tư ở mỗi khổ), có thể gieo vần liền (vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ) hoặc cách (vần không được gieo liên tiếp mà thường cách ra 1 dòng thơ*).  - **PTBĐ:** Biểu cảm ( Tự sự, miêu tả)  **- Bố cục:** 2 phần  + Phần 1 (khổ thơ đầu): bức tranh thiên nhiên “nắng mới”.  + Phần 2 (khổ 2, 3): Nỗi nhớ của nhà thơ  **- Mạch cảm xúc:** Đan xen hiện tại và quá khứ.  - Bài thơ là lời của chủ thể trữ tình “tôi”, bộc lộ cảm xúc, tâm tư tình cảm về người mẹ của mình.  - **Nhan đề** được đặt theo một hình ảnh khơi nguồn cảm hứng cho tác giả. |
| **Sản phẩm tổng hợp:**  (SƠ ĐỒ TƯ DUY PHẦN TÁC GIẢ, TÁC PHẨM) | | | | |
| **II. ĐỌC & TÌM HIỂU CHI TIẾT VB** | | | | |
| **1. Bức tranh thiên nhiên nắng mới (Khổ 1).** | | | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS phân tích và nắm được nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của khổ thơ, từ đó thấy được không gian thiên nhiên khơi nguồn cảm xúc và tâm trạng hoài niệm của nhà thơ về người mẹ.  **Nội dung**:  **GV** đặt câu hỏi để tìm hiểu nội dung đoạn thơ  **HS:** Suy nghĩ và làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên. | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **1.Bức tranh thiên nhiên “nắng mới”.**  **? Bức tranh thiên nhiên nắng mới được hiện lên ở thời gian, không gian nào? Tìm những từ ngữ diễn tả tâm trạng nhà thơ? Tìm và nêu tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đặc sắc trong khổ thơ? Từ đó em cảm nhận được gì về bức tranh thiên nhiên nắng mới và tâm trạng của nhà thơ?**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** | | | ***Phương diện*** | ***Từ ngữ*** | | ***Thời gian*** |  | | ***Không gian*** |  | | ***Tâm trạng*** |  | | ***Nghệ thuật*** | | | ***Nhận xét:*** | |     **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:** Đọc khổ thơ thứ nhất và suy nghĩ thảo luận theo nhóm bàn để TLCH  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** Yêu cầu nhóm trưởng trình bày kết quả thảo luận  **HS:** Trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS  - Chốt nội dung (sản phẩm).  - Chuyển dẫn sang nội dung sau. | |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | | | **Phương diện** | **Từ ngữ** | | Thời gian | *Hiện tại, buổi trưa buồn bên song cửa*  – Bình dị nhưng đủ sức lay động lòng người | | Không gian | *Nắng hắt bên song , Âm thanh tiếng gà xao xác, não nùng*  – Không gian hiu hắt | | Tâm trạng | *Xao xác, não nùng, lòng rượi buồn, chập chờn sống lại* | | Nghệ thuật:  - Dùng từ đặc sắc: + hắt: => Gợi không gian hiu hắt, vắng lặng.  - Từ láy “xao xác”, “não nùng” diễn tả âm thanh xao động. Tiếng gà nhấn mạnh sự vắng lặng của không gian, lấy động để tả tĩnh. Cách ngắt nhịp 2/2/3 thể hiện cảm xúc trầm buồn, nhớ thương.  - Từ láy “chập chờn” thể hiện những hình ảnh trong quá khứ dần hiện lên trong tâm trí của nhân vật trữ tình. | | | **- Không gian tĩnh lặng, hiu hắt, đầy 1 màu hoài niệm.**  **- Tâm trạng buồn quạnh hiu xa vắng, nhớ thương những kỉ niệm thuở ấu thơ.** | | | | | |
| ***GV:***Lời thơ viết giản dị, tự nhiên, không một chút cầu kỳ, gọt giũa đúng như Hoài Thanh đã nhận định: *“Lư để lòng mình tràn lan trên mặt giấy”* nhưng vẫn sức lay động lạ kỳ. Kỷ niệm ùa về, lung linh trong màu nắng mới, đánh thức dậy trong tâm hồn nhà thơ cả một thời dĩ vãng tưởng đã nhạt nhòa.  Hiện tại trước mắt mờ dần, nhường chỗ cho quá khứ tràn về. Nhịp cầu đã bắc, hoài niệm mênh mang… *“Những ngày không”* phải chăng là những ngày ấu thơ, khi tác giả còn nhỏ, lòng chưa vướng bận điều gì. Vậy tại sao nó lại khắc sâu trong tâm khảm nhà thơ đến vậy? Bởi vì *“những ngày không”* ấy đã in dấu một kỷ niệm hay hình ảnh một người nào.  Mạch thơ liên tục, trải dài sang khổ hai để chuyển hoàn toàn về quá khứ. Thuyền hồn đã cập bến *“ngày xưa”*, câu chuyện cổ tích về một người mẹ đã bắt đầu. | | | | |
| **2. Nỗi nhớ của nhà thơ (Khổ 2,3)** | | | | |
| **Mục tiêu**: Giúp hs cảm nhận được hình ảnh người mẹ trong kí ức của NVTT, từ đó cảm nhận được nỗi nhớ, tình cảm của nhà thơ dành cho mẹ.  **Nội dung**: **GV** sử dụng KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về hình ảnh người mẹ.  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm. | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Thảo luận nhóm bàn  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 3 bằng cách trả lời các câu hỏi.  - Thời gian: 7 phút   |  | | --- | | **1. Hình ảnh người mẹ hiện lên như thế nào trong tâm tưởng của NVTT?**  **2. Tìm những từ ngữ thể hiện tình cảm của nhà thơ dành cho mẹ?**  **Những nét nghệ thuật nào được tác giả sử dụng để tái hiện hình ảnh người mẹ?**  **Từ đó em có cảm nhận gì về người mẹ và tình cảm của nhà thơ dành cho mẹ?** | | |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3** | | | **Hình ảnh, từ ngữ** | **Nghệ thuật** | | **Hình ảnh người mẹ:** | | |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình)  - Đọc các khổ thơ 2, 3.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:** Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | | | |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3** | | | **1. Hình ảnh, từ ngữ về mẹ**  **- Mẹ đưa áo đỏ ra dậu phơi mỗi khi có nắng mới về.**  **- Nét cười đen nhánh trong ánh trưa hè.**  **1. Từ ngữ thể hiện tình cảm của nhà thơ:**  **nhớ, chửa xóa mờ.** | **Nghệ thuật**  **- Lựa chọn hình ảnh ấn tượng, có hồn.**  **- dùng từ chỉ sắc màu: (áo) đỏ, (nét cười) đen nhánh.**  **- Đối lập trong hình ảnh: Nắng mới hắt bên song >< Nắng mới reo ngoài nội**  => Tái hiện ấn tượng hình ảnh người mẹ và tình cảm của nhà thơ. | | **Hình ảnh người mẹ:** hình ảnh người mẹ hiện lên trong tâm tưởng nhà thơ với đầy đủ nét duyên dáng, hiền từ của người phụ nữ Việt Nam thuở xưa. | | | **Tình cảm của nhà thơ:** Thổn thức, bồi hồi nhớ thương mẹ. | | | |
| *=>* Hình ảnh người mẹ quá cố của nhà thơ từ đầu đến cuối chỉ được phác họa qua ba chi tiết: “nắng mới”, “áo đỏ” và “nét cười”, trong những giây phút xuất thân của họa sĩ – thi sĩ Lưu Trọng Lư, nó đã để lại một ấn tượng đẹp và sâu sắc. Phải chăng là vì ta chợt bắt gặp trong hình ảnh đó một cái gì rất đỗi thân quen như của mẹ ta mà cũng là của tất cả những người phụ nữ Việt Nam thầm lặng hy sinh, thương yêu, chăm sóc chồng con suốt cả cuộc đời.  Không gian nghệ thuật ám ảnh không tách rời hình ảnh người mẹ… Có thể hình ảnh ấy của bà mẹ đã đọng lại và lưu mãi trong tâm trí người đọc khi bài thơ đã hết, tạo một nỗi bùi ngùi, thương cảm. | | | | |
| **GV: Tổng hợp lại kiến thức:** “Nắng mới” là một bài thơ thoạt đọc qua không có gì đặc biệt, nhưng nếu có một tâm hồn đồng cảm, một tình yêu sâu nặng với người đã sinh thành ra mình thì bài thơ thực sự là một tiếng đàn đồng điệu. Hoài Thanh đã từng nói: “Thơ Lưu Trọng Lư không phải là một bài thơ, nghĩa là không phải là một công trình nghệ thuật mà là tiếng lòng thổn thức hòa theo tiếng thổn thức của lòng ta”. | | | | |
| **III. TỔNG KẾT** | | | | |
| **a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh  **b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Theo em, nội dung của văn bản là gì?*  *+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện trong văn bản?*  *+ Em nhận được bức thông điệp nào từ bài thơ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Kí ức về mẹ gắn liền với sự biết ơn, tình yêu tha thiết của NVTT.  **2. Nghệ thuật**  - Thể thơ thất ngôn  - Giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết  - Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ.  - Cách ngắt nhịp đều đặn, chủ yếu là 4/3, gieo vần chủ yếu là vần thông.  **3. Ý nghĩa:**  Bồi đắp thêm tình cảm kính yêu người mẹ, trân trọng tình cảm gia đình cho người đọc. | | |

**3. HĐ 3: Luyện tập (16’)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức cho Hs vẽ tranh hoặc dựng hoạt cảnh, vẽ sơ đồ tư duy

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

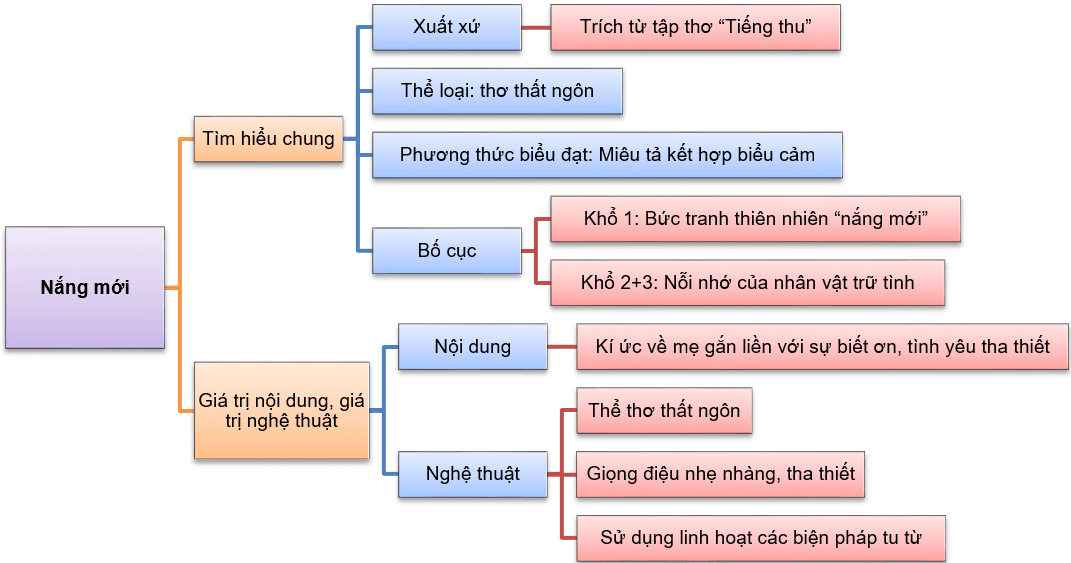
**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

1. ***Vẽ sơ đồ tư duy bài học***

***2. Trong kí ức tuổi thơ của nhân vật “tôi” ở bài “Nắng mới”, người mẹ hiện lên qua những hình ảnh được lựa chọn, để lại ấn tượng sâu đậm cho tác giả. Với em, hình ảnh, chi tiết nào về người mẹ của mình khiến em thấy yêu thương nhất. Hãy chia sẻ bằng 1 đoạn viết khoảng 10 câu văn.***

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**



**4.HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn. **b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ. **c) Sản phẩm:** Tranh vẽ, đoạn văn thuyết trình của HS

**d) Tổ chức thực hiện** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)** \* Tích hợp kiến thức môn Mỹ thuật.

***? Dựa vào nội dung bài thơ, em hãy vẽ tranh về người mẹ gắn liền với 1 công việc của mẹ mà em ấn tượng nhất.***

**B2: Thực hiện nhiệm vụ GV** gợi ý cho HS

**HS:** về nhà làm.

**B3: Báo cáo, thảo luận GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet **HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài ***“Nếu mai em về Chiêm Hóa”***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 2: THƠ SÁU CHỮ, BẢY CHỮ**

**Văn bản: NẾU MAI EM VỀ CHIÊM HÓA**

**– *Mai Liễu* –**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**A.MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt**

- HS nhận biết, phân tích được một số yếu tố hình thức của bài thơ sáu chữ (số chữ ở mỗi dòng, vần, nhịp, từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc…) và tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.

- Hiểu được những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả và các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Nếu mai em về Chiêm Hóa.*

- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của thơ.

**3. Về phẩm chất**: Giúp HS bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU** **1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Hình ảnh liên quan đến lễ hội Lồng Tồng

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SGV, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi:

? Em hãy kể tên một số tác phẩm thơ viết về đề tài tình yêu quê hương, đất nước?

HS kể tên các bài thơ (Quê hương – Tế Hanh; …)

**GV:** *Các em học sinh thân mến, các sáng tác về đề tài này thì nhiều vô kể. Ngày hôm nay, cô muốn giới thiệu cho các em một tác giả mới, tác giả này viết rất nhiều đề tài, nhưng lại dành mối quan tâm đặc biệt cho quê hương và tình người miền núi. Đó chính là tác giả Mai Liễu. Với ông, tình yêu quê hương và tình người miền núi chính là niềm trăn trở, hối thúc tác giả cầm bút. Và nó cứ trở đi, trở lại mãi trong cuộc đời cầm bút của nhà thơ. Hoài niệm về quê hương và cội nguồn của ông được thể hiện sâu sắc trong nhiều bài thơ và nó làm nên một thế giới nghệ thuật riêng không trộn lẫn với bất cứ ai. Mỗi bài thơ giống như một cánh cửa mở vào cõi tâm hồn trĩu nặng tình yêu của nhà thơ đối với quê hương, nguồn cội của mình.* ***“Nếu mai em về Chiêm Hóa”*** *là một trong những bài thơ tiêu biểu của ông về quê hương, mảnh đất Chiêm Hóa – một huyện nằm ở phía Bắc của tỉnh Tuyên Quang. Và ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu bài thơ này*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thể loại thơ bảy chữ và văn bản Nắng mới.

**c. Sản phẩm:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG (…’)** | | | | | |
| **Mục tiêu**: - Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà. - Nhận biết được tác phẩm thơ lãng mạn. - Đọc diễn cảm tác phẩm thơ hiện đại viết theo bút pháp lãng mạn. **Nội dung**: - **GV** sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung. - **HS** dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm. | | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | | | **Sản phẩm** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Từ phần chuẩn bị ở nhà, hãy trình bày những hiểu biết về tác giả Mai Liễu và bài thơ Nếu mai em về Chiêm Hóa.*  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - GV bổ sung:  + Ông là nhà thơ dân tộc Tày, nổi tiếng với những vần thơ thấm đẫm tình yêu quê hương đất nước, đặc biệt là những vần thơ về đồng bào các dân tộc thiểu số vùng cao, biên giới.  + Thơ Mai Liễu khá phong phú về đề tài. Nhà thơ viết nhiều về Bác Hồ, về chiến tranh - người lính, về tình yêu, và gần đây viết nhiều về thế sự, nhưng đề tài mà ông quan tâm hơn cả và qua đó cũng bộc lộ “con người thơ” của mình nhiều hơn cả là quê hương và tình người miền núi.  **NV 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc bài thơ: đọc đúng một số tên riêng; giọng điệu nhẹ nhàng, chậm rãi  GV đọc mẫu, HS đọc, nhận xét   * Giải nghĩa từ:       **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - -HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  ? Nêu hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ của bài thơ  ? Bài thơ được tác giả viết theo thể thơ nào?  ? Nêu các PTBĐ của bài thơ? Đâu là PTBĐ chính?  ? Có thể chia bài thơ này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**1. Hướng dẫn HS cách đọc  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | | | | | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:**  Giáo án Nếu mai em về Chiêm Hóa (Cánh diều 2023) | Giáo án Ngữ văn 8 (ảnh 1)  **MAI LIỄU (1949 – 2020)**  - **Mai Liễu (1949 -2020), tên thật** là Ma Văn Liễu. Khi làm thơ, làm báo, ông lấy bút danh là Mai Liễu.  - **Quê** tại xã Công Đa, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.  - **Phong cách sáng tác**: phong phú về đề tài, viết nhiều về Bác Hồ, về chiến tranh, người lính, tình yêu, thế sự, đặc biệt là quê hương và tình người miền núi.  - **Tác phẩm chính**: Suối làng (1994), Mây vấn bay về núi (1995), Lời then ai buộc (1996), Giấc mơ của núi (2001), Núi vẫn còn mưa (2013) …  **2. Tác phẩm**  **a) Đọc và giải nghĩa từ**  - Đọc - Giải nghĩa từ:  + ***Chiêm Hoá****:* tên một huyện nằm ở phía bắc của tỉnh Tuyên Quang.  ***+ Hội lùng tùng*** (còn gọi là *lồng tồng, lồng tông):* lẻ hội xuống đồng được tổ chức vào dịp đầu xuân của đồng bào các dân tộc Thái. Tày,...  **+ *Mưa tơ rét lộc****:* mưa xuân giăng nhẹ (như tơ), rét vào đầu mùa xuân ở miền Bắc, không quá lạnh, là dịp cây cối dâm chồi nảy lộc.  ***+ Quả còn***: quả cầu bằng vải có nhiều dây màu. dùng để tung, ném làm trò chơi trong ngày hội của một số dân tộc miền núi phía bắc.  **+ *Non Thần:*** núi Bách Thần thuộc thị trấn Vĩnh Lộc của huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.  **+ *Ngừ hoa:*** dây kết bằng len đỏ, đính ở hai bên ngực áo của người phụ nữ Dao đỏ.  **b) Tìm hiểu chung**  - **Xuất xứ**: Trích trong *Thơ Mai Liễu*, NXB Nhà văn, Hà Nội, năm 2015.  - **Thể thơ**: thơ sáu chữ  - **PTBĐ:** Biểu cảm ( Tự sự, miêu tả)  **- Bố cục:** 3 phần  + Phần 1 (khổ 1,2): Bức tranh thiên nhiên vào mùa xuân ở Chiêm Hóa.  + Phần 2 (khổ 3, 4): Vẻ đẹp con người trong mùa xuân.  + Phần 3 (khổ còn lại): Nét riêng trong lễ hội đầu năm ở Chiêm Hóa. |
| **Sản phẩm tổng hợp:**  (SƠ ĐỒ TƯ DUY PHẦN TÁC GIẢ, TÁC PHẨM)  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | | | | | |
| **II. ĐỌC & TÌM HIỂU CHI TIẾT VB** | | | | | |
| **1. Bức tranh thiên nhiên vào mùa xuân ở Chiêm Hóa. ( khổ 1+2)** | | | | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS phân tích và nắm được nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của bài thơ thơ, từ đó thấy được vẻ đẹp đặc sắc của thiên nhiên Chiêm Hóa và tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương của tác giả  **Nội dung**:  **GV** đặt câu hỏi để tìm hiểu nội dung đoạn thơ  **HS:** Suy nghĩ và làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên. . | | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**   |  |  | | --- | --- | | **1.Bức tranh thiên nhiên vào mùa xuân ở Chiêm Hóa ? Bức tranh thiên nhiên mùa xuân ở Chiêm Hóa hiện lên qua những hình ảnh chi tiết nào? Để làm nổi bật vẻ đẹp thiên nhiên, tác giả sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì? Từ đó em cảm nhận được gì về khung cảnh thiên nhiên nơi đây?** | | | **Hình ảnh, chi tiết** | **Biện pháp nghệ thuật** | |  |  | |  | |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:** Đọc hai khổ thơ và suy nghĩ thảo luận theo nhóm bàn để TLCH  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** Yêu cầu nhóm trưởng trình bày kết quả thảo luận  **HS:** Trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS  - Chốt nội dung (sản phẩm).  - Chuyển dẫn sang nội dung sau. | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Hình ảnh, chi tiết** | **Biện pháp nghệ thuật** | | | * **Mưa tơ rét lộc - Mùa măng - Sông Gâm đôi bờ cát trắng - Đá ngồi dưới bến - Non thần xanh ngút ngát.** | **Nhân hóa - Đá ngồi… trông nhau - Non thần hình như trẻ lại.** | **Cách xưng hô: em - ta**   * Tạo cảm giác thân thương | | * Khung cảnh thiên nhiên Chiêm Hóa gần gùi, giản dị nhưng có hồn, tạo nên mùa xuân tươi đẹp, rực rỡ, tràn đầy sức sống mãnh liệt. | | | | | | | |
| ***GV:*** *Cách xưng hô “anh - ta” vừa độc lạ vừa có cái hay riêng. “Em” ở đây không chỉ cụ thể một ai mà nói chung chung về những con người ở quê hương Chiêm Hóa, còn ta chính là tác giả. Thường thì mọi người sẽ trở lại quê hương vào dịp Tết. Chắc vì lý do đó mà tác giả nhắc đến tháng Giêng trong bài. Mưa tơ là những cơn mưa đầu tiên của mùa xuân, không to mà lất phất. Rét lộc tuy ẩm ướt nhưng thuận lợi cho sự hồi sinh của cây cỏ trong thời tiết mùa đông giá rét. Đây chính là điều kiện thiên nhiên của miền núi vào tầm tháng Giêng.*  *Ở vùng miền núi như Chiêm Hóa, sông và núi có thể nói là hai cảnh vật chính ở đây. Cũng chính vì lý do đó mà tác giả đã giành trọn vẹn khổ thơ hai để viết về hai hình ảnh này. Sông Gâm là một con sông có nhánh chảy qua Chiêm Hóa. Việc sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa đã khiên cho cảnh vật trở nên có hồn hơn, sinh động hơn. Sông Gâm với đôi bờ cát trắng với những tảng đá dài. Những tảng đá từ bờ này nhìn sang bờ kia như đang trông nhau. Những hòn núi nhìn như trẻ lại, khoác lên mình bộ quần áo mới màu xanh ngút.*  *GV: Trên nền cảnh thiên nhiên, cảnh vật Chiêm Hóa đẹp đẽ và tươi tắn ấy nổi bật lên hình ảnh con người ở đây và cụ thể là những người con gái bản Tầy, bản Dao xinh đẹp* | | | | | |
| **2. Hình ảnh những người con gái xinh đẹp ở vùng đất Chiêm Hóa ( khổ 3,4)** | | | | | |
| **Mục tiêu**: Hình dung rõ hình ảnh và vẻ đẹp cũng như hoạt động của các cô gái xinh đẹp vùng Chiêm Hóa.  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về hình ảnh những cô gái.  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm. | | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Thảo luận nhóm bàn  - Giao nhiệm vụ: Thảo luận nhóm bàn, trả lời các câu hỏi.  - Thời gian: 5 phút   |  | | --- | | **1.Tìm những chi tiết nổi bật tác giả sử dụng để khắc họa các cô gái vùng đất Chiêm hóa? Đặc sắc nghệ thuật được sử dụng trong hai khổ thơ? Cảm nhận của em con người nơi đây?** | |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình)  - Đọc các khổ thơ 3,4.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:** Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | | | + Cô gái Dao nào cũng đẹp, vòng bạc rung rinh, ngù hoa mơn mởn.  + Con gái bản Tày duyên quá, nụ cười môi mọng.  + NT:  - Liệt kê: các cô gái Dao, cô gái Tày  - Nhân hóa: mùa xuân e cũng lạc đường. | | |
| *=> Con gái Tuyên Quang vừa đẹp lại vừa duyên. Những cô gái Dao duyên dáng, xúng xính trong những món trang sức bạc. Những cô gái Tày lại khiến người ta mê mẩn trong sắc chàm của bộ trang phục truyền thống cùng nụ cười tỏa nắng khiến người ta lạc quên lối về.* | | | | | |
| **3. Nét riêng trong lễ hội đầu năm ở Chiêm Hóa. (Khổ 5)** | | | | | |
| **Mục tiêu**: HS hiểu được tình cảm, thái độ của nhà thơ đối với nét văn hóa đặc sắc, niềm tự hào và ty quê hương của tác giả.  **Nội dung**: **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi  **HS** làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm. | | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  1.Những nét đẹp văn hóa nào được tác giả giới thiệu trong khổ thơ cuối?  2. Việc lặp lại câu thơ “Nếu mai em về Chiêm Hóa” có tác dụng gì? Qua đó, em hiểu nhà thơ là người ntn?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: đọc ngữ liệu trong SGK (khổ 5), suy nghĩ cá n hân để trả lời câu hỏi, trao đổi cặp đôi.  **GV**: giải thích, bình thêm.  **GV: cho HS xem lễ hội lùng tùng và trò chơi ném còn.**  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**- Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS**- Gọi HS trải lời câu hỏi  - Các hs khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau. | | | | *Nếu mai em về Chiêm Hóa*  *Đầu xuân đi hội lùng tùng*  *Quả còn chạm vai thì nhặt*  *Ngày lành duyên tốt mừng nhau.*  **\* Những nét đặc sắc văn hóa:**  - Hội lùng tùng  - Trò chơi dân gian: ném còn giao duyên đầu năm  **=> Nét văn hóa truyền thống, mang đậm bản sắc dân tộc của người dân miền núi phía Bắc, tạo nên những giá trị văn hóa tiêu biểu của dân tộc VN**.  **\* NT:** Câu thơ được lặp lại 2 lần (khổ đầu và khổ cuối) tạo nên kết cấu đầu cuối tương ứng, giống như một lời mời gọi mọi người hãy đến thăm quê hương Chiêm Hóa, tham gia lễ hội xuân truyền thống của quê hương.  **\* Tình cảm của nhà thơ với quê hương:**  Sự nhớ thương cũng như mong muốn trở về quê hương của tác giả rất mãnh liệt. Muốn trở về quê để đi hội xuân, để chơi những trò chơi dân gian, để gặp mọi người, những người có duyên.  **=>Tình yêu quê hương, nỗi nhớ quê hương tha thiết của tác giả Mai Liễu.** | |
| **GV: Tổng hợp lại kiến thức:**  *Với lời thơ giản dị, giàu cảm xúc, ngôn ngữ đậm chất dân tộc "Nếu mai em về Chiêm Hóa” đã cho thấy tình yêu quê hương cùng mong muốn được về quê sâu sắc. Dù đi đâu thì được trở về quê hương cũng là điều hạnh phúc nhất. Nơi đó không chỉ là vùng đất nơi ta lớn lên mà còn có gia đình, có ba mẹ chờ đợi.* | | | | | |
| **III. TỔNG KẾT (…’)** | | | | | |
| **Mục tiêu**: Khái quát được nội dung, nghệ thuật của bài thơ  **Nội dung**:  - GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản…  - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm | | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** | | | |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide | | **1. Nghệ thuật:**   * Thể thơ sáu chữ, giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết. * Ngôn ngữ thơ trong sáng, giản dị mà giàu sức gợi. Sử dụng hiệu quả các biện pháp tu từ.   **2. Nội dung:**  - Thể hiện sự hoài niệm sâu sắc của tác giả về quê hương.  - Khắc họa rõ nét vẻ đẹp thiên nhiên, con người cùng những nét đẹp văn hóa độc đáo của vùng đất Chiêm hóa quê hương ông.  - Tình yêu và nỗi nhớ quê hương tha thiết của nhà thơ  **3. Ý nghĩa:**  - Tình yêu, niềm tự hào quê hương của tác giả.  - Nhắc nhở chúng ta hãy cố gắng phát huy, giữ gìn các nét đẹp văn hóa truyền thống của quê hương cũng như của dân tộc VN. | | | |

**3. HĐ 3: Luyện tập (16’)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học để chơi trò chơi ô chữ.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân-> trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

*Giả sử sau dấu ba chấm “Nếu mai em về ….” Là tên vùng đất quê hương em, thì em sẽ chia sẻ những hình ảnh, chi tiết nào của quê hương mình? Vì sao em lại chọn các chi tiết, hình ảnh ấy?*

* **Viết một đoạn văn ngắn để giới thiệu về vùng đất quê hương em với những nét đặc trưng và vẻ đẹp riêng của vùng đất ấy?**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**4.HĐ 4: Vận dụng**

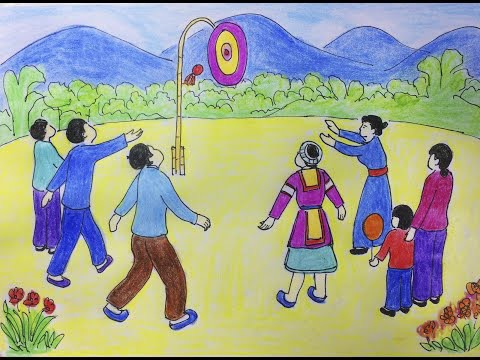
**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn. **b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ. **c) Sản phẩm:** Tranh vẽ, đoạn văn thuyết trình của HS

**d) Tổ chức thực hiện** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)** \* Vẽ sơ đồ tư duy khái quát tác giả, tác phẩm \* Tích hợp kiến thức môn Mỹ thuật, lĩnh vực văn hóa. ? Dựa vào nội dung bài thơ, em hãy vẽ bức tranh về thiên nhiên, con người, nét đẹp văn hóa vùng đất Chiêm hóa?

? Các em làm gì để giữ gìn, phát huy những nét đẹp văn hóa của dân tộc?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ GV** gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản và qua quan sát, tìm hiểu của cá nhân **HS:** suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn. **B3: Báo cáo, thảo luận GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet **HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài ***“Đường về quê mẹ”***

*********Gợi ý:***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 2.**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:SẮC THÁI NGHĨA CỦA TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

**-** Củng cố kiến thức đã học và làm bài tập thực hành tiếng Việt*: Sắc thái của từ ngữ* (khái niệm, đặc điểm và hiệu quả lựa chọn từ ngữ)

- Luyện tập theo các bài tập: *Thực hành tiếng Việt - Sắc thái của từ ngữ*

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

- *Năng lực tự chủ và tự học:*biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:*biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

**b.Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được sắc thái nghĩ của từ ngữ và hiệu quả lựa chọn từ ngữ.

- Hiểu được cách thức lựa chọn sắc thái từ ngữ trong việc tạo lập văn bản

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

- Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhóm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**-** GV cho học sinh xem video

**-**GV chiếu đoạn ngữ liệu sau:

*Xe chúng tôi leo chênh vênh trên dốc cao của con đường xuyên tỉnh. Những đám mây trắng nhỏ sà xuống cửa kính ô tô tạo nên cảm giác****bồng bềnh****huyền ảo. Chúng tôi đang đi bên những thác****trắng xóa****tựa mây trời, những rừng cây âm âm, những bông hoa chuối rực lên như ngọn lửa. Tôi lim dim mắt ngắm mấy con ngựa đang ăn cỏ trong một vườn đào ven đường. Con****đen huyền****, con****trắng tuyết****, con đỏ son, chân dịu dàng, chùm đuôi cong lướt thướt liễu rủ.*  
*(Đường đi Sa Pa, theo Nguyễn Phan Hách)*

- Gv yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: *Tìm những từ đồng nghĩa với các từ in đậm trên và giải thích tại sao tác giả chọn những từ in đậm mà không chọn những từ đồng nghĩa khác?*

**Bước 2:** **HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS liên hệ thực tế, suy ngẫm và chọn lọc thông tin.

- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết)

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV mời bất kì 2-3 HS trình bày trước lớp.

- GV yêu cầu HS khác lắng nghe và bổ sung (nếu có).

**Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá.

- GV gợi mở:

*+ Từ đồng nghĩa với trắng xóa: Trắng tinh, Trắng muốt, trắng ngần, trắng phau..*

*+ Từ đồng nghĩa với bồng bềnh: bập bềnh, bập bồng, bềnh bồng, dập dềnh.*

*+ Từ đồng nghĩa với đen huyền: đen ngòm, đen láy, đên nhẻm, đen trũi,…*

*Giải thích:*

*Tác giả sử dụng những từ in đậm trên là vì những từ trên tạo nhịp điệu cho văn bản và tăng tính chân thực hấp dẫn giúp người đọc dễ hình dung và tưởng tưởng cảnh sắc của Sa Pa.*

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Như vậy, việc sử dụng một từ ngữ mang nhiều ý nghĩa khác nhau đã tạo nên sắc thái từ vô cùng đa dạng, phong phú. Tuy nhiên, việc sử dụng từ ngữ như thế nào phù hợp với văn cảnh của từng câu văn, nâng cao hiệu quả trong giao tiếp thì bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về Sắc thái nghĩa của từ ngữ.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về sắc thái nghĩa của từ**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách xác định sắc thái nghĩa của từ, cách sử dụng từ ngữ phù hợp với văn cảnh trong câu.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhiệm vụ 1: Hiểu biết chung về  sắc thái nghĩa của từ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân dựa vào kiến thức đã*,* trả lời các câu hỏi:  ***+****Nêu khái niệm sắc thái nghĩa của từ?*  *+ Nêu đặc điểm sắc thái nghĩa của từ? Cho ví dụ?*  **Bước 2:** **HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết)  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**  - GV mời một số học sinh trình bày các nội dung:  ***+****Nêu khái niệm sắc thái nghĩa của từ?*  *+ Nêu đặc điểm sắc thái nghĩa của từ? Cho ví dụ?*  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - GV dẫn dắt sang nội dung mới  **Nhiệm vụ 2: Phân biệt sắc thái nghĩa của từ và từ đồng nghĩa**  **Bước 1:** **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành ba nhóm thực hiện các nhiệm vụ sau:  \*  *Phân biệt sắc thái nghĩa của những từ đồng nghĩa trong các câu sau:*  *a) Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao*  *b) Tháng tám trời thu xanh thắm*  *c) Một vùng cỏ mọc xanh rì*  *d) Nhớ từ sóng Hạ Long xanh biếc*  *e) Suối dài xanh mướt nương ngô*  **Bước 2:** **HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo nhóm, vận dụng kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ.  - Gv quan sát, nêu một và hỗ trợ (nếu cần thiết)  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận.**  - Gv mời đại diện 3 nhóm trình bày về kết quả thảo luận của mình  - Gv yêu cầu HS lắng nghe và nhận xét đồng đẳng hoặc bổ sung (nếu có)  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  - GV dẫn dắt sang nội dung mới. | **I. Tri thức tiếng việt**  **1. Hiểu biết chung về sắc thái nghĩa của từ**  - Sắc thái nghĩa là nét nghĩa bổ sung cho nghĩa cơ bản của từ ngữ. Các sắc thái nghĩa chủ yếu của từ ngữ gồm:  + Sắc thái miêu tả, ví dụ: các từ ghép như trắng tinh, trắng xóa đều chỉ mang màu trắng nhưng được phân biệt với nhau nhờ các yếu tố phụ (trắng tinh: rất trắng, thuần một màu, gây cảm giác rất sạch; trắng xóa; trắng đều khắp trên diện rộng)  +Sắc thái biểu cảm, ví dụ: các từ thuần Việt như cha, mẹ, vợ,…thường có sắc thái thân mật, còn các từ Hán Việt đồng nghĩa như thân phụ, thân mẫu, phu nhân,…thường có sắc thái trang trọng.  Trong nói (viết), cần lựa chọn các từ ngữ có sắc thái nghĩa phù hợp để nâng cao hiệu quả giao tiếp.  **2. Phân biệt sắc thái nghĩa của từ và từ đồng nghĩa**  Ví dụ: *Phân biệt sắc thái nghĩa của những từ đồng nghĩa trong các câu sau:*  *a) Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao*  *b) Tháng tám trời thu xanh thắm*  *c) Một vùng cỏ mọc xanh rì*  *d) Nhớ từ sóng Hạ Long xanh biếc*  *e) Suối dài xanh mướt nương ngô*  *Trả lời:*  a) Xanh một màu xanh trên diện rộng  b) Xanh tươi đằm thắm.  c) Xanh đậm và đều màu của cây cỏ rậm rạp.  d) Xanh lam đậm và tươi ánh lên.  e) Xanh tươi mỡ màng. |

**B.HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** **sử dụng sắc thái nghĩa của từ phù hợp với ngữ cảnh câu văn**

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1, 2. Chia lớp thành 6 nhóm.  + Nhóm 1,3,5: Bài tập 1  + Nhóm 2,4,6: Bài tập 2  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - Đại diện nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 3 (trang 47/SGK).  - GV hướng dẫn HS cách xác định nghĩa của các từ láy và tác dụng của chúng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 4 (trang 47/SGK).  - GV hướng dẫn HS cách xác định sác thái nghĩa của từ rượi buồn.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Thực hành**  **Bài tập 1 (trang 46/SGK)**  - Từ đồng nghĩa với từ ngút ngát: ngút ngàn, bạt ngàn.  - Bài thơ sử dụng từ ngút ngát phù hợp trong ngữ cảnh này vì từ lột tả được màu sắc xanh trải dài, bất tận, vượt qua khỏi tầm mắt với mức độ cao nhất.  **Bài tập 2 (trang 47/SGK)**  - Các từ đồng nghĩa với từ đỏ: thắm, hồng, đỏ au.  - Sự khác nhau về sắc thái nghĩa:  + Thắm: chỉ màu đỏ đậm và tươi.  + Hồng: chỉ màu đỏ nhạt và tươi.  + Đỏ au: đỏ tươi, ửng đỏ một cách tươi nhuận.  - Những từ đó là những từ phù hợp nhất để miêu tả sự vật vì nó mang ý nghĩa, sắc thái liên quan đến sự vật đó.  **Bài tập 3 (trang 47/SGK)**  - Các từ láy trong khổ thơ:  + Xao xác: từ gợi tả tiếng như tiếng gà gáy,.. nối tiếp nhau làm xao động cảnh không gian vắng lặng.  + Não nùng: chỉ sự buồn đau tê tái và day dứt.  + Chập chờn: ở trạng thái khi ẩn khi hiện, khi tỏ khi mờ, khi rõ khi không.  - Tác dụng: giúp khơi gợi dòng hồi tưởng về mẹ của tác giả. Qua đó gợi lên kí ức về mẹ đầy gần gũi, thân thuộc,.  **Bài tập 4 (trang 47/SGK)**  - Trình bày thành một đoạn văn từ 5 – 7 dòng.  - Từ rượi buồn: mang ý nghĩa chỉ nỗi buồn, đầy ủ rũ với mức độ cao.  - Nếu thay từ “rượi buồn” thành các từ đồng nghĩa như “âu sầu”, “rầu rĩ” hay “buồn bã”, nó sẽ không lột tả rõ được tâm trạng, cảm xúc của tác giả khi nghĩ về người mẹ của mình. |

**C.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**Hoạt động 3: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  \*NV1  - GV tổ chức cho hs tham gia trò chơi: Vua Tiếng Việt:  **Câu 1:** Tìm từ đồng nghĩa cho từ in đậm trong câu sau: *“Học sinh phải có* ***nghĩa vụ*** *học tập.”*  A. trách nghiệm  B. nhiệm vụ  C. tinh thần  D. tác phong  **Câu 2:** [Dòng nào thể hiện đúng cách sử dụng từ đồng nghĩa?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/dong-nao-the-hien-dung-cach-su-dung-tu-dong-nghia-d-can-nhac-de-chon-tu-dong-62139)  A. Chỉ có thể thay từ Hán Việt đồng nghĩa cho từ thuần Việt  B. Chỉ có thể thay từ thuần Việt đồng nghĩa cho từ Hán Việt  C. Có thể thay bất cứ từ đồng nghĩa nào cho nhau  D. Cân nhắc để chọn từ đồng nghĩa thể hiện đúng nghĩa và sắc thái biểu cảm  **Câu 3:** Nhóm các từ nào là từ đồng nghĩa chỉ hoạt động nhận thức của trí tuệ?  A. xét đoán, xét nghiệm, phán xét  B. đoán định, tiên đoán, độc đoán  C. thông minh, lanh lợi, giỏi giang  D. nghĩ ngợi, suy nghĩ, nghiền ngẫm  **Câu 4:** Điền các từ láy thích hợp vào chỗ trống:  *Mưa xuống..., giọt ngã, giọt bay, bụi nước tỏa trắng xóa. Trong nhà bỗng tối sầm, một mùi nồng ..., cái mùi xa lạ, man mác của những trận mưa mới đầu mùa. Mưa... trên sân gạch. Mưa ... trên phiến nứa, đập…vào lòng lá chuối.*  A. ngai ngái – rào rào – đồm độp – bùng bùng – sầm sập  B. sầm sập – ngai ngái – rào rào – đồm độp – bùng bùng  C. đồm độp – bùng bùng – ngai ngái – rào rào – sầm sập  D. rào rào – đồm độp – bùng bùng – sầm sập – ngai ngái  **Câu 5:** Từ nào có thể thay thế cho từ “**chết**” trong câu “Xe của tôi bị **chết** máy”?  A. Hỏng  B. Qua đời  C. Tiêu đời  D. Mất  **Câu 6:** Sắc thái nghĩa của từ “**trắng ngần**” trong câu “Hạt gạo **trắng ngần**” là gì?  A. Trách một cách nhợt nhạt  B. Trắng và mịn màng  C. Trắng, bóng, vẻ tinh khiết, sạch sẽ  D. Trắng đều khắp trên một diện rộng  **Câu 7:** Trong nhóm từ dưới đây, từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại?  *“Tổ tiên, tổ quốc, đất nước, giang sơn, sông núi, non sông, nước non, non nước”*  A. Tổ tiên  B. Giang sơn  C. Non sông  D. Non nước  **Câu 8:** Từ nào dưới đây có thể thay thế từ ngữ được gạch chân trong câu văn sau:  “Mời bác **xơi** nước.”  A. thử  B. chén  C. uống  D. nếm  - HS thực hiện yêu cầu.  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  \*NV2:  - Viết đoạn văn (khoảng 5-7 dòng) về sắc thái nghĩa của từ “Rượi buồn”(buồn rượi) trong bài “Nắng mới” Của Lưu Trọng Lư và sử dụng phù hợp của từ đó đối với yêu cầu diễn tả tâm trạng của tác giả so với từ đồng nghĩa.  - GV hướng dẫn HS viết đoạn văn, trong đó có sử dụng từ đồng nghĩa với từ “rượi buồn” để diễn tả tâm trạng của tác giả trong bài thơ “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **III.Vận dụng**  Đáp án: 1.B 2. D  3. C 4. B 5. A 6.C 7.A 8.C  HS thực hành viết đoạn văn.  - Có rất nhiều từ ngữ miêu tả cảm xúc buồn của con người trong đó có từ *“rượi buồn”* mà tác giả Lưu Trọng Lư đã sử dụng trong bài thơ “Nắng mới” của mình. Rượi buồn chỉ một nỗi buồn ủ rũ và mênh mang, nỗi buồn ấy như bao trùm lấy không gian, thời gian và cảnh vật. Gợi ra tâm trạng của người con khi nhớ về người mẹ quá cố. Có rất nhiều từ ngữ thể hiện nỗi buồn nhưng từ “rượi buồn” là phù hợp hơn cả trong việc bộc lộ cảm xúc của tác giả. |

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU : ĐƯỜNG VỀ QUÊ MẸ**

**(Đoàn Văn Cừ)**

**( 1tiết )**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS hiểu được những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả và các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ *Đường về quê mẹ*.

- Nắm được ý nghĩa bài thơ thông qua bức tranh thiên nhiên và vẻ đẹp tâm hồn của con người.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Đường về quê mẹ.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Đường về quê mẹ.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: tình yêu quê hương đất nước, tình cảm gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật, những hình ảnh liên quan đến chủ đề bài học *Đường về quê mẹ.*

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp.

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS: *Chia sẻ những cảm xúc, suy nghĩ của em khi mỗi lần được về quê.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Quê hương luôn là điểm tựa,là hành trang ,là động lực của mỗi người con người. Quê hương chứa đựng cả một vùng kí ức đẹp đẽ, đầy êm đềm và thơ mộng. Đây cũng là chủ đề sáng tác phổ biến đối với rất nhiều nhà thơ, nhà văn . Một trong những tác giả tiêu biểu là nhà thơ Đoàn Văn Cừ với vô vàn các tác phẩm thành công để đời. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về một bài thơ của ông trong chủ đề này nhé!*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Đường về quê mẹ*.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm *Đường về quê mẹ.*

**c. Sản phẩm:** HS nêu được một số nét về tác giả Đoàn Văn Cừ và thông tin tác phẩm *Đường về quê mẹ*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG (…’)** | | | | | |
| **Mục tiêu**: - Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà. - Nhận biết được tác phẩm thơ bảy chữ. - Đọc diễn cảm tác phẩm thơ.  **Nội dung**: - **GV** sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung. - **HS** dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm. | | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | | | **Sản phẩm** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Từ phần chuẩn bị ở nhà, hãy trình bày những hiểu biết về tác giả Đoàn Văn Cừ và bài thơ Đường về quê mẹ.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - GV bổ sung:  + Ông được bạn đọc biết đến từ những bài thơ viết về hội hè, đình đám, chợ tết nông thôn đăng trên báo Ngày nay của nhóm Tự lực văn đoàn.  + Ông vốn là một giáo viên tiểu học, hay làm thơ và đã từng có tập thơ Thôn ca in từ năm 1939.  + Từ năm 1948 đến 1952, ông phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam.  + Từ năm 1955, ông công tác ở Chi hội văn nghệ Liên khu II, sau đó công tác ở NXB Phổ thông. Đến tuổi nghỉ hưu ông về lại quê hương xã Trực Nội, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định vui với thú điền viên xưa cũ.  + Ông viết không nhiều. Sau tập Thôn ca I (1939) ông có tập Thôn ca II (1960), NXB Văn học ấn hành. Năm 1979, Hội văn học nghệ thuật tỉnh Hà Nam Ninh cho in tập “Dọc đường xuân” tập hợp một số bài thơ của ông.  **NV 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc bài thơ: đọc đúng một số tên riêng; giọng điệu nhẹ nhàng, chậm rãi  GV đọc mẫu, HS đọc, nhận xét   * Giải nghĩa từ:   - GV đặt tiếp câu hỏi:  ? Xuất xứ văn bản?  *? Bài thơ được viết theo thể thơ nào?*  *? Phương thức biểu đạt của bài thơ?*  *? Bố cục của văn bản?*  *? Ý nghĩa nhan đề của bài thơ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - -HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  ? Nêu hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ của bài thơ ?  ? Bài thơ được tác giả viết theo thể thơ nào?  ? Nêu các PTBĐ của bài thơ? Đâu là PTBĐ chính?  ? Có thể chia bài thơ này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **?** Ý nghĩa nhan đề bài thơ ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**1. Hướng dẫn HS cách đọc  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | | | | | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**    **-Đoàn Văn Cừ (1913 – 2004)**  - Quê: thôn Đô Đò, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định  - Gia đình: sinh ra trong một gia đình nông dân.  - Ông còn có các bút danh khác là Kẻ Sĩ, Cư sĩ Nam Hà, Cư sĩ Sông Ngọc và ngoài thơ ông cũng sáng tác văn xuôi.  **2. Tác phẩm**  **a) Đọc và giải nghĩa từ**  - Đọc - Giải nghĩa từ:  + ***U****:* mẹ .  ***+ Dặm liễu :*** *chỉ đường xa*  **+ Hai thân :** cha mẹ  ***+ Đề :*** .thuộc loại đa, lá có mũi nhọn dài.  **+The :**hàng dệt bằng tơ nhỏ sợi, mặt thưa, mỏng, không bóng , thời trước dùng để may áo dài .  **b) Tìm hiểu chung**  - Xuất xứ: Thơ Mới 1932 – 1945: Tác giả và tác phẩm, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2001.  - **Thể thơ**: thơ bảy chữ  - **PTBĐ:** Biểu cảm ( Tự sự, miêu tả)  **- Bố cục:** 4 phần  + Phần 1 : Không gian và thời gian khi “tôi” về quê.(Khổ 1)  + Phần 2: Bức tranh thiên nhiên và con người nơi làng quê ( khổ 2,4).  + Phần 3: Hình ảnh người mẹ trên con đường về quê (khổ 3,5).  + Phần 4: Những tâm tư, tình cảm của tác giả về nơi cội nguồn ( khổ 6).  - Bài thơ là lời của người con – nhân vật “tôi”.  - Nhan đề bài thơ được đặt theo một hình ảnh khơi nguồn cảm xúc trong tác giả, miêu tả khung cảnh đồng quê trên đường đi của mấy mẹ con đã hiện lên những kí ức đẹp về thiên nhiên và con người quê ngoại. |
| **Sản phẩm tổng hợp:**  (SƠ ĐỒ TƯ DUY PHẦN TÁC GIẢ, TÁC PHẨM) | | | | | |
| **II. ĐỌC & TÌM HIỂU CHI TIẾT VB** | | | | | |
| **1. Không gian và thời gian khi “tôi” về quê ( khổ 1).** | | | | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS phân tích và nắm được nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của bài thơ, từ đó thấy được vẻ đẹp đặc sắc của thiên nhiên và vẻ đẹp của con người .  **Nội dung**: Tâm trạng vui mừng, háo hức của người con mỗi lần cùng mẹ về quê ngoại.Đồng thời còn thể hiện tình cảm yêu mến, niềm tự hào của con về vẻ xinh đẹp, nết na của mẹ .  **GV** đặt câu hỏi để tìm hiểu nội dung đoạn thơ  **HS:** Suy nghĩ và làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên. | | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**   |  |  | | --- | --- | | **1. Không gian và thời gian khi “tôi” về quê (khổ 1).**  *? Nhân vật “tôi” về quê mẹ vào thời điểm nào? Không gian khi mẹ đưa nhân vật “tôi” về quê có gì đặc biệt?*  *? Nhận xét về cách xưng hô “u”, cách gọi “hai thân” của tác giả.* | | | **Thời gian** | **Không gian** | |  |  | |  | |     **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:** Đọc hai khổ thơ và suy nghĩ thảo luận theo nhóm bàn để trả lời câu hỏi.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** Yêu cầu nhóm trưởng trình bày kết quả thảo luận  **HS:** Trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS  - Chốt nội dung (sản phẩm).  - Chuyển dẫn sang nội dung sau. | ***a. Thời gian***  - “Tôi” về quê mẹ khi đã lớn.  - Thường về vào “mỗi mùa xuân” gặp mặt, thăm hỏi họ hàng bên quê ngoại.  → Tác giả mở đầu bằng hồi ức của đứa con vẫn giữ lại trong trí tưởng hình ảnh lúc bé theo mẹ về thăm quê ngoại.  ***b. Không gian***  - “Dặm liễu mây bay sắc trắng ngần”: vừa miêu tả khung cảnh thiên nhiên, vừa thể hiện cách điệu sắc đẹp ngoại hình của mẹ: nhẹ nhàng, tinh tế, thướt tha, đầy uyển chuyển...  - “U” - là cách gọi mẹ của dân mấy huyện xung quanh thành Nam.  - “Hai thân” - là cách gọi bố mẹ thể hiện sự kính trọng.  → Gần gũi, đầy văn hóa. | | | | |
| ***GV:*** *khái quát nội dung khổ 1 và chuyển nội dung tiếp theo .* | | | | | |
| **2. Bức tranh thiên nhiên và con người nơi làng quê ( khổ 2,4)** | | | | | |
| **Mục tiêu**: Hình dung rõ hình ảnh thiên nhiên và vẻ đẹp của con người nơi làng quê.  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để trình bày sản phẩm. | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, quan sát khổ 2, 4 và trả lời câu hỏi sau:  *? Liệt kê các hình ảnh, chi tiết về thiên nhiên và con người?*  *? Nhận xét về màu sắc, đường nét của bức tranh thiên và vẻ đẹp tâm hồn con người được thể hiện trong tác phẩm ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | | | - Hình ảnh quen thuộc trên con đường mẹ dẫn “tôi” về quê:  + *Những rặng đề, những dòng sông trắng lượn ven đê, cồn xanh*, *bãi tía*.  + Khung cảnh chiều quê: *đường xa nắng nhạt vàng, trời xanh, cò trắng bay từng lớp, xóm chợ lều phơi xác lá bàng.*  - Cuộc sống nơi thôn quê:  + Người làm đất trồng cây: *người xới cà, ngô rộn bốn bề.*  *+* Cảnh những người nông dân bới khoai gánh về thôn ấp *“đoàn người về ấp gánh khoai lang”*.  → Hình ảnh quen thuộc của làng quê Việt Nam. Cảnh vật vừa sinh động, tràn đầy sức sống, hiện lên như một bức tranh thôn quê với những màu sắc và đường nét được phối hài hòa. | | |
| => Thiên nhiên và con người hiện lên đầy vẻ mộc mạc, giản dị đến lạ nhưng cũng đầy thân thương, yên bình của một làng quê, mà khiến cho ai đi đâu cũng nhớ về. | | | | | |
| **3. Hình ảnh người mẹ trên con đường về thăm quê (Khổ 3,5)** | | | | | |
| **Mục tiêu**: HS cảm nhận được vẻ đẹp của người mẹ ...  **Nội dung**: **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi  **HS** làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm. | | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *? Tác giả đã khắc họa hình ảnh về người mẹ trên con đường về quê qua những chi tiết nào?*  *? Em hiểu nghĩa của từ ngữ “mang đi” trong dòng 20 là gì?*  *? Em có nhận xét gì về tình cảm của tác giả dành cho mẹ?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức: Qua những chi tiết đó, bài thơ đã thể hiện được tình cảm yêu mến, niềm tự hào của con về vẻ xinh đẹp, nết na của mẹ.  **NV4:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời:  *? Ở khổ thơ cuối, lời khen của những người cùng quê dành cho mẹ như thế nào?*  *? Bài thơ đã diễn tả được tâm trạng và tình cảm gì của nhà thơ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | | | | - *Thúng cắp bên hông, nón đội đầu:*  + Thúng: vật dụng đựng đồ vật để buôn bán hay di chuyển, mang đi.  + Nón: dùng để che nắng, mưa.  - Khuyên vàng, yếm thắm, áo the nâu (trang phục của người con gái thời xưa).  - Ngoại hình: mắt sáng, môi hồng, má đỏ au.  → Dưới cái nhìn của “tôi”, hình ảnh người mẹ hiện lên là một người phụ nữ đẹp người, đẹp nết, có cảm nhận mẹ mình như thời con gái.  - Khi về làng:  + “Tà áo nâu in giữa cánh đồng, gió chiều cuốn bốc bụi sau lưng”: mẹ khép mình, như tránh những làn bụi hắt.  + “bóng người thôn nữ”: người con gái làng quê.  + “cúi nón” che đi cặp má hồng.  **→ Hình ảnh người mẹ như e ấp, “tôi” cảm thấy mẹ mình như bao cô gái quê ở tuổi cập kê, khép nép, đầy dịu dàng .**  **4/ Những tâm tư, tình cảm của tác giả về nơi cội nguồn.**  - Khen “u nết thảo hiền”, dẫu đã lấy chồng nhưng vẫn không quên đường về quê.  → Người mẹ hiện lên với nết “thảo hiền” dễ mến. Dù lấy chồng xa xứ nhưng mẹ vẫn không quên đường về quê mẹ, vẫn về thăm quê hương, tổ tiên, ông bà, cha mẹ, họ hàng.  - Bài thơ đã thể hiện tình cảm gắn bó của tác giả đối với quê hương. Đồng thời còn thể hiện tình cảm yêu mến, niềm tự hào của con về vẻ xinh đẹp, nết na của mẹ. | |
| **GV: Tổng hợp khái quát kiến thức:**  – Đừng bao giờ quên Đường về quê mẹ! Trong trí tưởng người đọc: Mẹ ở đây đã trở thành Mẹ tổ quốc – Mẹ Việt Nam mến yêu... | | | | | |
| **III. TỔNG KẾT (…’)** | | | | | |
| **Mục tiêu**: Khái quát được nội dung, nghệ thuật của bài thơ.  **Nội dung**:  - GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản…  - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm | | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** | | | |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide | | **1. Nghệ thuật:**  - Thể thơ bảy chữ cùng lời thơ giản dị, mộc mạc.  - Nhịp thơ linh hoạt.  - Lối miêu tả chân thực, gần gũi, đầy sinh động.  **2. Nội dung:**  - Văn bản nói về những dòng hoài niệm và tâm trạng vui mừng, háo hức của người con mỗi lần cùng mẹ về quê ngoại.  - Thể hiện tình cảm yêu mến, niềm tự hào của con về người mẹ.  **3/ Ý nghĩa :**  - Tình yêu, sự gắn bó với quê hương của tác giả. Và sự yêu mến , niềm tự hào của người con về vẻ xinh đẹp, đằm thắm của người mẹ.  - Nhắc nhở chúng ta hãy luôn nhớ về cội nguồn với lòng biết ơn và kính trọng. | | | |

**3. HĐ 3: Luyện tập (16’)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học để làm một số dạng bài tập.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân-> trả lời các câu hỏi của gv.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

**-Viết một đoạn văn ngắn diễn tả tâm trạng khi được về quê?**

**-Đoạn văn cảm nghĩ về người mẹ trong bài?**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**4.HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ. **c) Sản phẩm:** Tranh vẽ, đoạn văn thuyết trình của HS

**d) Tổ chức thực hiện** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)** \* Tích hợp kiến thức môn Mỹ thuật, lĩnh vực văn hóa. ? Dựa vào nội dung bài thơ, em hãy cảm nhận về vẻ đẹp của người mẹ bằng việc vẽ tranh hoặc thuyết trình .

? Bài thơ bồi đắp cho em tình cảm gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ GV** gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản và qua quan sát, tìm hiểu của cá nhân.

**HS:** suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn. **B3: Báo cáo, thảo luận GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

\* **Dặn dò**: chuẩn bị trước bài :

**Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ**

.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 2: THƠ SÁU CHỮ, BẢY CHỮ**

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM NGHĨ SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ SÁU CHỮ, BẢY CHỮ**

Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Đặc điểm về hình thức (thể loại, vần nhịp, các hình ảnh, chi tiết nghệ thuật, các biện pháp tu từ,…) và nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng, tình cảm,…) của bài thơ sáu chữ,bảy chữ.

- Suy nghĩ, cảm xúc, ấn tượng về một bài thơ sáu chữ, bảy chữ em đã được học, được đọc, được nghe hoặc sưu tầm,…

***2. Về năng lực:***

- Biết viết một đoạn văn đảm bảo yêu cầu về hình thức, nội dung.

- Sử dụng năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học để trình bày những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc, ấn tượng của bản thân về một bài thơ sáu chữ, bảy chữ.

- Rèn luyện kĩ năng tư duy, hình thành ý tưởng và trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo, giàu sức thuyết phục.

***3. Về phẩm chất:***

- Biết cảm nhận, rung động trước vẻ đẹp của cuộc sống và con người.

- Yêu quý, trân trọng những nhân vật, sự vật, sự việc cao đẹp, ý nghĩa trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.  **c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  - GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS: *Ở chương trình học lớp 7, các em đã làm quen với cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ. Hãy nhắc lại kiến thức về những điểm cần lưu ý về hình thức và nội dung khi viết.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong chương trình Ngữ văn lớp 7, em đã được tìm hiểu và thực hành cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ 4 chữ, 5 chữ. Trong phần Viết của bài học này, em sẽ tiếp tục được rèn luyện kĩ năng này để ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ mà em yêu thích.* | |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 1:Định hướng**  **a. Mục tiêu:** Nhận biết được yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc đoạn văn (trang 50/SGK) và thực hiện trả lời các yêu cầu trong bài:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP**  **(Phân tích đoạn văn mẫu)**  ***Đọc đoạn văn sau để nhận biết các yếu tố nội dung và hình thức được người viết quan tâm khi phát biểu cảm nghĩ về một bài thơ:***  “ Khi cha tôi còn sống, không biết cha tôi đã dạy truyền miệng cho tôi lúc nào mà tôi thuộc lòng, xúc động và nhớ mãi những câu thơ sau đây trong bài *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan:  *Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà,*  *Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.*  *Lom khom dưới núi, tiều vài chú,*  *Lác đác bên sông, chợ mấy nhà…*  Trong trí tưởng tượng, Bà Huyện Thanh Quan đã đưa tôi đến Đèo Ngang đúng vào buổi chiều tà. Chỉ có hai người trên đỉnh đèo mà ngắm cảnh “ Cỏ cây chen đá, lá chen hoa”. Ngoài sân gác thượng, trước chỗ cha tôi nằm, có mấy cây si, đinh lăng trồng trong chậu và ít được tưới tắm nên càng khẳng khiu, một núi non bộ cũng vì cảnh làm ăn của nhà tôi sa sút nên mốc rêu và nhiều khi tưởng chết khô hết cả mấy búi cỏ cây ghép đá. Nhưng với cảnh cây cỏ và núi non này, tôi đã tưởng tượng thêm sự heo hút của những câu thơ trên kia. Tuổi lên bảy, lên tám của tôi khi ấy lại còn được những rung động này nữa:  *Nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc*  *Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.*  *Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,*  *Một mảnh tình riêng, ta với ta.*  Không ai bày cách cho tôi cảm xúc, nhưng tôi cứ nghe thấy những tiếng đanh đanh khắc khoải “cuốc cuốc” vang lên. Và hai tiếng non nước dào dạt như có sóng. Sau đó, cả cảnh vật đều lặng đi để dâng lên một cái gì bàng bạc và trong trắng như sương tuyết.”  (Theo Nguyên Hồng, *Một tuổi thơ văn,*  NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2006)   |  |  | | --- | --- | | **Yêu cầu** | **Nhận xét về bài viết mẫu** | | Nhà văn Nguyên Hồng ấn tượng với những hình ảnh, chi tiết nào trong bài thơ Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan? |  | | Hãy chỉ ra các từ ngữ, câu văn thể hiện cảm xúc, sự lien tưởng và tưởng tượng mà bài thơ gợi ra cho người viết. |  | |   *+ Nhà văn Nguyên Hồng ấn tượng với những hình ảnh, chi tiết nào trong bài thơ Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan?*  *+ Hãy chỉ ra các từ ngữ, câu văn thể hiện cảm xúc, sự liên tưởng và tưởng tượng mà bài thơ gợi ra cho người viết.*  - GV tiếp tục đặt câu hỏi: *Một đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ cần có những yêu cầu gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe câu hỏi và trả lời.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1.Định hướng**  ***a. Phân tích ví dụ***  **- Nhà văn Nguyên Hồng ấn tượng với những hình ảnh, chi tiết:**  + Thuộc lòng, xúc động và nhớ mãi những câu thơ trong bài Qua Đèo Ngang.  + Đèo Ngang vào buổi chiều tà.  + Với cảnh cây cỏ và núi non thấy được sự heo hút của những câu thơ trên kia.  + Cứ nghe thấy những tiếng đanh đanh khắc khoải “cuốc cuốc” vang lên,…  **- Các từ ngữ, câu văn thể hiện cảm xúc, sự liên tưởng và tưởng tượng mà bài thơ gợi ra cho người viết:**  + …tôi thuộc lòng, xúc động và nhớ mãi những câu thơ….  + Trong trí tưởng tượng, Bà Huyện Thanh Quan đã đưa tôi đến Đèo Ngang đúng vào buổi chiều tà.  + Tuổi lên bảy, lên tám của tôi khi ấy lại còn được những rung động này nữa:…  + Không ai bày cách cho tôi cảm xúc, nhưng tôi cứ nghe thấy những tiếng đanh đanh khắc khoải “cuốc cuốc” vang lên,…  ***b. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ***  - Xác định được các yếu tố nội dung, nghệ thuật đặc sắc trong bài thơ gây ấn tượng và gợi cảm xúc, suy nghĩ cho em.  - Nêu rõ các ý: Em có cảm xúc, suy nghĩ về điều gì trong bài thơ? Đó là cảm xúc, suy gì? Vì sao em lại có cảm xúc, suy nghĩ đó?  - Lựa chọn đưa vào đoạn văn một số dòng thơ mà em ấn tượng để làm rõ cảm nghĩ của bản thân. |
| **Nhiệm vụ 2:Thực hành**  **a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết một đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc lại bài thơ “Nắng mới” của tác giả Lưu Trọng Lư.  - GV yêu cầu HS đọc kĩ 4 bước trong SGK đã hướng dẫn.  - GV hướng dẫn HS thực hiện theo yêu cầu từng bước:  + Chuẩn bị  + Tìm ý và lập dàn ý: GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi theo SGK.   |  |  | | --- | --- | | Em thích nhất dòng, khổ, đoạn thơ nào hay cả bài thơ? | ………………………… | | Dòng, khổ, đoạn thơ hay bài thơ đó có gì đặc sắc về nội dung hoặc nghệ thuật? | ………………………… | | Yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật ấy gợi cho em những cảm xúc, suy nghĩ, liên tưởng, suy nghĩ gì? | ………………………… |     - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần cách thức viết đoạn văn biểu cảm.  - GV hướng dẫn HS thực hiện theo yêu cầu từng bước:  Đoạn văn nào bộc lộ trực tiếp, đoạn văn nào bộc lộ gián tiếp cảm nghĩ về bài thơ “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư?  Trong cuốn phim quay chậm của kí ức tác giả, hình ảnh người mẹ hiện lên cùng với ánh nắng mới. Tay mẹ đưa tấm áo đỏ lên trước giậu phơi để đón ánh nắng mới thơm tho. Nét cười đen nhánh thấp thoáng sau tà áo. Nụ cười của mẹ như cũng đang tỏa nắng vào không gian… Kí ức nắng mới chan chứa yêu thương sâu đậm về mẹ của Lưu Trọng Lư dường như cũng đánh thức mỗi kỉ niệm than thương của chúng ta về người mẹ của mình…  Năm nào, cuối xuân, đầu hạ, nắng mới cũng trở về. Nhưng với tác giả, ánh “nắng mới” khi có mẹ, còn mẹ mới tươi tắn,náo nức, sướng vui làm sao! Động từ “ reo” đã nhân hóa ánh nắng mới, khiến nó mang tâm hồn trẻ thơ reo vui, ca hát,nhảy múa ngoài đồng nội.    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. THỰC HÀNH**  **2.1. Thực hành**  ***Bài tập:*** Hãy viết đoạn văn bộc lộ cảm nghĩ của em sau khi đọc bài thơ “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư.  - Cần đảm bảo 4 bước:  + Chuẩn bị  + Tìm ý và lập dàn ý  + Viết bài văn hoàn chỉnh  + Kiểm tra lại và sửa chữa  **Bước 1. Chuẩn bị**  - Chuẩn bị:  + Xem lại nội dung đọc hiểu bài thơ Nắng mới của Lưu Trọng Lư.  + Xác định những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  **Bước 2. Tìm ý và lập dàn ý**  **a) Tìm ý**  Tìm ý cho bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi:   |  |  | | --- | --- | | Em thích nhất dòng, khổ, đoạn thơ nào hay cả bài thơ? | ………………………… | | Dòng, khổ, đoạn thơ hay bài thơ đó có gì đặc sắc về nội dung hoặc nghệ thuật? | ………………………… | | Yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật ấy gợi cho em những cảm xúc, suy nghĩ, liên tưởng, suy nghĩ gì? | ………………………… |   **b) Lập dàn ý**  ***\* Mở đoạn:*** Giới thiệu tác giả, tác phẩm và ấn tượng chung về đoạn thơ hoặc bài thơ.  ***\* Thân đoạn:*** Nêu cụ thể cảm nhận, suy nghĩ của em về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc đã xác định ở mở đoạn. Ví dụ:  - Nêu ấn tượng về yếu tố nghệ thuật.  (Ví dụ: ngôn từ giản dị, mộc mạc, giàu sức gợi hình, gợi cảm cùng giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết, tâm tình*.*)  - Nêu ấn tượng về yếu tố nội dung.  ( Ví dụ: thể hiện thành công nỗi nhớ và tình yêu tha thiết dành cho người mẹ, vẻ đẹp của mẹ, một người phụ nữ Việt Nam truyền thống dịu dàng, chu đáo và luôn yêu thương, chăm sóc gia đình.  - Nêu cảm nghĩ của em qua bài thơ trên.  ***\* Kết đoạn:*** Khái quát lại cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật đặc sắc đã trình bày.  **Bước 3. Viết bài**  - Viết đoạn văn theo dàn ý đã lập. Khi viết, cần sử dụng các từ ngữ, câu văn biểu cảm thể hiện được chính xác, sinh động cảm xúc, suy nghĩ của em.  - Đảm bảo yếu tố về hình thức của một đoạn văn.  **Bước 4. Kiểm tra và chỉnh sửa bài viết**  - Đọc lại bài viết, kiểm tra các ý đã đầy đủ, đúng trình tự ở dàn ý hay chưa.  - Đọc và phát hiện các lỗi và sửa lại bài viết. Như:  + Lỗi về ý: thiếu ý *(sơ sài, chưa nêu được hết những điều cần viết)*; ý lộn xộn *(các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí)*; lạc ý (*nêu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu)*; ý tản mạn *(nêu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết)*;…  +Lỗi về diễn đạt *(dùng từ, đặt câu)*, chính tả…  **2.2. Rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn biểu cảm.**  **a, Cách thức**  -Bộc lộ trực tiếp cảm nghĩ về bài thơ qua việc lựa chọn sử dụng các từ ngữ biểu cảm, câu văn cảm thán, câu hỏi tu từ,…  - Bộc lộ gián tiếp cảm nghĩ về bài thơ bằng cách tưởng tượng, hình dung ra bức tranh thiên nhiên, con người trong tác phẩm; liên tưởng các chi tiết, hình ảnh,.. trong bài thơ với những tác phẩm văn học khác hoặc với cuộc sống, kỉ niệm của bản thân.  **b, Bài tập**  - Đoạn văn “Năm nào, cuối xuân, đầu hạ, nắng mới cũng trở về,….” bộc lộ trực tiếp cảm nghĩ về bài thơ.  - Đoạn văn “Trong cuốn phim quay chậm của kí ức tác gủa, hình ảnh người mẹ hiện lên…” bộc lộ gián tiếp cảm nghĩ về bài thơ. |
| **Nhiệm vụ 3:Trả bài**  *a) Mục tiêu:* Giúp HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.  *b) Nội dung:*  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.  *c) Sản phẩm:* Bài của học sinh đã chữa  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm việc theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chiếu bài tham khảo lên màn chiếu và cho một HS đọc to bài tham khảo trước lớp. | **3. TRẢ BÀI**  ***HS có thể tham khảo bài viết sau:***  Trong vô số những tác phẩm viết về mẹ, về tình mẫu tử, không thể không nhắc đến bài thơ Nắng mới của nhà thơ Lưu Trọng Lư, trích từ tập “Tiếng thu”. Bài thơ là nỗi nhớ về mẹ và tình yêu mẹ tha thiết của một tác giả, người con chỉ còn có thể gặp mẹ ở trong mơ. Tác giả vẫn nhớ rõ ràng, khi mẹ còn sống, tác giả “lên mười”. Khi nắng mới về, mẹ trong tà áo đỏ quen thuộc sẽ mang quần áo của nhà thơ ra phơi lên giậu, để cho con mặc chiếc áo thơm mùi nắng sạch sẽ, dễ chịu. Trong toàn bộ bài thơ, không có bất kì một câu nào nhận xét cụ thể mẹ của nhà thơ Lưu Trọng Vũ, nhưng chắc chắn mẹ là một người phụ nữ rất đẹp và hiền dịu. Vì mẹ có “nét cười đen nhánh”, đây là kiểu cười nhẹ nhàng, dịu dàng và chỉ thoáng qua. Có lẽ đó là điều nhà thơ nhớ nhất về mẹ của mình. Bài thơ Nắng mới của tác giả Lưu Trọng Lư chỉ sử dụng những từ ngữ đơn giản nhưng lại đậm chất gợi hình, gợi cảm đã thể hiện thành công nỗi nhớ và tình yêu tha thiết dành cho người mẹ quá cố của tác giả. Qua đó, chúng ta có thể thấy được vẻ đẹp của mẹ, một người phụ nữ Việt Nam truyền thống dịu dàng, chu đáo và luôn yêu thương, chăm sóc gia đình. |
| **3. Hoạt động 3: Vận dụng**  *a) Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.  *b) Nội dung:* HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.  *c) Sản phẩm:* Bài làm của học sinh.  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  ***Giáo viên giao bài tập cho HS.***  Bài tập: Hãy viết đoạn văn bộc lộ cảm nghĩ của em sau khi đọc xong bài thơ “Nếu mai em về Chiêm Hóa” của Mai Liễu.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS:  - Dựa vào các bước trong cách làm viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ  - Chú ý những yếu tố nội dung, nghệ thuật…, tìm các ý, lập dàn ý cho bài văn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.  **HS**: Nộp sản phẩm cho GV qua zalo của cô giáo.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà. |  |

**VIẾT**

**TẬP LÀM THƠ SÁU CHỮ, BẢY CHỮ**

**1. MỤC TIÊU**

***1.1 Về kiến thức:***

- Đặc điểm cơ bản của thơ 6 chữ, 7 chữ: số câu, số chữ, gieo vần, ngắt nhịp..

***1.2 Về năng lực:***

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của thể thơ sáu chữ, bảy chữ;

- Bước đầu biết làm bài thơ sáu chữ, bảy chữ.

***1.3 Về phẩm chất:***

- Biết thể hiện tình cảm của bản thân (với mọi người, với thiên nhiên,...) qua các bài thơ sáu chữ, bảy chữ, từ đó có ý thức trước những hành động của mình.

**2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập.

**3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

1. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
2. **Nội dung**: GV tổ chức trò chơi ô chữ về chủ đề thơ ca.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh về chủ đề thơ ca.
4. **Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**\* Trò chơi những mảnh ghép hoàn hảo:**

GV đưa ra các mảnh ghép chứa thông tin tên bài thơ, tác giả, thể thơ. Hs ghép các mảnh để tạo nên chuỗi thông tin chính xác.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS chuẩn bị kiến thức về thơ ca để tham gia trò chơi.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

Hs chia 2 đội, cử đại điện tham gia cuộc thi do GV điều hành.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nắng mới – Lưu Trọng Lư – Thơ 7 chữ

- Nếu mai em về Chiêm Hóa – Mai Liễu – Thơ 6 chữ

- Đường về quê mẹ - Đoàn Văn Cừ - Thơ 7 chữ.

Nhận xét phần thi của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới: Tìm hiểu đặc điểm thơ 6 chữ, 7 chữ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **a) Mục tiêu**: kiến thức cơ bản về thơ 6 chữ, 7 chữ.  **b) Nội dung**: Kỹ thuật lớp học đảo ngược, Hoạt động nhóm đôi, Sơ đồ tư duy  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS trình bày sơ đồ tư duy nêu hiểu biết về thơ 6 chữ, 7 chữ.  (GV giao việc trước cho hs trên phần mềm hoặc phiếu học tập in sẵn)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin: Nguồn gốc, đặc điểm (số câu, số chữ, gieo vần, ngắt nhịp, nội dung) thơ 6 chữ, 7 chữ.  **HS** tự tìm hiểu thông tin ở nhà. Trong giờ học thảo luận nhóm đôi, hoàn thiện sơ đồ của mình.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **Chọn 1 cặp đôi lên trình bày. Cặp đôi thống nhất chọn sơ đồ tư duy của 1 bạn và trình bày theo sơ đồ đó.**  **B4. Kết luận, nhận định (GV)**  - HS nhận xét lẫn nhau.  **- GV trình chiếu trang padlet có phần chuẩn bị cá nhân của các học sinh. Nhận xét thái độ, tinh thần chuẩn bị của hs.**  - GV Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  - GV bổ sung:  + Nguồn gốc của thơ 7 chữ:  *Thơ 7 chữ là thể thơ ra đời khá sớm trong lịch sử thơ văn của dân tộc. Thơ 7 chữ thường có dạng thất ngôn bát cú hoặc thất ngôn tứ tuyệt (4 câu, mỗi câu 7 chữ) và dạng không hạn định số câu (7 chữ tự do). Thơ thất ngôn tứ tuyệt và thất ngôn bát cú Đường luật thường có quy luật vô cùng nghiêm khắc về luật, niêm và vần (theo bằng trắc) và có bố cục rõ ràng. Tuy nhiên, trong quá trình sáng tác theo thời gian các tác giả đã làm giảm bớt tính gò bó, nghiêm ngặt của luật bằng – trắc để tâm hồn lãng mạn có thể bay bổng trong từng câu thơ.* | | | \* Thơ 6 chữ  - Mỗi dòng thơ: 6 tiếng.  - Số câu không hạn định.  - Có thể chia khổ thơ, thường mỗi khổ có 4 câu.  - Ngắt nhịp: 2/2/2, 2/4 hoặc 4/2, có khi ngắt nhịp 3/3.  - Dựa vào vị trí của vần trong câu:  + Vần lưng.  + Vần chân.  - Dựa vào vị trí của câu có chứa vần:  + Vần liền.  + Vần cách.  - Chủ đề: phong phú.  \* Thơ 7 chữ  - Mỗi dòng thơ: 7 tiếng.  - Số câu không hạn định.  - Có thể chia khổ thơ, thường mỗi khổ có 4 câu.  - Ngắt nhịp: Phổ biến là 4/3; cũng có thể là 2/5; 3/4;…  - Dựa vào vị trí của vần trong câu:  + Vần lưng.  + Vần chân.  - Dựa vào vị trí của câu có chứa vần:  + Vần liền.  + Vần cách.  - Chủ đề: phong phú.  - VD 1 số bài thơ 6 chữ, 7 chữ. |
| **3. Luyện tập: (thực hành)** | | | |
| **3.1. Thi thả thơ (Điền từ thích hợp vào chỗ trống)** | | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Biết cách chọn từ ngữ thích hợp trong thơ đảm bảo ý nghĩa câu thơ và vần, nhịp.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng trò chơi Thả thơ.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách chơi.  Luật chơi: Mỗi đội cử 5 hs đại diện tham gia trò chơi. Mỗi bạn cầm 1 tờ giấy, ghi 1 từ có thể điền vào chỗ trống. Đội nào hoàn thành trước, đúng và lý giải hợp lý sẽ giành chiến thắng.  ? Lựa chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống? Giải thích vì sao em lựa chọn từ ngữ đó?  1. *(gạch, ngõ, giếng)*  *Mặt Trời lặn xuống bờ ao*  *Ngọn khói xanh lên lúng liếng*  *Vườn sau gió chẳng đuổi nhau*  *Lá vẫn bay vàng sân (...)*  2. *(làng, về, người)*  *Khách xa gặp lúc mùa xuân chín,*  *Lòng trí bâng khuâng sực nhớ (...)*  *(gió, cũ, trắng)*  *Chị ấy năm nay còn gánh thóc*  *Dọc bờ sông (...) nắng chang chang?*  3. *Quê hương là gì hở mẹ  Mà cô giáo dạy phải yêu  Quê hương là gì hở mẹ  Ai đi xa cũng nhớ (..*.)  4. Mẹ ơi! Chiếc áo con đã ráchCon biết làm sao trở lại nhàĐể mẹ vá giùm? Con thấy lạnhGió lùa nỗi nhớ thấm vào (...)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Dán từ cần điền vào chỗ trống.  **B3: Báo cáo**  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của giáo viên.  - Nhận xét câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và kết luận đội thắng cuộc. | 1. *Mặt Trời lặn xuống bờ ao*  *Ngọn khói xanh lên lúng liếng*  *vườn sau gió chẳng đuổi nhau*  *Lá vẫn bay vàng sân giếng*  *(Gieo vần chân câu 2 – câu 4)*  2. *Khách xa gặp lúc mùa xuân chín,*  *Lòng trí bâng khuâng sực nhớ làng*  *Chị ấy năm nay còn gánh thóc*  *Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?*  *(Gieo vần chân câu 2 – câu 4; vần lưng trong câu 4)*  3. *Quê hương là gì hở mẹ  Mà cô giáo dạy phải yêu  Quê hương là gì hở mẹ  Ai đi xa cũng nhớ nhiều*  *(Gieo vần chân câu 2 – câu 4)*  4. Mẹ ơi! Chiếc áo con đã ráchCon biết làm sao trở lại nhàĐể mẹ vá giùm? Con thấy lạnhGió lùa nỗi nhớ thấm vào da.  *(Gieo vần chân câu 2 – câu 4)* | | |
| **3.2. Viết tiếp một số câu thơ theo dòng thơ mở đầu cho sẵn** | | | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Tập phát triển một số câu thơ theo chủ đề được gợi ý.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng Kỹ thuật thảo luận nhóm.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia lớp ra làm 4-6 nhóm (Mỗi dãy gồm 2-3 nhóm): Viết tiếp để tạo thành bài thơ 6 chữ, 7 chữ (từ 4 đến 8 câu)  Ví dụ:  **Dãy A: *Mùa xuân về trên phố nhỏ***  **(**Có thể thay bằng câu:  ***Mùa xuân về trên xóm nhỏ)***  **Dãy B: *Dưới mái trường thân yêu thuở ấy***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Làm việc theo nhóm.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  **- Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm:**  **- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.**  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. | | \* Học sinh tự bộc lộ. | | |
| **3.3. Tập làm một bài thơ 6 chữ, 7 chữ.** | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Hs tự làm một bài thơ 6 chữ, 7 chữ theo các chủ đề: gia đình, người thân, bạn bè, trường lớp, quê hương,...).  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Làm việc cá nhân.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  - Em muốn viết về đối tượng nào? Tình cảm của em với đối tượng?  - Tìm hình ảnh, sự việc ấn tượng nhất về đối tượng?  - Em sử dụng thể thơ nào? (6 chữ, 7 chữ?)  - Dự kiến sử dụng biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa, điệp từ,…  - Chú ý cách gieo vần, số tiếng trong dòng thơ.  - Em định đặt nhan đề gì cho bài thơ?  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu học sinh lên trình bày.  **HS:**  **- Cá nhân lên trình bày sản phẩm: Bài thơ của bản thân.**  **- Các hs khác theo dõi, quan sát, nhận xét, giúp bạn hoàn thiện bài thơ.**  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của học sinh, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong sản phẩm của HS. | | **\* HS tự bộc lộ.** | | |

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

- Sưu tầm thêm bài thơ hay 6 chữ, 7 chữ.

- Nộp sản phẩm bằng giấy ktra hoặc trên phần mềm.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu nguồn tư liệu ở sách, báo, internet…

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài sau.

***NÓI VÀ NGHE:***

**THẢO LUẬN Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**I/Mục tiêu**:

**1/Về năng lực**

* HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói; tiếp tục rèn luyện và phát triển kĩ năng nói và nghe thảo luận ý kiến về một vấn đề.
* HS có khả năng nắm bắt được thông tin bài nói của người khác.
* HS biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.
* HS tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp, biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt (ngôn ngữ hình thể).

**2/Phẩm chất**

* Tự tin thể hiện bản thân.
* Biết lắng nghe, tôn trọng.

**II/Thiết bị và học liệu**

**1/Thiết bị**: máy tính, máy chiếu,…

**2/Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy,…

**III/Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a/Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b/Nội dung hoạt động**: HS trả lời câu hỏi.

**c/Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

**d/Tổ chức** thực hiện hoạt động:

*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập*

* GV đặt câu hỏi:

+ Em có thường xuyên trao đổi, thảo luận cùng các bạn để tìm ra một giải pháp thống nhất về một vấn đề nào đó hay không?

+ Sau khi trao đổi, thảo luận và cùng đi đến giải pháp thống nhất thì tâm trạng của em như thế nào?

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*: HS suy nghĩ trả lời

*Bước 3:* Kết luận, nhận định. GV dẫn dắt vào nội dung bài học

Có nhiều vấn đề trong cuộc sống. Trước vấn đề ấy, các em có thể phát biểu ý kiến, nêu lên những suy nghĩ, nhận xét; đưa ra lí lẽ và dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình, sau đó cùng nhau trao đổi để tìm ra phương hướng giải pháp thống nhất. Tiết học hôm nay sẽ giúp các em biết cách để thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới và thực hành**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu các yêu cầu của bài nói – nghe thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống.**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được định nghĩa và các yêu cầu chung của bài nói – nghe thảo luận ý kiến về một vấn đề

**b. Nội dung**: HS xác định được nội dung của tiết học nói và nghe thảo luận ý kiến về một vấn đề.

**c. Sản phẩm**: Sản phẩm bài nói, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

1. **Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  + *Thế nào là thảo luận, trao đổi ý kiến?*  *+ Theo em, trong bài nói thảo luận, trao đổi về một vấn đề, người nói nên xưng ở ngôi thứ mấy?*  *+ Bài nói thảo luận, trao đổi về một vấn đề cần chú ý những yêu cầu nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi trả lời các câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.** | **I. Tìm hiểu chung về bài nói thảo luận ý kiến về một vấn đề**  **1. Định nghĩa**:  - Thảo luận về một vấn đề trong đời sống là đưa ra ý kiến của cá nhân về vấn đề đó và trao đổi, bàn bạc, lắng nghe ý kiến của mọi người cùng tham gia để có hiểu biết đầy đủ, toàn diện hơn và lựa chọn được cách thức giải quyết vấn đề phù hợp. Vấn đề trong đời sống có thể nêu lên từ thực tế cuộc sống nhưng cũng có thể rút ra từ các tác phẩm văn học.  **2. Yêu cầu chung:** Để trao đổi, thảo luận về một vấn đề, các em cần chú ý:  - Quan tâm , theo dõi các sự việc, hiện tượng…trong cuộc sống xung quanh hoặc suy nghĩ từ các văn bản đọc hiểu để phát hiện vấn đề có ý nghĩa.  - Lựa chọn vấn đề cần trao đổi. Tìm hiểu các thông tin về vấn đề và suy nghĩ, xác định ý kiến của em về vấn đề đó.  - Trao đổi, thảo luận trong nhóm về vấn đề đã lựa chọn.  - Khi trao đổi, cần nêu rõ cách hiểu hoặc quan điểm của bản thân về vấn đề, đồng thời tôn trọng các ý kiến của người khác. |

**Hoạt động 2.2: Thực hành nói và nghe**

***Bài tập: Chọn một trong các vấn đề sau đây (hoặc tự nêu vấn đề) để thảo luận trong nhóm, lớp. Khi chọn, cần suy nghĩ về mối liên hệ giữa vấn đề ấy với các văn bản ở phần đọc hiểu.***

(1) Gia đình có vai trò như thế nào trong cuộc sống của mỗi chúng ta?

(2) Tình cảm quê hương quan trọng với mọi người như thế nào?

(3) Trình bày suy nghĩ của em về cách ứng xử với những số phận thiếu may mắn trong cuộc sống.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI**  **a. Mục tiêu: GQVĐ:** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.  **b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.  **c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  Vấn đề thảo luận, trao đổi (*Vấn đề 2)*  Tình cảm quê hương quan trọng với mọi người như thế nào? | | | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  ?**Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau**:  - Bài nói nhằm mục đích gì?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  **? Hãy tìm ý và lập dàn ý cho bài nói của mình?**  Tìm ý cho bài nói bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:  - Em hiểu thế nào là quê hương?  - Tình cảm với quê hương mang lại cho mọi người những điều gì?  - Chúng ta nên bày tỏ, thể hiện tình cảm với quê hương như thế nào?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi trả lời các câu hỏi  + HS trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  Em hãy tự tập luyện bằng cách:  - Đứng trước gương để tập trình bày bài nói.  - Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói.  - Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau. | | **I. Trước khi nói**  **1. Chuẩn bị nội dung nói**  **-** Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.  + Vấn đề cần thảo luận, trao đổi:  Tình cảm quê hương quan trọng với mọi người như thế nào?  + Người nghe: các bạn trong lớp, cô/thầy giáo.  + Không gian: lớp học  + Thời gian: trao đổi, thảo luận trong vòng 5p.  - Bổ sung các từ, câu dẫn dắt, chào hỏi, kết nối các phần.  - Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,… cho phù hợp với phần trao đổi.  - Bổ sung tranh ảnh, video,.. (nếu cần).  **2. Tìm ý, lập dàn ý**  **2.1. Tìm ý:**  **2.2.Lập dàn ý:**   |  |  | | --- | --- | | Mở đầu | - Nêu vấn đề và ý kiến chung của em về vấn đề thảo luận: Vai trò của tình cảm quê hương đối với mỗi người.  Ví dụ:  - Quê hương là những gì gần gũi, thân thuộc nhất với con người, là cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người.Tình yêu quê hương là một nguồn tình cảm tự nhiên đối với mỗi chúng ta.  - Tình yêu quê hương là yêu thương, gắn bó với những gì bình dị, nhỏ bé mà thiêng liêng. Tình yêu quê hương bắt đầu từ tình yêu gia đình, làng xóm, phát triển trở thành tình yêu tổ quốc. | | Nội dung chính | - Tình cảm với quê hương đem đến cho con người nhiều điều. Đó là tình cảm đẹp đẽ, thiêng liêng trong đời sống tình cảm của mỗi con người.  - Quê hương có vai trò vô cùng to lớn trong cuộc đời mỗi con người. Quê hương là cái nôi nuôi dưỡng ta về cả thể xác và tâm hồn.  + Đó là nơi có cội nguồn tổ tiên, mồ mả ông bà, là nơi chôn rau cắt rốn của ta từ thuở lọt lòng  + Quê hương là nơi có ngôi nhà ta ở, có tình yêu ấm áp của cha mẹ, anh chị em ruột thịt dành cho ta, là nơi in bóng mẹ cha tảo tần, mưa nắng nuôi ta khôn lớn.  + Quê hương là nơi có bạn bè thân thiết với biết bao kỉ niệm ấu thơ, là nơi ta bước những bước chân đầu tiên trên con đường dài rộng.  + Quê hương với những truyền thống văn hóa tốt đẹp từ ngàn đời, bồi đắp cho ta những tình cảm cao quý như tình làng, nghĩa xóm, lối sống ân nghĩa thủy chung, ý chí, nghị lực, niềm tin.  + Quê hương là điểm tựa vững vàng cho mỗi con người trong mọi hoàn cảnh, là nguồn cổ vũ, động viên, là cái đích mỗi con người hướng về. Nếu sống thiếu quê hương, không gắn bó với quê hương, tâm hồn con người sẽ trở nên cằn cỗi. - Chúng ta cần thể hiện tình cảm, trách nhiệm với quê hương bằng những suy nghĩ, việc làm phù hợp, ý nghĩa.  - Chúng ta phải ý thức rõ vai trò của quê hương đối với mỗi con người, ra sức bảo vệ, xây dựng, phát triển quê hương nên tầm cao mới. Đó chính là cách thiết thực nhất để thể hiện tình yêu quê hương của mình.  - Liên hệ: Là học sinh, chúng ta cố gắng nỗ lực, phấn đấu để góp phần xây dựng quê hương trong tương lai. | | Kết thúc | - Khẳng định lại ý kiến và thổng điệp chung:Tình yêu quê hương là một nguồn tình cảm tự nhiên đối với mỗi chúng ta. Nó luôn là tình cảm thiêng liêng trong mỗi con người. |   **3. Tự luyện tập và trình bày**  + Để trình bày tốt, em hãy luyện tập trước (trình bày một mình hoặc trước bạn bè, người thân)  + Cách nói: tự nhiên, gần gũi, chia sẻ, giãi bày.  **4.Kiểm tra, chỉnh sửa.**  \* **Bảng tự kiểm tra bài nói:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/chưa đạt** | | - Bài nói có đủ các phần mở đầu, nội dung chính và kết thúc. |  | | - Giới thiệu được vấn đề cần thảo luận: Vai trò tình cảm quê hương đối với mỗi người. |  | | - Em đã nêu và phân tích các ý kiến khác nhau, từ đó, phát biểu ý kiến của mình. |  | | - Em đã dùng ngôi thứ nhất để trình bày vấn đề. |  | | - Em đã sử dụng giọng điệu, âm lượng, các phương tiện phi ngôn ngữ (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt) hài hoà khi trình bày. |  | | |
| **THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE**  **a. Mục tiêu: GQVĐ:** Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.  **b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.  **c. Sản phẩm:** Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.  **d. Tổ chức thực hiện.** | | | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: Gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điến vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  Lưu ý:   * GV có thể cho HS hoạt động theo cặp đôi, cùng xây dựng bài nói và cùng lên trình bày trước lớp (HS tự phân công các phần trong bài nói của cả 2) | **II. Thực hành nói và nghe**  Hoạt động nói và nghe cần đảm bảo được các yêu cầu sau:   |  |  | | --- | --- | | **Người nói** | **Người nghe** | | ***- Nội dung trình bày:***  + Vấn đề trình bày được nêu rõ ràng, cụ thể.  + Nội dung phong phú, có trọng tâm, được trình bày lô gích; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề.  + Nội dung giài đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thoả đáng.  ***- Hình thức trình bày:***  + Bài trình bày có bố cục rõ ràng.  + Các nội dung minh hoạ có chất lượng.  + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ phù hợp.  + Có sự sáng tạo, tạo được điểm nhấn cho nội dung trình bày.  ***-Tác phong, thái độ trình bày:***  + Phong thái tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động, phù hợp.  + Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng, hoặc không có những từ ngữ chêm xen (à, ờ, thì, mà, là,...).  + Tốc độ nói vừa phải, có nhấn giọng ở những nội dung quan trọng.  + Bảo đảm yêu cầu về thời gian trình bày. | - Lắng nghe, xác  định và ghi lại các thống tin chínhcủa bài trình bày những nội dung cần hỏi lại.  -Thể hiện thái độ  chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt,ánh mắt để khíchlệ người nói.  - Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu  cần ); có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân vé nội dung của bài trình bày.  - Điều em học được từ bài trình bày của bạn là gì? | | | |
| **THẢO LUẬN, TRAO ĐỔI LỚP VỀ BÀI NÓI**  **a. Mục tiêu:** GQVĐ  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài nói.  - Chỉnh sửa bài nói cho mình và cho bạn.  **b. Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá hoạt động nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **c. Sản phẩm:** Phiếu đánh giá bài nói .  **d. Tổ chức thực hiện.** | | | |
| **\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: GV yêu cầu HS:  Đánh giá bài nói của các bạn đã trình bày theo phiếu đánh giá HĐ nói gắn với các tiêu chí.   * **GV đặt thêm câu hỏi**:   + Với người nghe*:*  *Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?*  + Với người nói:  *Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn.  - Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn.  **\* Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | | | **III. Đánh giá, thảo luận**  \* **Bảng kiểm tra bài nói của bạn: Tham khảo phiếu đánh giá bài nói theo tiêu chí (phía dưới)**  \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/chưa đạt** | | - Nắm và hiểu được ý chính của bài nói trình bày ý kiến của bạn |  | | - Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm hay điểm hạn chế của bạn; điều em tâm đắc hay điều em muốn thay đổi trong bài nói của bạn |  | | - Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn trình bày ý kiến. |  | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **NHÓM............................** | | | |
| **TIÊU CHÍ** | **Chưa đạt**  **(0 điểm)** | **Đạt**  **(1 điểm)** | **Tốt**  **(2 điểm)** |
| 1.Giới thiệu được vấn đề cần trao, đổi thảo luận. | Chưa có vấn đề để nói | Có giới thiệu vấn đề nhưng chưa gắn với yêu cầu của bài. | Giới thiệu ngắn gọn được vấn đề cần trao đổi. |
| 2. Nêu và phân tích các ý kiến khác nhau, từ đó, phát biểu ý kiến của mình | Nôi dung sơ sài, chưa nêu và phân tích được ý kiến để người nghe hiểu được nội dung vấn đề | Nêu và phân tích được vấn đề để người nghe hiểu được nội dung vấn đề nhưng chưa hấp dẫn. | Nội dung hấp dẫn, thu hút được người nghe. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm, chủ động thuyết trình | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần, phụ thuộc văn bản chuẩn bị sẵn | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu, chủ động thuyết trình | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng; chủ động thuyết trình |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung vấn đề | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi có lời kết thúc bài nói ấn tượng. |
| **Tổng: ................/10 điểm** | | | |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào làm bài tập cụ thể.  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân, làm bài tập của GV giao.  **c) Sản phẩm:**Bài làm của học sinh.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  Giáo viên giao bài tập cho HS:  Thực hiện phần tìm ý và lập dàn ý:  Vấn đề thảo luận, trao đổi (*Vấn đề 1)*  Gia đình có vai trò như thế nào trong cuộc sống của mỗi chúng ta?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tìm ý lập dàn ý  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét bài làm của HS, những ưu điểm của bài nói này so với bài trước.  - Chuyển dẫn sang mục khác. |  |
| **Hoạt động 4: Vận dụng**  *a) Mục tiêu:* Củng cố và mở rộng kiến thức, nội dung của bài học cho HS,  *b) Nội dung:* Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  *c) Sản phẩm:* Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  (GV giao bài tập)  - Bài tập: Hoàn thành phần nói bài thảo luận:  Vấn đề thảo luận, trao đổi (*Vấn đề 1)*  Gia đình có vai trò như thế nào trong cuộc sống của mỗi chúng ta?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.  - HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.  - HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS;  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau. | |

**BÀI 3:**

**VĂN BẢN THÔNG TIN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **C:\Users\Admin\Desktop\tải xuống.jpg** |  | **D:\G.A 23-24\SOẠN BÀI 3\lũ lụt.jpg** |

**A. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được đặc điểm văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên, cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản, liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.

- Nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp; tác dụng của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

- Biết viết một văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên và văn bản kiến nghị một vấn đề đời sống.

- Tóm tắt được nội dung bài thuyết trình về một hiện tượng tự nhiên theo yêu cầu.

***2. Năng lực chung***

*- Năng lực tự chủ và tự học*: Học sinh có ý thức tự nghiên cứu bài ở nhà; tìm đọc các văn bản thông tin*;* hoàn thành các phiếu học tập; chia sẻ, thảo luận, đánh giá qua các hoạt động nhóm.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập một cách hiệu quả.

**2. Phẩm chất**

**- Chăm chỉ**:Chăm học, chăm làm, học hỏi những phương pháp mới để phát triển bản thân; thích tìm hiểu các hiện tượng tự nhiên và có ý thức vận dụng các hiểu biết về hiện tượng tự nhiên vào cuộc sống.

**- Trách nhiệm:** Có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, nâng cao ý thức trách nhiệm học tập phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị**

- Máy tính, tivi.

- Hình ảnh minh họa.

**2. Học liệu.**

- Phiếu học tập

- Kiến thức ngữ văn về văn bản thông tin, kiến thức tìm hiểu thêm (qua sách báo, internet, thực tế, …) về các hiện tượng tự nhiên.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TUẦN:**  **TIẾT:**  ***Ngày soạn:*** | ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1:  **SAO BĂNG** |

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

- HS nhận biết được đặc điểm của văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.

- Hiểu được cách trình bày, triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản.

***2. Năng lực***

***a. Năng lực chung***

*- Giao tiếp và hợp tác* trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

*- Năng lực tự chủ và tự học*: tự nghiên cứu bài ở nhà; tìm đọc các văn bản thông tin*;* hoàn thành các phiếu học tập.

*- Năng lực giải quyết vấn đề:* phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Sao băng.*

- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của văn bản thông tin.

***3. Phẩmchất***

***a. Chăm chỉ****:* Chăm học, chăm làm, học hỏi những phương pháp mới để phát triển bản thân.

***b. Trung thực, trách nhiệm***: trong việc tiếp nhận, truyền đạt thông tin về các sự kiện.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

SGK, SGV Tranh, ảnh liên quan đến bài học.

Máy tính, máy chiếu

**Phiếu học tập 1**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên*** |  |
| ***Cách trình bày thông tin trong văn bản*** |  |
| ***Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ*** |  |

**Phiếu học tập 2**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Văn bản thông tin*** |  |
| ***Sa- pô*** |  |
| ***Nhan đề*** |  |
| ***Đề mục*** |  |

**Phiếu học tập 3**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Xuất xứ*** |  |
| ***Thể loại*** |  |
| ***PTBĐ*** |  |
| ***Bố cục*** |  |
| ***Cách trình bày thông tin*** |  |

**Phiếu học tập 4**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nguyên nhân xuất hiện*** |  |
| ***Chu kì*** |  |
| ***Cách xem*** |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động: Hoạt động khởi động**  *a. Mục tiêu:* Giúp học sinh huy động những hiểu biết về Sao băng kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu.  *b. Nội dung:*GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề..  *c. Sản phẩm:* câu trả lời của HS  *d. Tổ chức thực hiện:* | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **GV** đặt câu hỏi gợi mở, yêu cầu HS điền vào cột K; W trong bảng KWL: *Em đã thấy hiện tượng sao băng bao giờ chưa? Em biết gì về hiện tượng này? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em.*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | K  (Những điều em đã biết) | W  (Những điều em muốn biết thêm) | L  (Những điều em đã học được) | |  |  |  |   **HS** trả lời câu hỏi, GV mời 2 -3 HS chia sẻ.  **GV** nhận xét và giới thiệu bài học:  *Trong cuộc sống xung quanh ta, thiên nhiên luôn ẩn chứa vô vàn điều thú vị. Cầu vồng đôi, mây vảy rồng, sóng biển phát sáng,... là những hiện tượng thiên nhiên kỳ thú, tác phẩm tuyệt vời mà tạo hóa ban tặng cho con người. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về một hiện tượng nhé!*  *Sao băng một hiện tượng thú vị của tự nhiên, vậy các em có tò mò về hiện tượng này hay không?Hãy cùng nhau đi tìm hiểu về hiện tượng sao băng nhé.* | | Hiện tượng sao băng  **C:\Users\Admin\Desktop\tải xuống.jpg**  Mưa sao băng  **https://youtube.com/shorts/saAJuKqS6dk?feature=share** |
| **Hoạt động: Hình thành kiến thức mới**  **Hoạt động 1. Tìm hiểu kiến thức ngữ văn**  *a. Mục tiêu:* Giúp học sinh huy động những hiểu biết về văn bản thông tin  - Đặc điểm văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên.  - Mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; vai trò các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.  *b. Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ học tập bằng phiếu bài tập, hoạt động nhóm, cá nhân.  *c. Sản phẩm học tập:* HS tiếp thu KT và câu trả lời của HS  *d. Tổ chức thực hiện:* | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| *?Các nhóm lên trình bày kết quả chuẩn bị bài ở nhà phần Kiến thức ngữ văn về văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên?*  **Phiếu học tập 1**   |  |  | | --- | --- | | *Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên* |  | | *Cách trình bày thông tin trong văn bản* |  | | *Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ* |  |   - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt KT | **I. Kiến thức ngữ văn**   |  |  | | --- | --- | | ***Từ khóa*** | ***Văn bản thông tin*** | | *Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên* | Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên là loại văn bản nhằm giới thiệu những hiểu biết khoa học cơ bản về hiện tượng đó. Nội dung chính của loại văn bản này thường tập trung vào một số thông tin chính như: Hiện tượng đó là gì? Tại sao có hiện tượng đó? Chúng có lợi hay có hại như thế nào? Cần làm gì để tận dụng lợi ích và khác phục ảnh hưởng xấu của chúng?... | | *Cách trình bày thông tin trong văn bản* | Trong văn bản thông tin, nội dung ý tưởng và thông tin có thể được triển khai theo một hoặc kết hợp nhiều các khác nhau. Thông thường có các cách như: Trình bày theo trật tự thời gian, Quan hệ nguyên nhân- kết quả, mức độ quan trọng hay phân loại đối tượng, so sánh đối chiếu: trình bày hoàn toàn bằng phương tiện ngôn ngữ hoặc kết hợp với phương tiện phi ngôn ngữ. | | *Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ* | Là các hình ảnh, số liệu, kí hiệu, biểu đồ…được dùng phối hợp với phương tiện ngôn ngữ nhằm minh họa, làm rõ những nội dung nhất định được biểu hiện bằng những phương tiện ngôn ngữ. | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản** | |
| **II. Đọc và tìm hiểu chung**  *a. Mục tiêu:*  - Xác định được thông tin của tác giả, tác phẩm trong văn bản.  *b. Nội dung:* HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  *c. Sản phẩm học tập:*HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Nội dung 1: Đọc và tìm hiểu chung**  GV yêu cầu HS nêu cách đọc  GV chốt cách đọc.  + GV đọc.  + Gọi HS đọc  - Tìm hiểu chú thích: Các em lưu ý các thuật ngữ được đưa ra trong bài.  **Phiếu học tập 2**   |  |  | | --- | --- | | ***Xuất xứ*** |  | | ***Thể loại*** |  | | ***PTBĐ*** |  | | ***Bố cục*** |  | | ***Cách trình bày thông tin*** |  |     **GV giao nhiệm vụ: HS chuẩn bị trước ở nhà.**  **HS**:- Trình bày sản phẩm, phiếu bài tập (đã chuẩn bị ở nhà)  - Dự kiến sản phẩm của HS:  **Phiếu học tập 2**   |  |  | | --- | --- | | **Xuất xứ** | theo kienthuctonghop.vn | | **Thể loại** | Văn bản thông tin | | **PTBĐ** | Thuyết minh | | **Bố cục** | 3 phần | | **Cách trình bày tt** | Quan hệ nguyên nhân – kết quả. |   **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  Gv - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  GV có thể vào trực tiếp trang web ***https://kienthuctonghop.vn*** để HS đọc văn bản online.  - GV lưu ý thời gian văn bản được đăng lên (14/11/2020) để thấy được tính cập nhật của thông tin trong văn bản. | **II. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả:** Hồng Nhung  **b. Tác phẩm**  - Thể loại: văn bản thông tin (Giải thích một hiện tượng tự nhiên)  - Xuất xứ: theo kienthuctonghop.vn  - PTBĐ: Thuyết minh  - Bố cục: 3 phần  + Phần 1 (*từ đầu đến …hố lòng chảo sâu trên lục địa*): giới thiệu và lí giải hiện tượng sao băng.  + Phần 2 (*tiếp đến …mưa sao băng khá thuận lợi*): nguyên do xuất hiện và sự hình thành hiện tượng sao băng và mưa sao băng.  + Phần 3 (*phần còn lại*): những điều kì thú khi sao băng rơi.  - Văn bản triển khai thông tin theo mối quan hệ nguyên nhân – kết quả. |

|  |  |
| --- | --- |
| **III. Đọc và tìm hiểu chi tiết** | |
| *a. Mục tiêu:*  - Xác định được cấu trúc của văn bản *Sao băng và những điều cần biết về sao băng?*  - Nhận diện và xác định được cách triển khai thông tin theo mối quan hệ nguyên nhân – kết quả  - Xác định và phân tích được đặc điểm và chức năng của đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.  *b. Nội dung:* HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  *c. Sản phẩm học tập:*HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nội dung 2: Tìm hiểu chi tiết**  **Nhiệm vụ: 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản, thảo luận theo bàn và trả lời câu hỏi:  **Phiếu học tập 3**   |  |  | | --- | --- | | ***Văn bản thông tin*** |  | | ***Sa- pô*** |  | | ***Nhan đề*** |  | | ***Đề mục*** |  |   *+ Đoạn sa-pô của văn bản cho biết những gì?*  *+ Nhan đề và hệ thống đề mục cho em biết điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi nhóm HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  => Ghi lên bảng  **Nhiệm vụ 2:**  ***a. Giới thiệu và lí giải hiện tượng sao băng.***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi:  *+ Hiện tượng sao băng được giải thích như thế nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi cặp HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  => Ghi lên bảng  ***b. Nguyên do xuất hiện và sự hình thành hiện tượng sao băng và mưa sao băng.***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *+ Tìm trong văn bản các nguyên nhân xuất hiện, chu kì của sao băng, mưa sao băng và cách xem được những cơn mưa sao băng, thống kê vào bảng sau:*  **Phiếu học tập 4**   |  |  | | --- | --- | | ***Nguyên nhân xuất hiện*** |  | | ***Chu kì*** |  | | ***Cách xem*** |  |   *+ Em có nhận xét gì về cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  => Ghi lên bảng.  **GV liên hệ:** VN chúng ta nằm khá gần đường xích đạo cho nên cũng là một trong những nơi có thể quan sát được sao băng và mưa sao băng.  ***c. Những điều kì thú khi sao băng rơi***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc nội dung 2 mục in nghiêng cuối bài và trả lời câu hỏi:  *+ Người viết có tin vào điểm xấu hoặc điểm lành khi thấy sao băng không?*  *+ Vì sao người ta lại ước khi nhìn thấy sao băng? Cách ước như thế nào?*  *+ Em hãy nêu cách hiểu của em về hiện tượng này.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  => Ghi lên bảng | **III. Đọc và tìm hiểu chi tiết**  **1. Sa- pô, Nhan đề, Đề mục**  - *Sa- pô:* Đoạn sa pô đưa ra hàng loạt những câu hỏi xoay quanh hiện tượng sao bằng nhằm dẫn dắt người đọc đến nội dung chính của văn bản.  **-** *Nhan đề:* “ Sao Băng” ngắn gọn, trực tiếp đưa ra đối tượng chính của văn bản giúp người đọc nhanh chóng nắm bắt được chủ đề.  **-** *Đề mục:*Văn bản được phân làm nhiều đề mục, mỗi đề mục diễn giải về một khía cạnh của hiện tượng sao băng, bao gồm: Sao băng là gì? Tại sao bầu trời lại xuất hiện mưa sao băng?Thấy sao băng là điềm gì?Cách ước khi có sao băng như thế nào?  **2. Nội dung thông tin**  ***a. Giới thiệu và lí giải hiện tượng sao băng.***  - Sao băng:  + Là những tia lửa thoáng qua trên bầu trời.  + Là đường nhìn thấy của các thiên thạch khi chúng đi vào khí quyển của Trái Đất.  ***b. Nguyên do xuất hiện và sự hình thành hiện tượng sao băng và mưa sao băng.***  - Nguyên nhân: Sao chổi là nguyên nhân chính xuất hiện mưa sao băng. Khi ngôi sao chổi đi qua gần Trái Đất, các bụi khí của nó sẽ bay vào khí quyển làm xuất hiện nhiều sao băng nhỏ - mưa sao băng.  - Chu kì: 1 năm.  - Cách xem: xác định hướng của các chòm sao (nơi có thể nhìn chòm sao thì có thể thấy được mưa sao băng).  + Gần xích đạo Trái Đất → dễ quan sát.  + Xa về hai cực → khó quan sát.  -> Nhận xét: các thông tin ngắn gọn, đầy đủ, chính xác.            ***c. Những điều kì thú khi sao băng rơi***  - Điềm khi sao băng rơi:  + Sắp có người chết → mang tính chất duy tâm, không có cơ sở khoa học.  + Tượng trưng cho tình yêu đôi lứa.  - Người ta tin ước khi sao rơi → điều ước thành hiện thực.  - Cách ước: nhắm mắt và nghĩ trong đầu về ước nguyện của mình. |
| **IV. TỔNG KẾT**  *a. Mục tiêu*  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.  *b. Nội dung*  - GV sử dụng KT chia sẻ nhóm để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản…  - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm.  *c. Sản phẩm học tập:* câu trả lời của HS  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  ? Nêu những nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “ Sao băng”?  ? Qua văn bản, em rút ra bài học gì văn bản thông tin giới thiệu về một hiện tượng tự nhiên?  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **GV**:- Yêu cầu HS lên trình bày, nhóm cử đại diện trình bày  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc cá nhân, làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **- GV**: nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide  *\** ***Khi giới thiệu về một hiện tượng tự nhiên cần chú ý giới thiệu:***  Đó là hiện tượng gì? Biểu hiện như thế nào? Vì sao có hiện tượng này? Những tác dụng hoặc tác hại của hiện tượng thiên nhiên ấy là gì?...Tận dụng hoặc phòng chống, khắc phục tác động của hiện tượng đó như thế nào? | **1. Nghệ thuật**  - Cách giải thích đơn giản, rõ ràng, khách quan.  - Bố cục chặt chẽ.  - Hình ảnh minh họa sinh động.  - Ngôn ngữ chính xác, khoa học.  - Thông tin dựa trên cơ sở khoa học, khách quan.  **2. Nội dung**  Văn bản nói về một trong những hiện tượng đẹp và kì thú của tự nhiên – Sao băng. Qua đó, văn bản cung cấp đầy đủ các thông tin về nguyên nhân, sự ra đời và hình thành của hiện tượng Sao băng, mưa sao băng. |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  *a. Mục tiêu:*  - HS thực hành làm bài tập để hiểu kiến thức về văn bản thông tin Sao băng.  *b. Nội dung:* Học sinh làm tập mở rộng.  *c. Sản phẩm học tập:* kết quả thảo luận,câu trả lời của HS  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Hoạt động của giáo viên và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |

|  |  |
| --- | --- |
| **- GV phát phiếu bài tập- yêu cầu học sinh hoạt động nhóm bàn, làm bài tập vào phiếu bài tập trong 2 phút, sau đó thống nhất và chia sẻ.**  **Phiếu học tập số 1:** *Chỉ ra sự khác biệt của sao băng và mưa sao băng?*  **Phiếu học tập số 2:** *Tại sao văn bản Sao băng được coi là loại văn bản thông tin giải thích về một hiện tượng tự nhiên?*  - Hs hoạt động cá nhân làm bài tập vào phiếu bài tập trong 2 phút, sau đó đổi bài và chấm chéo, đại diện chia sẻ.  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm đôi  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **V. Luyện tập**  **Phiếu 1:** Sự khác biệt giữa Sao băng và mưa sao băng:  - Sao băng là những tia lửa thoáng qua trên bầu trời, đồng thời nó là đường nhìn thấy của các thiên thạch khi chúng rơi, khi đi vào khí quyển trong trái đất.  - Mưa sao băng là do sao chổi gây ra. Khi mà sao chổi chuyển động gần mặt trời nó sẽ bị tan ra và tạo thành các rải bụi trên quỹ đạo của mình. Một ngôi sao chổi đi qua gần trái đất, các bụi khí của nó sẽ bay vào khí quyển, làm xuất hiện rất nhiều sao băng nhỏ và nó tạo thành cơn mưa sao băng.  **Phiếu 2:** *Sao băng được coi là loại văn bản thông tin giải thích về một hiện tượng tự nhiên:*  + Giải đáp những hiện tượng bằng những kiến thức khoa học cơ sở về hiện tượng sao băng chứ không phải dựa trên những quan niệm dân gian, quan niệm duy tâm của con người.  + Bố cục: 3 phần  + Văn bản triển khai thông tin theo mối quan hệ nguyên nhân – kết quả, nhằm trả lời cho các câu hỏi đề mục trong văn bản (Sao băng là gì? Tại sao lại có mưa sao băng? Sao băng, mưa sao băng xuất hiện có chu kì không?...)  + Qua văn bản, em đã biết thêm được những thông tin bổ ích như: lí giải nguyên nhân có mưa sao băng, chu kì xuất hiện của chúng và cách ước nguyện khi chúng xuất hiện như thế nào mà trước giờ em vẫn luôn thắc mắc. |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  *a. Mục tiêu:*  - HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một tình huống.  - Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.  *b. Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập mở rộng bằng cách viết đoạn văn. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Giáo viên yêu cầu học sinh làm bài tập ở nhà sau đó nộp bài trên paled: *Nếu có lần thấy Sao băng, em sẽ ước điều gì? Vì sao em lại ước điều đó? Viết một đoạn văn ( 5 đến 7 câu) chia sẻ về điều ước của em?***  - **HS** xác định yêu cầu của đề bài.  + Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả.  **- GV** hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS làm bài về nhà. | ***VD:*** Sao băng là một hiện tượng đẹp của tự nhiên.Nếu có lần được nhìn thấy sao băng em sẽ ước nguyện rằngmỗi lần sao băng rơi thay vì cướp đi một sinh mệnh trên trái đất. Sao băng sẽ đem đến sự sống một lần nữa tới những con người thiếu may mắn đó. Em mong muốn như vậy vì em thấu hiểu được những người sống đã từng đau buồn như thế nàokhi chứng kiến sự ra đi của những người thân của mình |

- HS hoàn thành bài tập

- HS chuẩn bị nội dung bài: “ Nước biển dâng: bài toán khó cần giải trong thế kỉ XXI”

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** |  |
| ***Xuất xứ*** |  |
| ***Thể loại*** |  |
| ***PTBĐ*** |  |
| ***Bố cục*** |  |

**Phiếu học tập số 2**

Tìm những chi tiết lí giải nguyên nhân hiện tượng nước biển dâng.

🙛🟒🟒🟔🕮🟔🟒🟒🙙

|  |  |
| --- | --- |
| **TUẦN:**  **TIẾT:**  ***Ngày soạn:*** | ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 2:  **NƯỚC BIỂN DÂNG: BÀI TOÁN KHÓ CẦN GIẢI TRONG THẾ KỈ XXI** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | **https://tiasang.com.vn/wp-content/uploads/old/Portals/0/nuoc%20bien%20dang%20a3.png** |

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

- HS nhận biết được đặc điểm của văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên trong khi tìm hiểu văn bản.

- Hiểu được cách trình bày, triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản.

***2. Năng lực***

***1.1. Năng lực chung***

*- Giao tiếp và hợp tác* trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

*- Năng lực tự chủ và tự học*: tự nghiên cứu bài ở nhà; tìm đọc các văn bản thông tin,hoàn thành các phiếu học tập.

*- Năng lực giải quyết vấn đề:* phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

***1.2. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến chủ đề biến đổi khí hậu và nước biển dâng*.*

- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của văn bản thông tin.

***3. Phẩm chất***

***Chăm chỉ****:* Chăm học, chăm làm, học hỏi những phương pháp mới để phát triển bản thân.

***Trung thực, trách nhiệm***: trong việc tiếp nhận, truyền đạt thông tin về các sự kiện.

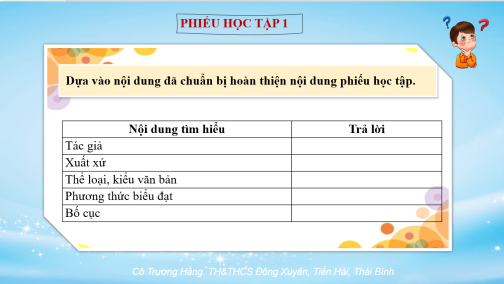
**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

SGK, SGV, tranh, ảnh liên quan đến bài học.

Máy tính, máy chiếu

Các phiếu học tập sử dụng trong bài:

**Phiếu học tập 1**

****

**Phiếu học tập 2**

****

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 1: Hoạt động khởi động**  *a. Mục tiêu:* Giúp học sinh huy động những hiểu biết về hiện tượng nước biển dâng và hậu quả của nó để kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu.  *b. Nội dung:* GV cho HS xem video có chủ đề nước biển dâng và đặt câu hỏi gợi mở để HS trả lời.  *c. Sản phẩm:* câu trả lời của HS  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **GV** đặt câu hỏi gợi mở, yêu cầu HS trả lời: *? Em hãy xem video sau và nêu suy nghĩ của mình về vấn đề được đặt ra trong video?*  **HS** trả lời câu hỏi, GV mời 2 HS chia sẻ.  **GV** nhận xét và giới thiệu bài học: | - Hiện tượng nước biển dâng |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 2: Khám phá văn bản**  *a. Mục tiêu:*  **-** Đặc điểm văn bản giới thiệu một hiện tượng tự nhiên.  - Mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; vai trò các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.  -Nhận biết được một số yếu tố hình thức (đặc điểm, cách triển khai,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa....) của văn bản giới thiệu về một hiện tượng tự nhiên.  *b. Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ học tập bằng phiếu bài tập, hoạt động nhóm, cá nhân.  *c. Sản phẩm học tập:* HS tiếp thu KT và câu trả lời của HS  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **I. Đọc- Tìm hiểu chung** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Nv1: Đọc văn bản**  GV yêu cầu HS nêu cách đọc  GV chốt cách đọc.  + GV đọc.  + Gọi HS đọc  - Tìm hiểu chú thích: Các em lưu ý các thuật ngữ được đưa ra trong bài.  **Nv2: Tìm hiểu chung**  **Phiếu học tập 1**    **GV giao nhiệm vụ: HS chuẩn bị trước ở nhà.**  **HS**:- Trình bày sản phẩm, phiếu bài tập (đã chuẩn bị ở nhà) | **I. Đọc - Tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  **2. Tìm hiểu chung**  - Tác giả: Lưu Quang Hưng  - Xuất xứ: tiasang.com.vn, 25-3-2020  - Thể loại: Văn bản thông tin.  - Kiểu văn bản: Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.  - Phương thức biểu đạt: Thuyết minh.  – Bố cục gồm nhan đề, sa-pô và 3 phần:  + Phần 1: (từ “Thay đổi mực nước biển” đến “biến dạng hình dạng Trái Đất”): Thay đổi mực nước biển và nguyên nhân.  + Phần 2: (tiếp theo đến “tiếp tục tăng chứ không giảm đi”): Mực nước biển sẽ dâng bao nhiêu?  + Phần 3: (phần còn lại): Lời kết. |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. Tìm hiểu chi tiết** | |
|  | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi:  *? Chủ đề của văn bản là gì?*  *? Nêu ý nghĩa của nhan đề văn bản?*  *? Đoạn sa-pô của văn bản cho biết những gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi cặp HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *? Em hãy đọc phần 1 của văn bản và cho biết biển và địa dương có vai trò như thế nào trong đời sống của con người?*  *? Hiện tượng nước biển dâng có tác động như thế nào đối với cuộc sống của con người?*  *? Những nguyên nhân dẫn tới hiện tượng nước biển dâng là gì?*  *\* HS đọc và trả lời phiếu học tập 2:*    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời từng câu hỏi.  - HS trả lời phiếu học tập số 2.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS xem video  - GV yêu cầu HS đọc nội dung phần 2, xem lược đồ và trả lời câu hỏi:  *?Theo bài viết thì mực nước biển được dự báo sẽ dâng lên cao bao nhiêu? Có những kịch bản xấu, những nguy cơ và cảnh báo nào đối với con người?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV4:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS xem video  - GV yêu cầu HS đọc nội dung phần cuối và trả lời câu hỏi:  *?Ở phần cuối người viết đã đưa ra những lời kết nào cho hiện tượng nước biển dâng?*  *? Qua phần cuối em nhận được lời kêu gọi nào từ tác giả?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Chủ đề; Nhan đề; Sa – pô**  - Chủ đề: Giải thích hiện tượng tự nhiên nước biển dâng.  - Ý nghĩa nhan đề: Cung cấp thông tin về hiện tượng nước biển dâng, hậu quả của nó để hướng tới những giải pháp nhằm giải bài toán khó này trong thế kỉ XXI.  - Sa-pô: Tác giả đã đưa ra hệ quả của hiện tượng biến đổi khí hậu làm nước biển dâng đối với Đồng bằng sông Cửu Long và nhiều vùng ven biển trên thế giới để dẫn dắt người đọc vào nội dung chính của văn bản.  **2. Nội dung thông tin của văn bản**  ***a. Thay đổi mực nước biển và nguyên nhân:***  **\* Vai trò của biển và đại dương:**  - Tạo ra hơn một nửa nguồn ôxy mà chúng ta thở hằng ngày.  - Cung cấp một nguồn hải sản đa dạng.  - Giúp vận chuyển ¾ hàng hóa tiêu dùng.  **\* Ảnh hưởng của nước biển dâng:**  - 40% dân số cư ngụ gần biển, với 600 triệu người sinh sống trong khu vực cao hơn mực nước biển 10 mét trở xuống.  - Việt Nam có 28/64 tỉnh thành ven biển, với bờ biển dài hơn 3000km.  => Nước biển dâng có ảnh hưởng mạnh mẽ tới cuộc sống của con người.  **\* Những nguyên nhân dẫn tới nước biển dâng:**  - Thủy triều  - Tác động của gió  - Bão, động đất và sóng thần  - Biến đổi khí hậu          ***b. Mực nước biển sẽ dâng cao bao nhiêu:***  - Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất đến nay: hơn 20cm.  - Những năm gần đây, nước biển dâng trung bình 3mm/năm.  - Kịch bản xấu: Nước biển dâng 86 cm so với ngày nay.  - Nguy cơ: Nước biển dâng từ 50 cm, lượng tăng gấp đôi so với 1 thế kỉ trước.  => Lời cảnh báo: Mực nước biển vẫn tăng lên chứ không giảm đi.  ***C. Lời kết:***  - Mực nước biển toàn cầu sẽ liên tục tăng với tốc độ ngày càng nhanh hơn do nhiều nguyên nhân khác nhau: băng tan, giãn nở của nước và các thay đổi trong hệ thống khí hậu Trái Đất.  - Tốc độ dâng của nước biển do biến đổi khí hậu chừng 3 milimet một năm với gia tốc dương.  - Dự kiến vào cuối thế kỷ tới, mực nước biển sẽ tăng lên trong khoảng 35-85 cm, gây thiệt hại cho kinh tế toàn cầu hàng ngàn tỷ USD với nhiều hệ lụy về phát triển.  => Lời kêu gọi: Tìm giải pháp thích ứng một cách hiệu quả là một trong những bài toán khó nhất mà loài người chúng ta cần hợp tác giải quyết trong thế kỉ này. |
| **III. TỔNG KẾT**  *a. Mục tiêu*  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.  *b. Nội dung*  - GV sử dụng KT chia sẻ nhóm bàn để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản…  - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm.  *c. Sản phẩm học tập:* câu trả lời của HS  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  *? Nêu những nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?*  *? Nội dung chính của văn bản?*  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày, nhóm cử đại diện trình bày  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc cá nhân, làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide | **1. Nghệ thuật**  - Phần nhan đề, sa-pô rõ ràng.  - Ngôn ngữ thuyết minh mạch lạc, dễ hiểu, dựa trên cơ sở khoa học .  - Bố cục chặt chẽ, các ý lớn được in đậm khiến người đọc dễ dàng theo dõi và nắm bắt nội dung.  - Kết hợp với phương tiện phi ngôn ngữ là biểu đồ thể hiện rõ nội dung cần hướng đến.  **2. Nội dung**  Văn bản giải thích hiện tượng tự nhiên nước biển dâng, nói về nguyên nhân thay đổi mực nước biển, thực trạng của hiện tượng nước biển dâng, hậu quả và khẳng định đây là bài toán khó cần giải của loài người trong thế kỉ XXI. |
| **Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng**  *a. Mục tiêu:*  - HS thực hành vận dụng kiến thức của bài học và tìm tòi, trải nghiệm của bản thân để làm một hoạt động tuyên truyền về tác hại của hiện tượng nước biển dâng và đưa ra những giải pháp của cá nhân mà HS cho là đúng để giải quyết vấn đề.  *b. Nội dung:* Học sinh làm bài tập dự án theo nhóm.  *c. Sản phẩm học tập:* Video dự án của học sinh.  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Hoạt động của giáo viên và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |

|  |  |
| --- | --- |
| - GV chuyển giao nhiệm vụ: đưa ra bài tập dự án:  Em hãy đóng vai là nhà hoạt động về môi trường để làm 1 video tuyên truyền cho mọi người về những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu dẫn tới nước biển dâng và những giải pháp nhằm góp phần giảm thiểu điều đó.  - GV yêu cầu học sinh:  *+ Mỗi tổ là 1 nhóm để thực hiện dự án. Tổ bầu ra trưởng nhóm và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.*  *+ Trình bày dự án trước cô giáo và các nhóm khác.*  *+ Điểm của các thành viên là điểm chung của cả nhóm nhận được.*  - HS thực hiện dự án (ở nhà).  - HS báo cáo sản phẩm vào tiết học tiếp theo.  - GV nhận xét, rút kinh nghiệm cho từng nhóm và cho điểm các nhóm. | **IV. Luyện tập, vận dụng:**  - Sản phẩm video của HS. |

**\* Hướng dẫn tự học:**

- HS thực hiện dự án.

- HS soạn bài “Thực hành tiếng Việt”.

|  |  |
| --- | --- |
| **TUẦN …**  **TIẾT …**  ***Ngày soạn:*** | THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:  **ĐOẠN VĂN; PHƯƠNG TIỆN GIAO TIẾP PHI NGÔN NGỮ** |

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực**

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc suy ngẫm và chuẩn bị bài ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động vận dụng kiến thức đã học vào giao tiếp.

***\* Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết được các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (biểu đồ, hình ảnh, số liệu… ) và chỉ ra được tác dụng của chúng.

- Nhận biết, phân tích được cấu trúc của đoạn văn.

- Viết được đoạn văn theo cấu trúc nhất định.

1. **Phẩm chất**

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy tính, máy chiếu

- Phiếu học tập

Phiếu học tập 1

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Dựa vào mục 3 phần Kiến thức Ngữ văn, em hãy nối cột A với cột B cho phù hợp:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **A**  **KIỂU ĐOẠN VĂN** |  | **B**  **ĐẶC ĐIỂM, CHỨC NĂNG** | | 1. Đoạn văn song song |  | a. Là đoạn văn trình bày vấn đề theo trình tự các ý từ khái quát đến cụ thể; câu chủ đề đứng đầu đoạn văn, nêu ý khái quát của cả đoạn, các câu còn lại phát triển ý nêu ở câu chủ đề. | | 2. Đoạn văn diễn dịch |  | b. Là đoạn văn trình bày vấn đề theo trình tự các ý từ cụ thể đến khái quát; câu chủ đề là câu đứng cuối đoạn văn, ý khái quát của cả đoạn, các câu còn lại phát triển ý nêu ở câu chủ đề. | | 3. Đoạn văn quy nạp |  | c. Là đoạn văn vừa có câu chủ đề ở đầu đoạn, vừa có câu chủ đề ở đầu đoạn, vừa có câu chủ đề ở cuối đoạn, tức là kết hợp cách trình bày ở đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp. | | 4. Đoạn văn phối hợp |  | d. Là đoạn văn không có câu chủ đề, các câu trong đoạn có quan hệ bình đẳng với nhau và cùng có tác dụng làm rõ ý khái quát nêu ở phần trước hoặc sau nó. | |

Phiếu học tập 2

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Dựa vào mục 4 phần Kiến thức Ngữ văn em hãy hoàn thành các nội dung còn thiếu vào Phiếu học tập sau:** | |
| Các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ | Tác dụng |
|  |  |
|  |  |

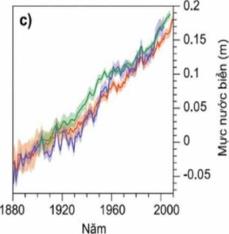
Phiếu học tập 3

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  **BÀI TẬP 2/68,69** | | |
| **Câu** | **Số liệu** | **Tác dụng** |
| a, | ….…………………………  ….………………………… | ….…………………………………………………………  ….………………………………………………………… |
| b, | ….…………………………  ….………………………… | ….…………………………………………………………  ….………………………………………………………… |
| c, | ….…………………………  ….………………………… | ….…………………………………………………………  ….………………………………………………………… |
| d, | ….…………………………  ….………………………… | ….…………………………………………………………  ….………………………………………………………… |

Phiếu học tập 4

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**  **BÀI TẬP 3/69** | | |
| **Đoạn văn** | **Kiểu đoạn văn** | **Câu chủ đề** |
| a, | ….………………………  ….……………………… | ….………………………………………………………  ….……………………………………………………… |
| b, | ….………………………  ….……………………… | ….………………………………………………………  ….……………………………………………………… |
| c, | ….………………………  ….……………………… | ….………………………………………………………  ….……………………………………………………… |
| d, | ….………………………  ….……………………… | ….………………………………………………………  ….……………………………………………………… |

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học



Hình 1. Nước biển dâng từ cuối thế kỉ XIX đến năm 2020 từ các nguồn dữ liệu khác nhau.(Nguồn: Church ct al., 2013)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

*a) Mục tiêu:* Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

*b) Nội dung:*Từ ngữ liệu giáo ở Phần Đọc hiểu, học sinh phát hiện và kết nối vào bài học.

*c) Sản phẩm:*Câu trả lời của học sinh

*d) Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  - GV cho cả lớp quan sát bài tập trên màn chiếu và gọi 1 HS đọc câu hỏi:  ?Trong đoạn văn sau, người viết đã dùng những số liệu nào?  *Thuỷ triêù là yếu tố có dao động lớn và thường xuyên nhất đến sự thay đồi của mực nước biển. Thuỷ triều được hình thành do lực hút của Mặt Trăng và Mặt nào?*  *Trời tác động lên Trái Đất, làm khôí chất lỏng trên bề mặt nó (biển và dại dương) biến đổi. Ở Biển Đông, thuỷ triều có hai lần dâng lên đạt đỉnh và hai lần mực nước đạt thấp nhất, được kết hợp từ các thành phần nhật triều và bán nhật triều có tần số và biên độ khác nhau của sóng biển. Khoảng dao động tổng hợp có độ lớn trung bình từ 2-3 mét, tuỳ địa điểm dọc bờ biển. Một số nơi như vịnh Phăn-đi (Fundy) - Ca-na-đa (Canada) và cửa sông Xe-vân (Severn) - Anh biên độ thuỷ triều hằng ngày có thể đạt tới 15 - 16 mét.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm theo bàn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS đại diện nhóm trình bày kết quả.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **GV** nhận xét và giới thiệu bài học: *Các em vừa xác định được các số liệu được dùng trong đoạn văn. Vậy các số liệu đó được gọi là gì, tác dụng ra sao; và đoạn văn trên có đặc điểm gì? Trong bài học ngày hôm nay, cô sẽ giúp các em tìm hiểu thêm về các từ đó qua bài học: Đoạn văn; phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.* | Hs trả lời |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**I. Kiến thức Ngữ văn**

*a) Mục tiêu:*

- Học sinh hiểu và nhận biết được các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và tác dụng của chúng; nhận biết được đặc điểm, chức năng của đoạn văn .

*b) Nội dung:*Các kiến thức cơ bản về các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ; đoạn văn .

*c) Sản phẩm:*Câu trả lời của học sinh

*d) Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Nội dung 1: Đoạn văn**  **1.Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ***Hs hoạt động cá nhân: Hoàn thành phiếu học tập số 1 dựa vào phần Kiến thức Ngữ văn***   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Dựa vào mục 3 phần Kiến thức Ngữ văn, em hãy nối cột A với cột B cho phù hợp:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **A**  **KIỂU ĐOẠN VĂN** |  | **B**  **ĐẶC ĐIỂM, CHỨC NĂNG** | | 1. Đoạn văn song song |  | a. Là đoạn văn trình bày vấn đề theo trình tự các ý từ khái quát đến cụ thể; câu chủ đề đứng đầu đoạn văn, nêu ý khái quát của cả đoạn, các câu còn lại phát triển ý nêu ở câu chủ đề. | | 2. Đoạn văn diễn dịch |  | b. Là đoạn văn trình bày vấn đề theo trình tự các ý từ cụ thể đến khái quát; câu chủ đề là câu đứng cuối đoạn văn, ý khái quát của cả đoạn, các câu còn lại phát triển ý nêu ở câu chủ đề. | | 3. Đoạn văn quy nạp |  | c. Là đoạn văn vừa có câu chủ đề ở đầu đoạn, vừa có câu chủ đề ở đầu đoạn, vừa có câu chủ đề ở cuối đoạn, tức là kết hợp cách trình bày ở đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp. | | 4. Đoạn văn phối hợp |  | d. Là đoạn văn không có câu chủ đề, các câu trong đoạn có quan hệ bình đẳng với nhau và cùng có tác dụng làm rõ ý khái quát nêu ở phần trước hoặc sau nó. | |   ***- GV chiếu ví dụ mẫu. HS Quan sát và phân tích các ví dụ mẫu:***  ? Xác định ý chính, chỉ ra câu chủ đề (nếu có), cách triển khai ý và kiểu đoạn văn của mỗi đoạn văn dưới đây:  Đoạn a*, Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh". Lá cây giúp che chắn các thành phán bụi bẩn, độc hại có trong không khí. Nếu không có cây xanh che bụi và các chất ô nhiềm, con người sè khó thở và mắc nhiều bệnh mãn tính do không khí ô nhiễm gây ra.* (Theo Thu Thuỷ).  Đoạn b*, Chính quyền nhân dân ta vững chắc. Quân đội nhân dân hùng mạnh. Mặt trận dân tộc rộng rãi. Công nhân, nông dân và trí thức được rèn luyện, thử thách và tiến bộ không ngừng. Nói tóm lại, lực lượng của chúng ta to lớn và ngày càng to lớn.* (Hồ Chí Minh)  Đoạn c*, Chúng lập ra nhà tù nhiểu hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.* (Hổ Chí Minh).  Đoạn d*, Các con vật trong nhà có xu hưởng mang lại một cảm giác bình yên cho trẻ. Một số trẻ nhỏ thường có cảm giác thoải mải khi ở cạnh những con vật nuôi hơn là khi ở bèn người khác. Cũng giống như người lớn, trẻ thường thích ở bên những con thú cưng khi chúng cảm thấy buổn, giận dữ hay khó chịu. Thật kì diệu, những con vật nuôi sẽ mang đến sự yên bình trong mọi tình huống và luôn dành cho con người một tình yêu vô diều kiện.* (Theo Thuỳ Dương).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh thực hiện theo 4 nhóm  - HS quan sát ví dụ mẫu -> thực hiện yêu cầu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.  => Tổ trọng tài đếm nhanh và công bố nhóm thắng cuộc là nhóm tìm được nhiều câu văn đúng yêu cầu nhất.  - HS trình bày cá nhân phát hiện trên ví dụ mẫu.  => GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1. Đoạn văn**  Nối:  1 - d  2 - a  3 - b  4 - c  Đoạn a/  - Ý chính: Tác dụng của cây cối.  - Cách triển khai ý: Từ khái quát đến cụ thể.  - Câu chủ đề: *Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh"*  - Kiểu đoạn văn: Diễn dịch  Đoạn b/  - Ý chính: Bàn về lực lượng to lớn của chúng ta.  -Cách triển khai ý: Từ cụ thể đến khái quát.  - Câu chủ đề: *Nói tóm lại, lực lượng của chúng ta to lớn và ngày càng to lớn.*  - Kiểu đoạn văn: Quy nạp  Đoạn c/  - Ý chính: Bàn về tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân ta.  - Cách triển khai ý: các câu có quan hệ bình đẳng và cùng làm rõ ý chính của đoạn văn.  - Câu chủ đề: *Không có*  - Kiểu đoạn văn: Song song  Đoạn d/  - Ý chính: Vai trò của vật nuôi trong nhà.  - Cách triển khai ý: Từ khái quát đến cụ thể đến tổng hợp.  - Câu chủ đề:  *- Các con vật trong nhà có xu hưởng mang lại một cảm giác bình yên cho trẻ.*  *-Thật kì diệu, những con vật nuôi sẽ mang đến sự yên bình trong mọi tình huống và luôn dành cho con người một tình yêu vô diều kiện.*  - Kiểu đoạn văn: Hỗn hợp. |
| **Nội dung 2: Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.**  **1.Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ***Hs hoạt động cá nhân: Hoàn thành phiếu học tập số 2 dựa vào phần Kiến thức Ngữ văn.***   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Dựa vào mục 4 phần Kiến thức Ngữ văn em hãy hoàn thành các nội dung còn thiếu vào Phiếu học tập sau:** | | | Các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ | Tác dụng | |  |  | |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe yêu cầu -> thực hiện yêu cầu  - HS thảo luận theo nhóm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày kết quả cá nhân  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức . | **2. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Dựa vào mục 4 phần Kiến thức Ngữ văn em hãy hoàn thành các nội dung còn thiếu vào Phiếu học tập sau:** | | | Các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ | Tác dụng | | Hình ảnh, số liệu, kí hiệu, biểu đồ,… (trong văn bản) | Minh họa, làm rõ những nội dung nhất định của văn bản. | | Cử chỉ (trong trò chuyện trực tiếp) | Biểu thị thái độ. | |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

*a) Mục tiêu:*HS được luyện tập để khái quát lại kiến thức đã học trong bài, áp dụng kiến thức để làm bài tập.

*b) Nội dung:*Giáo viên hướng dẫn học sinh làm tập SGK/68-69

*c) Sản phẩm:*Câu trả lời của HS

*d) Tổ chức thực hiện:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | |
| 1. ***Bài 1/68***   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chiếu lại biểu đồ H1 SGK/67.  HS hoạt động cá nhân.  ? Từ việc đọc hiểu và dựa vào Biểu đồ của bài Nước biển dâng, em hãy cho biết tác dụng của biểu đồ trong văn bản.  Hình 1. Nước biên dâng từ cuối thê ki XIX  đến năm 2020 từ các nguồn dữ liệu khác nhau.  (Nguồn: Church ct al., 2013) | **II. Thực hành**  **Bài 1**  Biểu đồ H1 có tác dụng minh họa rõ ràng, giúp người đọc nhận ra ngay một nội dung quan trọng của bài viết: Trong vòng 130 năm (từ năm 1980 đến năm 2010) mực nước biển toàn cầu đã dâng lên hơn 20 xăng -ti-mét. | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thực hiện yêu cầu cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Một số Hs trình bày.  - GV gọi 1 HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  => Ghi lên bảng.  ***Bài 2/68,69***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * Hs đọc đề bài * Hoàn thành bảng thống kê theo Phiếu học tập số 3.  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  **BÀI TẬP 2/68,69** | | | | **Câu** | **Số liệu** | **Tác dụng** | | a, |  |  | | b, |  |  | | c, |  |  | | d, |  |  |   **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe yêu cầu -> thực hiện yêu cầu  - HS thảo luận theo nhóm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện HS trình bày kết quả của nhóm  + GV gọi nhóm hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  ***Bài 3/69***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? HS đọc đề bài  - Xếp mỗi đoạn văn vào kiểu phù hợp. Chỉ ra câu chủ đề của mỗi đoạn văn (trừ đoạn song song)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**  **BÀI TẬP 3/ 69** | | | | **Đoạn văn** | **Kiểu đoạn văn** | **Câu chủ đề** | | a, |  |  | | b, |  |  | | c, |  |  | | d, |  |  |   **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**   * HS hoạt động theo nhóm.   **Bước 3:Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS trình bày kết quả của nhóm mình.  - GV gọi nhóm hs nhận xét, bổ sung phần trình bày của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  ***Bài 4/69***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? HS đọc đề bài  *- Viết một đoạn văn diễn dịch (khoảng 5-7 dòng) trình bày suy nghĩ của em về ảnh hưởng của hiện tượng nước biển dâng đối với đời sống con người. Chỉ ra câu chủ đề trong đó.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS hoạt động cá nhân.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS trình bày kết quả của mình.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung phần trình bày của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  **BÀI TẬP 2/68,69** | | | | **Câu** | **Số liệu** | **Tác dụng** | | a, | 40% dân số | - nói rõ tỉ lệ dân số cư ngụ gần biển. | |  | 600 triệu người  10 mét | - nói rõ số lượng người sống trong khu vực cao hơn mực nước biển không nhiều | | *Các số liệu trên đây cho thấy người sống gần biển, chịu ảnh hưởng của hiện tượng nước biển dâng là rất lớn.* | | | | b, | 28 trên 64 tỉnh thành; Hơn 3000ki-lô-mét | - nêu cụ thể số tỉnh thành ven biển trên tổng số tỉnh thành và số ki-lô-mét đường bờ biển của Việt Nam. | | c, | 72% | - cụ thể hóa tỉ lệ diện tích biển và đại dương so với bề mặt Trái Đất. | | d, | 35-85 xăng-ti-mét | - nêu dự kiến cụ thể về mức tăng của nước biển vào cuối thế kỷ tới (mạnh hơn giai đoạn trước, đòi hỏi nhân loại , đặc biệt là các nước ven biển cần có giải pháp để hạn chế, khắc phục tác hại của hiện tượng nước biển dâng) |   **Bài 3**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**  **BÀI TẬP 3/ 69** | | | | | **Đoạn văn** | **Kiểu đoạn văn** | **Câu chủ đề** | | a, | Diễn dịch | Bên cạnh thủy triều, mực nước biển còn bị ảnh hưởng bởi tác động của khối không khí trên mặt biển, đặc biệt là gió. | | b, | Song song |  | | c, | Quy nạp | Có thể nói lũ lụt gây nhiều thiệt hại trực tiếp về vật chất đối với người dân. | | d, | Phối hợp | -Không chỉ gây thiệt hại về vật chất mà lũ lụt còn gây thiệt hại cả về con người, cướp đi sinh mạng của rất nhiề người.  - Như vậy, có thể thấy lũ lụt gây thiệt hại nghiêm trọng về người. |   **Bài 4**  **a/**  **Yêu cầu:**  - Hình thức: Viết đoạn văn diễn dịch.  - Dung lượng: 5-7 dòng  - Nội dung: *ảnh hưởng của hiện tượng nước biển dâng đối với đời sống con người.*  - Xác định câu chủ đề (đặt ở đầu đoạn). | |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  *a) Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  *b) Nội dung:*Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi  *c) Sản phẩm:* Bài làm của HS  *d) Tổ chức thực hiện:* | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Viết một đoạn văn quy nạp (khoảng 5-7 dòng) trình bày suy nghĩ của em về tác hại của lũ lụt. Chỉ ra câu chủ đề trong đó.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS:  - Hình thức: Viết đoạn văn quy nạp.  - Dung lượng: 5-7 dòng  - Nội dung: tác hại của lũ lụt*.*  - Xác định câu chủ đề (đặt ở cuối đoạn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.  **HS**: Nộp sản phẩm cho GV qua zalo của cô giáo.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà. | | *2. Từ l* |

**\* HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC BÀI Ở NHÀ:**

- Học và nắm chắc ND bài học.

- Hoàn thiện các bài tập .

- Chuẩn bị bài: Thực hành đọc hiểu: *Lũ lụt là gì? Nguyên nhân và tác hại.*

----------------------------------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **TUẦN …**  **TIẾT …**  ***Ngày soạn:*** | THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU: **LŨ LỤT LÀ GÌ?** **NGUYÊN NHÂN VÀ TÁC HẠI** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.

- Hiểu được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản; liên hệ được thông tin trong văn bản với vấn đề lũ lụt và phòng chống lũ lụt.

**2. Năng lực:**

***a. Năng lực chung***

*- Giao tiếp và hợp tác* trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

*- Năng lực tự chủ và tự học*: tự nghiên cứu bài ở nhà; tìm đọc các văn bản thông tin*;* hoàn thành các phiếu học tập.

*- Năng lực giải quyết vấn đề:* phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *.*

- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của văn bản thông tin.

**3. Phẩm chất:**

***- Chăm chỉ****:* Chăm học, chăm làm, chăm học hỏi để hoàn thành các nhiệm vụ học tập

***- Trung thực, trách nhiệm***: trong việc tiếp nhận, truyền đạt thông tin về các hiện tượng tự nhiên; có ý thức bảo vệ thiên nhiên và phòng chống lũ lụt

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Tivi, máy tính,…

**2. Học liệu**: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

*a. Mục tiêu:* Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

*b. Nội dung:* GV cho HS xem video về lũ lụt ở miền Trung; HS theo dõi video và chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận của mình.

*c. Sản phẩm:* Suy nghĩ, cảm nhận của HS về hiện tượng lũ lụt

*d. Tổ chức thực hiện:*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV chiếu video về lũ lụt ở miền Trung; yêu cầu HS theo dõi video và chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận của mình.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS theo dõi Video và suy nghĩ

- GV quan sát, gợi ý nếu cần

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi một số HS nêu suy nghĩ về hiện tượng lũ lụt và những hậu quả do lũ lụt gây ra

- Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, dẫn vào nội dung tiết học

**GV dẫn dắt vào nội dung tiết học:** *Trong câu chuyện Sơn Tinh – Thuỷ Tinh mà các em được nghe từ khi còn nhỏ, các em đã biết hàng năm Thuỷ Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh, Thuỷ Tinh dâng nước cao bao nhiêu, Sơn Tinh lại dâng đồi núi cao lên bấy nhiêu. Đó là cách giải thích sơ khai về hiện tượng lũ lụt, cũng như ý thức phòng chống thiên tai của cha ông ta. Các em thân mến! Lũ lụt vẫn đang xảy ra hàng năm, và hậu quả của nó là vô cùng nặng nề. Mỗi cơn bão qua đi, biết bao người phải khốn khổ. Vậy theo khoa học, lũ lụt là gì? Nguyên nhân nào gây ra lũ lụt và tác hại của chúng ra làm sao? Cô cùng các em sẽ tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Tìm hiểu chung**

*a. Mục tiêu:* HS tìm hiểu những thông tin cơ bản về tác phẩm

*b. Nội dung:* HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức, tiến hành trả lời các câu hỏi.

*c. Sản phẩm:* Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

*d. Tổ chức thực hiện*:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV hướng dẫn HS đọc văn bản  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + GV gọi HS đọc VB  + Các HS còn lại quan sát, lắng nghe  **Bước 4: Đánh giá** | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản:** |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  *+ Văn bản trên thuộc thể loại gì?*  *+ Hiện tượng tự nhiên nào được đề cập đến trong văn bản?*  *+ Em hãy xác định PTBĐ chính của văn bản*  *+ Theo em, văn bản trên được chia thành mấy phần? Dựa vào đâu em có thể chia bố cục như vậy?*  *+ Người viết đã chọn cách nào để triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  - GV lưu ý thời gian văn bản được đăng lên (02/11/2020) để thấy được tính cập nhật của thông tin trong văn bản. | **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả:** Mơ Kiều  **b. Tác phẩm:**  - Thể loại: Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên  - Xuất xứ: *khbvptr.vn*  - Hiện tượng tự nhiên được nói đến: lũ lụt  - PTBĐ chính: Thuyết minh  - Bố cục: 4 phần  + Phần 1: Sa pô: Dẫn dắt vấn đề  + Phần 2: Khái niệm lũ lụt  + Phần 3: Nguyên nhân gây ra lũ lụt  + Phần 4: Tác hại của lũ lụt  - Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản: Phân loại các nội dung chính của văn bản |

**Nội dung 2: Tìm hiểu chi tiết**

**Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nhan đề và Sa pô**

*a. Mục tiêu:* HS tìm hiểu nhan đề và Sa pô của văn bản

*b. Nội dung:* HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức, tiến hành trả lời các câu hỏi.

*c. Sản phẩm:* Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

*d. Tổ chức thực hiện*:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  *Yêu cầu HS quan sát phần Sapo và trả lời câu hỏi:*  *+ Phần Sapo có đặc điểm hình thức như thế nào? Nội dung của Sa pô đã nêu đủ ý chính của nhan đề bài chưa?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS trả lời câu hỏi  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số HS phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** | **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**  **1. Nhan đề và Sa pô**  - Nhan đề: *Lũ lụt là gì? – Nguyên nhân và tác hại*  - Sa pô:  + Hình thức: in đậm, ngay đầu văn bản  + Nội dung: Nêu tương đối đầy đủ ý chính của nhan đề |

**Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu Những thông tin được đề cập đến trong văn bản**

*a. Mục tiêu:* HS tìm hiểu những thông tin được đề cập đến trong văn bản

*b. Nội dung:* Các nhóm 1,2,3 lên trình bày sản phẩm đã chuẩn bị trước tiết học của nhóm mình; nhóm 4 (nhóm chuyên gia) có nhiệm vụ nhận xét sản phẩm:

- Nhóm 1: Tìm hiểu khái niệm lũ lụt

- Nhóm 2: Tìm hiểu nguyên nhân gây lũ lụt

- Nhóm 3: Tìm hiểu tác hại của lũ lụt

*c. Sản phẩm:* Câu trả lời đúng của các nhóm HS.

*d. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *GV mời nhóm 1 lên trình bày sản phẩm của nhóm mình*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Nhóm 1 có thời gian 1 phút để chuẩn bị phần trình bày sản phẩm nhóm  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Nhóm 1 trình bày sản phẩm; Nhóm chuyên gia nhận xét  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** | **2. Những thông tin được đề cập đến trong văn bản**  **a. Khái niệm**  **\* Lũ:** là hiện tượng ngập lụt, nước chảy xiết, có khả năng cuốn trôi nhà cửa, cây cối; xuất hiện chủ yếu ở vùng núi cao.  - Phân loại: Lũ ống, lũ quét, lũ sông  **\* Lụt:** là hiện tượng nước ngập trong một vùng đất với một khoảng thời gian nhất định.  **=> Lũ lụt là:** là hiện tượng mực nước trên sông hồ quá lớn, quá mức quy định, dẫn đến tình trạng ngập úng, nước tràn hoặc gây vỡ đê, trực tiếp tràn vào khu dân cư.  **=>** *Thông tin được trình bày theo cách phân loại, bóc tách khái niệm “Lũ lụt” thành “Lũ” và “lụt”. Sau đó tổng hợp lại thông tin để trình bày khái niệm một cách tổng quát nhất* |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *GV mời nhóm 2 lên trình bày sản phẩm của nhóm mình*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Nhóm 2 có thời gian 1 phút để chuẩn bị phần trình bày sản phẩm nhóm  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Nhóm 2 trình bày sản phẩm; Nhóm chuyên gia nhận xét  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Có nhiều nguyên nhân gây ra lũ lụt, trong đó có nguyên nhân là do con người. Chúng ta hoàn toàn có thể dùng hành động để bảo vệ môi trường. Ví dụ như: Trồng cây gây rừng, không chặt phá rừng bừa bãi,…. | **b. Nguyên nhân gây lũ lụt**  - Do bão hoặc triều cường  - Do hiện tượng mưa lớn kéo dài  - Do các thảm hoạ sóng thần, thuỷ triều  - Do sự tác động của con người |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *GV mời nhóm 3 lên trình bày sản phẩm của nhóm mình*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Nhóm 3 có thời gian 1 phút để chuẩn bị phần trình bày sản phẩm nhóm  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Nhóm 3 trình bày sản phẩm; Nhóm chuyên gia nhận xét  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **c. Tác hại của lũ lụt**  - Gây thiệt hại về vật chất  - Gây thương vong về con người  - Tác động ô nhiễm môi trường nước  - Là nguyên nhân của nhiều loại mầm bệnh  - Ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế địa phương, đất nước. |

**Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu hình ảnh và số liệu được sử dụng trong văn bản**

*a. Mục tiêu:* HS tìm hiểu tác dụng của hình ảnh và số liệu được sử dụng trong văn bản

*b. Nội dung:* HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức, tiến hành trả lời các câu hỏi.

*c. Sản phẩm:* Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

*d. Tổ chức thực hiện*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn để hoàn thiện phiếu học tập sau:  *PHIẾU HỌC TẬP 01*   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | | *Bức ảnh minh hoạ cho hiện tượng gì? Việc sử dụng hình ảnh đem lại hiệu quả như thế nào?* |  | | *Liệt kê và nêu tác dụng của các số liệu* |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoàn thiện phiếu học tập  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Hình ảnh và số liệu được sử dụng trong văn bản**  - Sử dụng hình ảnh hiện tượng ngập lụt ở nơi người dân sinh sống  => Dễ hình dung về tác hại của lũ lụt  - Số liệu:  + Lũ lụt sông Dương Tử ở Trung Quốc năm 1911 khiến cho 100.000 người chết  +lũ lụt đồng bằng sông Hồng năm 1971 khiến cho 594 người chết và hơn 100.000 người bị thương nặng  => Tăng tính xác thực, tăng sức thuyết phục |

**NỘI DUNG 3: Tổng kết**

*a. Mục tiêu: HS nêu được nội dung và đặc sắc nghệ thuật của văn bản*

*b. Nội dung*

- GV sử dụng KT chia sẻ nhóm để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản…

- HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm.

*c. Sản phẩm học tập:* câu trả lời của HS

*d. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  ? Nêu những nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật:**  - Thông tin trình bày logic, rõ ràng rành mạch, bố cục chặt chẽ  **-** Cách giải thích đơn giản, rõ ràng, khách quan.  - Sử dụng hiệu quả hình ảnh và số liệu  **2. Nội dung:**  Văn bản đề cập đến những thông tin cơ bản về hiện tượng lũ lụt bao gồm khái niệm, nguyên nhân, tác hại của lũ lụt gây ra |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

*a. Mục tiêu:*

- HS thực hành làm bài tập để hiểu kiến thức về văn bản thông tin: *“Lũ lụt là gì? Nguyên nhân và tác hại”*

*b. Nội dung:* Học sinh làm tập mở rộng.

*c. Sản phẩm học tập:* kết quả thảo luận,câu trả lời của HS

*d. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra các bài tập  **- Bài 1:** *Tại sao văn bản “Lũ lụt là gì? Nguyên nhân và tác hại” lại được coi là loại văn bản thông tin giải thích về một hiện tượng tự nhiên?*  ***- Bài 2:*** *Em hãy đề xuất một số cách ứng phó khi lũ lụt xảy ra*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  *Một số cách ứng phó khi lũ lụt xảy ra là thông tin mà văn bản chưa đề cập đến* | **IV. Luyện tập**  **Bài 1:**   * **Vì:**   + Văn bản giải đáp về hiện tượng lũ lụt bằng những kiến thức khoa học chứ không phải dựa trên những quan niệm dân gian, quan niệm duy tâm của con người.  + Văn bản cung cấp thông tin bổ ích và  được trình bày ngắn gọn, logic dễ hiểu.  ***Bài 2:***  - Xem dự báo thời tiết để nắm được tình hình bão lũ  - Chuẩn bị đồ dùng cần thiết khi lũ lụt xảy ra  - Sơ tán đến nơi trú ẩn an toàn  …….. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

*a. Mục tiêu:*

- HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một tình huống.

- Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.

*b. Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập mở rộng

*c. Sản phẩm học tập:* kết quả thảo luận,câu trả lời của HS

*d. Tổ chức thực hiện:*

**Giáo viên yêu cầu học sinh làm bài tập ở nhà sau đó nộp bài trên paled:** *Em hãy sưu tầm thêm một số hình ảnh và các số liệu có liên quan đến lũ lụt trong những năm gần đây (Của cả Việt Nam và các nước khác trên thế giới)*

- **HS** xác định yêu cầu của đề bài.

**- GV** hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS làm bài về nhà.

**\* Hướng dẫn tự học:**

- HS hoàn thành bài tập

- HS chuẩn bị nội dung bài Viết: Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

|  |  |
| --- | --- |
| **TUẦN …**  **TIẾT …**  ***Ngày soạn:*** | **VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH GIẢI THÍCH**  **MỘT HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN** |

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Xác định, nhận biết được một số hiện tượng tự nhiên cần giải thích (*Hiện tượng gì? Biểu hiện như thế nào? Vì sao có hiện tượng? Tác dụng/tác hại của hiện tượng tự nhiên ấy, cách tận dụng/ cách phòng tránh…)*

- Biết cách tạo lập một văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.

- Góp phần phát triển các năng lực chủ động tìm kiếm, lựa chọn thông tin để phục vụ cho học tập và giao tiếp hàng ngày.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**2. Phẩm chất**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Ý thức giữ gìn, bảo vệ thiên nhiên và môi trường.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên**

- SGK, SGV, Thiết kế bài dạy Ngữ văn 7; tài liệu tham khảo về đặc trưng thể loại, về kĩ năng đọc hiểu và các văn bản mở rộng văn bản Ngữ văn 7; Phiếu học tập, hình ảnh, video,…

- Máy tính, máy chiếu, loa, giấy và bút dạ, bút màu, bút bi nhiều màu,…

**2. Học sinh**

- Chuẩn bị từng phần bài học ở nhà theo hướng dẫn, phiếu học tập giáo viên giao trong từng buổi học.

- Có đầy đủ SGK, vở ghi, đồ dùng học tập (bút chì, bút màu, bút bi, bút đánh dấu, giấy nhớ, giấy A4,…).

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

***a. Mục tiêu:*** Tạo tâm thế học tập, huy động kiến thức nền, kết nối nội dung bài học

***b. Nội dung:***GV sử dụng PPDH hỏi đáp, kĩ thuật dạy học bằng trò chơi yêu cầu HS trả lời các câu hỏi ngắn liên quan đến kiến thức về kiểu bài.

***c. Sản phẩm:*** Kết quả tham gia trò chơi của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi ***Ai nhanh hơn?***

+ GV chia lớp thành 3-4 đội, mỗi đội được sở hữu một chiếc chuông bấm.

+ GV lần lượt chiếu và đọc nội dung câu hỏi, trong thời gian 30 giây, đội nào bấm chuông trước được quyền trả lời, trả lời đúng được 10 điểm, trả lời sai các đội khác được bấm chuông trả lời lại. Quá 30 giây mà không đội nào đưa ra đáp án đúng thì GV công bố đáp án của câu hỏi.

+ Kết thúc trò chơi, đội nào giành nhiều điểm nhất là đội chiến thắng.

- HS tham gia trò chơi theo hướng dẫn của GV.

- GV nhận xét quá trình, kết quả tham gia trò chơi của HS và kết nối vào bài học.

**Bộ câu hỏi**

**Câu 1**. Bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên thuộc kiểu văn bản nào?

*Đáp án: Thuyết minh.*

**Câu 2.** Nội dung và ý tưởng trong văn bản thông tin có thể được triển khai/ trình bày theo những cách nào?

*Đáp án: Trình bày theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng hay phân loại đối tượng.*

**Câu 3.** Ngoài kênh chữ, có thể sử dụng phương tiện gì để trình bày bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên

*Đáp án: Tranh, ảnh, số liệu, kí hiệu, biểu đồ…*

**Câu 4.** Kể tên một số kiểu đoạn văn trong văn bản mà em biết?

*Đáp án: Diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp…*

**Câu 5.** Kể tên 4 hiện tượng tự nhiên mà em biết?

*Đáp án: Núi lửa, băng tuyết, lũ lụt, sấm sét, mưa đá…*

GV chốt đội thắng cuộc - dẫn dắt vào bài

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Tìm hiểu khái niệm và yêu cầu lưu ý khi viết một văn bản thuyết minh**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được khái niệm kiểu bài và những lưu ý khi thực hiện viết

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Thế nào là viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên?*  *+ Khi viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên cần chú ý điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **1. Định hướng**  **1.1. Khái niệm**  - Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên là loại văn bản thông tin nhằm giới thiệu những hiểu biết khoa học cơ bản về hiện tượng đó.  - Nội dung chính của loại văn bản này thường tập trung vào một số thông tin:  + Đó là hiện tượng gì?  + Biểu hiện như thế nào?  + Vì sao lại có hiện tượng đó?  + Tác dụng/ tác hại của hiện tượng đó như thế nào?  + Tận dụng/ phòng chống – khắc phục hiện tượng đó ra sao?  **2. Lưu ý**  - Xác định hiện tượng tự nhiên cần giải thích  - Tìm hiểu thông tin về hiện tượng tự nhiên đã xác định thông qua sách, báo, tài liệu khoa học, vận dụng hiểu biết từ các môn khoa học khác như: KHTN, Lịch sử - địa lí,…  - Xác định bố cục của bài văn; lựa chọn trật tự sắp xếp các thông tin chính, chú ý làm nổi bật các thông tin về hiện tượng tự nhiên cần thuyết minh  - Xác định hình thức trình bày: chữ viết kèm theo hình vẽ hoặc tranh ảnh để giới thiệu, minh hoạ về hiện tượng tự nhiên.  - Có thể trình bày bài văn bằng cách viết tay hoặc thiết kế trên máy vi tính. |

**2.2. Thực hành**

**a. Mục tiêu:**Nắm được cách viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS bước chuẩn bị trước khi viết  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **2. Thực hành**  **\* Đề bài***: Giới thiệu hiện tượng núi lửa.*  **\* Thực hành viết theo các bước:**  **a. Chuẩn bị**  - Kiểu văn bản: Thuyết minh, giải thích về một hiện tượng tự nhiên  - Nội dung cần giải thích: Núi lửa và nguyên nhân hình thành núi lửa  - Phạm vi kiến thức: Kiến thức địa lí và những hiểu biết xung quanh hiện tượng núi lửa  - Đọc, tìm hiểu, thu thập các thông tin về hiện tượng núi lửa. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV Hướng dẫn HS tìm ý cho bài viết bằng cách đặt câu hỏi, lập dàn ý bằng cách sắp xếp theo bố cục 3 phần.   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Tìm hiểu văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên** | | | 1. Đọc thông tin trong SGK (tr75), lựa chọn, sắp xếp các thông tin phù hợp trả lời cho những câu hỏi sau: | | | a. Núi lửa là gì? |  | | b. Hiện tượng núi lửa phun trào? |  | | c. Có những loại núi lửa nào? |  | | d. Núi lửa phun trào mang lại những lợi ích và tác hại gì? |  | | *2. Từ hoạt động trên, hãy rút ra bố cục và nhiệm vụ cụ thể của từng phần trong bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên*………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  ………………………………………….  …………………………………………. | |   - HS hoạt động cặp đôi thực hiện các nhiệm vụ trên PHT số 1 theo hướng dẫn của GV.  - GV gọi đại diện 2, 3 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận; cả lớp lắng nghe, theo dõi, đối chiếu với kết quả của nhóm mình để nhận xét, bổ sung, và rút ra các yêu cầu của bài văn.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **b) Tìm ý và lập dàn ý**  **\* Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Tìm hiểu văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên** | | | 1. Đọc thông tin trong SGK (tr75), lựa chọn, sắp xếp các thông tin phù hợp trả lời cho những câu hỏi sau: | | | a. Núi lửa là gì? | d/ Núi lửa được hình thành là do nhiệt độ bén dưới lớp bề mặt Trái Đất rất nóng, càng vào sâu trong tâm Trái Đất, nhiệt độ càng tăng cao. ồ độ sâu khoảng 20 dặm trong lòng đất, nhiệt độ có thề lên đến 6 000 °C, có thẻ làm tan chảy mọi thứ, kể cả các loại đá cứng. | | b. Hiện tượng núi lửa phun trào? | g/ Khi đá được đun nóng và tan chảy, chúng sẽ dãn nở ra, do đó, cán phải có nhiều không gian hơn. ồ một số khu vực trên Trái Đất, các dãy núi liên tục được nâng lên cao hơn. Áp suất ở phía dưới nó không lớn nên hình thành một hồ chứa đá nóng chảy hay còn gọi là mắc ma được hình thành bên dưới.  - Đá nóng chảy liên tục được đẩy lên phía trên và kết quả là những ngọn núi liên tục tăng về độ cao. Khi áp lực của các dòng chảy mắc ma cao hơn cộng với áp lực tạo bởi lớp đất đá bên trên, dòng mắc ma phun trào lên trên qua miệng núi gây ra hiện tượng núi lửa phun trào.  - Trong quá trình núi lửa phun trào, khí ga nóng và các chất thể rắn khác cũng bị hất tung lên không trung. Những chát được phun trào ra từ miệng núi lửa sẽ rơi xuống, tràn trên sườn núi và chân núi, hình thành một ngọn núi hình nón. | | c. Có những loại núi lửa nào? | e. Có nhiéu loại núi lửa. Việc phân loại tuỳ vào tiêu chí, chẳng hạn, dựa vào hình dáng, có:  - Núi lửa hình chóp.  - Núi lửa hình khiên.  Dựa vào dạng thức hoạt động, có:  - Núi lửa phun trào đang hoạt động (hay núi lửa thức).  - Núi lửa đang phục hổi dung nham (hay núi lửa đang ngủ).  - Núi lửa không còn khả năng hoạt động nữa (hay núi lửa chết). | | d. Núi lửa phun trào mang lại những lợi ích và tác hại gì? | a. Núi lửa đã gây ra rất nhiéu ảnh hưởng đến đời sống của con người, nhất là nhửng người đang sống trong vùng gần núi lửa phun trào.  b. Núi lửa góp phân phát triền hoạt động du lịch.  h. Lợi ích mà núi lửa phun trào mang lại:  - Mỏ khoáng sản phong phú.  - Năng lượng địa nhiệt.  - Đất đai tơi xốp, màu mỡ. |   **\* Lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần**  **- Mở bài:** Giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên núi lửa  **Ví dụ:** *Trong tự nhiên có rất nhiều hiện tượng lí thú mà con người cần tìm hiểu. Một trog những hiện tượng có thể kể đến chính là hiện tượng núi lửa phun trào*  **- Thân bài:** Thuyết minh, giải thích về hiện tượng tự nhiên núi lửa:  + Giải thích núi lửa là gì?  + Hiện tượng núi lửa phun trào  + Phân loại núi lửa như thế nào?  + Lợi ích và tác hại mà núi lửa mang lại với con người, với môi trường tự nhiên.  **Kết bài:** Khái quát lại về hiện tượng núi lửa. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV HD học sinh tiến hành viết bài  - Sau khi viết xong tiến hành kiểm tra và chỉnh sửa.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **c. Viết**  - Dựa vào dàn ý đã lập và các thông tin về núi lửa đã nêu, viết văn bản thuyết minh giải thích về hiện tượng núi lửa.  - Lưu ý: Vận dụng cách viết các đoạn quy nạp, diễn dịch, và phối hợp…  **d) Kiểm tra và chỉnh sửa**  **Kiểm tra đoạn văn hoặc bài văn đã viết theo cả hai yêu cầu:**  - Xem xét bố cục và nội dung các ý nêu trong đoạn văn, bài văn thuyết minh giải thích về hiện tượng tự nhiên đã hợp lí và đầy đủ chưa.  - Rà soát, kiểm tra các đoạn viết đã đúng kiểu đoạn văn theo yêu cầu ở phần viết chưa.  - Rà soát, phát hiện và sửa các lỗi trong trình bày, diễn đạt. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

***a. Mục tiêu:*** HS thực hành viết đoạn văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên đảm bảo các yêu cầu về nội dung và hình thức theo đặc điểm của đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song và phối hợp.

***b. Nội dung:***GV hướng dẫn HS làm việc nhóm trên PHT số 2 tổ chức cho HS thực hành viết ở trên lớp và tiến hành tự đánh giá, đánh giá bài viết của bạn dựa trên bảng kiểm.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\* HĐ1: Tìm hiểu về đặc điểm các kiểu đoạn văn:***  - GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện thuyết trình, giới thiệu về đặc điểm các kiểu đoạn văn: Diễn dịch, quy nạp, phối hợp, song song.  - HS vẽ sơ đồ đặc điểm đoạn văn ở nhà – Trình bày trên lớp theo nhóm  ***\* HĐ2: Tìm ý và lập dàn ý***  - GV yêu cầu HS thực hành tìm ý cho các đoạn văn vào PHT số 2.   |  |  | | --- | --- | | ***PHT số 02***  ***Cách viết các đoạn văn*** | | | **- Đoạn văn diễn dịch** | | | Cách thức | Nội dung cụ thể | | Nêy ý khái quát | ……………………….. | | Phát triển bằng các ý cụ thể | - Trước hết …………………………………………………………………………………………………………. | | **- Đoạn văn quy nạp** | | | Nêu các ý cụ thể | ………………………………………………………………………………………………………… | | Nêu ý khái quát | - Như vậy…………….... | | **- Đoạn văn phối hợp** | | | Nêu ý khái quát | …………………………. | | Phát triển bằng các ý cụ thể | ………………………………………………………………………………………………………… | | Tổng hợp các ý cụ thể | - Như vậy ……............... |   - HS làm việc nhóm cặp (15 phút) thực hành viết đoạn văn theo hướng dẫn của GV trên PHT số 2.  - GV gọi một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận, các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung góp ý cho dàn ý của các bạn.  - GV nhận xét, định hướng và lưu ý HS các bước viết đoạn văn.  ***\* HĐ3: Thực hành viết bài***  - GV tổ chức cho HS viết bài tr.ong thời gian 10-15 phút/ đoạn  - HS căn cứ PHT số 2, phần góp ý của các bạn và định hướng của GV để hoàn thiện đoạn viết cá nhân.  ***\* HĐ4: Kiểm tra và chỉnh sửa***  - GV phát bảng kiểm, lựa chọn gọi một HS chiếu và trình bày bài văn của mình. HS khác theo dõi, lắng nghe, đối chiếu với bảng kiểm để nhận xét, góp ý (chữa mẫu); sau đó tổ chức cho HS đánh giá chéo bài viết của bạn.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **BẢNG KIỂM**  **Đoạn văn từ ý khái quát “Núi lửa khi phun trào mang lại nhiều lợi ích”** | | | | | **Yêu cầu** | **Đạt** | **Chưa đạt** | **Dự kiến chỉnh sửa** | | 1. Đảm bảo hình thức đoạn văn |  |  |  | | 2. Vị trí câu khái quát trong các đoạn diễn dịch, quy nạp, tổng hợp. |  |  |  | | 3. Diễn đạt logic, phù hợp khi thay đổi vị trí các câu khái quát trong mỗi đoạn. |  |  |  | | 4. Trình bày được đầy đủ các lợi ích khi núi lửa phun trào mang lại. |  |  |  | | 5. Đảm bảo chính tả, ngữ pháp. |  |  |  |   - HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.  - GV tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá chéo bài viết của bạn theo nhóm. Sau đó gọi 2 – 3 HS trình bày bài viết và chia sẻ kinh nghiệm của bản thân sau khi viết (những điều đã làm được, những hạn chế và giải pháp khắc phục).  - GV nhận xét, lưu ý những điều đã thực hiện tốt và những hạn chế chung trong bài viết của HS, yêu cầu HS về nhà chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết cá nhân và nộp vào padlet môn học của lớp hoặc nộp trực tiếp cho GV. | ***Bài tập:*** *Với đề văn trên, từ ý khái quát “Núi lửa khi phun trào mang lại nhiều lợi ích”, em hãy hoàn thành đoạn văn ttheo ba cách: Diễn dịch, quy nạp; phối hợp.*  **- Bước 1:** ***Tìm hiểu về đặc điểm các kiểu đoạn văn:***  **- Bước 2:** Tìm ý theo kiểu đoạn văn (PHT số 2).  **- Bước 3:** HS viết bài (cá nhân).  **- Bước 4**: Kiểm tra và chỉnh sửa bài viết. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

***a. Mục tiêu:*** HS thực hành viết bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên đúng quy trình, đảm bảo các yêu cầu về hình thức và nội dung.

***b. Nội dung:***GV hướng dẫn HS thực hành viết ở nhà và tiến hành tự đánh giá, đánh giá bài viết của bạn dựa trên bảng kiểm. Báo cáo kết quả qua patlet

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

**\* Đề bài***: Giới thiệu về một hiện tượng tự nhiên mà em đã học hoặc tim hiểu.*

+ HS thực hiện viết theo hướng dẫn

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa cá nhân theo bảng kiểm

+ Làm việc nhóm tổ, đọc bài văn và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo bảng kiểm.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **BẢNG KIỂM**  **Bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi** | | | |
| **Yêu cầu** | **Đạt** | **Chưa đạt** | **Dự kiến chỉnh sửa** |
| 1. Đảm bảo hình thức, cấu trúc bài văn |  |  |  |
| 2. Giới thiệu về hiện tượng |  |  |  |
| 3. Những biểu hiện của hiện tượng |  |  |  |
| 4. Giải thích được vì sao có hiện tượng đó |  |  |  |
| 5. Nêu được tác dụng/ tác hại của hiện tượng. |  |  |  |
| 6. Nêu được cách phòng tránh/ tận dụng hiện tượng |  |  |  |
| 7. Kết hợp sử dụng hình ảnh minh họa có hiệu quả |  |  |  |
| 8. Nêu được giá trị, ý nghĩa của hiện tượng |  |  |  |
| 9. Đảm bảo đặc điểm các kiểu đoạn văn đã học. |  |  |  |
| 10. Đảm bảo chính tả, ngữ pháp. |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TUẦN …**  **TIẾT …**  ***Ngày soạn:*** | VIẾT:  **VĂN BẢN KIẾN NGHỊ VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG** |

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Nhận biết được tình huống, mục đích viết văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống.

- Biết viết văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống đảm bảo các bước; chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý, viết bài; xem lại và chỉnh sửa; rút kinh nghiệm

- Viết được văn văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.

**2. Phẩm chất**

- Có ý thức thực hiện các quy định của trường, lớp và ngoài xã hội.

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Tivi, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá.

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

*a. Mục tiêu:* Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

*b. Nội dung:*HS trả lời câu hỏi.

*c. Sản phẩm:*Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

*d. Tổ chức thực hiện:*

**Bước  1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**? Những trường hợp nào sau đây ta cần viết văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống:**

1. HS đánh nhau.

2. Tập thể lớp đề nghị với thầy giáo (cô giáo) chủ nhiệm về việc đi xem một bộ phim liên quan đến một tác phẩm văn học trong nhà trường.

3. HS vi phạm nội quy trường, lớp.

4. Trong khu vực gia đình em ở có một hộ kinh doanh dịch vụ karaoke nhưng không đảm bảo tiêu chuẩn kĩ thuật gây ồn ào, thậm chí là xảy ra cãi nhau, xô xát… ảnh hưởng lớn đến đời sống sinh hoạt của người dân trong khu vực.

5. Học sinh nghỉ học vì bị ốm.

**? Theo em các trường hợp còn lại sẽ viết các loại văn bản nào cho phù hợp?**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp đôi.

- GV quan sát, gợi ý nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi một số đại diện các cặp trả lời các câu hỏi.

- Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

**Dự kiến câu trả lời:**

- Các trường hợp cần viết văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống: 2, 4.

- Các trường hợp còn lại:

+ 1. Viết **Bản tường trình** và **Bản kiểm điểm**

+ 3. Viết **Bản kiểm điểm**

+ 5. Viết **Đơn xin nghỉ học**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, dẫn vào nội dung bài học.

**GV dẫn dắt vào nội dung tiết học**: *Trong thực tế đời sống có rất nhiều nhu cầu, quyền lợi chính đáng của cá nhân hay tập thể cần được tôn trọng và đáp ứng. Vậy trong một trường hợp cụ thể có vấn đề của đời sống, làm thế nào để chúng ta viết được một văn bản kiến nghị gửi đến một cá nhân hay các cấp có thẩm quyền đề xuất ý kiến nguyện vọng của cá nhân mình hay của cả tập thể? Bài học ngày hôm nay sẽ giúp các em thực hiện điều đó với bài học* **VIẾT VĂN BẢN KIẾN NGHỊ VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG.**

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. ĐỊNH HƯỚNG**

*a. Mục tiêu:* HS hiểu mục đích và xác định được các yêu cầu khi viết văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống

*b. Nội dung:* HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức, tiến hành trả lời các câu hỏi.

*c. Sản phẩm:* Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

*d. Tổ chức thực hiện***:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  *+ Khi nào cần viết bản văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống?*  *+ Văn bản kiến nghị còn có tên gọi khác là gì?*  *+ Nêu một vài tình huống trong cuộc sống có thể viết đơn kiến nghị.*  *+ Nêu các yêu cầu đối với kiểu văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **C:\Users\Admin\Desktop\van-ban-kien-nghi-ve-mot-van-de-doi-song.png**  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** | **I. Định hướng**  **1. Mục đích và tình huống viết văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống:**  **-** Trong đời sống hằng ngày, có rất nhiều nhu cầu, quyền lợi chính đáng của cá nhân hay tập thể cần được tôn trọng, đáp ứng. Viết văn bản gửi tới cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền để nêu lên ý kiến đề xuất của em hoặc tập thể chính là viết văn bản kiến nghị  - Văn bản kiến nghị vấn đê đời sống còn gọi là **Đơn kiến nghị**.  - Một số tình huống cụ thể:  + Tập thể lớn đề nghị với cô giáo (thầy giáo) chủ nhiệm về việc tổ chức đi xem một bộ phim liên quan đến các tác phẩm học trong nhà trường.  + Em thay mặt một số gia đình trong khu tập thể (hoặc khu phố, xóm, thôn,…) kiến nghị với Ủy ban nhân dân địa phương giải quyết việc một công trường trong khi xây dựng đã làm tắt hết các đường cống, gây ngập úng và mất về sinh môi trường, ảnh hưởng lớn đến đời sống của khu dân cư,…  **2. Yêu cầu khi viết văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống:**  ***a. Để viết được một văn bản kiến nghị cần lưu ý:***  + Tìm hiểu tình huống khi nào phải kiến nghị; kiến nghị nhằm mục đích gì, nội dung kiến nghị và cơ quan nhận kiến nghị.  + Văn bản kiến nghị cần trình bày trang trọng, ngắn gọn và rõ ràng theo một số mục quy định sẵn, ví dụ, theo mẫu áp dụng chung sau đây:  ***b. Về bố cục:*** Văn bản cần đảm bảo các phần sau:  **- Phần mở đầu:**  + Quốc hiệu, tiêu ngữ (ghi chính giữa)  + Địa điểm, thời gian viết (ghi vào góc bên phải)  + Tên VB (ghi chữ cái in hoa): **ĐƠN KIẾN NGHỊ** và tóm tắt sự việc kiến nghị: *Về việc…* (ghi chính giữa)  + Người (cơ quan) nhận: Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, đơn vị, cá nhân..  + Thông tin chính của người viết: Họ tên, Năm sinh, CCCD, địa chỉ…  **- Nội dung kiến nghị:** Tôi viết đơn này đề nghị quý cơ quan giải quyết vấn đề…:  + Nội dung vụ việc...  + Lí do viế đơn kiến nghị:  + Yêu cầu cụ thể:  **- Phần kết thúc:** Lời đề nghị, cam đoan, cảm ơn; chữ kí và họ tên của người viết kiến nghị. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**II. THỰC HÀNH**

*a. Mục tiêu:* HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao:

+ HS xác định được mục đích viết văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống. Từ đó, giúp HS có ý thức xác định tinh huống, bám sát mục đích viết văn bản kiến nghị.

+ Viết được văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống.

*b. Nội dung:*

- Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.

- Hoàn thành hoàn chỉnh một văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống.

*c. Sản phẩm:* Câu trả lời của HS

*d. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS thực hành quy trình viết.**  **\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **-** GV yêu cầu HS đọc phần bài tập trong SGK  **Bài tập:** Hãy viết văn bản kiến nghị theo một trong hai tình huống sau đây:  **(1) Có một bộ phim rất hay; liên quan tới tác phẩm đang học, cả lớp cần đi xem tập thể. Em thay mặt tập thể lớp viết một văn bản đề nghị cô giáo (thầy giáo) chủ nhiệm và nhà trường tổ chức cho các bạn xem phim.**  **(2) Trong khu vực gia đình em ở, có một địa điểm kinh doanh karaoke nhưng không đảm bảo tiêu chuẩn kĩ thuật, gây ồn ào, thậm chí xảy ra cãi nhau, xô xát,.. ảnh hưởng rất lớn đến sinh hoạt của cả khu vực. Thay mặt các gia đình trong khu vực, em hãy viết một văn bản kiến nghị gửi công an khu vực hoặc Ủy ban nhân dân địa phương để nêu ý kiến và đề nghị các yêu cầu cụ thể.**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn nội dung cho bài viết của mình bằng **kĩ thuật công não:**  + Đề bài yêu cầu em viết thể loại VB nào? Viết về nội dung gì?  + GV hướng dẫn HS xác định tình huống viết văn bản kiến nghị và mục đích kiến nghị.  - GV hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý:  + HS điền vào **Phiếu tìm ý** theo mẫu.  + HS lập dàn ý cho bài văn theo bố cục 3 phần: Mở đầu – nội dung tường trình- kết thúc  - Hướng dẫn HS viết thành văn bản hoàn chỉnh theo **TÌNH HUỐNG 1**.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. | **II. Thực hành**  **\* Bước 1: Chuẩn bị**  - Đọc bài tập sgk  - Xác định thể loại: Viết văn bản kiến nghị.  - Xác định sự việc, tình huống viết kiến nghị:  + TH1: Thay mặt lớp viết một văn bản đề nghị cô giáo (thầy giáo) chủ nhiệm và nhà trường tổ chức cho các bạn xem phim.  +TH2: Thay mặt các gia đình trong khu vực, em hãy viết một văn bản kiến nghị gửi công an khu vực hoặc Ủy ban nhân dân địa phương để nêu ý kiến và đề nghị các yêu cầu cụ thể.  - Thu thập thông tin liên quan đến sự việc, tình huống ấy.  - Xem trước mẫu của một bản kiến nghị.  **\* Bước 2:** **Viết**  - Viết bản kiến nghị về tình huống đã xác định theo mẫu.  **BÀI VIẾT THAM KHẢO TÌNH HUỐNG 1:**   |  | | --- | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Thái Bình, ngày 22 tháng 09 năm 2023*  **ĐƠN KIẾN NGHỊ**  *Về việc: Tổ chức buổi đi xem phim liên quan đến*  *tác phẩm văn học “Gió lạnh đầu mùa” của lớp 8D*  Kính gửi: - Thầy hiệu trưởng: Vũ Đình Sơn  - Cô giáo chủ nhiệm: Đỗ Thị V.A    Em tên là: Nguyễn Yến Nhi  Học sinh lớp: 8D  Chức vụ: lớp trưởng lớp 8D  Trường: THCS Quang Bình  Thay mặt tập thể lớp 8D, em viết đơn này đề nghị BGH nhà trường và cô giáo chủ nhiệm tạo điều kiện giải quyết cho chúng em về vấn đề: Tổ chức buổi đi xem phim liên quan đến tác phẩm văn học “Gió lạnh đầu mùa”.  Nội dung sự việc: Tuần vừa qua, vào buổi học ngày thứ Hai (18/09/2023), lớp chúng em học môn Ngữ Văn về tác phẩm “Gió lạnh đầu mùa” của tác giả Thạch Lam.  Lí do viết đơn kiến nghị này: Cùng thời điểm đó, rạp chiếu phim có chiếu bộ phim kể về những đứa trẻ nghèo khổ thời xưa. Em nhận thấy nội dung phim có cùng chủ đề và nội dung gần với tác phẩm văn học đang học, có thể giúp chúng em củng cố thêm kiến thức và hiểu sâu được những nội dung mà tác phẩm truyền tải.  Yêu cầu cụ thể: Em thay mặt cả lớp viết đơn kiến nghị này mong muồn thầy, cô xét duyệt ý nguyện tổ chức buổi đi xem phim cho cả lớp chúng em.  Kính mong thầy, cô xem xét đơn kiến kiến nghị và giải quyết sớm cho chúng em. Em xin cam đoan những thông tin trên hoàn toàn đúng sự thật, nếu có gì sai sót, em xin chịu trách nhiệm trước kỉ luật của nhà trường.  Em xin cảm ơn!  **Người làm đơn** (Chữ kí)  Nguyễn Yến Nhi | |
| **Nhiệm vụ 2: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối với VB kiến nghị  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  Chuẩn kiến thứcvề yêu cầu đối với VB kiến nghị.  +HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  +Tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV | **\* Bước 3:** Kiểm tra và chỉnh sửa  Đọc lại văn bản kiến nghị đã viết. Đối chiếu với nội dung mục 1.Định hướng để tự phát hiện các lỗi về ý và về diễn đạt, trình bày; từ đó, nhận biết cách sửa lỗi. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BẢNG KIỂM VĂN BẢN KIẾN NGHỊ**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Các phần của bài viết** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | **Phần mở đầu** | Tên quốc hiệu: viết in hoa, ở trên cùng và ở giữa VB. |  |  | | Tiêu ngữ: viết chữ thường, canh giữa dưới quốc hiệu, chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có dấu (-), ở giữa VB. |  |  | | Địa điểm, thời gian viết VB: đặt dưới quốc hiệu, tiêu ngữ và lùi sang phía bên phải của VB. |  |  | | Tên VB: viết chữ in hoa, cỡ chữ lớn hơn các chữ khác trong VB, ở giữa VB |  |  | | Trình bày thông tin về người nhận theo đúng quy cách |  |  | | Trình bày một số thông tin cơ bản của người viết |  |  | | **Nội dung kiến nghị** | Nội dung vụ việc |  |  | | Lí do kiến nghị |  |  | | Yêu cầu cụ thể |  |  | | **Phần kết thúc** | Nêu rõ lời đề nghị/cam đoan/lời hứa/cảm ơn. |  |  | | Có chữ kí và họ tên của người viết |  |  | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

*a. Mục tiêu***:** Củng cố, vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

*b. Nội dung:*HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

*c. Sản phẩm:*HS viết được một văn bản tường trình hoàn thiện, đúng thể thức đảm bảo nội dung của một bản tường trình

*d. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - Trên cơ sở phần Định hướng kiến thức và thực hành tình huống 1, hãy viết văn bản kiến nghị cho tình huống 2:  **Trong khu vực gia đình em ở, có một địa điểm kinh doanh karaoke nhưng không đảm bảo tiêu chuẩn kĩ thuật, gây ồn ào, thậm chí xảy ra cãi nhau, xô xát,.. ảnh hưởng rất lớn đến sinh hoạt của cả khu vực. Thay mặt các gia đình trong khu vực, em hãy viết một văn bản kiến nghị gửi công an khu vực hoặc Ủy ban nhân dân địa phương để nêu ý kiến và đề nghị các yêu cầu cụ thể.**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HSvận dụng kiến thức đã học và thưc hành để làm bài hoàn chỉnh.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  Chuẩn kiến thứcvề yêu cầu đối với VB kiến nghị.  + Giáo viên chiếu bài viết tham khảo cho HS theo dõi và nhận xét.  +HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  +Tự kiểm tra lại | **BÀI VIẾT THAM KHẢO TÌNH HUỐNG 2:**   |  | | --- | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Thái Bình, ngày 01 tháng 12 năm 2023*  **ĐƠN KIẾN NGHỊ**  *Về việc: Quán karaoke X6 gây ảnh hưởng lớn*  *tới toàn khu vực dân cư Tổ 18*  **Kính gửi:** Ủy bản nhân dân phường Kì Bá, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.  Tôi tên là: Nguyễn Ngọc A  Sinh năm: 30/05/1991  Số căn cước: 1707085689  Ngày cấp: 12/5/2021  Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.  Hộ khẩu thường trú: Tổ 18, Phường Kì Bá, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình  Nơi ở: Số nhà 201, Tổ 18, Phường Kì Bá, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình  Tôi viết đơn này đề nghị quý cơ quan hành chính giải quyết vấn đề: Sự việc xảy ra liên tục gần đây của quán karaoke X6 thuộc địa bàn tổ 18 phường Kì Bá không đảm bảo tiêu chuẩn kĩ thuật gây ảnh hưởng rất lớn đến sinh hoạt của cả khu vực.  Nội dung sự việc: Trong khoảng thời gian gần đây (từ ngày 05/11 đến 30/11/2023), vào mỗi buổi tối muộn (21h00 – 24h00), khu vực dân cư chúng tôi thường xuyên có những tiếng động lớn, thậm chí có những vụ xô xát, cãi nhau to. Theo như tìm hiểu, được biết những sự việc đó từ quán karaoke X6.  Lí do viết đơn kiến nghị này: Sự việc khiến khu dân cư trở nên ồn ào, gây ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống sinh hoạt của các hộ gia đình liền kề.  Yêu cầu cụ thể: Tôi thay mặt các hộ gia đình viết đơn kiến nghị này mong muốn Ủy bản sẽ đưa hướng giải pháp hợp lí đối với địa điểm kinh doanh đó.  Kính mong cơ quan có thẩm quyền xem xét đơn kiến nghị và giải quyết sớm cho tôi. Tôi xin cam đoan những thông tin trên hoàn toàn đúng sự thật. Nếu có gì sai sót, tôi xin chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền và trước pháp luật.  Tôi xin chân thành cảm ơn!  **Người làm đơn**  (Chữ kí)  Nguyễn Ngọc A | |

**Hướng dẫn tự học:**

* Hoàn thiện lại bài viết theo bảng kiểm.
* Chuẩn bị bài nói: *Tóm tắt nội dung thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.*

|  |  |
| --- | --- |
| **TUẦN …**  **TIẾT …**  ***Ngày soạn:*** | NÓI VÀ NGHE:  **TÓM TẮT NỘI DUNG THUYẾT MINH GIẢI THÍCH**  **MỘT HIÊN TƯỢNG TỰ NHIÊN** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS tóm tắt được nội dung bài thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên theo yêu cầu.

-Trình Bày bnar tóm tắt ý chính theo mức độ

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS rèn luyện ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Tivi, máy tính,…

**2. Học liệu**: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp**,** Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Đáp án** |
| Núi lửa là gì? |  |
| Có những loại núi lửa nào? |  |
| Vì sao có hiện tượng núi lửa phun trào? |  |
| Núi lửa phun trào mang lại những lợi ích và tác hại gì? |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Dàn ý** | **Nội dung** |
| Lời chào |  |
| Nêu vấn đề cần thuyết trình |  |
| Nội dung chính |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS:

*+Nhớ lại kiến thức đã học hãy cho biết thế nào là văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên? Nội dung chính của các văn bản đó là gì?*

*+Hãy kể tên một số hiện tượng tự nhiên mà em biết? Nêu hiểu biết của em về một trong số những hiện tượng đó?*

*+Khi đọc một bài văn thuyết minh, làm thế nào để em có thể ghi nhớ lại được thông tin của các bài văn đó một cách ngắn gọn, nhanh chóng nhất?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ.

GV trình chiếu video. HS cjia sẻ cảm nghĩ

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành tóm tắt nội dung bài thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.*

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Định hướng**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc mục Định hướng (trang 80/SGK) và hướng dẫn tìm hiểu nội dung sau:  *+ Tóm tắt ý chính của bài nói và tóm tắt ý chính của bài viết có điểm gì giống và khác nhau?*  *+ Tác dụng việc tóm tắt văn bản trong quá trình học tập.*  *+ Em cần lưu ý gì khi muốn tóm tắt được các ý chính của bài trình bày?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. CHUẨN BỊ**  **-** Tìm hiểu nội dung chính của bài nói, rèn luyện kĩ năng tìm ý, lập dàn ý khi thực hành nói và viết.  - **Những lưu ý khi muốn tóm tắt được các ý chính của bài trình bày:**  + Chú ý nghe kĩ nội dung thuyết minh giải thích mà người nói đã trình bày.  + Tùy theo yêu cầu tóm tắt để lựa chọn và ghi lại các ý chính theo hệ thống: ý lớn, ý nhỏ, các ví dụ minh họa tiêu biểu,… |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của bài và thực hành: *Nghe bạn thuyết minh giải thích hiện tượng núi lửa, ghi lại các ý chính của bài thuyết trình đó.*  - GV yêu cầu HS tiến hành chuẩn bị theo các bước hướng dẫn trong SGK.  + GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, xem lại nội dung thuyết minh giải thích hiện tượng núi lửa đã làm trong phần Viết.  + HS đọc lại các hướng dẫn trong phần 1. Định hướng để nắm được cách tóm tắt ý chính khi nghe:   |  | | --- | | Núi lửa là gì? | | Có những loại núi lửa nào? | | Vì sao có hiện tượng núi lửa phun trào? | | Núi lửa phun trào mang lại những lợi ích và tác hại gì? |   - Sau 15 phút chuẩn bị, GV yêu cầu HS trình bày theo trình tự:  + Người nói trình bày vấn đề theo dàn ý đã chuẩn bị.  + Người nghe ghi lại các ý chính của bài thuyết trình.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  GV trình chiếu video  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. THỰC HÀNH**  **Bài tập:** *Nghe bạn thuyết minh giải thích hiện tượng núi lửa, ghi lại các ý chính của bài thuyết trình đó.*  ***a. Chuẩn bị***  ***b.Lập dàn ý***  ***c. Nói và nghe***   |  |  | | --- | --- | | **Dàn ý** | **Nội dung** | | **Lời chào** | Giới thiệu bản thân | | **Hiện tượng** | Núi lửa | | **Nội dung** :  Khái niệm ?   Biểu hiện như  thế nào?  Vì sao có hiện  tượng này?   Những tác dụng hoặc tác hại của   hiện tượng thiên nhiên ấy là gì?  Tác dụng hoặc   phòng chống,  khắc phục tác động của hiện   tượng đó như thế nào?,… | - Núi lửa là ngọn núi có miệng ở đỉnh, các chất khoáng được nóng chảy với nhiệt độ và áp suất cao bị phun ra ngoài  - Phân loại núi lửa:  + Dựa theo hình dáng: núi lửa hình chóp và núi lửa hình khiên  + Dựa theo dạng thức hoạt động: núi lửa thức, núi lửa ngủ và núi lửa chết.  - Hoạt động của núi lửa: Đá nóng chảy liên tục được đẩy lên phía trên, những ngọn núi liên tục tăng về độ cao. Khi áp lực của các dòng chảy mắc ma phun trào lên trên qua miệng núi thì gây ra hiện tượng núi lửa phun trào.  - Tác hại của hiện tượng: mỏ khoáng sản phong phú, năng lượng địa nhiệt, đất đai tơi xốp, màu mỡ.  - Lợi ích của hiện tượng: làm biến đổi môi trường sinh thái, suy giảm tài nguyên sinh học của vùng bị ảnh hưởng, tăng tính nhạy cảm của những thiên tai nguy hiểm. | |

**Hoạt động 3: Trao đổi bài nói**

1. **Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS**.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo hướng dẫn trong SGK.  - GV đặt thêm câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời:  - Người nói:  *+ Trong bài trình bày của mình, em hài lòng về những điểm nào (nội dung, hình thức, thái độ)?*  *+ Điểm em muốn thay đổi trong bài trình bày đó là gì?*  - Người nghe:  *+ Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao?*  *+ Điều em rút ra được bài trình bày của bạn là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. | ***d. Kiểm tra và chỉnh sửa*** |

**HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* đọc văn bản phần và trả lời các câu hỏi, làm bài tập phần Tự đánh giá: Vì sao chim bồ câu không bị lạc đường? (SGK – trang 81, 82)

*- HS thực hiện nhiệm vụ.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

***\*Dự kiến sản phẩm:***

**Câu 1:** Đáp án A.

**Câu 2:** Đáp án C.

**Câu 3:** Đáp án B.

**Câu 4:** Đáp án C

**Câu 5:** Đáp án B.

**Câu 6:** Văn bản trên được coi là văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên vì nó đưa ra các kiến thức khoa học cơ sở để giải thích cụ thể, chi tiết về hiện tượng chim bồ câu không bị lạc đường.

**Câu 7:** Hiện tượng mà văn bản nói tới nhằm giải thích khả năng tuyệt diệu của chim bồ câu mà không phải con vật nào cũng có được. Nhờ khả năng đó mà các nhà khoa học Ốc-xpho phát hiện ra rằng thông qua đường bay mà chim bồ câu có thể nhớ được các kiến trúc tiêu biểu để tìm được đường về.

**Câu 8:** Bố cục văn bản gồm 3 phần:

- Phần 1 (từ đầu đến …khả năng tuyệt diệu này?): giới thiệu khái quát về khả năng của loài bồ câu.

- Phần 2 (tiếp đến …một cự li xa): các khả năng xác định được về nhà của bồ câu.

- Phần 3 (phần còn lại): phát hiện mới lạ của các nhà khoa học Ốc-xpho về bồ câu.

**Câu 9:** Thông quan văn bản, ta biết thêm được những kiến thức về các khả năng xác định đường bay của loài bồ câu.

**Câu 10:**

***Đoạn văn tham khảo:***

Thế giới loài vật xung quanh ta thật phong phú và đa dạng. Hầu hết, chúng đã trở thành người bạn thân thiết với con người, được yêu mến. Và loài chim bồ câu là một trong số loài vật đó. Chúng không còn xa lạ gì ở cuộc sống đời thường, nhất là vào những thời kì cổ đại ngày xưa, khi mà loài người đã mượn “trí thông minh” của chúng để làm phương tiện liên lạc hữu ích. Điều em vô cùng ấn tượng với loài chim này đó là cách chúng bay đi đưa thư. Bởi chúng biết định vị và bay về nhà ở một khoảng cách khá xa, có khi lên đến cả hàng ngàn cây số. Ngoài ra, chúng còn được coi là biểu tượng cho hòa bình, cho tình thân ái. Cũng bởi vậy, mỗi khi nhắc đến loài bồ câu, không chỉ riêng em mà rất nhiều người yêu mến bởi khả năng tuyệt diệu, sự hiền lành và dễ thương của nó.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**Bài 4**

**KỊCH VÀ TRUYỆN CƯỜI**

**Đọc – hiểu văn bản 1**

**ĐỔI TÊN CHO XÃ**

*– Lưu Qung Vũ*

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

1. Kiến thức

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.

- Nêu được nội dung bao quát của văn bản (nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, chủ đề, ý nghĩa; tình cảm, thái độ của tác giả...) của hài kịch và truyện cười.

- Từ đó, ghét những thói hư tật xấu, phê phán cái giả dối, biết trân trọng những suy nghĩ trong sáng, nhân văn, những hành động trung thực…

2. Năng lực

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.

**3. Phẩm chất:** Tiết học góp phần bồi dưỡng phẩm chất giản dị, khiêm tốn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu…

- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5’)**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc quan sát một số hình ảnh trong cuộc sống.

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

**HS** quan sát hình ảnh, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

**c. Sản phẩm:**

**-** HS nói được nội dung của đoạn video về tính xấu của con người trong xã hội cần lên án, phê phán.

**-** Học sinh nêu cảm nhận về đoạn video.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV: Trước khi vào nội dung của tiết học này, cô mời các em đến với đoạn video. Các em chú ý theo dõi và cho cô biết:

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản:- GV có câu hỏi định hướng: HS quan sát đoạn video và cho biết: đoạn video thuộc loại hình nào? Em có cảm nhận gì khi xem xong đoạn video đó? GV cho học sinh xem video ***về 1 trích đoạn vở hài kịch*** khoảng 2 phút

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**GV** bật video

**HS:**

**-** Nhận nhiệm vụ.

- Quan sát, lắng nghe video và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

- Sau khi trả lời xong câu hỏi số 1, HS nghe câu hỏi số 2 và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi 1, 2…

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Loại hình sân khấu kịch đặc biệt là hài kịch luôn mang đến cho khán giả những tiếng cười vui vẻ, sảng khoái. Qua thể loại hài kịch, những xung đột, mâu thuẫn giữa cái xấu và cái tốt được bộc lộ rõ nét. Vậy hài kịch là gì? Đặc điểm của thể loại hài kịch ra sao chúng ta cùng tìm hiểu trong tiết hôm nay.*

**2. HOẠT DỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**I. TÌM HIỂU CHUNG (10 phút)**

|  |
| --- |
| **1. Tác giả** |
| **Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**  **a. Mục tiêu:** Nắm được kiến thức cơ bản về thể loại kịch và truyện cười  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**   |  |  | | --- | --- | | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS đọc thầm phần Kiến thức ngữ văn trang 83 trong thời gian: 2 phút sau đó quan sát lên màn hình và nối cột A với cột B sao cho phù hợp  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV giao phiếu học tập số 1: tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  Lưu Quang Vũ sinh tại xã Thiệu Cơ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ nhưng quê gốc lại ở quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, là con trai nhà viết kịch Lưu Quang Thuận và bà Vũ Thị Khánh, và tuổi thơ sống tại Phú Thọ cùng cha mẹ. Khi hoà bình lập lại (1954) gia đình ông chuyển về sống tại Hà Nội. Thiên hướng và năng khiếu nghệ thuật của ông đã sớm bộc lộ từ nhỏ và vùng quê trung du Bắc Bộ đó đã in dấu trong các sáng tác của ông sau này.  - GV yêu cầu HS:  ***Cho hs đọc phân vai***  + Đọc: Theo em, chúng ta nên đọc văn bản như thế nào? Cần chú ý điều gì khi chúng ta đọc bài?  + Tóm tắt nội dung đoạn trích kịch  + Trình bày những nét khái quát về văn bản: nhân vật chính, ngôi kể, thể loại, trình tự kể…  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV giao phiếu học tập số 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Nội dung** | **Nhận xét** | | Nhân vật | Kể tên các nhân vật trong văn bản? | Tên nhân vật có gì đặc biệt? | | Lời thoại | Tìm một vài lời thoại có tính chất hài hước. | Em có nhận xét gì về lời thoại trong văn bản hài kịch? | | Chỉ dẫn sân khấu | Tìm một số dòng chữ được in nghiêng và để trong ngoặc đơn trong văn bản? | Những dòng chữ ấy có tác dụng gì? | | Đề tài | Văn bản viết về đề tài gì? | Em có nhận xét gì về đề tài mà tác giả lựa chọn? | | Nội dung chính | Nội dung chính của đoạn trích là gì? | Nội dung của đoạn trích có liên quan như thế nào đến tên vở kịch “ Bệnh sĩ”? | | Mục đích | Mục đích của cuộc họp là gì? |  |   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách lấy phiếu học tập và thảo luận cặp đôi với bạn cùng bàn để thống nhất nhau  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS đại diện bàn trả lời câu hỏi  - GV gọi HS bàn khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Câu hỏi mở rộng:**  **Cách trinh bày kịch bản có gì khác với cách trình bày trong văn bản kí, truyện ngắn hoặc thơ?**  Cách trình bày kịch bản khác xa so với cách trình bày truyện ngắn, kí hoặc thơ. Bởi trong văn bản hài kịch chủ yếu là lời đối thoại giữa các nhân vật với nhau, đan xen vào đó là một số câu văn miêu tả hành động mà các nhân vật sẽ làm. Ngôn ngữ trong văn bản hài kịch cũng thường là ngôn ngữ hài hước, gây cười.  Trong đoạn trích cũng nói lên vấn đề "bệnh sĩ" trong cuộc sống hằng ngày. Những người có chức quyền thì ham thành tích, thích sĩ diện mà thay đổi một cách không khoa học, thay đổi linh tinh, lấy những cái tên mĩ miều thay cho những cái tầm phào. Kết quả chẳng thay đổi được gì lại làm cuộc sống nhân dân càng thêm khó khăn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  Có thể thấy, trong hài kịch có nhiều yếu tố giống với truyện như nhân vật, cốt truyện..Tuy nhiên điểm khác biệt trong hài kịch là có tính chất gây cười và chủ yếu được mô tả qua hành dộng, cử chỉ, lời nói.  **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  - HS tìm, phát hiện những chi tiết về hành động và lời nói của nhân vật  - Tím hiểu về xung đột kịch  - Nhận xét được cách xây dựng nhân vât trong kịch  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  **GV** sử dụng kĩ thuật vấn đáp, kĩ thuật khăn phủ bàn để hướng dẫn HS tìm hiểu về đặc điểm nhân vật trong văn bản  **HS** suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận qua việc trình bày phiếu học tập**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Nhân vật | Hành động | Lời nói | Xung đột kịch | | Ông Nha | Tìm những từ ngữ diễn tả hành động của các nhân vật? | Tìm những từ ngữ ghi lại lời thoại có tính chất gây cười của các nhân vật? | Ở nhân vật ông Nha, em thấy có điều gì mâu thuẫn với nhau? | | Các nhân vật khác |  |  | Giữa các nhân vật có điểm gì trái ngược nhau?  Qua lời thoại của các nhân vật, em hãy phân tích để làm rõ xung đột kịch trong văn bản? | | Nhận xét đánh giá | Tác giả sử dụng thủ pháp nghệ thuật gì khi xây dựng nhân vật? | | | |  | Qua những hành động và lời nói của ông Nha, em thấy ông là người như thế nào?  Em có nhận xét gì về tính cách của những nhân vật khác? | | |   **GV phân tích**  . Ông mong ước xây dựng và phát triển một xã khoa học để ông vẻ vang với các xã khác và với cấp trên>< nhưng ông không hiểu thực tế vốn có của địa phương  Ông tìm hiểu những nơi khác >< nhưng chỉ tìm hiểu một cách hời hợt, chưa có sự phân tích tình hình thực tế của xã mình đã vội vàng đổi mới.  Ông muốn phát triển kinh tế >< nhưng lại vứt bỏ những thứ vốn là cần câu cơm của người dân nơi đây.  Ông nói rất cao siêu >< nhưng thực tế thì phũ phàng bởi những lời ông nói chỉ là sáo rỗng  Ông phong chức một cách tràn lan >< nhưng thực tế thì chẳng ra đâu vào đâu, chính những người giữ chức đó còn chẳng hiểu mình sẽ làm gì.  ***Có thể thấy, nhân vật trong hài kịch chủ yếu được thể hiện qua ngôn ngữ đối thoại và có tính chất gây cười. Thủ pháp trào phúng được tác giả thể hiện rõ nét qua hành động, qua lời nói của các nhân vật. Nhờ cách xây dựng nhân vật, người đọc đã thấy được nét tính cách tiêu biểu của nhân vật ông Nha đại diện cho những người có quyền chức ở địa phương háo danh, thích khoa trương, có thể nói là rất sĩ diện.***  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  Nhân vật trong hài kịch thường được xây dựng không có sự tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bên ngoài, giữa suy nghĩ và hành động, lời nói và việc làm. Chính vì lẽ đó, tính cách của nhân vật trong hài kịch được bộc lộ rõ qua xung đột kịch và qua thủ pháp trào phúng. Qua đó làm nổi bật tính cách của nhân vật và tạo ấn tượng sâu đậm về nhân vật trong lòng người đọc.  **TÌM HIỂU Ý NGHĨA CỦA VĂN BẢN**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Theo em, văn bản ***Đổi tên cho xã*** đã nêu lên và phê phán hiện tượng gì? Điều đó còn có ý nghĩa với cuộc sống hôm nay không?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo bàn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS cùng bàn thống nhất trả lời câu hỏi  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  Bệnh sĩ là căn bệnh tồn tại từ rất lâu trước đây mà đến nay vẫn là một hiện tượng phổ biến trong xã hội. Khi nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức vì muốn chạy đua thành tích mà đưa ra một đống phương hướng, biện pháp... khác nhau để thử nghiệm trong khi chưa nắm rõ tình hình chính mình. Kết quả là gây ra một đống sai phạm, đã sai lại càng sai, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của xã hội.  **Qua văn bản, em thấy bệnh sĩ có tác hại gì? Trong cuộc sống hiện nay, bệnh có còn tồn tại không? Qua những biểu hiện nào và tác hại của nó ra sao?**  **HĐ TỔNG KẾT**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ***? Nhắc lại những thành công về nghệ thuật của văn bản?***  ***? Khái quát nội dung chính của văn bản?***  ***? Văn bản gợi lên trong em những suy nghĩ và tình cảm như thế nào?***  ***Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi học xong văn bản hài kịch?***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc theo nhóm 4 người để hoàn thành nhiệm vụ.  GV theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** đại diện các nhóm báo cáo kết quả, HS cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của cả lớp  **HĐ LUYỆN TẬP**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao tình huống hoạt động cho nhóm để hs thực hiện  - Xây dựng kịch bản  - Sau khi xây dựng xong, trong tổ phân công các bạn diễn xuất theo kịch bản đã xây dựng.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  Hoạt động nhóm theo tổ  - HS thực hiện nhiệm vụ: xây dựng kịch bản  - Phân công người thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **A. KIẾN THỨC NGỮ VĂN**  **1. Hài kịch**  **2. Truyện cười**  **B. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1**  **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Tác giả: Lưu Quang Vũ**  **2. Tác phẩm**  **a. Đọc, tóm tắt đoạn trích**  **a. Đọc**  Đọc rõ ràng, rành mạch, thể hiện được sự ngông nghênh, kiêu ngạo của ếch, xen chút hài hước; chú ý chỉ dẫn đọc màu vàng bên phải mỗi phần.  **b. Tóm tắt**  Văn bản kể về sự việc xã Cà Hạ sắp được đổi tên, sự việc diễn ra trong buổi công bố tên xã mới vô cùng long trọng. Việc đổi tên xã khiến chính quyền xã phải phân công lại nhiệm vụ cho từng người. Sau khi nghe phân công nhiệm vụ, ông Sửu thắc mắc về nhiệm vụ của mình và được giao cho vị trí chủ nhiệm trung tâm Triệt sản gia súc. Chưa ai hiểu rõ được nhiệm vụ mình được giao là gì, mọi người bàn tán rất nhiều. Kết thúc văn bản là cuộc nói chuyện của ông Nha, ông Thỉnh và Văn Sửa cho thấy sự hài hước, trào phúng của văn bản này.  **c. Tìm hiểu chung**  **- Xuất xứ:** trích trong vở kịch: Bệnh sĩ (Tuyển tập kịch, NXB sân khấu, Hà Nội 1994)  - **Thể loại:** hài kịch  **- Bối cảnh:** trụ sở xã  **- Sự việc:** cuộc họp bàn về việc đổi tên cho xã  **- Cốt truyện:** xoay quanh sự việc chính đó là đổi tên cho xã  **- Ý nghĩa nhan đề** tác phẩm và văn bản:  + Nhan đề “Bệnh sĩ” -> khái quát nội dung tác phẩm => viết về một căn bệnh phổ biến trong xã hội, đáng lên án, phê phán.  + Nhan đề “đổi tên cho xã” -> do nhà xuất bản đặt => nhan đề khái quát nội dung văn bản  **II. Đọc hiểu chi tiết**  **1. Đặc điểm tiêu biểu của thể loại kịch trong văn bản**  - Nhân vật: Ông Nha, ông Thình, Văn sửu, ông Độp, bà Độp  🡪 Tên nhân vật giản dị, gần gũi với người dân nông thôn và có tính chất gây cười.  - Lời thoại: xuất hiện liên tục và có tính chất hài hước  - Chỉ dẫn sân khấu: dòng chữ in nghiêng và để trong dấu ngoặc đơn dùng để chỉ dẫn hành động cho diễn viên  - Đề tài: viết về bệnh sĩ trong cuộc sống hàng ngày 🡪 đề tài nhấn mạnh một căn bệnh mà nhiều người mắc phải  - Nội dung: cuộc họp thông báo những đổi mới của xã Hùng Tâm từ tên xã đến chức vụ của một số người. Trong đoạn trích cũng nói lên vấn đề "bệnh sĩ" trong cuộc sống hằng ngày.  - Mục đích của cuộc họp là thông báo việc xã đổi tên thành xã Hùng Tâm, phố Cà, thủ phủ của sẽ thành thị trấn Hùng Tâm.  **2. Cách xây dựng nhân vật trong hài kịch**  - Ông Nha: nhân vật chính  Nhân vật ông Chủ tịch xã Toàn Nha tiêu biểu cho kiểu người thích sống giả dối và tham vọng một cách mù quáng trong xã hội.   * Thủ pháp trào phúng qua nghệ thuật phóng đại * Nhấn mạnh, khắc sâu trong lòng người đọc về căn bệnh khoa trương, hình thức đến mức giả dối và lố bịch.   - Các nhân vật khác:  Ông bà Độp, ông Thình -> là những người thật thà, giản dị, chất phác  Văn Sửu: giả dối, ra oai, quan cách   * ***Xung đột kịch xảy ra trong văn bản là sự đối lập giữa sự chân thực, thật thà>< sự giả dối, ảo tưởng, hão huyền, sĩ diện***   **3. Ý nghĩa của văn bản**  Phê phán một hiện tượng nhức nhối trong xã hội Việt Nam, đó là thích sĩ diện.  **III. TỔNG KẾT:**  **1. Nghệ thuật:**  - Xây dựng cốt truyện nhẹ nhàng nhưng hài hước và hấp dẫn  - Cách xây dựng nhân vật qua nhiều phương diện.  - Văn bản thành công trong việc sử dụng thủ pháp trào phúng tạo nên tiếng cười vui vẻ.  **2. Nội dung**  - Văn bản kể về việc đổi tên cho xã  **3. Ý nghĩa**  - Truyện phê phán bệnh sĩ  - Nhắc nhở mỗi người sống khiêm nhường, không khoa trương hình thức.  **4. Chiến thuật đọc hiểu hài kịch**  - Nhận biết được đề tài và kể lại được cốt truyện của văn bản  - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch: xung đột kịch, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng…  - Nhận biết được mục đích, nội dung và ý nghĩa của tiếng cười phê phán mà văn bản hài kịch hướng tới. Liên hệ và rút ra bài học.  **IV. LUYỆN TẬP**  Trong cuộc sống, có không ít trường hợp em đã gặp mắc bệnh sĩ. Hãy xây dựng một tiểu phẩm ngắn để nói lên điều đó.  Sau khi xây dựng xong, trong tổ phân công các bạn diễn xuất theo kịch bản đã xây dựng. |   **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.  **b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.  **c. Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* GV giao nhiệm vụ:**  ***Viết đoạn văn khoảng 7 câu bày tỏ suy nghĩ của em về bệnh sĩ của một số bạn trẻ hiện nay.***  .  **\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà  **\* Báo cáo, thảo luận:** GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp  **\* Kết luận, nhận định:**  GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nhân vật | Hành động | Lời nói | Xung đột kịch |
| Ông Nha | Xem đồng hồ, đứng dậy | Bây giờ làm ăn mới rồi, qui mô khoa học…có cái tên nào đẹp tai không nhỉ?Trung tâm triệt sản gia súc… | Ở nhân vật ông Nha, em thấy có điều gì mâu thuẫn với nhau? |
| Các nhân vật khác | Cười, vỗ tay | - Sửu: Họan lợn…Trung tâm triệt sản gia súc..  - Ông Độp: Hay quá…có chữ nghĩa có khác. Hay quá u nó ạ. | Giữa các nhân vật có điểm gì trái ngược nhau?  Qua lời thoại của các nhân vật, em hãy phân tích để làm rõ xung đột kịch trong văn bản? |
| Nhận xét đánh giá | Tác giả sử dụng thủ pháp nghệ thuật gì khi xây dựng nhân vật? | | |
|  | Qua những hành động và lời nói của ông Nha, em thấy ông là người như thế nào? | | |

**Bài 4**

**KỊCH VÀ TRUYỆN CƯỜI**

**Đọc – hiểu văn bản 2**

**CÁI KÍNH**

*– Nê-xin –*

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

1. Kiến thức

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện cười hiện đại như: tình huống gây cười, nhân vật, hành động gây cười, thủ pháp gây cười…).

- Nêu được nội dung bao quát của văn bản truyện cười (nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, chủ đề, ý nghĩa; tình cảm, thái độ của tác giả...).

2. Năng lực

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.

- Năng lực đọc hiểu văn bản truyện cười.

**3. Phẩm chất:** Tiết học góp phần bồi dưỡng phẩm chất giản dị, khiêm tốn. Từ đó, ghét những thói hư tật xấu, phê phán cái giả dối, biết trân trọng những suy nghĩ trong sáng, nhân văn, những hành động trung thực…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu…

- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5’)**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc quan sát một số hình ảnh trong cuộc sống.

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

**HS** quan sát hình ảnh, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

**c. Sản phẩm:**

**-** HS gọi tên được một số truyện cười dân gian quen thuộc.

**-** Học sinh kể thêm 1 số truyện cười đã nghe, đã đọc.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV: chiếu slide có hình ảnh minh họa một số truyện cười dân gian.

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản:

+ GV: Vì sao em cho rằng truyện mà em vừa kể tên là một truyện cười?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**HS:**

**-** Nhận nhiệm vụ.

- Quan sát hình ảnh và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

- Sau khi trả lời xong câu hỏi số 1, HS nghe câu hỏi số 2 và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi 1, 2…

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

***- GV dẫn dắt vào bài mới.***

**2. HOẠT DỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**I. TÌM HIỂU CHUNG (10 phút)**

|  |
| --- |
| **1. Tác giả** |
| **Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**  **a. Mục tiêu:** Nắm được kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**   |  |  | | --- | --- | | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV giao phiếu học tập số 1: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  CHỦ ĐỀ TÁC GIẢ A-DÍT NÊ-XIN  - GV yêu cầu HS: Điền bảng KWL  ***Cho hs đọc truyện***  + Đọc: Theo em, chúng ta nên đọc văn bản như thế nào? Cần chú ý điều gì khi chúng ta đọc bài?  + Tóm tắt nội dung truyện  + Trình bày những nét khái quát về văn bản: nhân vật chính, ngôi kể, thể loại, trình tự kể…  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  - Vì sao nhân vật tôi lại quyết định đi đo kính?  - Câu chuyện diễn ra xoay quanh sự kiện nào?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  **GV** sử dụng kĩ thuật vấn đáp để hướng dẫn HS tìm hiểu về tình huống của câu chuyện.  **HS** suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS điền phiếu học tập và thảo luận theo nhóm bàn.  Pastel Colors Naming Emotions Worksheet  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  **Theo em, yếu tố gây cười của truyện được thể hiện qua những chi tiết nào?**  **Qua câu chuyện về những chiếc kính của nhân vật tôi, em rút ra được bài học nào cho bản thân mình?**  **HĐ TỔNG KẾT**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nhắc lại những thành công về nghệ thuật của văn bản?  ? Khái quát nội dung chính của văn bản?  ? Văn bản gợi lên trong em những suy nghĩ và tình cảm như thế nào?  ? Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi học xong văn bản truyện cười?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ.  GV theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, HS cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của cả lớp  **HĐ LUYỆN TẬP**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ  - Từ điển tiếng Việt giải nghĩa từ bệnh tưởng là: “trạng thái tinh thần lo lắng do bị ám ảnh là mình đã mắc một bệnh nào đó, kì thật không phải”. Theo em, nhân vật “tôi” trong truyện Cái kính có mắc bệnh tưởng hay không? Hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 dòng) giải thích vì sao.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Tác giả: A-dít Nê-xin**  - A-dít Nê-xin: 1915-1995  + Quê: Thổ Nhĩ Kì  + Là nhà văn nổi tiếng, có nhiều tác phẩm thuộc thể loại tiểu thuyết và truyện cười được dịch sang tiếng Việt.  + Tác phẩm: Những người thích đùa, Chát xình! Chát chát bùm!, Cầu thủ bóng đá, …  **2. Tác phẩm**  **a. Đọc, tóm tắt**  **a. Đọc**  Đọc rõ ràng, rành mạch, thể hiện được sự hài hước, chế giễu nhẹ nhàng ở những đoạn kể việc nhân vật tôi đi khám.  **b. Tóm tắt**  Truyện kể về nhân vật "tôi" - một người thích tỏ ra mình là một tri thức chính hiệu. Vì muốn đeo kính, anh ta đi khám mắt. Lần đầu, bác sĩ bảo anh ta cận và cho anh ta đeo kính cận, kết quả là khi đeo anh ta luôn cảm thấy buồn nôn. Lần hai đi khám, anh ta bị bảo là mắt bị viện thị, anh ta đeo kính mới mà mắt lúc nào cũng đỏ hoe. Lần thứ ba đi khám, người ta bảo anh bị loạn thị, anh đeo kính thì nhìn cái gì cũng lùi ra xa khiến anh khó khăn trong giao tiếp và ăn uống. Lần thứ tư đi khám, anh đeo kính mới nhìn cái gì cũng hóa hai. Lần thứ năm đi khám, bác sĩ phán anh một mắt viễn thị, một mắt cận thị. Anh đổi sang kính khác và không phân biệt được sáng, tối nữa. Sau đó anh đi khám ở nhiều nơi khác, lại uống thuốc, lại tiêm... nhưng vẫn không nhìn rõ được. Một lần, anh bị ngã, kính rơi ra, người khác giúp anh nhặt lại. Từ lúc đó anh nhìn cái gì cũng rõ hẳn. Đến khi vợ anh nhắc, anh mới biết kính mình bị vỡ.  **c. Tìm hiểu chung**  **- Xuất xứ:** trích trong “Những người thích đùa”, Thái Hà dịch (NXB Văn học, Hà Nội, 2014)  - **Thể loại:** truyện cười  **- PTBĐ:** tự sự, miêu tả, biểu cảm.  **II. Đọc hiểu chi tiết**  **1. Tình huống gây cười**  - Nhân vật tôi đi đo kính vì:  + Một người bạn gợi ý.  + Mắt mờ hẳn từ sau khi gặp người bạn đó.  + Vì nghĩ rằng đeo kính vào thì trông sẽ tri thức hơn.  🡪 Đeo kính không phải vì mắt khó nhìn mà vì trông cho tri thức hơn; thậm chí bị ảo tưởng khiến cho mắt bị mờ đi. Đây là một người sĩ diện, thích khoe khoang, thích được người nể trọng vì “tri thức” của mình.  - Câu chuyện xoay quanh những lần đi đo kính của nhân vật “tôi”.  🡪 Vì không có bệnh về mắt nên người đàn ông đeo kính nào cũng không phù hợp, dù rằng đã đi khám đủ các bác sĩ trong ngoài nước.  **2. Sự việc và nhân vật gây cười: những lần đi mua kính**  - Lần 1: Cứ đeo vào là “tôi” thấy mặt mày sa sầm, buồn nôn không chịu được.  - Lần 2: Anh ta đeo kính mới mà mắt lúc nào cũng đỏ hoe.  - Lần 3: Anh đeo kính thì nhìn cái gì cũng lùi ra xa khiến anh khó khăn khi bắt tay, đi lại và ăn uống.  - Lần 4: Anh đeo kính mới nhìn cái gì cũng hóa hai.  - Lần 5: Anh đổi sang kính khác và không phân biệt được sáng, tối nữa.  🡪 Các bác sĩ trong truyện là những người không có chuyên môn, hành nghề không có tâm. Mắt của nhân vật "tôi" vốn chẳng bị gì hết nhưng lại bị phóng đại thành có bệnh, rồi bệnh này sang bệnh kia. Các ông bác sĩ chê nhau nhưng chính mình cũng khám không ra.  **3. Bài học cuộc sống**  - Không nên sĩ diện hay quá coi trọng cái bên ngoài bóng bẩy mà để bên trong sáo rỗng.  - Còn tồn tại những người bị bệnh “tưởng”, tự ám ảnh và tự làm khổ chính mình cùng những người xung quanh.  - Trong xã hội, vẫn còn có những thầy thuốc khám bệnh không vì y đức và tình yêu thương đối với người bệnh mà vì danh lợi, của cải vật chất.  **III. Tổng kết**  - Về nội dung: Dùng tiếng cười nhẹ nhàng phê phán hiện tượng bệnh tưởng trong cuộc sống và sự thiếu trách nhiệm trong khám chữa bệnh của một số y, bác sĩ.  - Về nghệ thuật: Cốt truyện giản dị, đời thường, sử dụng thành công thủ pháp phỏng đại để tạo ra được tiếng cười phê phán nhẹ nhàng nhưng ý nghĩa sâu sắc, thấm thía, ...  **IV. LUYỆN TẬP**  Từ điển tiếng Việt giải nghĩa từ bệnh tưởng là: “trạng thái tinh thần lo lắng do bị ám ảnh là mình đã mắc một bệnh nào đó, kì thật không phải”. Từ khái niệm này có thể thấy nhân vật “tôi” trong truyện mắc bệnh ảo tưởng nghiêm trọng. Chỉ vì muốn được trong tri thức mà anh ta bất chấp đánh đổi sức khoẻ để đeo kính. Anh ta thậm chí đã thay đổi kính những bốn lần mặc dù mắt anh ta hoàn toàn bình thường, đây là biểu hiện của sự ảo tưởng và vô trách nhiệm với bản thân. Giá trị của mỗi người là ở chính bản thân họ chứ không phải chỉ nhờ vào cặp kính. |   **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.  **b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.  **c. Sản phẩm:** Phần thảo luận  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* GV giao nhiệm vụ:**  ***Trong cuộc sống, em đã chứng kiến (đã nghe, đã đọc) nhiều trường hợp con người bị mắc bệnh “tưởng”. Hãy chia sẽ với các bạn trong lớp một trường hợp như thế. Xác định nguyên nhân và thử tìm giải pháp khắc phục.***  **\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà, báo cáo vào tiết học sau.  **\* Báo cáo, thảo luận:** GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp  **\* Kết luận, nhận định:**  GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ. |

**TIẾT 49: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ NGHĨA HÀM ẨN**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:**

**-** Nhận biết được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

- Phân biệt nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

- Vận dụng được hiểu biểt về nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn của câu trong hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung:***

- Biết tự học và tự chủ trong việc đọc, nghiên cứu nội dung bài học trong sách giáo khoa.

- Có năng lực giao tiếp tốt, hợp tác nhóm tích cực, biết giải quyết nhiệm vụ được giao trong bài học một cách sáng tạo.

***b. Năng lực đặc thù:*** Phát triển NL ngôn ngữ và NL văn học qua việc **:**

- Nhận diện nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

- Vận dụng nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn để viết đoạn văn, trong khi nói, khi viết

**3. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy tính, máy chiếu

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình

b) Nội dung: Giáo viên cho học sinh quan sát tranh để hình thành những kiến thức về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

c) Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV chiếu hình ảnh và đặt câu hỏi  ? Em hãy quan sát bức tranh và cho biết câu trả lời của người anh có liên quan gì đến câu nói của người em không?    ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS quan sát, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  - HS trình bày  - HS khác nhận xét, bổ sung  ***Bước 4: Kết luận, nhận định:***  - Gv nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - G dẫn dắt vào bài mới :  Trong bài thơ “Tiếng Việt” nhà thơ Lưu Quang Vũ có viết  *“Ôi Tiếng Việt như đất cày, như lụa*  *Óng tre ngà và mềm mại như tơ”*  Đó chính là phát hiện, đúc rút sâu sắc về những đặc trưng của tiếng nói dân tộc, vừa cứng cỏi, khỏe khoắn, vừa mềm mại, dịu dàng, vừa chân chất, mộc mạc, vừa óng ả, tinh tế. Trong chương trình ngữ văn nói chung và chương trình ngữ văn lớp 8 nói riêng. Các tiết thực hành Tiếng Việt có vai trò vô cùng quan trọng, giúp chúng ta biết cách sử dụng tiếng Việt đúng hơn, đẹp hơn, hay hơn. Bên cạnh đó, các tiết học tiếng Việt còn giúp chúng ta bồi đắp năng khiếu thẩm mỹ, lòng tự hào và ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Bài học nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn ngày hôm nay cũng nhằm mục đích đó. |  |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tri thức tiếng Việt** | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  - Nắm vững tri thức về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn  **Nội dung:** GV sử dụng KT vấn đáp để hỏi phần tri thức tiếng Việt | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  (?) Nêu hiểu biết của em về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn  (?) Phân biệt nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK, dựa vào PHT đã chuẩn bị ở nhà để chuẩn bị nội dung trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Gọi đại diện HS trả lời  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi  - Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Chốt kiến thức và chuyển sang phần thực hành bài tập. | **I. Kiến thức cơ bản**  1. Nghĩa tường minh của câu là nội dung thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu.  2. Nghĩa hàm ẩn của câu là nội dung thông báo được suy ra từ nghĩa tường minh và từ ngữ cảnh.  3. Phân biệt  Giống nhau: Đều sử dụng lời nói để diễn đạt thông tin  Khác nhau:  - Tường minh: Diễn đạt trực tiếp điều muốn nói  - Hàm ẩn: Điều muốn nói không trực tiếp diễn đạt bằng từ ngữ trong câu mà phải suy ra từ những từ ngữ ấy -> Diễn đạt gián tiếp điều muốn nói |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THỰC HÀNH** | | |
| **\* Mục tiêu:** Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.  **\* Nội dung:** Các bài tập liên quan đến bài học  **\* Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **\* Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **\*Nhiệm vụ 1: Bài tập 1**  ***Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS:làm bài tập 1  Xác định nghĩa hàm ẩn của những câu dưới đây:  *a) Nói thật với ông: chú em rể tôi vừa trúng Chủ tịch huyện, chú ấy nể tôi lắm.* (Lưu Quang Vũ)  *b) Thằng cha lang băm nào cho anh đơn mua cái kính này thế?* (Nê-xin)  *c) Cậu phải đi khám bệnh viện nhà nước xem sao!* (Nê-xin)  GV chia lớp làm 3 nhóm, hướng dẫn HS cách xác định nghĩa hàm ẩn trong các trường hợp.  Nhóm 1 – câu a  Nhóm 2 – câu b  Nhóm 3 – câu c  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh hoạt động theo nhóm để trả lời câu hỏi theo yêu cầu  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - Đại diện nhóm học sinh trình bày  - HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  ***-*** G nhận xét câu trả lời của HS.  - Gv đánh giá, chốt kiến thức.  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức:  **\* Nhiệm vụ 2: Bài tập 2**  ***Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi và thực hiện yêu cầu  Đọc đoạn văn dưới đây (trích tác phẩm “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố) và thực hiện các yêu cầu nêu sau đó:  *Chị Dậu vừa nói vừa mếu*:      - *Thôi u không ăn, để phần cho con*. ***Con chỉ được ăn ở nhà bữa này nữa thôi***. *U không muốn ăn tranh của con*. *Con cứ ăn thật no, không phải nhường nhịn cho u*. *Cái Tí chưa hiểu hết ý câu nói của mẹ, nó xám mặt lại và hỏi bằng giọng luống cuống:*      - *Vậy thì bữa sau con ăn ở đâu?*  *Điểm thêm một giây nức nở, chị Dậu ngỏ con bằng cách xót xa:*  **- *Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài.***  a) Nêu nghĩa hàm ẩn của những câu in đậm. Vì sao chị Dậu không dám nói thẳng với con mà phải dùng câu có nghĩa hàm ẩn?  b) Nghĩa hàm ẩn trong câu nói nào của chị Dậu rõ hơn? Vì sao chị Dậu phải nói rõ hơn như vậy?  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS suy nghĩ, hợp tác và thực hiện.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  - Các nhóm HS tham gia  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>  Để sử dụng nghĩa hàm ẩn, cần có hai điều kiện:  - Người nói ( người viết) có ý thức đưa hàm ẩn vào câu nói  - Người nghe (người đọc) có năng lực giải đoán hàm ý.  **\*Nhiệm vụ 3: Bài tập 3**  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS thực hiện yêu cầu  Ghép câu tục ngữ ờ cột bên trái với nghĩa hàm ân ở cột bên phải:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | a) Cái nết đánh chết cái đẹp. |  | 1) việc làm ra thóc gạo vô cùng vất vả, khó nhọc. | | b) Một hạt thóc vàng chín giọt mồ hôi. | 2) có danh tiếng tốt quan trọng hơn có nhiều của cải, tiền bạc. | | c) Một điều nhịn chín điều lành. | 3) cái đẹp về đạo đức có giá trị cao hơn hẳn cái đẹp bề ngoài. | | d) Một nghề cho chín còn hơn chín nghề. | 4) nhẫn nhịn sẽ giúp tránh được những điều không hay. | | e) Tốt danh hơn lành áo | 5) thành thạo, tinh thông một nghề còn hơn biết nhiều nghề không đến nơi đến chốn. |   ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS suy nghĩ, hợp tác và thống nhất ý kiến  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận.***  - Đại diện HS trả lời.  - HS khác nhận xét , bổ sung.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  - Giáo viên nhận xét, đánh giá phần báo cáo của HS.  - G chốt kiến thức  **\*Nhiệm vụ 4: Bài tập 4**  ***Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4. Yêu cầu viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng) nêu cách hiểu về một câu tục ngữ mà em thích và bài học em rút ra được từ câu tục ngữ đó  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS hoạt động cá nhân, suy nghĩ trả lời.  ***Bước 3: Báo cáo thảo luận***  - HS trình bày.  - HS nhận xét, bổ sung.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức | Bài tập 1  a) Câu: "Nói thật với ông: Chú em rể tôi vừa trúng Chủ tịch huyện, chú ấy nể tôi lắm." là lời khoe khoang của ông Nha với Văn Sửu và ông Thình về mối quan hệ của mình với lãnh đạo cấp trên (thuộc văn bản *Đổi tên cho xã*).  b) Câu: "Thằng cha lang băm nào cho anh cái đơn kính này thế?" là lời chê bai của ông bác sĩ xem mắt cho nhân vật "tôi" trong văn bản Cái kính, tỏ ý chê bai về việc nhân vật "tôi" không bị cận nhưng lại được chỉ định đeo kính.  c) Câu: "Cậu phải đi khám bệnh viện nhà nước xem sao!" là lời của người bạn thân với nhân vật "tôi" trong văn bản *Cái kính*, khi thấy bạn thân mình gặp vấn đề về mắt khi đeo kính, người bạn thân gợi ý việc đi khám ở bệnh viện nhà nước vì "bệnh viện nhà nước khám cẩn thận" và ngầm chê bai bác sĩ tư.  Bài tập 2  a) Giải thích nghĩa hàm ẩn:  - "Con chỉ được ăn ở nhà bữa này nữa thôi." = Sau bữa ăn này con không còn được ở nhà với thầy mẹ và các em nữa. Mẹ đã bán con.  - "Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài." = Mẹ đã bán con cho nhà cụ Nghị thôn Đoài.  => Chị Dậu không dám nói thẳng với con mà phải dùng câu có nghĩa hàm ẩn vì chị sợ làm tổn thương cái Tí, sợ nó tủi lòng và nghĩ rằng gia đình không yêu thương nó nữa.  b) Nghĩa hàm ẩn được thể hiện rõ nhất qua câu: "Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài."; câu văn thể hiện rõ thông tin, nhờ đó cái Tí biết rõ nơi mà nó sắp phải đến ở.  Bài tập 3.   1. - 3 2. – 1 3. – 4 4. – 5 5. – 2   Bài tập 4:  \* Về hình thức, bài làm dưới dạng đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng).  \* Về nội dung, bài làm trả lời những câu hỏi sau:  - Câu tục ngữ mà em định nói tới là câu nào?  - Nghĩa tường minh của câu tục ngữ ấy là gì?  - Nghĩa hàm ẩn của câu tục ngữ ấy là gì?  - Bài học em rút ra được từ câu tục ngữ ấy là gì? |

**HOẠT ĐỘNG 3: Vận dụng**

**\* Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**\* Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học đặt câu, tạo lập văn bản.

**\* Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

\* **Tổ chức thực hiện**:

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn ( 6-8 câu) nêu suy nghĩ của em về tình yêu quê hương đất nước của người Việt Nam. (Trong đoạn văn có sử dụng tục ngữ hoặc thành ngữ có nghĩa hàm ẩn)

GV hướng dẫn HS:

Về nội dung: suy nghĩ về tình yêu quê hương đất nước của người Việt Nam

Về hình thức: Trình bày đoạn văn cần đảm bảo đủ dung lượng câu, đảm bảo hình thức của 1 đoạn văn.

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

- Học sinh hoạt động cá nhân để thực hiện yêu cầu

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

- Học sinh trình bày sản phẩm.

- HS nhận xét, đánh giá

***Bước 4: Kết luận, nhận định***

- Gv nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS và , tuyên dương HS

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết : Thực hành đọc, hiểu**  **ÔNG GIUỐC-ĐANH MẶC LỄ PHỤC**  **(TRÍCH VỞ KỊCH *TRƯỞNG GIẢ HỌC LÀM SANG*)**  **(MÔ-LI-E)** | |
| |  | | --- | | **/2023** | | **/2023** | | |
|  | |
| **HOẠT ĐỘN**G **MỞ ĐẦU**  (Thời gian: 5 phút) | |
| **a**. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.  **b. Tổ chức thực hiện hoạt động:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **GV yêu cầu HS xem video sau:**  https://youtu.be/evxxxk2Z\_sI **(GV cắt lấy 3 phút đầu video)**  **- Câu hỏi kết nối bài học:** Theo em, tại sao khi xem đoạn video này, em lại bật cười? Em cười ai? Cười điều gì ở nhân vật này?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, trả lời**: HS xem, suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới. | |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  (Thời gian: 50 phút) | |
| Hoạt động 1: Đọc, tìm hiểu chung  **a. Mục tiêu**: Tìm hiểu về tác giả Mô-li-e, đoạn trích “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục”*.*  Giải quyểt vấn đề.  **b. Tổ chức thực hiện:**  Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả Mô-li-e, đoạn trích “Ông Giuố-đanh mặc lễ phục”*.* | |
|  | **I. Tìm hiểu chung** |
| **Tìm hiểu chung về tác giả, văn bản** | **1. Tác giả và tác phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **NV1: Tìm hiểu tác giả Mô-li-e** và vở hài kịch “Trưởng giả học làm sang”  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Kĩ thuật trình bày 01 phút:  ? Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả Mô-li-e.  (GV yêu cầu HS chuẩn bị sản phẩm tìm hiểu tác giả ở nhà với hình thức: sơ đồ tư duy, trang Facebook cá nhân hoặc hồ sơ người nổi tiếng.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV mời một số HS chia sẻ thông tin về tác giả Mô-li-e.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  **\* Chiếu sơ đồ tư duy về tác giả để chốt.** | **\* Tiểu sử**  - Mô-li-e (1622 - 1673) tên khai sinh là Jean-Baptiste Poquelin.  - Mô-li-e sinh ở Paris, cha ông là nhà buôn len dạ giàu có sau đó làm hầu cận nhà vua. Lên 10 tuổi, Mô-li-e mồ côi mẹ. Ông học ở Jesuit Clermont College (nay là Lycée Louis-le-Grand), là nơi học sinh phần nhiều học bằng tiếng Latin.  - Mô-li-e thông thạo tiếng Latinh và đã dịch tác phẩm "Về bản chất sự vật" của thi hào Lucretius sang tiếng Pháp (bản dịch bị thất lạc). Vào năm 1639, ông học xong Jesuit Clermont College, năm 1639 – 1640 học luật tại Đại học Orlean. Bố của Poquelin thường nhắc con theo con đường của ông - nối nghiệp chức vị trong cung đình. Tuy nhiên ông không theo ý cha, nhường công việc này cho em trai và chọn nghề diễn viên.  - Vào năm 1643, ông thành lập đoàn kịch Illustre Théâtre và lấy nghệ danh Mô-li-e từ đây. Sau một số thất bại do mắc nợ nhiều, đoàn kịch phải giải thể, ông bị bỏ tù..  **\* Sự nghiệp**  - Ông được biết đến với vai trò là nhà thơ, nhà viết kịch, người sáng tạo ra thể loại kịch cổ điển và ông là một bậc thầy của kịch nghệ châu Âu  - Năm 1655, ông viết vở kịch thơ đầu tiên là “Gàn dở”  - Đến năm 1672 - 1673 ông viết vở kịch cuối cùng là “Bệnh giả tưởng”. |
| Vở hài kịch “Trưởng giả học làm sang” (gã tư sản học làm quí tộc) là vở hài kịch 5 hồi (màn) chế giễu Giuốc đanh một lão nhà giàu ngu dốt nhưng lại tấp tểnh học đòi làm quí tộc sang trọng của Mô- li- e được trình diễn lần đầu ngày 14/11/1670 tại Sam-bơ cho triều đình xem.  Tác giả đã tạo nên bức tranh xã hội Pháp thế kỉ XVII vô cùng sinh động và chân thật: Những gã trọc phú học đòi quý tộc một cách ngu ngốc, kệch cỡm, những tên quý tộc kiểu cách dởm giả dối, xảo trá, tham lam. Mô- li-e đặt niềm tin ở thế hệ trẻ, những người có hiểu biết, giàu lòng nhân ái. Ông đề cao các giá trị đích thực của cá nhân. Nhà viết kịch đã sử dụng tiếng cười như một vũ khí sắc bén để tấn công lối sống cầu kì rởm của tầng lớp quý tộc Pháp đương thời và đám trưởng giả lố bịch đang quý tộc hóa. | **\* Tác phẩm:**  - Vở kịch “Trưởng giả học làm sang” gồm 5 hồi, được ra đời là theo lời đề nghị của vua Lu- i XIV, nhân dịp đón tiếp xứ quán Thổ Nhĩ Kì.  - Thể loại: Hài kịch. |
| **NV2: Tìm hiểu đoạn trích “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục”**  **GV hướng dẫn HS đọc phân vai văn bản:**  - GV yêu cầu giọng đọc: Đọc to, rõ ràng, diễn cảm, những chỗ lời nhân vật, đọc đúng giọng điệu.  - GV mời học sinh chọn vai và đọc.  + Người dẫn chuyển cảnh  + Ông Giuốc-đanh: Giàu có, ngu ngơ, lại háo danh, dễ bị lừa.  + Bác phó may  + Tay thợ phụ.  -> Giọng phó may, thợ phụ: Khéo léo, chiều khách, nịnh hót nhưng trong bụng lại biết rõ và coi thường vị khách sộp nhưng ngu ngốc này.  Yêu cầu HS đọc bằng mắt phần hộp chỉ dẫn bên phải.   * GV gọi một số HS chia sẻ các kết quả đọc theo các chỉ dẫn bên phải văn bản.   **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Trả lời câu hỏi: **Thảo luận theo cặp trong bàn:**  ? *Nêu xuất xứ*, *tóm tắt đoạn trích*  *? Văn bản có thể chia bố cục làm mấy phần? Nội dung từng phần?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV mời đại diện một số cặp chia sẻ nhanh kết quả thảo luận tìm hiểu chung về văn bản.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** | **2. Hướng dẫn đọc:**  **a. Đọc, chú thích**  **b. PTBĐ, tóm tắt**  **- PTBĐ:** Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm  - Văn bản “Ông Giuốc- đanh mặc lễ phục” được trích từ cảnh 5 hồi 2.  - Đoạn trích kể chuyện bác phó may mang đến cho ông Giuốc-đanh bộ lễ phục thêu hoa ngược khiến ông tức giận. Nhưng khi nghe bác ta nói tất cả những người quý tộc đều mặc như vậy cả thì Giuốc-đanh tỏ vẻ rất hài lòng.  **c. Bố cục**: 2 phần  - ***Phần 1:*** Từ đầu → các nhà quý phái: Cuộc đối thoại giữa ông Giuốc-đanh và bác phó may trước khi mặc lễ phục.  - ***Phần 2:*** Còn lại: Cuộc đối thoại của ông Giuốc-đanh và những tay thợ phụ sau khi mặc lễ phục.   |  |  | | --- | --- | |  |  | |
| Hoạt động 2: Đọc, hiểu chi tiết  **a. Mục tiêu:**  - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (xung đột, nhân vật, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, tình cảm, thái độ) của hài kịch cổ điển Pháp.  **b. Tổ chức thực hiện:** | |
|  | **II. Đọc, hiểu chi tiết** |
| **NV1: Tìm hiểu ông Giuôc-đanh Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  \* Nhóm 1: Tìm hiểu ông Giuôc-đanh trước khi mặc lễ phục.   |  |  | | --- | --- | | Ông Giuốc-đanh trước khi mặc lễ phục | | | Thái độ lúc đầu |  | | Thái độ lúc về sau |  | | Nguyên nhân thay đổi |  | | Mâu thuẫn gây cười |  | | Đánh giá |  |   \* Nhóm 2: Tìm hiểu ông Giuôc-đanh sau khi mặc lễ phục.   |  |  | | --- | --- | | Thợ phụ | Thái độ Giuốc-đanh | | Bẩm ông lớn |  | | Bẩm cụ lớn |  | | Bẩm đức ông |  | | Đánh giá Giuốc-đanh: | |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm câu 1,2  **-** Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).  ***? Qua câu nói riêng ở cuối màn kịch cho ta thấy được tính cách gì ở ông Giuốc-đanh?***  ***Hoạt động nhóm (6 nhóm), kết nối với phần Khởi động.***  ***Cách thức: 4 bước***  ***Bước 1: Giao nhiệm vụ***  + Thời gian: 5’  + HS: Chia nhóm thảo luận (mỗi nhóm 5-8 HS).  + Nội dung (Phiếu học tập-MC): ***Vì sao ông Giuốc-đanh là một nhân vật hài kịch? Chúng ta cười ông ta vì những điểm nào?***  ***+ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  ***+ Bước 3: Trao đổi thảo luận***  Đại diện trình bày.  Các nhóm khác nhận xét bổ sung.  ***+ Bước 4: Đánh giá chốt kiến thức*** *(MC)*  Ông Giuốc-đanh nhân vật hài kịch bất hủ:  **+** Khán giả cười ông vì ông ngu dốt chẳng biết gì, chỉ vì thói học đòi làm sang mà bị bác phó may và tay thợ phụ lợi dụng để kiếm chác  **+** Cười vì thấy ông ngớ ngẩn tưởng rằng phải mặc áo hoa ngược mới là sang trọng. Cười vì thấy ông cứ moi tiền mãi để mua cái danh hão.  **+** Khán giả cười đến vỡ rạp khi tận mắt nhìn trên sân khấu ông Giuốc-đanh bị 4 tay thợ phụ lột quần áo ra, mặc cho bộ lễ phục lố lăng theo nhịp điệu, màu sắc vớ vẩn (không phải là màu đen sang trọng) lại may ngược hoa, ấy thế mà vẫn vênh vang ra vẻ ta đây là quý phái. | **1. Ông Giuốc-đanh trước khi mặc lễ phục**  - Thái độ: Sắp phát khùng vì:  + Bộ lễ phục mang đến chậm, không phải màu đen, may hoa ngược.  + Đôi bít tất: chật đến nỗi đã đứt 2 mắt.  + Đôi giày: cũng chật khiến chân đau ghê gớm.  + Vải may áo bị cắt bớt.  - Về sau: bác phó may “vụng chèo khéo chống”, đánh vào tâm lí thích học đòi làm sang theo kiểu quý tộc nên ông ưng thuận ngay.  - Mâu thuẫn kịch gây cười -> Giuốc-đanh khó tính, khắt khe từ chủ động trở thành bị động trước sự ma mãnh của tay phó may lọc lõi, khéo miệng đưa đẩy chỉ vì thói học đòi làm sang.  → Giuốc-đanh thích ăn diện, muốn có vẻ bề ngoài sang trọng nhưng lại ngu dốt không có chút kiến thức nào về ăn mặc.  **2. Ông Giuốc-đanh sau khi mặc lễ phục**  - Tay thợ phụ tôn xưng Giuốc-đanh: ông lớn → cụ lớn → đức ông ⇒ mục đích moi tiền.  - Ông Giuốc-đanh: Yêu cầu nhắc lại, sung sướng, cười lớn, liên tục thưởng tiền.  - Mâu thuẫn gây cười: Giuốc-đanh biết mình bị lợi dụng nhưng vẫn chi tiền vì thói học đòi làm sang.  → Kẻ háo danh, ưa nịnh  ⇒Thể hiện sự lố lăng, quê kệch, ngu dốt – con rối, trò cười cho mọi người.  ⇒ Tác giả phê phán những người dốt nát muốn học đòi làm sang.  - Câu *nói riêng* ở cuối đoạn vừa chứng minh cho tính cách của ông vừa làm tăng thêm tính cách hài cho nhân vật và cảnh kịch vì háo danh nên trở thành nạn nhân của thói nịnh bợ: bị rút tiền thưởng.  **3. Nhân vật hài kịch** |
| **Hoạt động 3: Hướng dẫn HS tổng kết**  **(Thời gian 5 phút)**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS  - Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của đoạn trích.  **b. Tổ chức thực hiện:**  - GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .  - HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung. | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Hoạt động cá nhân  ? Chỉ ra những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**   * HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Lời thoại chân thực, sinh động.  - Ngôn ngữ trào phúng, mỉa mai, đả kích, phê phán.  - Nghệ thuật tăng cấp khắc họa rõ nét tính cách nhân vật.  **2. Nội dung:**  Đoạn trích khắc họa tài tình tính cách lố lăng của một tên trưởng giả muốn học làm sang, tạo nên tiếng cười sảng khoái cho khán giả.  **3. Cách đọc văn bản**  + Tóm tăt nội dung đoạn trích (văn bản kể lại sự việc gì? Sự việc ây xảy ra trong bối cảnh nào?  + Đặc điểm của hài kịch được thể hiện trong văn bản ở những phương diện nào (xung đột, nhân vật, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng....)?  + Liên hệ, kêt nối với kinh nghiệm của bản thân để hiểu sâu hơn vê nội dung văn bản và hiểu thêm chính mình. |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  (Thời gian: 15 phút) | |
| a. Mục tiêu:  - HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.  d. Tổ chức thực hiện:  - Trả lời câu hỏi; tham gia sân khấu hóa đoạn trích. | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Sân khấu hóa đoạn trích *Ồng Giuốc-đanh mặc lễ phục***   * GV chia 2 nhóm. * Nhóm 2: Sân khấu hóa cảnh 1: Ông Giuốc-đanh và bác phó may * Nhóm 1: Sân khấu hóa cảnh 2: Ông Giuốc-đanh và tay thợ phụ**.** * **G chiếu rubics đánh giá sản phẩm.**  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** | | Kịch bản đúng hướng nhưng chưa đầy đủ nội dung , diễn viên chưa nhập vai tốt.  ( 5 – 6 điểm) | Kịch bản đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn, các diễn viên diễn có ý thức diễn xuất nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu. (7 – 8 điểm) | Kịch bản đầy đủ nội dung và hấp dẫn, cuốn hút người đọc, diễn viên diễn xuất tốt, mang lại cảm xúc cho người xem.   1. - 10 điểm) |   **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** | |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **(Thời gian: 10 phút)** | |
| *a) Mục tiêu:*  - HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.  *b) Tổ chức thực hiện.*  - Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn, rút ra từ bài học. | |
| **\*Nhiệm vụ**: Làm việc cá nhân tại lớp:  *? Nếu người thân hoặc bạn của em có tính cách như ông Giuốc-đanh, em sẽ khuyên họ như thế nào?*  *? Viết một đoạn văn từ 6-8 dòng nhận xét về nhân vật phó may và các thợ phụ trong văn bản?* | \* Dàn ý đoạn văn:  **- Mở đoạn:** Giới thiệu về nhân vật phó may và thợ phụ trong đoạn trích “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục”  **- Thân đoạn:** Trình bày cảm nhận của em về các nhân vật.  **- Kết bài:** Rút ra bài học ý nghĩa cho bản thân: Biết sống giản dị, phù hợp với điều kiên, hoàn cảnh của mình, không nên học đòi theo những người có điều kiện; sống có trách nhiệm với mọi người,....  \* Hình thức đoạn văn: đảm bảo hình thức đoạn văn và dung lượng.  **Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:**   |  |  | | --- | --- | | Tiêu chí đánh giá | Đạt/ Chưa đạt | | **Nội dung:** Trình bày cảm nhận của em về 2 nhân vật phó may và thợ phụ |  | | **Hình thức:** Đoạn văn khoảng 6-8 dòng. |  | | **Đảm bảo hính tả, cấu trúc ngữ pháp…** |  | |
| **HƯỚNG DẪN TỰ HỌC** | |
| - Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.  - Vẽ chân dung  - Tìm đọc các tác phẩm khác của Mô-li-e.  - Chuẩn bị: Thực hành đọc, hiểu *Thi nói khoác*. | |

**BÀI 4 – SGK NGỮ VĂN 8 CÁNH DIỀU**

**THỰC HÀNH ĐỌC – HIỂU**

**VĂN BẢN “THI NÓI KHOÁC”**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức**

**-** HS tiếp tục nhận biết được các yếu tố hình thức của truyện cười (nhân vật, lời thoại)

- HS hiểu được các yếu tố nội dung của văn bản (đề tài, ý nghĩa)

**2. Về năng lực**

**-** Phát triển năng lực chung: thông qua các hoạt động học tập để phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**3. Về phẩm chất**

**-** Ghét những thói hư tật xấu, biết phê phán, loại bỏ những tật xấu trong cuộc sống

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy tính, máy chiếu

- Phiếu học tập số 1, số 2, số 3

- Tranh ảnh bìa sách truyện cười dân gian Việt Nam, link web đọc thêm về truyện cười dân gian.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

a) Mục tiêu:

- Huy động kiến thức cũ, tạo tâm thế cho HS bước vào giờ học

b) Nội dung

- GV tổ chức cho HS xem video một truyện cười dân gian Việt Nam và phát vấn về video

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nguyên nhân gây cười

d) Tổ chức thực hiện

- GV nêu câu hỏi trước khi xem video: Điều gì khiến cho em cười sau khi xem, nghe truyện trong video sau?

- GV cho HS xem video: Đến chết vẫn hà tiện

https://www.youtube.com/watch?v=k8u5ZsIfYrA

- GV mời HS phát biểu ý kiến

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  **- Nhận biết thể loại, các yếu tố hình thức của văn bản**  **Nội dung** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV giao nhiệm vụ ở tiết học trước phiếu học tập số 1  - GV chia các nhóm học tập từ 4-6 HS/nhóm; HS chuẩn bị tìm hiểu thảo luận tại nhà.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Nhóm: ..................**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | 1. Thể loại của văn bản? |  | | 2. Ý nghĩa nhan đề của văn bản? |  | | 3. Xuất xứ? |  | | 4. Các nhân vật trong văn bản? |  | | 5. Tại sao nói “Thi nói khoác là một truyện cười ngắn gọn, cốt truyện đơn giản, ít nhân vật”? |  | |   - GV hướng dẫn HS cách đọc, đọc mẫu và mời HS đọc văn bản  - GV yêu cầu HS giải nghĩa một số từ khó.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nhận nhiệm vụ học tập và thực hiện tại nhà  - HS báo cáo kết quả tại lớp  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV bốc thăm ngẫu nhiên nhóm học tập trình bày kết quả  - Mời nhóm học tập khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chốt kiến thức | **1. Thể loại:** Truyện cười dân gian  **2. Ý nghĩa nhan đề:** “Thi nói khoác” là thi nói những điều không có thật trong cuộc sống  **3. Xuất xứ:** Tác phẩm in trong “Truyện cười dân gian Việt Nam”  **4. Nhân vật:** bốn viên quan và 1 tên lính hầu  **5. “Thi nói khoác” là một truyện cười ngắn gọn, cốt truyện đơn giản, ít nhân vật” vì**:  - Dung lượng ngắn gọn  - Cốt truyện đơn giản:  + Ít nhân vật: bốn viên quan và một tên lính hầu  + Sự việc đơn giản: bốn viên quan thi nhau nói những điều không có thật trong thực tế để xem ai nói giỏi hơn  + Mỗi viên quan nói một lượt lời và kết thúc bất ngờ ở lời tên lính hầu.  **→ “Thi nói khoác” là truyện cười dân gian mang những đặc điểm tiêu biểu của thể loại truyện cười.** |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN** | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  **-** Phân tích được nguyên nhân gây cười trong câu chuyện  - Rút ra bài học ứng xử cho bản thân  **Nội dung** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chia nhóm, tổ chức thảo luận phiếu học tập số 2 (Các nhóm học tập như hoạt động PHT số 1)   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Nội dung trả lời** | | 1. Em hãy chỉ ra hoàn cảnh và lời nói khoác của bốn viên quan trong cuộc thi nói khoác. |  | | 2. Tại sao nội dung nói khoác của ông quan thứ hai và thứ tư đều có ý “nói lỡm” ông quan thứ nhất và thứ ba? |  | | 3. Kết thúc truyện có gì bất ngờ? Đâu là yếu tố gây cười trong tác phẩm? |  | | 4. Theo em, ý nghĩa của câu chuyện này là gì? |  | |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận trực tiếp tại lớp  - GV quan sát, hướng dẫn nhóm học tập  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện nhóm bất kì trình bày  - Mời nhóm khác bổ sung, nhận xét  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chốt kiến thức, nhấn mạnh đặc trưng thể loại của truyện cười. | **1. Cuộc thi nói khoác giữa bốn viên quan**  - Hoàn cảnh cuộc thi nói khoác:  + Bốn viên quan được nghỉ  + Bốn người rủ nhau đánh chén → Hoàn cảnh dễ khiến con người nói khoác  - Lời thoại của bốn viên quan:  + Ông thứ nhất  + Ông thứ hai  + Ông thứ ba  + Ông thứ tư  - Nội dung nói khoác của ông thứ hai có ý giễu cợt ông thứ nhất vì “một sợi dây thừng gấp mười cái cột đình làng này” chính là dùng để trói “con trâu liếm một cái hết cả sào mạ”.  - Nội dung nói khoác của ông thứ tư có ý giễu cợt ông thứ ba vì cái cây cao “trứng chim ở ngọn cây rơi xuống nửa chừng, chim đã nở đủ lông đủ cánh bay đi rồi” chính là dùng để làm cây cầu mà “người ở hai đầu chẳng bao giờ trông thấy được nhau, hai cha con ở hai đầu chẳng bao giờ gặp được nhau”.  → Viên quan nào cũng ra sức khoác lác để chứng tỏ mình giỏi hơn người kia.  **2. Kết thúc truyện cười**  - Bốn viên quan đang sung sướng, sảng khoái, đắc chí vì sự khoác lác của mình thì bỗng có tiếng thét làm các quan giật bắn người, “run cầm cập, nhìn xung quanh”  - Bất ngờ hơn nữa tiếng thét “uy quyền” khiến bốn viên quan hoảng sợ là tên lính hầu nhỏ bé cũng đang nói khoác “chơi chơi” với các quan. → Đây chính là yếu tố gây cười bất ngờ của tác phẩm.  **3. Ý nghĩa truyện cười**  - Mang tiếng cười mua vui, giải trí  - Phê phán, châm biếm thói khoác lác của con người (MĐ chính)  - Bài học: Không nên nói những điều không có thật, quá sự thật trong cuộc sống.  **4. Kết luận**  - Các yếu tố đặc trưng của truyện cười:  + Nhân vật  + Lời thoại  + Nguyên nhân gây cười  + Ý nghĩa câu chuyện |

**HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập**

**(Vì đây là tiết thực hành đọc – hiểu nên phần luyện tập, GV giao nhiệm vụ cho HS hoàn thành phần “Tự đánh giá” của bài học**

a) Mục tiêu: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tâp của học sinh qua một số bài tập cụ thể.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ hoàn thành phần “Tự đánh giá” của bài 4.

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của các bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

**HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức thực tế giải quyết vấn đề đời sống

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm tại nhà

c) Sản phẩm: Những truyện cười HS đọc và sưu tầm được

d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV giao nhiệm vụ mỗi HS tìm đọc ít nhất 3 truyện cười dân gian và kể lại cho bạn cùng lớp

- GV giới thiệu link đọc tham khảo: https://truyencuoihay.vn/truyen-cuoi-dan-gian

Hoặc: https://www.youtube.com/watch?v=0QnQbCBFCn8

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc, sưu tầm tại nhà

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS kể lại cho bạn cùng lớp nghe

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Mỗi HS nắm rõ về thể loại và đặc trưng truyện cười.

**BÀI 4**

**TIẾT ...: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nắm được kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ KHỞI ĐỘNG** | |
| **a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập  **b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Kiến thức cơ bản** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS chia sẻ những cảm xúc, suy nghĩ về một vấn đề đời sống hiện nay mà em quan tâm  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ, chuẩn bị để chia sẻ trước lớp.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá kết quả  - GV dẫn vào bài học mới |  |
| **HĐ HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | |
| **HĐ 1: Định hướng** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được một số điểm cần lưu ý về kiểu văn bản  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về một số điểm cần lưu ý khi viết bài nghị luận về một vấn đề đời sống  **c. Sản phẩm học tập:** HS nắm được một số điểm cần lưu ý khu viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Kiến thức cơ bản** |
| **Bước 1: G/v chuyển giao n/v:**  - Chia sẻ nội dung tìm hiểu của mình về kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống**.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + H/s: làm việc nhóm đôi hoàn thành PHT số 1.   |  | | --- | | Dựa vào phần Định hướng (SGK/Tr 102-103), hãy cho biết: | | Thế nào là viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống của đời sống? | | Yêu cầu chung của kiểu bài này là gì. | | Để viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống, các em cần lưu ý gì? | | Nêu dàn ý chung của một bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống. |   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Đại diện nhóm trình bày, HS nhóm khác nhận xét đánh giá.  + Giáo viên: Quan sát, theo dõi, điều hành quá trình học sinh thực hiện.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc nhóm của HS, chuẩn kiến thức, h/s điều chỉnh sản phẩm nếu cần. | **1. ĐỊNH HƯỚNG**  1.1. Văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống rất đa dạng và phong phú, có thể bàn luận về một hiện tượng có thật trong đời sống hằng ngày; có thể nêu lên suy nghĩ của người viết về một vấn đề xã hội đặt ra trong một hoặc một số tác phẩm văn học; có thể nêu suy nghĩ của mình về một tư tưởng, đạo lí,…; Bài này tập trung rèn luyện viết bài nghị luận về một hiện tượng trong đời sống. Yêu cầu chung của kiểu bài này là:  - Cần nêu lên được hiện tượng đáng quan tâm trong đời sống.  - Trình bày rõ vấn đề và nêu ý kiến (đồng tình hay phản đối) của người viết về hiện tượng đó.  - Nêu được lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc đồng tình.  **1.2. Để viết bài văn nghị luận về một hiện tượng của đời sống, các em cần lưu ý:**  - Xác định hiện tượng của đời sống cần bàn luận. Hiện tượng của đời sống rất phong phú, cần lựa chọn vấn đề gần gũi với cuộc sống, có ý nghĩa thiết thực và sâu sắc,…  - Trước khi viết cần tìm ý và lập dàn ý theo một trong các cách: đặt câu hỏi, suy luận hoặc so sánh.  - Cần nêu được ý kiến (quan điểm) riêng của mình: khẳng định hay phủ định, đồng tình hay phản đối,…  - Các lí lẽ và bằng chứng cần nêu cụ thể, phong phú và có sức thuyết phục.  **1.3. Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận**  - Luận đề: là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận.  - Luận điểm: là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.  Trong văn bản nghị luận, luận đề được thể hiện bằng luận điểm và làm sáng tỏ bằng lí lẽ, dẫn chứng.  **1.4. Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận**  - Bằng chứng khách quan là những thông tin khách quan, có thể kiểm chứng được trong thực tế.  - Ý kiến đánh giá chủ quan: là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở kiểm chứng. Do vậy, để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy, người viết cần đưa ra được các bằng chứng khách quan.  - Có thể phân biệt hai khái niệm này dựa vào bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Bằng chứng khách quan** | **Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết** | | Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện… | Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy… hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan. | | Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế. | Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng. |   Dàn ý chung của bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống.  \* Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận  \* Thân bài: Lần lượt trình bày ý kiến của em theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. (Giải thích, biểu hiện, nguyên nhân, hậu quả (hoặc vai trò ý nghĩa), giải pháp)  \* Kết bài: Khẳng định lại ý kiến; rút ra giải pháp cho vấn đề. |
| **HĐ 2: Thực hành** | |
| **a. Mục tiêu:** HS nắm vững được các bước viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến quy trình viết và viết được bài văn theo quy trình.  **c. Sản phẩm học tập:** Bài văn HS viết được.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Kiến thức cơ bản** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  -Yêu cầu HS đọc đề bài.  - Nhắc lại các bước viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống  - Bước chuẩn bị cần những gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS trình bày.  - HS quan sát và tương tác.  **Bước 4: Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét và bổ sung. (chiếu pp) | **2. THỰC HÀNH**  ***Đề bài: Suy nghĩ của em về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích.***  **a. Các bước viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.**  **Bước 1: Chuẩn bị**  - Đọc kĩ và tìm hiểu đề để biết các thông tin trước khi viết: nội dung chính, kiểu bài viết và phạm vi bằng chứng cần huy động.  - Tìm hiểu nghĩa của các từ: háo danh, “bệnh” thành tích.  - Đọc sách, báo và tìm những bằng chứng về hiện tượng háo danh, “bệnh” thành tích.  - Ghi chép lại những thông tin liên quan đến các hiện tượng nêu ra trong đề, kể cả tranh, ảnh, bảng biểu, sơ đồ,…(nếu có).  Xác định yêu cầu để, xem lại định hướng viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - HS trình bày những nội dung đã chuẩn bị theo PHT 01. Lập dàn ý theo PHT 02.  PHT 01:   |  |  | | --- | --- | | **Định hướng** | **Dự kiến** | | + Thế nào là hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích? | ………………………… | | + Các biểu hiện cụ thể của hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích là gì? | ……………………………………… | | + Vì sao cần phê phán hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích? | ……………………………………… | | + Làm thế nào để khắc phục được hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích? | ……………………………………… |   **PHT 02:**  **Tìm lí lẽ và bằng chứng cho bài văn nghị luận:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Lí lẽ | Bằng chứng | | 1 | ……. | ……. | | 2 | ……. | ……. | | 3 | ……. | ……. | | 4 |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Thảo luận nhóm bàn 7 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận 2:**  - HS lên bảng trình bày.  - HS quan sát và nhận xét, tương tác  **Bước 4: Kết luận, nhận định 2:**  GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức. (chiếu pp) | **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  **a. Tìm ý**  - Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:  + Thế nào là hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?  → Hiện tượng háo danh: là sự ham muốn, thèm khát một cái tên định vị cho mình, trong mối tương quan của cá nhân với cộng đồng.  Bệnh “thành tích”: “bệnh” ở đây là thói xấu hoặc khuyết điểm về tư tưởng tạo nên những hành động đáng chê trách hoặc gây hại, “thành tích” là kết quả được đánh giá tốt do nỗ lực mà đạt được, “bệnh thành tích” là tư tưởng thích được khen ngợi, đánh giá cao nên tạo ra những thành tích không có thật hoặc chạy theo thành tích bên ngoài mà không chú trọng đến thực chất và các mặt lợi, hại của nó khi giá trị thực bên trong không được đảm bảo.  + Các biểu hiện cụ thể của hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích là gì?  → Vì thành tích, chạy theo thành tích mà bất chấp điều kiện và nhu cầu thực tế tạo ra những thành tích giả tạo cốt để tạo uy tín cá nhân, để che mắt dư luận hoặc đế nhận sự khen thưởng của cấp trên...  + Có những ví dụ nào tiêu biểu về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?  → Thời phong kiến, ở làng xã phải nộp tiền để mua danh, nói hình tượng rằng “muốn đỏ môi thì phải tốn tiền”. Chẳng hạn như “kỳ mục” là danh vị mà làng nào cũng có,… + Hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích có liên quan với nhau như thế nào?  + Vì sao cần phê phán hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?  → Rất nguy hại, dễ dàng làm tha hóa một bộ phận trong xã hội, vì vậy, nhận diện đúng căn bệnh để phòng ngừa, chữa trị, không để lây lan,...  + Làm thế nào để khắc phục được hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?  → - Đối với người quản lí và chính sách quản lí:  + Cần xem xét một cách toàn diện mối quan hệ giữa thành tích đạt được với cách thức và quá trình đạt được nó để xác định chính xác thực chất giá trị của thành tích.  + Cần đặt ra những mục tiêu có tính thực tế, những kế hoạch cụ thế đế tạo cơ sở thực tế cho những thành tích sau này.  + Cần quản lí chặt chẽ và điều tra nghiêm túc để loại bỏ những thành tích ảo.  - Đối với mỗi cá nhân:  + Cần nâng cao hiểu biết để nhận rõ cái lợi, cái hại, điều cần thiết và những gì không thực sự cần cho sự phát triển chung.  **b. Lập dàn ý**  **-** Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận.  - Thân bài: Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự: (Giải thích, biểu hiện, vì sao lại như thế, giải pháp) để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài.  - Kết bài: khái quát lại vấn đề; nêu bài học cho thế hệ trẻ ngày nay. |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  1. Dựa theo dàn ý viết bài.  2. Sửa lại bài sau khi đã viết xong.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, viết.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận 3:**  - HS trình bày.  **Bước 4: Kết luận, nhận định 3:**  GV nhận xét và bổ sung kiến thức. (nếu cần) | **Bước 3. Viết bài**  Dựa vào dàn ý để viết bài văn nghị luận về một hiện tượng của đời sống; trong khi viết, chú ý vận dụng cách huy động bằng chứng, trình bày và phân tích bằng chứng.  Khi viết, luôn luôn chú ý nhiệm vụ của từng phần trong bài viết:  - Mở bài: Viết thành một đoạn văn, giới thiệu trực tiếp hoặc gián tiếp vấn đề nghị luận. Tìm hiểu cách mở bài của các văn bản đọc và của bài viết tham khảo để vận dụng.  - Thân bài: Triển khai các ý đã nêu ở dàn ý. Mỗi ý lớn viết thành một đoạn văn. Cần luôn luôn quan tâm vị trí của câu chủ đề (đầu đoạn, cuối đoạn,…), sự phù hợp của câu chủ đề với nội dung cần trình bày và mục đích nghị luận. Tham khảo các kiểu đoạn văn đã phân tích ở văn bản đọc và ở phần Thực hành tiếng Việt để học tập cách viết. Chú ý dùng phương tiện liên kết giữa các câu trong đoạn và các đoạn trong bài.  - Kết bài: Nêu ý nghĩa của vấn đề và phương hướng hành động (viết trong một đoạn văn). |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập 4:**  - Kiểm tra và sửa lại bài.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - Học sinh làm việc cá nhân, tìm và sửa lỗi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận 4:**  - HS trình bày các lỗi đã sửa.  - HS quan sát và nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định 4:**  GV nhận xét và bổ sung. (nếu cần). | **Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa**  -Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần Viết, mục d (trang 32) và đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.  Đọc kĩ bài viết, căn cứ vào yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập, rà soát các phần, các ý đã triển khai để có cách chỉnh sửa  - Nếu thấy luận điểm ở từng đoạn văn chưa rõ ràng, lí lẽ chưa xác đáng, bằng chứng chưa đầy đủ thì cần bổ sung, chỉnh sửa |
| **PHIẾU HƯỚNG DẪN CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**   * Nhiệm vụ: Em hãy rà soát lại bài viết theo những nội dung ở cột trái và   gợi ý chỉnh sửa ở cột phải   |  |  | | --- | --- | | Phương diện kiểm tra | **Câu hỏi kiểm tra** | | Nội dung | Mở bài: Đã giới thiệu khái quát vấn đề cần bàn luận chưa?  Thân bài: Có giải thích, chứng minh, bình luận để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài  - Dẫn chứng có rõ ràng, giàu sức thuyết phục không?  - Đã kết hợp được các phương thức biểu đạt khác trong khi viết hay chưa?  - Có nêu được những suy nghĩ và cảm xúc sâu sắc không?  Kết bài: Đã khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận chưa? Nêu bài học cho thế hệ trẻ ngày nay chưa? | | Hình thức | - Bài viết đã có đủ ba phần chưa?  - Bài viết đã đủ ý chưa? Các ý có phù hợp với vấn đề nghị luận và luận điểm không? Có những ý nào trùng lặp nhau không?  - Bài viết có mắc lỗi dùng từ, đặt câu, chính tả,... không? | | Đánh giá chung | - Bài viết đáp ứng yèu cầu cần đạt mức độ nào?  - Em thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong tiến trình thực hành viết? | | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập 5:**  - Hs trao đổi và rút ra các kĩ năng cần chú ý khi viết bài.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ 5:**  - Học sinh làm việc nhóm đôi, ghi kết quả ra phiếu ht..  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận 5:**  - HS trình bày.  - HS quan sát và nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định 5:**  - GV nhận xét và bổ sung. | **2.2. Rèn luyện kĩ năng nêu bằng chứng, trình bày và phân tích bằng chứng**  \*Cách thức  Bằng chứng là các ví dụ cụ thể (con người, sự kiện, số liệu, thơ văn,…) mà người viết dẫn ra để làm sáng tỏ ý kiến và lí lẽ, tạo nên sức thuyết phục cho bài nghị luận. Có hai loại bằng chứng cơ bản: bằng chứng từ đời sống và bằng chứng trong thơ văn.  Trong bài văn nghị luận, người viết không chỉ nêu ra bằng chứng mà còn phải phân tích bằng chứng để làm sáng tỏ cho lí lẽ, ý kiến. Các bằng chứng lấy nguyên văn từ sách vở, thơ văn cần để trong dấu ngoặc kép và ghi rõ nguồn trích. |
| **HĐ LUYỆN TẬP** | |
| **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về việc viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.  **b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan.  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Kiến thức cơ bản** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:**  *- Nhận biết hai loại bằng chứng trong hai đoạn văn trong SGK.*  *- Tìm thêm một bằng chứng từ thực tế đời sống và một bằng chứng trong thơ văn cho đề bài ở mục 2.1. Thực hành viết theo các bước.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh làm việc cá nhân, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trình bày.  - HS quan sát, tương tác.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét và bổ sung. (nếu cần). | Bài tập  - Nhận biết hai loại bằng chứng trong hai đoạn văn sau:  + Đoạn 1: “Trên lĩnh vực kinh tế, thời gian có những vụ án thất thoát hàng ngàn tỉ đồng sau khi bị phanh phui đều thấy có bóng dáng của “bệnh” thành tích, háo danh. Biểu hiện thường thấy của “bệnh” này là đẩy nhanh tiến độ dự án, công trình để chào mừng một sự kiện nào đó. Do đó, người ta sẵn sàng bỏ bớt công đoạn trong quy trình từ chi tiền, thi công đến nghiệm thu,…miễn sao có thành tích kịp và vượt thời gian phục vụ cho “cắt băng khánh thành”. Và hậu quả của việc chạy theo thành tích bằng mọi giá là công trình, dự án nhanh chóng xuống cấp, không đảm bảo chất lượng. (tuyengiao.vn, 24-09-2019).  + Đoạn 2: “Háo danh là “căn bệnh” được nhà viết kịch Mô-li-e thể hiện rất sinh động và hài hước trong vở hài kịch Trưởng giả học làm sang. Ở văn bản Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục, chỉ vì được đám phó may, thợ phụ gọi là “ông lớn”, “cụ lớn”, “đức ông”,…mà ông đã sung sướng, hả hê: “Cụ lớn, ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng “cụ lớn” đáng thương lắm. “Cụ lớn” không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây”. Kết quả là ông đã mất rất nhiều tiền thưởng vì cái “bệnh” háo danh ấy.”.  - Tìm thêm một bằng chứng từ thực tế đời sống và một bằng chứng trong thơ văn cho đề bài ở mục 2.1. Thực hành viết theo các bước.  **Trả lời:**  - Bằng chứng đoạn 1: Người ta sẵn sàng bỏ bớt công đoạn trong quy trình từ chi tiền, thi công đến nghiệm thu,…miễn sao có thành tích kịp và vượt thời gian phục vụ cho “cắt băng khánh thành”.  - Bằng chứng đoạn 2: Ở văn bản Ông Giuốc-đanh …mà ông đã sung sướng, hả hê: “Cụ lớn, ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng “cụ lớn” đáng thương lắm. “Cụ lớn” không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây”.  - Bằng chứng từ thực tế đời sống: Phụ huynh muốn con em mình điểm cao mà sẵn sàng đưa tiền bồi dưỡng các thầy cô, thầy cô vì muốn học trò được điểm cao lấy thành tích cho trường mà mua chuộc giám thị. Chúng ta biết rằng kết quả thi cử của học sinh sẽ là một trong những tiêu chí đánh giá chất lượng giảng dạy của giáo viên và nhà trường. Từ đó nếu có một kết quả thi tốt của học sinh, thầy cô sẽ được khen thưởng, nâng lương. Và những phụ huynh học sinh cũng có được một bảng điểm đẹp cho con em mình. Ai cũng được lợi. Bên cạnh những phụ huynh thực sự muốn con em mình đi lên bằng chính sức lực của chúng không ít những phụ huynh vẫn đang tìm mọi cách giúp con có một bảng điểm đẹp, với hy vọng con có một tương lai tươi sáng sau này. Điều đó từ sâu xa đều xuất phát từ lòng thương con của cha mẹ. Ai mà không muốn con mình có một tương lai tốt đẹp hơn. Cứ tới mỗi kỳ thi, chúng ta lại bắt gặp những cuộc trò chuyện như “Đã lo chỗ nào chưa?”, “Đã đi thầy/cô này chưa?”. Chính tình thương quá đáng của bậc cha mẹ đã vô tình trở thành công cụ cho bệnh thành tích ngày càng lây lan rộng hơn.  - Bằng chứng từ thơ văn: Người xưa có câu “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn” đã cho thấy rõ một điều rằng con người ta quan trọng chất lượng chứ không thể lấy cái bề ngoài, cái số lượng để đánh giá giá trị của một vấn đề. Căn bệnh thành tích ngày nay đã đảo lộn mọi giá trị tốt đẹp ấy, đã phá vỡ đi những truyền thống văn hóa của dân tộc. Căn bệnh ấy sẽ khiến những cá nhân tự mãn về bản thân, cho mình luôn giỏi giang nhưng thực chất là không phải. Và ảo tưởng thì thường sẽ không có thật, không thể tồn tại lâu dài. |
| **HĐ VẬN DỤNG** | |
| **a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức đã học để Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.  **b. Nội dung:** HS sử dụng kiến thức đã học để Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.  **c. Sản phẩm học tập:** Bài văn mà HS viết được.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Kiến thức cơ bản** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS về nhà viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe yêu cầu của GV, về nhà thực hiện.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV nhắc HS sẽ thu bài và chữa bài vào tiết sau.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét việc học tập của cả lớp trong tiết học  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có). | Bài tập: Dựa vào mục Tìm ý và lập dàn ý cho ***Suy nghĩ của em về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích.***  1. Hãy lập sơ đồ quan hệ giữa các đoạn văn trong phần thân bài.  2. Viết bài văn nghị luận hoàn chỉnh. |

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Đọc lại yêu cầu và quy trình viết đối với Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.

+ Soạn trước bài tiếp theo

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Phần mở đầu | Nêu vấn đề cần bàn luận |  |  |
| Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối. |  |  |
| Phần thân bài | Giải thích được từ ngữ quan trọng và ý nghĩa của ý kiến cần bàn luận. |  |  |
| Trình bày vấ đề cần bàn luận. |  |  |
| Trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận. |  |  |
| Nêu được ít nhất hai lí lẽ một cách thuyết phục để làm rõ luận điểm. |  |  |
| Nêu được bằng chứng đa dạng, cụ thể, phù hợp với luận điểm. |  |  |
| Sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lí |  |  |
| Phần kết bài | Khẳng định lại vấn đề. |  |  |
| Đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học rút ra từ vấn để bàn luận. |  |  |
| Trình bày, diễn đạt | Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. |  |  |
| Diễn đạt chặt chẽ, thuyết phục. |  |  |

**\*Bài viết tham khảo**

          Trong thực tế, ai cũng thích, cũng mong muốn được khen ngợi, được ghi nhận, được thành danh. Có người vì thế mà nỗ lực phấn đấu để biến đổi về chất. Song đáng buồn lại có những người muốn rút ngắn con đường bước đến vinh quang mà tin xổi ở thì, không chăm lo cho thực tế chỉ cố tô vẽ bề ngoài để được khen được thưởng. Đáng buồn hơn, chúng ngày càng phổ biến và trở thành một hiện tượng “háo danh” và mắc bệnh thành tích

          Thực chất, thành tích là kết quả được đánh giá tốt do nỗ lực mà đạt được. Như vậy, thành tích là nhóm để biểu dương, nêu gương những kết quả thực tế tốt đẹp. Điều đó động viên cố gắng của người được nêu gương, thúc đẩy họ tiếp tục cố gắng. Mặt khác thành tích của người này còn là “cú hích” cho người khác cùng “chạy đua” để tiếp tục đi lên. Rõ ràng, thành tích là điều tốt đẹp và nó cũng mang lại những điều tương tự cho cuộc sống.

          Tuy nhiên, khi đặt trước từ “thành tích” một chữ “bệnh” – bệnh thành tích thì vấn đề đã khác. Bởi từ “bệnh” không gợi đến điều gì tốt đẹp. “Bệnh thành tích” là thói a dua, là chỉ chăm lo đến vẻ bề ngoài nhằm được tuyên dương khen thưởng nhưng thực chất bên trong vấn đề không đạt mong muốn. Nói khác đi, bệnh thành tích là tên gọi của sự không phù hợp giữa hình thức và bản chất: hình thức rất hào nhoáng, sáng bóng, lẫy lừng nhưng bản chất thì xuống cấp, gỉ sét, cong vênh.

Bệnh thành tích đã tồn tại từ lâu trong đời sống xã hội, đục sâu lan rộng vào nhiều ngành nghề, lĩnh vực. Trong giáo dục, bệnh thành tích còn được gọi là bệnh hình thức. Có những trường vì thành tích mà luôn cố gắng tập trung luyện “gà” – luyện học sinh giỏi, tạo mọi điều kiện để các em có thời gian tập trung học môn mình thi nhằm đạt kết quả cao mang vinh dự cho trường. Hay trong mỗi kỳ thi tốt nghiệp, có những trường huy động giáo viên cùng làm với học sinh rồi ném bài cho các em. Trong các cơ quan, công ty, nhà máy, bệnh thành tích nằm ở những bản báo cáo được mài cho nhẵn viết cho đẹp. Trong thực tế người ta không màng đến chất lượng, chỉ chạy theo số lượng để đạt chỉ tiêu. Họ chỉ sung sướng khi nghe đến những con số 100%, 99%. Trong kỳ thi tốt nghiệp THPT những năm trước, trường nào chỉ đạt 95%, 96% là đã lo lắng căng thẳng rồi. Nhưng một hai năm trở lại đây khi công tác kiểm tra, giám sát được thắt chặt hơn, trung bình cả nước chỉ đỗ khoảng 60% – 70%.

Rõ ràng kết quả xa nhau, nó phản ánh thực tế chất lượng giáo dục trong một thời gian dài bị o bế, làm nhiễu. Rõ ràng, bệnh thành tích sẽ để lại hậu quả vô cùng tai hại. Trước hết, nó khiến mỗi cá nhân tổ chức không hiểu rõ về thực lực của mình, tự mãn về thành tích, không có xu hướng vận động phát triển. Bệnh thành tích do đó tiếp tục “được” duy trì, phát triển. Dần dần nó sẽ ăn sâu, đeo bám vào tư tưởng, lối sống cách thức làm việc của xã hội, làm cho chất lượng thực bị bỏ bê, xuống dốc, chỉ có cái vẻ bề ngoài là hào nhoáng, đẹp đẽ. Nó thực chẳng khác nào một trái bí đỏ bị thối rữa bên trong. Dân gian ta nhắc nhở nhau tốt gỗ hơn tốt nước sơn vì sơn có thể tróc nhưng gỗ không được phép mục, gỗ mục sẽ làm sụp đổ cả một hệ thống quan trọng. Nhưng bệnh thành tích đã làm đảo lộn truyền thống đạo lý ấy và mỗi hệ thống xã hội đang có nguy cơ lung lay, suy sụp vì chất gỗ bên trong đang mối mọt dần.

Bệnh thành tích gây hại cho mọi ngành nghề, lĩnh vực. Và hậu quả dễ thấy nhất, tai hại nhất thể hiện ở ngành giáo dục. Có những trường lớp, vì thành tích mà cho học sinh lên lớp hàng loạt, bất chấp kết quả thực tế. Hậu quả là hàng trăm học sinh ngồi nhầm lớp, nhầm trường. Có em đã học lớp 7 mà chưa đọc thông viết thạo! Cũng vì thành tích mà các thầy cô “cấy điểm” cho học sinh giỏi ở những môn các em không thi học sinh giỏi, giúp các em tập trung ôn luyện cho thi cử. Và hàng trăm học sinh sa vào tình cảnh đạt giải học sinh giỏi quốc gia nhưng trượt tốt nghiệp, trượt đại học. Hậu quả trực tiếp học sinh là người gánh chịu. Nhưng hậu quả lâu dài là tương lai đất nước phải chấp nhận sự thui chột về đạo đức, tài năng của nhiều thế hệ.

Bệnh thành tích có căn nguyên sâu xa từ một thói xấu của con người: thói ghen ăn tức ở, “con gà tức nhau tiếng gáy”. Thấy cá nhân, đơn vị khác được nêu gương, cá nhân đơn vị mình cũng muốn được như vậy. Song, thay vì tập trung nâng cao chất lượng họ lại đốt cháy giai đoạn, đánh bóng hình thức để được tuyên dương. Nhưng công bằng mà đánh giá, bệnh cũng có nguyên nhân từ những sai lầm trong công tác quản lý tổ chức của nhiều cấp, ngành: trọng giấy tờ, hình thức, không gần gũi sâu sát thực tế và chỉ tiêu hoá, kế hoạch hóa cao độ mọi vấn đề thi đua. Bởi vậy, các tổ chức, cá nhân chỉ cốt lo sao cho bản báo cáo, cuốn sổ của mình được sạch sẽ đẹp đẽ. Rồi lo sao để chỉ tiêu kế hoạch trên giao ta “trăm phần trăm” hoàn thành.

Rõ ràng, để xảy ra căn bệnh ấy lỗi thuộc về tất cả chúng ta. Nhận rõ hậu quả của bệnh thành tích, xã hội cần đẩy mạnh công cuộc loại trừ nó. Các nhà lãnh đạo cần kiểm tra, giám sát sát sao hơn hoạt động của các tổ chức cá nhân trực thuộc, đồng thời điều chỉnh hệ thống, cơ chế quản lý tổ chức. Các cơ quan đoàn thể vì tương lai bản thân xóa bỏ bệnh hình thức để đi vào chất lượng thực tế. Chỉ khi nào làm được điều đó, xã hội ta mới thực sự trong sạch và đi lên.

**BÀI 5: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

**Đọc – hiểu văn bản (1)**

**HỊCH TƯỚNG SĨ**

***(Dụ chư tì tướng hịch vărì)(y\****

**TRẤN QUỐC TUẤN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được đặc điểm của văn nghị luận xã hội; Mục đích và nội dung chính; ý kiến, lí lẽ bằng chứng và mối quan hệ của chúng.

+ Nhận biết và xác định được vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề. Phân biệt được lí lẽ và bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.

+ Đề cao tinh thần yêu nước, niềm tự hào về nền văn hiến, văn hoá và lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc; nhận thức được trách nhiệm của tuổi trẻ đối với đất nước.

+ Cảm nhận được lòng yêu nước bất khuất của Trần Quốc Tuấn, của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm; lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

**3. Phẩm chất:**

- Yêu nước, tự hào dân tộc

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Chiếu dời đô*

**b. Nội dung:** GV cho học sinh xem video giới thiệu về nhà Lý

**c. Sản phẩm:** HS quan sát video

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu video: https://youtu.be/Vt3MKmcPVpY

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát video

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- HS theo dõi video, nêu cảm nhận.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm học tập:** Bài đọc của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm  *1) Chia sẻ quá trình tự đọc văn bản ở nhà (cách đọc, cách khám phá văn bản theo các gợi ý đọc bên phải văn bản; những lưu ý khi đọc văn bản).*  *(2) Ngoài các từ ngữ ở cước chú, em thấy cần giải nghĩa thêm những từ ngữ nào khác trong văn bản?*  -Hoàn thành phiếu bài tập về tác phẩm   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Tìm hiểu chung về văn bản “Hịch tướng sĩ” – Trần Hưng Đạo** | | | 1. Cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản. |  | | 2. Văn bản được viết theo thể loại nào? |  | | 3. Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì? |  | | 4. Đối tượng thuyết phục của văn bản là ai? |  | | 5. Xác định bố cục và nội dung từng phần của văn bản. |  |     **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS theo dõi văn bản  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV đưa thông tin về tác giả tác phẩm lên bảng  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn (1232 - 1300), quê ở Nam Định.  - Tước Hưng Đạo Vương, là một danh tướng đời Trần có công lao lớn trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên 1285 và 1288.  - Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên xâm lược nước ta lần thứ hai (năm 1285) và thứ ba (năm 1287 – 1288), ông đều được vua Trần Nhân Tông cử làm Tiết chế thống lĩnh các đạo quân, cả hai lần đều chiến thắng oanh liệt.  - Ông là một nhà chính trị, nhà quân sự kiệt xuất của dân tộc, được tôn là Đức Thánh Trần.  **2. Văn bản**  - Hướng dẫn đọc: giọng đọc to, dõng dạc, mạnh mẽ; lưu ý nhịp sóng đôi của văn biền ngẫu, chuyển ngữ điệu phù hợp với từng đoạn (khi sôi nổi, hùng hồn, khi lắng sâu, ân tình, khi đanh thép, nghiêm khắc,…). Chú ý phát âm chính xác tên các nhân vật, địa danh.  - Giải thích từ khó:  + *cái đấu*: một dụng cụ đo khối lượng, dung tích thời xưa (1 đấu = 10 thăng, 1 thăng = 2,766 lít, 1 lít tương đương với khoảng 750g).  + *lam chướng*: khí độc bốc lên ở vùng rừng núi, dễ gây bệnh cho con người.  + *Binh thư yếu lược*: cuốn sách tóm tắt những điều quan trọng nhất về việc huấn luyện, sử dụng binh lính.  - Hoàn cảnh ra đời: ngay trước cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ hai, được viết trong cuốn ***Binh thư yếu lược*** do chính Trần Quốc Tuấn biên soạn.  - Thể loại: Hịch.  + Hịch là thể văn chính luận trung đại. Do vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh, phong trào dùng hịch để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.  + Mục đích của hịch là khích lệ tinh thần, tình cảm của người nghe -> Hịch đòi hỏi phải có kết cấu chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, giọng văn hùng hồn đanh thép.  - Bố cục: 4 phần  + Phần 1 − mở đầu: Nêu gương trung thần nghĩa sĩ lưu danh trong sử sách và hiện tại.  + Phần 2: Lòng căm thù và thái độ kiên quyết không đội trời chung với kẻ thù xâm lược.  + Phần 3: Nhắc lại ân tình và khích lệ ý thức trách nhiệm của tướng sĩ với triều đình, đất nước, biết làm theo điều đúng, gạt bỏ điều sai.  + Phần 4 – kết thúc: Khuyên nhủ tướng sĩ luyện tập binh pháp để trừ giặc, bảo vệ xã tắc, non sông. |
| **II. Đọc và tìm hiểu chi tiết**  ***\* HĐ1: Tìm hiểu hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản***  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 4 hoàn thành các nội dung trong PHT số 2 trong thời gian 20 phút. | **1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng** |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Tìm hiểu hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản**  **“Hịch tướng sĩ” – Trần Quốc Tuấn**  1. Hoàn thiện sơ đồ tư duy hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản. | |

**Hoạt động 2: Luận điểm 1: Nêu gương trung thần nghĩa sĩ lưu danh trong sử sách và hiện tại.**

**a) Mục đích:**

- Nắm được lòng yêu nước của vị chủ tướng -> khích lệ tinh thần yêu nước của quân sĩ.

 - HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác.

**b) Nội dung:** Sử dụng sgk và kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi sau:  - Vì sao tác giả mở đầu bài hịch bằng cách nêu lên những tấm gương trung thần nghĩa sĩ?  - Những tội ác của kẻ thù được dẫn ra trong văn bản có tác động như thế nào đến suy nghĩ, tình cảm của các tướng sĩ?  - Vì sao tác giả bày tỏ tình cảm với các tướng sĩ và phê phán nghiêm khắc những suy nghĩ, việc làm sai trái của họ?  - Lời khuyên nhủ của tác giả dựa trên cơ sở nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  =>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.  **- Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Giáo viên nêu yêu cầu:  1.“Thời loạn lạc” và “buổi gian nan” ở đây thuộc thời kì lịch sử nào của nước ta?  2. Hình ảnh kẻ thù được tác giả miêu tả qua những chi tiết nào? Tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì? Tác dụng?  3. Lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn thể hiện qua thái độ, hành động ntn? Để diễn tả nỗi căm thù ấy tác giả đã sử dụng NT gì? Tác dụng?  4. Đoạn văn này có tác dụng gì trong bài hịch?  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Học sinh: làm việc cá nhân  + Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +  Học sinh đứng tại chỗ trả lời  + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  **Nhiệm vụ 3:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi:  *+ Tác giả đã dùng những bằng chứng và lí lẽ nào để chứng minh các tì tướng đã suy nghĩ, hành động không đúng?*  *+ Với tư cách là vị chủ tướng, Trần Quốc Tuấn đã dùng những lí lẽ nào để kêu gọi các tì tướng phải rèn tập võ nghệ, học tập cuốn “Binh thư yếu lược”, chuẩn bị cho việc đánh giặc giữ nước?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 4:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi:  - GV hướng dẫn HS thảo luận theo kĩ thuật khăn trải bài (mỗi nhóm thực hiện 1 yêu cầu) để nhận xét nghệ thuật nghị luận của văn bản theo các gợi ý sau:  *1. Em có nhận xét gì về giọng điệu, cách sử dụng ngôn từ của vị chủ tướng Trần Quốc Tuấn trong bài Hịch?*  *2. Nhận xét về hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được triển khai trong văn bản.*  *3. Điểm độc đáo của nghệ thuật viết văn nghị luận trung đại được thể hiện như thế nào trong văn bản “Hịch tướng sĩ”?*  - HS tổ chức các nhóm 4; ghi ý kiến cá nhân vào các góc, sau đó thống nhất các ý chung ghi vào ô giữa.  - GV gọi đại diện 3 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận theo nội dung được phân công; nhóm khác lắng nghe, bổ sung.  - GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức cơ bản về nghệ thuật nghị luận đặc sắc của văn bản “Hịch tướng sĩ” nói riêng và văn bản nghị luận trung đại nói chung.  **Nhiệm vụ 5:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài và cách đọc hiểu thể loại văn bản nghị luận trung đại.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt | **1. : Luận điểm 1: Nêu gương trung thần nghĩa sĩ lưu danh trong sử sách và hiện tại.**  **-** Lưu danh trong sử sách: Kỷ Tín, Do Vu, Dự Nhượng, than khoái, kimh đức, cảo khanh.  - Hiện thực mới đây: Nguyễn Văn Lập, Xích Tu Tư.  -> Tác giả nêu các tấm gương trung thần nghĩa sĩ bao đời vì nước, vì chủ mà sẵn sàng hi sinh vì nghĩa lớn 🡪 vừa khơi gợi được tinh thần, khí thế, vừa giúp các tướng sĩ nhìn lại chính bản thân mình để thấy được trách nhiệm đối với chủ tướng và đất nước.  **2. Luận điểm 2: Thể hiện lòng căm thù và thái độ kiên quyết không đội trời chung với kẻ thù xâm lược.**  - “Thời loạn lạc” và “buổi gian nan” ở đây thuộc thời Trần, quân Mông - Nguyên lăm le xâm lược nước ta.  - Lí lẽ 1: Căn hận trước những tội ác của quân xâm lược với đất nước với vua quan triều đình:  + Bằng chứng: Sứ giặc đi lại nghênh ngang, sỉ mắng triều đình, bắt nạt tể phụ, vơ vét bạc vàng, ngọc lụa, của kho có hạn.  + NT ẩn dụ. Giọng văn mỉa mai, châm biếm.  -> Tác giả nói đến sự ngang ngược, hống hách, vô lễ của sứ giặc đối với triều đình và các bậc tể phụ để tướng sĩ thấy được sự nhục nhã và căm thù những hành động của chúng. Phần này như một phản đề với việc nêu các tấm gương lẫm liệt ở phía trên.  - Lí lẽ 2: Đau đớn dằn vặt khôn nguôi trước vận mệnh đất nước.  + Bằng chứng: Tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, căm tức chưa xả thịt lột da, uống…  + NT: Sử dụng các động từ mạnh chỉ trạng thái tâm lí và hành động quên ăn, vỗ gối; xả thịt, lột da, nuốt, uống -> Diễn tả niềm uất hận trào dâng trong lòng.  **Luận điểm 3: Phê phán biểu hiện sai trái**  - Phê phán hành động hưởng lạc, ham thú vui tầm thường: *chọi gà, cờ bạc, săn bắn,…*  - Thái độ phê phán dứt khoát  → Phê phán nghiêm khắc thái độ vô trách nhiệm, vong ân bội nghĩa, lối sống hưởng lạc, chỉ lo vun vén hạnh phúc cá nhân.  **Luận điểm 4: Kêu gọi tướng sĩ.**  - Phải biết lo xa, nêu cao cảnh giác, tăng cường luyện tập, học tập “Binh thư yếu lược.”  - Giúp tướng sĩ nhận thức rõ đúng – sai  - Vạch rõ ranh giới 2 con đường chính – tà, sống – chết.  → Thái độ dứt khoát, cương quyết, khích lệ lòng yêu nước, quyết chiến, quyết thắng kẻ thù  **2. Nghệ thuật nghị luận**  - Giọng điệu, ngôn từ thể hiện trong bài hịch rất đa dạng (khi thì nêu gương, lúc trữ tình, thân mật, khi thì suy luận lô gích vẽ ra viễn cảnh tai hoạ, lúc thì thống thiết, căm phẫn, khi thì châm biếm, mỉa mai, lúc lại dứt khoát vẽ ra viễn cảnh thắng lợi), cùng với việc sử dụng các biện pháp tu từ ẩn dụ, nói quá, câu hỏi tu từ, câu cảm thán,… tạo nên một bài hịch giàu hình ảnh, nhạc điệu và cảm xúc.  - Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được triển khai chặt chẽ, logic, theo trình tự hợp lí với diễn biến nhận thức và tâm lí con người. Các bằng chứng phong phú, đa dạng, tiêu biểu, thuyết phục, gắn bó mật thiết, làm sáng tỏ cho lí lẽ, luận điểm.  - Đặc trưng độc đáo của văn học trung đại được sử dụng có hiệu quả trong bài Hịch: Kết cấu đầu cuối, nhân – quả chặt chẽ; tính sùng cổ (tấm gương các trung thần nghĩa sĩ trong sử sách); sử dụng ngôn ngữ trang trọng và lối văn biền ngẫu.  **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  Bài Hịch phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống quân Mông − Nguyên xâm lược, thể hiện qua lòng căm thù giặc sâu sắc, ý chí quyết chiến thắng kẻ thù xâm lược.  **2. Nghệ thuật**  Giọng điệu đa dạng; ngôn ngữ trang trọng, uyên bác, giàu tính ước lệ, tượng trưng; lời văn biền ngẫu đăng đối, truyền cảm; biện pháp cường điệu, ẩn dụ, câu hỏi tu từ; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lập luận chặt chẽ, sắc bén với lời văn thống thiết, có sức lôi cuốn mạnh mẽ. Đây là một áng văn nghị luận xuất sắc trong lịch sử văn học dân tộc.  **3. Kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận xã hội (trung đại)**  - Tìm hiểu bối cảnh lịch sử, thời đại ra đời của tác phẩm, các thông tin về tác giả có liên quan đến bài học. (Trả lời câu hỏi: Viết để làm gì? Đối tượng mà bài nghị luận hướng tới là ai? Người viết có vai trò, ảnh hưởng gì trong xã hội?)  - Tìm hiểu và phân tích được các yếu tố luận đề, luận điểm, lí lẽ, ý kiến đánh giá chủ quan và bằng chứng khách quan được tác giả triển khai trong bài.  - Tìm hiểu biện pháp nghệ thuật đặc sắc được tác giả sử dụng để làm nổi bật các vấn đề được trình bày trong bài nghị luận.  - Chú ý yếu tố biểu cảm được bộc lộ qua ngôn từ, giọng điệu lập luận, thể hiện quan điểm, tình cảm, thái độ của tác giả trước các vấn đề được đưa ra nhằm thuyết phục người đọc, người nghe.  - Liên hệ ý nghĩa của văn bản với bản thân, cuộc sống và thời đại.  \* Chú ý các đặc trưng nghị luận trung đại: viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm; vấn đề nghị luận mang tính quốc gia, chính trị; sử dụng từ ngữ trang trọng, uyên bác, giàu tính ước lệ, tượng trưng; câu văn biền ngẫu; tính sùng cổ; kết hợp hài hòa giữa yếu tố lập luận và cảm xúc của người viết. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Hịch tướng sĩ*

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Trả lời câu hỏi: Ngày nay, loại văn bản nào có mục đích và nội dung tương tự hịch? Theo em, khi nào thì người ta viết loại văn bản như thế?

**c. Sản phẩm học tập:** HS trình bày câu trả lời

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Ngày nay, loại văn bản nào có mục đích và nội dung tương tự hịch? Theo em, khi nào thì người ta viết loại văn bản như thế?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** |  |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành bài trắc nghiệm về văn bản Hịch tướng sĩ

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

**+ Câu hỏi:** ***Giả sử em là “vua” của nước 8A. Hãy suy nghĩ và viết 1 bài hịch kêu gọi các bạn chăm chỉ học hành.***

***+ Bài tập trắc nghiệm***

**Câu 1:** Trần Quốc Tuấn đã sử dụng biện pháp tu từ nào để lột tả sự ngang nhiên, láo xược và tàn ác của quân giặc xâm lược ?

A. Vật hoá      C. So sánh

B. Nhân hoá      D. ẩn dụ

**Chọn đáp án: D**

**Câu 2:** Nghĩa của từ *“nghênh ngang”* là gì ?

A. ở trạng thái lắc lư, nghiêng ngả như trực ngã.

B. Tỏ ra không kiêng sợ gì ai, ngang nhiên làm những việc biết rằng mọi người có thể phản đối.

C. Không chịu theo ai cả mà cứ theo mình, dù có biết là sai trái đi nữa.

D. Tỏ ra tự đắc, coi thường mọi người bằng những thái độ, lời nói gây cảm giác khó chịu.

**Chọn đáp án: B**

**Câu 3:** Từ nào có thể thay thế từ “ nghênh ngang” trong câu “ Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường …” ?

A. Hiên ngang

B. Ngật ngưỡng

C. Thất thểu

D. Ngông nghênh

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Trong Hịch tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn đã vận dụng sáng tạo kết cấu chung của thể hịch như thế nào ?

A. Không nêu phần đặt vấn đề riêng.

B. Không nêu truyền thống vẻ vang trong sử sách.

C. Không nêu giải pháp và lời kêu gọi chiến đấu.

D. Cả A, B, C đều sai.

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Đoạn văn nào thể hiện rõ nhất lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn?

A. Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác ta gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.

B. Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các ngươi cứ điềm nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dậy quân sĩ; chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc...

C. Chẳng những thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc các ngươi cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các ngươi cũng khốn; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các ngươi cũng bị quật lên…

D. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mạng vì nước, đời nào không có? Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được.

**Chọn đáp án: A**

**Câu 6:** Trần Quốc Tuấn sử dụng giọng văn nào để phê phán những hành động sai trái của các tướng sĩ dưới quyền ?

A. Nhẹ nhàng thân tình.      C. Mạt sát thậm tệ.

B. Nghiêm khắc, nặng nề.     D. Bông đùa, hóm hỉnh.

**Chọn đáp án: B**

**Câu 7:** Trần Quốc Tuấn yêu cầu các tướng lĩnh phải thực hiện điều gì ?

A. Hành động đề cao bài học cảnh giác.

B. Chăm chỉ huấn luyện cho quân sĩ, tập dượt cung tên.

C. Tích cực tìm hiểu cuốn sách: “Binh thư yếu lược”.

D. Gồm cả A, B và C.

**Chọn đáp án: D**

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

Bài 5: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Văn bản

Nước Đại Việt ta

(Trích *Đại cáo bình Ngô)*

NGUYỄN TRÃI

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Những nét tiêu biểu về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của nhà văn Nguyễn Trãi

- Những nét chung về văn bản “Đại cáo bình Ngô”

+ Hiểu sơ giản về thể cáo.

+ Nắm được hoàn cảnh lịch sử liên quan đến sự ra đời của “Đại cáo bình Ngô”.

+ Hiểu được nội dung tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Trãi về đất nước, dân tộc.

+ Nắm được đặc điểm văn chính luận của “Đại cáo bình Ngô”

**2. Năng lực**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.

- Phát hiện, phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật, tư tưởng của bài cáo.

- Cảm nhận được ý nghĩa nhân văn sâu sắc của bài cáo.

**3. Phẩm chất:** Tiết học góp phần bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm với đất nước, biết phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu…

- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5’)**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc quan sát video.

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

**HS** quan sát hình ảnh, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

**c. Sản phẩm:**

**-** HS nói được nội dung của những hình ảnh qua video.

**-** Học sinh nêu cảm nhận.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV: Trước khi vào nội dung của tiết học này, cô mời các em đến với video sau. Các em chú ý quan sát những hình ảnh và cho cô biết:  
1. Từ nội dung của video, em nhận thấy bản chất và dã tâm nào của kẻ xâm lược?

2. Em có nhận xét gì về nghĩa quân Lam Sơn đánh giặc Minh? Nêu cảm nhận của em qua đoạn video.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**GV** bật video

**HS:**

**-** Nhận nhiệm vụ.

- Quan sát, lắng nghe video và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

- Sau khi trả lời xong câu hỏi số 1, HS nghe câu hỏi số 2 và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi 1, 2…

Câu 1: Bản chất độc ác, tham lam, dã tâm muốn cướp nước ta.

Câu 2: Nghĩa quân Lam Sơn Thiện chiến, anh dũng, yêu nước. Vị chủ tướng Lê Lợi yêu nước thương dân. Khát vọng giải phóng đất nước.

-Em căm ghét bọn xâm lược. Em yêu mến, khâm phục, tự hào biết ơn nghĩa sĩ Lam Sơn và người anh hùng Lê Lợi

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản:………..

**2. HOẠT DỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30’)**

**I. TÌM HIỂU CHUNG (10 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tác giả** | |
| **Mục tiêu**: Giúp học sinh biết được những thông tin cơ bản về tác giả Nguyễn Trãi  **Nội dung:**  **GV:** Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.  **HS:** Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  **GV** yêu cầu HS mở PHT số 1  (?)Trình bày những thông tin chính về tác giả Nguyễn Trãi?   |  |  | | --- | --- | | Yêu cầu | Nội dung | | -Năm sinh  -Tên hiệu  -Quê quán.  -Nêu vài nét sơ lược về sự nghiệp sáng tác.  -Tác phẩm tiêu biểu |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV gợi ý:** Tra cứu trên Google để hoàn thiện PHT số 1  **HS**: Mở PHT số1, xem lại thông tin trong PHT số 1.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** Mời HS trình bày sản phẩm (PHT số 1)  **HS:**  - Đại diện trình bày thông tin về tác giả Nguyễn Trãi.  - Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  **GV**:  - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).  **-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | -Nguyễn Trãi (1380-1442).  **-** Hiệu là Ức Trai.  **-** Quê ở Chi Ngại, nay thuộc  huyện Chí Linh, tỉnh  Hải Dương.  **-** Là tác gia văn học lớn, Nguyễn Trãi đã để lại sự nghiệp văn học đồ sộ ở nhiều thể loại như chính luận, thơ. Bên cạnh đó, ông còn có nhiều tác phẩm lịch sử và địa lý nổi tiếng.  **-** Những tác phẩm như Quân trung từ mệnh tập, Đại cáo Bình Ngô, Lam Sơn Thực lục. |
| **2. Tác phẩm** | |
| **Mục tiêu**:  - HS biết cách đọc văn bản  - Trình bày những thông tin chính về văn bản “Nước Đại Việt ta”:  + Hoàn cảnh sáng tác  + Thể loại( thông tin về thể loại ; so sánh với thể Hịch)  + Phương thức biểu đạt  + Bố cục…  **Nội dung:**  **GV:** Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.  **HS:** Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **a. Đọc, tìm hiểu chú thích**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc  - Yêu cầu HS tóm tắt ngắn gọn văn bản  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  **-** Yêu cầu HS đọc mẫu  - Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc  **HS** đọc mẫu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét cách đọc của HS  - Chốt cách đọc, chốt nội dung tóm tắt và chuyển dẫn sang phần tìm hiểu chung về văn bản  **b. Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Yêu cầu HS mở PHT số 2  - Chia nhóm cặp đôi theo bàn  - Nhiệm vụ:  + Hoán đổi PHT cho nhau  + 1 phút HĐ cá nhân: xem lại PHT đã chuẩn bị.  + 2 phút tiếp theo: trao đổi, chia sẻ để thống nhất nội dung trong PHT số 2.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV gợi ý:** Bằng sự chuẩn bị PHT ở nhà, em hãy đọc PHT của bạn xem có nội dung nào cần trao đổi hay không.  **HS**: Đọc PHT số 2 của bạn và đánh dấu nội dung khác biệt để trao đổi.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** Chỉ định một số cặp đôi trình bày sản phẩm (PHT số 2)  **HS:**  - Đại diện cặp đôi trình bày từng nội dung trong PHT số 2.  - Những cặp đôi còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm cặp đôi của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  **GV**:  - Nhận xét từng nội dung của bạn, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).  **-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.  - Nguyễn Trãi (1380 -1442) hiệu là Ức Trai, con của Nguyễn Phi Khanh, quê gốc ở thôn Chi Ngại, xã Cộng Hoà, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, sau dời đến làng Nhị Khê huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây. ông tham gia khởi nghĩa lam Sơn và có vai trò rất lớn bên Lê Lợi. Nguyễn Trãi trở thành 1 nhân vật lịch sử lỗi lạc, toàn tài hiếm có. Nhưng cuối cùng ông đã bị giết hại rất oan khốc và thảm thương vào năm 1442. Mãi đến năm 1464, mới được vua Lê Thánh Tông giải oan.  Nguyễn Trãi để lại 1 sự nghiệp văn chương đồ sộ ông là người VN đầu tiên được UNESCO công nhận là danh nhân văn hoá thế giới (năm 1980).  - Tháng 11/1406 nhà Minh xâm lược nước ta. Đến năm 1418, Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa chống giặc Minh ở Lam Sơn- Thanh Hoá. Đến cuối năm 1427 thì giành thắng lợi. Nguyễn Trãi cùng Lê Lợi sát cánh bên nhau từ những ngày đầu khởi nghĩa cho đến ngày giành thắng lợi,-> Nguyễn Trãi đã thừa lệnh Lê Lợi viết bài “Bình Ngô đại cáo” vào khoảng năm 1428 để ban bố cho nhân dân cả nước biết sự nghiệp bình Ngô phục quốc của đất nước ta đã giành thắng lợi.  - Bố cục của bài cáo gồm 4 phần lớn (như kết cấu chung của thể cáo): phần đầu nêu luận đề chính nghĩa, phần 2 lập bảng cáo trạng tội ác của giặc Minh, phần 3 phản ánh quá trình cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ những ngày đầu gian khổ đến khi tổng khởi nghĩa thành công, phần 4 là lời tuyên bố kết thúc, khẳng định nền độc lập vững chắc, đất nước mở ra một kỉ nguyên mới đồng thời nêu lên bài học lịch sử.  ***Chuyển dẫn***: …. | **a. Đọc, tìm hiểu chú thích**  - ***Đọc***  - ***Chú thích (SGK)***  **b. Tìm hiểu chung về văn bản**  - Hoàn cảnh sáng tác: Đầu năm 1428 cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi.  - “Bình Ngô đại cáo” đã được Nguyễn Trãi thay mặt Lê Lợi soạn thảo và công bố ngày 17 tháng Chạp năm Đinh Mùi (đầu năm 1428).  - Thể cáo.  - Cáo: thể văn chính luận có tính chất quy phạm chặt chẽ thời trung đại, có chức năng công bố kết quả một sựu nghiệp của vua chúa hoặc thủ lĩnh; có bố cục bốn phần.  So sánh thể cáo, hịch  - Giống: thể văn nghị luận cổ, thường dùng văn biền ngẫu, được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng.  - Khác nhau về chức năng:…  Văn bản “Bình Ngô đại cáo” được coi là bản tuyên ngôn độc lập của nước ta.  Đoạn trích nằm ở phần đầu của văn bản.  - Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.  - Bố cục: 3 phần  P1: Hai câu đầu: Nêu nguyên lí nhân nghĩa.  P2: 8 câu tiếp: chân lí về sự tồn tại độc lập và chủ quyền của dân tộc.  P3: còn lại: sức mạnh của nguyên lí nhân nghĩa và sức mạnh của chân lí độc lập dân tộc. |
| **II. Đọc- Hiểu văn bản.**  **1. Nguyên lí nhân nghĩa** | |
| **a. Mục tiêu:**  + Thấy được ý nghĩa tuyên ngôn đôc lập của dân tộc ta ở thế kỷ XV và bước đầu hiểu được một vài nét đặc sắc nghệ thuật của Bình Ngô đại cáo qua đoạn trích đầu tiên sức thuyết phục của nghệ thuật văn chính luận của Nguyễn Trãi; lập luận chặt chẽ, sự kết hợp giữ lí lẽ và thực tiễn.  + Nhận ra và hiểu được sực thuyết phục của nghệ thuật văn chính luận của tác giả.  + Lập luận chặt chẽ, sự kết hợp giữa lý lẽ và thực tiễn.  **b. Phương thức thực hiện:**Hoạt động cá nhân, cặp đôi, hoạt động nhóm.  **c. Sản phẩm hoạt động:**câu trả lời**,**phiếu học tập của nhóm  **d. Phương án kiểm tra, đánh giá**  - Học sinh tự đánh giá.  - Học sinh đánh giá lẫn nhau.  - Giáo viên đánh giá. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  ***HĐ cá nhân (GV đặt câu hỏi)***:  1. Em hiểu nhân nghĩa ở đây ntn? Cốt lõi tư tưởng ấy trong bài cáo là gì?  2. Em hiểu thế nào “yên dân”, “trừ bạo”? Dân ở đây là ai? Kẻ bạo ngược là ai? Qua đó cho ta hiểu tư tưởng nhân nghĩa mà Nguyễn Trãi muốn nói ở đây là gì  **-**Hs: tiếp nhận  **-**Hs: tiếp nhận  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)**  - Học sinh: thảo luận cặp đôi.  - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  ***HĐ cá nhân***:  **GV:**  **-** Gọi HS trả lời câu hỏi  - Gọi HS nhận xét câu trả lời của bạn  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi  - HS còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  ***HĐ nhóm***  **GV:**  **-** Yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm  - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).  **HS**:**-** Nhóm đại diện trình bày sản phẩm học tập  - Các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).  - Dự kiến sản phẩm:  1. - Nhân nghĩa: tình thương giữa con người với con người, lòng nhân ái.  - Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là “yên dân, trừ bạo”.  2. - Yên dân: giữ yên cuộc sống cho dân, làm cho nhân dân được hưởng thái bình, hạnh phúc.  - Trừ bạo: diệt trừ kẻ thù độc ác, tàn bạo  - Dân: là người dân nước Đại Việt.  - Kẻ bạo ngược: chính là giặc Minh cướp nước.  => Trừ giặc Minh bạo ngược để làm cho cuộc sống nhân dân yên ổn, thái bình.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời/sản phẩm học tập và nhận xét của cá nhân/nhóm HS.  - Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.  - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng  **Gv:**Như vậy… Nguyễn Trãi nhân nghĩa không chỉ trong quan hệ giữa người với người mà còn trong quan hệ dân tộc với dân tộc -> Đây chính là sự phát triển tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi so với Nho giáo. | \* Nhân nghĩa:  +Yên dân: làm cho dân sống yên ổn, hạnh phúc.  + Trừ bạo: trừ diệt giặc Minh xâm lược.  -> Gắn liền với yêu nước, chống xâm lược.  => Cuộc kháng chiến chính nghĩa, phù hợp với lòng dân. |
| **2.** **Khẳng định chủ quyền, độc lập dân tộc:**  **Mục tiêu:**Tìm hiểu về sự khẳng định chủ quyền, độc lập dân tộc trong văn bản.  **Nội dung**:  **GV** sử dụng kĩ thuật vấn đáp, kĩ thuật khăn phủ bàn để hướng dẫn HS tìm hiểu về bối cảnh của câu chuyện.  **HS** suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **THẢO LUẬN NHÓM hoàn thành PHT**  *(Dự kiến khó khăn: Nếu HS gặp khó khăn, GV gợi dẫn bằng các câu hỏi nhỏ:*   |  |  | | --- | --- | | **Yêu cầu** | **Nội dung** | | -Tác giả đã dựa vào những yếu tố nào để khẳng định chủ quyền độc lập của DT ta? |  |   - Những chứng cớ này đã tạo nên điều gì? Những chứng cớ đó có sức thuyết phục không?  - Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì đặc sắc? Tác dụng của nó?  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS:  + Hoạt động cá nhân 5 phút, hoàn thành PHT  + Thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến, hoàn thành sản phẩm nhóm 5 phút.  + Cử đại diện chuẩn bị báo cáo sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả và bổ sung cho nhau.  - Giáo viên điều hành quá trình thảo luận.  - Dự kiến sản phẩm:  a . Quyền độc lập:  b. + Quốc hiệu  + Nền văn hiến lâu đời.  + Lãnh thổ riêng  + Phong tục riêng  + Lịch sử riêng  + Chế độ, chủ quyền riêng  + Nhân tài  c.Tạo nên sức mạnh của chính nghĩa.  d. Liệt kê, so sánh đối lập  -> Rất cơ bản và chủ đạo để khẳng định 1 quốc gia độc lập.  -> Có. Vì dựa vào lịch sử có sẵn, không hề mang tính hão huyền. | - Quyền độc lập:  + Quốc hiệu  + Nền văn hiến lâu đời.  + Lãnh thổ riêng  + Phong tục riêng  + Lịch sử riêng  + Chế độ, chủ quyền riêng  + Nhân tài  -> Tạo nên sức mạnh của chính nghĩa.  - NT: Liệt kê, so sánh đối lập  => Nước Đại Việt tồn tại là hiển nhiên, như 1 chân lí khách quan.  - NT: sử dụng câu văn biền ngẫu, so sánh…  -> Khẳng định chủ quyền dân tộc tồn tại như một chân lí. |
| **Gv:**Năm 1077, Lí Thường Kiệt đã viết bài thơ “Nam quốc sơn hà”- đây được coi là “bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên” của đất nước ta, trong đó, Lí Thường Kiệt đã khẳng định chủ quyền về mặt lãnh thổ và nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược. Và gần 400 năm sau, Vb “Bình Ngô đại cáo” - VB được coi là “bản tuyên ngôn độc lập thứ hai” đã ra đời.  Nếu như trong “Nam quốc sơn hà” Lí Thường Kiệt mới chỉ khẳng đinh chủ quyền của DT ở lãnh thổ riêng, hoàng đế riêng và nền độc lập riêng thì ở “Bình ngô đại cáo” quan niệm về chủ quyền của DT đã có sự tiến bộ rất nhiều.....(chỉ bảng)  Và hơn thế nữa, nếu trong “Nam quốc sơn hà”. Lý Thường Kiệt cho rằng chủ quyền là do “Sách trời”, do thần linh, thì đến bây giờ Nguyễn Trãi đã khẳng định: Nó là do sức mạnh dân tộc, dựa trên tư tưởng nhân nghĩa.  **Chuyển ý:** Và để minh chứng rõ hơn, để khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc ta là do sức mạnh chính nghĩa, N.Trãi đã kể ra một loạt những chứng cứ lich sử thật tiêu biểu. | |
| **3. Những chứng cớ lịch sử:** | |
| \* **Mục tiêu :** HS nắm được sức mạnh của những chứng cớ lịch sử khẳng định sự thất bại của kẻ thù  \* **Nhiệm vụ**: HS thực hiện yêu cầu của GV.  \* **Phương thức thực hiện**: HĐ chung, cặp đôi  \* **Yêu cầu sản phẩm**: vở ghi HS. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ:**  **- HS tiếp nhận, thực hiện**  \* Yêu cầu HS đọc thầm đoạn cuối.  **?** Nguyễn Trãi đã dẫn ra những sự kiện và chứng cớ lịch sử nào?  **?**Kết quả của các sự kiện đó?  nhục nhã.  **?**Việc dẫn ra một loạt các chứng cớ như trên nhằm mục đích gì?  **?** Sức mạnh ấy, lòng tự hào ấy đã được thể hiện qua biện pháp nghệ thuật nào?  **?** Hai câu cuối của trích đoạn này tiếp tục khẳng định với chúng ta điều gì?  **?** Từ nội dung VB “Nước Đại Việt ta”, em hiểu được điều gì về tác giả Nguyễn Trãi?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)**  **GV** hướng dẫn HS đọc đoạn cuối và tìm chi tiết.  **HS** đọc SGK, tìm chi tiết  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  ***HĐ cá nhân***:  **GV:**  **-** Gọi HS trả lời câu hỏi  - Gọi HS nhận xét câu trả lời của bạn  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi  - HS còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  ***HĐ nhóm***  **GV:**  **-** Yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm  - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).  **HS**:  **-** Nhóm đại diện trình bày sản phẩm học tập  - Các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).  **-**  **Dự kiến trả lời:**  - Lưu Cung-> thất bại  - Triệu Tiết-> tiêu vong  - Toa Đô-> bắt sống  - Ô Mã-> giết tươi  -> Quân ta đều đại thắng. Bọn giặc đều thất bại  **\*** Ở đây có 2 câu văn biền ngẫu, mỗi câu có 2 vế sóng đôi rất tương xứng. Các câu văn biền ngẫu này đã làm nổi bật các chiến công của ta và thất bại của địch; tạo sự cân đối nhịp nhàng cho câu văn.  -> Tiếp tục khẳng định độc lập của nước ta và tự hào về truyền thống đấu tranh vẻ vang được ghi lại đầy đủ trong sử sách nước ta.  **=>**Một DT có quốc hiệu, có nền văn hiến, lãnh thổ, phong tục, lịch sử...đều riêng biệt, tồn tại ngang hàng với các quốc gia, lãnh thổ khác. Điều hiển nhiên đó đã được tuyên bố 1 cách đầy tự hào. Vì vậy VB như 1 bản TNĐL  -> Yêu nước  Có tư tưởng nhân nghĩa, tiến bộ  Giàu tình cảm và lòng tự hào DT...  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)** | **\*Những chứng cớ lịch sử:**  - Lưu Cung-> thất bại  - Triệu Tiết-> tiêu vong  - Toa Đô-> bắt sống  - Ô Mã-> giết tươi  -> Khẳng định sức mạnh của chính nghĩa, của độc lập, chủ quyền và lòng tự hào dân tộc.  - NT: Sử dụng câu văn biền ngẫu, lập luận chặt chẽ, chứng cứ hùng hồn. |
| **Hoạt động 5: Tổng kết**  **Mục tiêu:**Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả.  **Nội dung:** Hoạt động cá nhân, thực hiện nhiệm vụ.  **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **Tổ chức thực hiện:** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \* Yêu cầu HS đọc thầm đoạn cuối:  - Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS: hoạt động cá nhân  + Gv:quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở HS  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  +  Học sinh đứng tại chỗ trả lời  + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | **III. Tổng kết**  - Nghệ thuật: Đoạn đầu bài cáo so sánh đối lập từ khái quát đến cụ thể, giàu chứng cứ lịch sử, cảm xúc tự hào, giọng thơ hào hùng, lời văn nhịp nhàng ngân vang. - Nội dung: Nước ta có độc lập chủ quyền có vua riêng, địa lí riêng, không chịu khuất phục trước quân thù. Có bề dày l.sử đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, một nền độc lập dân tộc được xây dung trên cơ sở nhân nghĩa |
| **3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **a. Mục tiêu:** HS khái quát lại nội dung bài học thông qua hệ thống câu hỏi và bài tập.  **b. Nội dung hoạt động:**HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  **d. Tổ chức thực hiện:**  - GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS tự hoàn thành BT. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv: Hãy so sánh hai văn bản “Sông núi nước Nam” Lý Thường Kiệt và “Nước Đại Việt ta” Nguyễn Trãi?  - Hs: tiếp nhận  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: làm việc cá nhân  - Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết  - Dự kiến sản phẩm:....   |  |  |  | | --- | --- | --- | | So sánh | Sông núi nước Nam | Nước Đại Việt ta | | Nước có chủ quyền | Vua Nam ở | Văn hiến. Cương vực lãnh thổ. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ. Văn hiến. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ. | | Sức mạnh của nhân nghĩa | Bị đánh tơi bời | Lưu Cung, Triệu Tiết, Toa Đô, Ô Mã đều chuốc lấy bại vong. |   **\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**Hs: trình bày miệng  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức |  |
| **4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.  **b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.  **c. Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Hãy viết một đọan văn (khoảng 5- câu) trình bày cảm nhận sau khi học xong văn bản.  **\* Bước2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà  **\* Bước3: Báo cáo, thảo luận:** GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp  **\* Bước4: Kết luận, nhận định:**  GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ. |  |
| **HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**  ***\* Mục tiêu:***  – Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức  – Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo  ***\* Phương pháp:*** Dự án  ***\* Kỹ thuật:*** Giao việc  –  Tìm đọc toàn bộ tác phẩm “Bình ngô đại cáo“ của Nguyễn Trãi.  ***\* Thời gian:***2 phút  - Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày….  **\* *Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà (2’)***  ***a. Bài vừa học:***  – Nắm vững phần ghi nhớ + làm hoàn chỉnh các BT  – Học thuộc và đọc diễn cảm  văn bản  ***b. Bài mới***: Chuẩn bị bài “*Chiếu dời đô”\_ Lý Công Uẩn*  – Đọc kĩ bài, trả lời các câu hỏi     – Tìm hiểu cách sử dụng các kiểu câu để thực hiện hành động nói phù hợp | |

**BÀI 5 - THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**TỪ HÁN VIỆT, THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:**

- Hiểu nghĩa và tác dụng của thành ngữ, tục ngữ, các yếu tố Hán Việt trong văn bản.

- Vận dụng được trong luyện tập viết và nói.

**2. Về năng lực;**

*a. Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...*

*b. Năng lực riêng*

- Kĩ năng nhận biết, hiểu nghĩa và tác dụng của từ Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ trong văn bản.

- Kĩ năng viết và nói có sử dụng từ Hán Việt.

**3. Về phẩm chất:**

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy tính, máy chiếu

- Phiếu học tập, bảng phụ A0

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

a) Mục tiêu: Giúp học sinh huy động những hiểu biết về từ Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ đã học để kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu.

b) Nội dung: HS chơi trò chơi: “Nhìn hình đoán thành ngữ, tục ngữ”

c) Sản phẩm: HS tham gia trò chơi bằng cách trả lời nội dung các hình ảnh theo nhóm

|  |  |
| --- | --- |
| **Tục ngữ** | **Thành ngữ** |
|  |  |
| *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây* | *Cá lớn nuốt cá bé* |
| **Học** |  |
| *Học ăn, học nói, học gói, học mở* | *Nước mắt cá sấu* |
| **Nhất**  **Nhì**  **Tam**  **Tứ** |  |
| *Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống* | *Khẩu phật tâm xà* |

d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Nhìn hình đoán thành ngữ, tục ngữ”:

- Luật chơi:

+ Chia lớp thành 3 đội chơi, phát cho mỗi đội 1 bộ hình ảnh, bảng phụ, băng dính.

+ Các đội quan sát các hình ảnh, phát hiện nội dung và sắp xếp vào các cột trong bảng phụ (thành ngữ, tục ngữ) trong thời gian 3 phút.

+ Khi hết thời gian, các đội lên bảng dán sản phẩm của nhóm mình. Đội nào có nhiều đáp án chính xác đội ấy giảnh chiến thắng.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Các đội chơi chia nhóm, quan sát hình ảnh, tìm ra nội dung và sắp xếp vào bảng phụ theo thời gian quy định.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** 3 đội trình bày kết quả lên bảng, cử mỗi nhóm 1 đại diện chấm chéo bài của nhóm bạn theo đáp án GV trình chiếu.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV hỏi thêm HS: phát hiện các thành ngữ, tục ngữ là từ Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ là từ thuần Việt.

- GV nhận xét chung tinh thần tham gia của cả lớp, dẫn dắt vào bài mới: Các em ạ, thành ngữ và tục ngữ là trí tuệ dân gian, được cha ông ta lưu truyền lại đến ngày nay bằng cách sử dụng trong lời ăn, tiếng nói hàng ngày. Trong quá trình phát triển, cha ông ta đã rất khéo léo tiếp thu có chọn lọc các từ Hán Việt để tạo nên những câu tục ngữ, thành ngữ mới, ngắn gọn, hàm súc mà ý nghĩa rất sâu xa. Các kiến thức về từ Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ chúng ta đều đã được học ở lớp 6, lớp 7, ngày hôm nay cô trò chúng ta cùng ôn luyện và vận dụng vào bài tập để một lần nữa thêm hiểu, thêm yêu sự giàu có trong ngôn ngữ Tiếng Việt các em nhé.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tri thức tiếng Việt** | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  - Nắm vững tri thức về thành ngữ, tục ngữ, từ Hán Việt  **Nội dung:** GV sử dụng KT vấn đáp để hỏi phần tri thức tiếng Việt | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  (?) Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, em hãy nhắc lại các kiến thức đã học về từ Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ.  (?) Phân biệt sự khác nhau giữa thành ngữ và tục ngữ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK, dựa vào PHT số 1 đã chuẩn bị ở nhà để chuẩn bị nội dung trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Gọi đại diện HS trả lời  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi  - Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Chốt kiến thức và chuyển sang phần thực hành bài tập. | **- Từ Hán Việt:**  là từ mượn tiếng Hán  **- Thành ngữ:**  + Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.  + Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một số phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh...  **- Tục ngữ:** là những câu nói dân gian ngắn gọn, hàm súc, thường có vần điệu, có hình ảnh, nhằm đúc kết kinh nghiệm về thế giới tự nhiên và đời sống con người. |

|  |  |
| --- | --- |
| **THỰC HÀNH** | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  - Hiểu nghĩa và tác dụng của thành ngữ, tục ngữ, các yếu tố Hán Việt trong văn bản.  - Vận dụng được trong luyện tập viết và nói.  **Nội dung:** GV sử dụng các hình thức cá nhân và nhóm để hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ/bài tập | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chia lớp thành 6 nhóm nhỏ, giao nhiệm vụ cho các nhóm  + Nhóm 1,2,3: làm bài tập 1  + Nhóm 4,5,6: làm bài tập 2  - Mời đại diện nhóm đọc đề bài 1,2.  - GV phát bảng phụ, bút dạ cho các nhóm  - Thời gian thực hiện: 7 phút  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS chia nhóm, thực hiện nhiệm vụ  - GV hướng dẫn HS (nếu gặp khó khăn)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện mỗi bài 1 nhóm lên trình bày  - Các nhóm còn lại căn cứ vào bài làm của mình để nhận xét bài của bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá kết quả chung và ý thức làm bài của HS  - GV hỏi thêm HS:  (?) Quan sát các từ Hán Việt trong bài tập 1 và thành ngữ tìm được trong bài tập 2, em hãy cho cô biết nghĩa của các từ ghép Hán Việt trên được hình thành bằng cách nào?  + Nghĩa của các từ ghép Hán Việt được hiểu theo cách tổng hợp nghĩa của các yếu tố cấu tạo nên nó.  - GV tổng hợp kiến thức: Đúng rồi các em ạ, như vậy ta có thể thấy cách hiểu nghĩa của từ ghép Hán Việt khá giống với từ ghép thuần Việt của chúng ta. Ta có thể tìm nghĩa của các yếu tố cấu tạo nên từ ghép Hán Việt để hiểu được nghĩa chung của cả từ ghép Hán Việt đó. | Bài tập 1:  - Các từ ghép Hán Việt là: trung thần nghĩa sĩ, lưu danh sử sách, binh thư yếu lược.  - Nghĩa của các từ ghép Hán Việt và nghĩa của các thành tố:   |  |  | | --- | --- | | Nghĩa của mỗi yếu tố | Nghĩa của từ ghép Hán Việt | | trung: trung thành (trước sau 1 lòng 1 dạ không thay đổi) | Những người trung với vua, sẵn sàng làm việc nghĩa | | thần: bề tôi của vua | | nghĩa: điều tốt đẹp, lẽ phải | | Sĩ: người | | Lưu: giữ lại, để lại | Giữ lại tiếng tốt, tên tuổi về sau trong sách sử | | Danh: tên tuổi | | Sử: quá trình phát triển đã qua của một đất nước | | Sách: xấp giấy có in chữ đóng thành tập | | Binh: quân lính, việc quân sự | Cuốn sách tập hợp những nội dung khái quát, quan trọng về quân sự | | Thư: sách | | Yếu: quan trọng, cần thiết | | Lược: khái quát, vắn tắt | |
| Bài tập 2: Các thành ngữ là:  a) Êm ấm gối chăn: cuộc sống ấm êm, không thiếu thốn vật chất.  Bách niên giai lão: cùng sống với nhau đến trăm tuổi.  b) danh chính ngôn thuận: danh nghĩa chính đáng thì lời nói dễ được người khác nghe theo.  c) Chiêu binh mãi mã: Chuẩn bị, rèn luyện lực lượng quân sự để sẵn sàng chiến đấu.  d) trung quân ái quốc: trung với vua là yêu nước. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  (?) Em hãy nhắc lại kiến thức: muốn tìm nghĩa của thành ngữ chúng ta cần làm thế nào?  + Ta cần hiểu theo nghĩa bóng của cả tổ hợp từ trong thành ngữ, không được tách riêng nghĩa các từ trong thành ngữ và không hiểu theo nghĩa đen.  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân ra vở  - Thời gian thực hiện: 3 phút  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - GV hướng dẫn HS (nếu gặp khó khăn)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện 1 HS lên trình bày  - Các HS còn lại căn cứ vào bài làm của mình để nhận xét bài của bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá kết quả chung và ý thức làm bài của HS  - GV đánh giá, cho điểm HS | Bài 3: Nối:  5-a  4-b  2-c  3-d  1-e |

**HOẠT ĐỘNG 3: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào bài tập viết đoạn và trình bày trước lớp

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân viết đoạn theo yêu cầu

c) Sản phẩm: Đoạn văn đảm bảo yêu cầu của đề bài

d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV yêu cầu HS làm bài 4/SGK: viết đoạn văn 5-7 dòng nêu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn, trong đó có sử dụng ít nhất 2 từ Hán Việt, giải nghĩa từ Hán Việt đã sử dụng.

- GV yêu cầu HS phân tích đề trước khi làm bài:

+ Yêu cầu về hình thức: đoạn văn 5-7 dòng

+ Yêu cầu về nội dung: nêu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn, trong đó có sử dụng ít nhất 2 từ Hán Việt, giải nghĩa từ Hán Việt đã sử dụng.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

- GV giúp đỡ, hướng dẫn HS (nếu gặp khó khăn)

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV mời đại diện 1 HS lên trình bày

- Các HS còn lại căn cứ vào bài làm của mình để nhận xét bài của bạn

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV đánh giá kết quả chung và ý thức làm bài của HS

- GV đánh giá, cho điểm HS

**BÀI 5**

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**CHIẾU DỜI ĐÔ**

***( Lý Công Uẩn)***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Những nét tiêu biểu về tác giả Lý Công Uẩn

- Những nét chung về văn bản “Chiếu dời đô”.

***+*** Hiểu biết bước đầu về thể Chiếu.

***+*** Thấy được khát vọng xây dựng quốc gia cường thịnh, phát triển của Lí Công Uẩn cũng như của dân tộc ta ở một thời kì lịch sử.

**2. Năng lực**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.

**+** Đọc - hiểu một văn bản viết theo thể Chiếu.

**+** Nhận ra, thấy được đặc điểm của kiểu nghị luận trung đại ở một văn bản cụ thể.

**3. Phẩm chất:** Tiết học góp phần bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm: có trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát triển thủ đô ngàn năm văn hiến.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu…

- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc nghe và cảm nhận giai điệu, nội dung của bài hát: “ Hà Nội linh thiêng, hào hoa” của nhạc sĩ Lê Mây

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

**HS** nghe, cảm nhận giai điệu, nội dung của bài hát“ Hà Nội linh thiêng, hào hoa” của nhạc sĩ Lê Mây , suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

**c. Sản phẩm:**

**-** HS nêu được cảm nhận về giai điệu vừa hào hùng vừa thâm trầm mang âm hưởng ca trù, thể hiện sức sống trường tồn, niềm tự hào về Thăng Long – Hà Nội xưa và nay – mảnh đất ngàn năm văn hiến linh thiêng, hào hoa, anh dũng.

**-** Học sinh nêu hiểu biết về Kinh thành Thăng Long – Hà Nội

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV: Trước khi vào nội dung của tiết học này, cô mời các em nghe bài hát: “ Hà Nội linh thiêng, hào hoa” của nhạc sĩ Lê Mây.Các em chú ý lắng nghe, cảm nhận giai điệu, nội dung của bài hát và trả lời câu hỏi.

1. Nêu cảm nhận của em về giai điệu, nội dung của bài hát?

2. Dựa vào kiến thức lịch sử đã học và hiểu biết của bản thân em hãy nêu những hiểu biết của em về Kinh thành Thăng Long - Hà Nội.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**GV** bật video bài hát

**HS:**

**-** Nhận nhiệm vụ.

- Quan sát, lắng nghe bài hát và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

- Sau khi trả lời xong câu hỏi số 1, HS nghe câu hỏi số 2 và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi 1, 2…

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản:………..

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tác giả** | |
| **Mục tiêu**: Giúp học sinh biết được những thông tin cơ bản về tác giả Lý Công Uẩn  **Nội dung:**  **GV:** Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.  **HS:** Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  **GV** yêu cầu HS mở PHT số 1    (?)Trình bày những thông tin chính về tác giả Lý Công Uẩn?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV gợi ý:** Tra cứu trên Google để hoàn thiện PHT số 1  **HS**: Mở PHT số 1, xem lại thông tin trong PHT số 1.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** Mời HS trình bày sản phẩm (PHT số 1)  **HS:**  - Đại diện trình bày thông tin về Tác giả Lý Công Uẩn  - Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  **GV**:  - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).  **-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | C:\Users\Admin\Desktop\images.jpg  **1. Tiểu sử**  - Lí Công Uẩn (974-1028) tức Lí Thái Tổ.  - Quê quán: Là người châu Cổ Pháp, lộ Bắc Giang (nay là xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).  - Là người thông minh, nhân ái, có chí lớn và lập được nhiều chiến công.  - Dưới thời Lê ông làm chức Tả thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ  - Khi Lê Ngọa mất ông được tôn lên làm vua lấy niên hiệu là Thuận Thiên.  **2. Sự nghiệp**  - Sáng tác của ông chủ yếu là để ban bố mệnh lệnh, thể hiện tư tưởng chính trị lớn lao có ảnh hưởng đến vận nước. |
| ***Chuyển dẫn***: kết nối sang phần 2 | |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Tác phẩm** | |
| **Mục tiêu**:  - HS biết cách đọc văn bản “Chiếu dời đô” của Lý Công Uẩn  - Trình bày những thông tin chính về văn bản “Chiếu dời đô”:  + Hoàn cảnh ra đời  + Thể loại:  + Phương thức biểu đạt  + Các luận điểm  + Bố cục…  **Nội dung:**  **GV:** Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.  **HS:** Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **a. Đọc, tìm hiểu chú thích**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  - GV: Chiếu văn bản Chiếu dời đô.  - Hướng dẫn cách đọc, Cho HS nghe vi deo đọc văn bản: Chiếu dời đô  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  **-** Yêu cầu HS đọc mẫu  - Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc  **HS** đọc mẫu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét cách đọc của HS  - Chốt cách đọc, chuyển dẫn sang phần b. Tìm hiểu chung về văn bản  **b. Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Yêu cầu HS mở PHT số 2  - Chia nhóm cặp đôi theo bàn  - Nhiệm vụ:  + Hoán đổi PHT cho nhau  + 1 phút HĐ cá nhân: xem lại PHT đã chuẩn bị  + 2 phút tiếp theo: trao đổi, chia sẻ để thống nhất nội dung trong PHT số 2    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV gợi ý:** Bằng sự chuẩn bị PHT ở nhà, em hãy đọc PHT của bạn xem có nội dung nào cần trao đổi hay không.  **HS**: Đọc PHT số 2 của bạn và đánh dấu nội dung khác biệt để trao đổi.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** Chỉ định một số cặp đôi trình bày sản phẩm (PHT số 2)  **HS:**  - Đại diện cặp đôi trình bày từng nội dung trong PHT số 2.  - Những cặp đôi còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm cặp đôi của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  **GV**:  - Nhận xét từng nội dung của bạn, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).  **-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | **a. Đọc và tìm hiểu chú thích**  - ***Đọc***  - ***Chú thích (SGK)***  **b. Tìm hiểu chung về vb**  **- Hoàn cảnh sáng tác**  – Năm 1010, Lí Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Đại La, đổi tên Đại Việt thành Đại Cồ Việt. Nhân dịp này ông đã viết bài chiếu để thông báo rộng rãi quyết định cho nhân dân được biết  - *Thể loại*: Chiếu  - *Phương thức biểu đạt*: Nghị luận  *- Các luận điểm:*  *+ LĐ1:* Lí do dời đô.  *+ LĐ2:*Thành Đại La xứng đáng là kinh đô bậc nhất.  - *Bố cục*: 3 phần  – Phần 1: Từ “Xưa nhà Thương” đến “không thể không dời đổi”: Đưa ra những lí do, cơ sở của việc dời đô.  – Phần 2: “Huống gì” đến “muôn đời”: Những lí do chọn Đại La làm kinh đô  – Phần 3: Còn lại: Thông báo quyết định dời đô |
| ***Chuyển dẫn***: …. | |

**II. TÌM HIỂU CHI TIẾT.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Lí do dời đô** | | |
| **Mục tiêu**:  - HS tìm, phát hiện và nêu được lí lẽ, dẫn chứng để làm sáng tỏ lí do dời đô.  - Nhận xét cách lập luận của tác giả  **Nội dung**:  **GV** sử dụng kĩ thuật vấn đáp, kĩ thuật khăn phủ bàn để hướng dẫn HS tìm hiểu về Lí do dời đô  **HS** suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| **a. Hoàn cảnh sống**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  ***HĐ cá nhân***  ***+ GV Yêu cầu HS đọc phần 1***  ***HĐ nhóm***  - GV chia nhóm lớp  - Yêu cầu mở PHT và hoàn thành PHT bằng cách trả lời câu hỏi sau:  (?) Theo dõi phần 1 của bài chiếu cho biết lí do dời đô mà Lý Công Uẩn đưa ra là gì?  (?) Tìm những lí lẽ, dẫn chứng mà tác giả đưa ra để làm sáng tỏ lí do cần dời đô?  ? Nhận xét về cách lập luận và lời văn của tác giả khi đưa ra lí do dời đô.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)**  **GV** hướng dẫn HS đọc đoạn văn số 1 và tìm chi tiết.  **HS** đọc SGK, tìm chi tiết  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  ***HĐ cá nhân***:  **GV:**  **-** Gọi HS trả lời câu hỏi  - Gọi HS nhận xét câu trả lời của bạn  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi  - HS còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  ***HĐ nhóm***  **GV:**  **-** Yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm  - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).  **HS**:  **-** Nhóm đại diện trình bày sản phẩm học tập  - Các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời/sản phẩm học tập và nhận xét của cá nhân/nhóm HS.  - GV chiếu 1 số hình ảnh về Hoa Lư=> Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | |  |  | | --- | --- | | **1.1 Trong lịch sử** | **1.2. Thực tế nước ta** | | - Nhà Thương : năm lần dời đô.  - Nhà Chu : ba lần dời đô.  - Lí do dời đô: Mưu toan việc lớn,  tính kế muôn đời cho con cháu.  Kết quả: Vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh. | - Hai nhà Đinh Lê theo ý riêng mình, khinh thường mệnh trời.  - Kết quả: Triều đại không lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ hao tốn . . . | | ***Dẫn chứng cụ thể, lập luận chặt chẽ*** | Lý lẽ + cảm xúc  Tăng sức thuyết phục | | * ***Khẳng định việc dời đô khỏi Hoa Lư là cần thiết.*** | | | |
| **2.** Thành Đại La xứng đáng là kinh đô bậc nhất | | |
| **Mục tiêu**:  - HS tìm, phát hiện luận cứ, lí lẽ, dẫn chứng để thuyết phục người đọc về lí do chọn thành Đại La là kinh đô mới.  - Nhận xét được nghệ thuật lập luận của tác giả  **Nội dung**:  **GV** sử dụng kĩ thuật vấn đáp, kĩ thuật khăn phủ bàn để hướng dẫn HS tìm hiểu luận điểm 2: Thành Đại La xứng đáng là kinh đô bậc nhất?  **HS** suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - **GV** chiếu đoạn văn, yêu cầu HS quan sát “ Huống chi….nghĩ thế nào?”, Yêu cầu HS đọc đoạn văn bản  **H2:** Hãyxác địnhnội dung chính của đoạn văn?  **THẢO LUẬN NHÓM hoàn thành PHT**  ? Để thuyết phục triểu đình về việc chọn thành Đại La là kinh đô mới, Lý Công Uẩn đã nêu lên những lí lẽ và bằng chứng như thế nào?  (Dự kiến khó khăn: Nếu HS gặp khókhăn, GV gợi dẫn bằng các câu hỏi nhỏ:  *( Thành Đại La có lợi thế gì để được chọn làm kinh đô mới?:* về lịch sử, về vị thế địa lí  vị thế chính trị văn hóa.  ? Khi tiªn ®o¸n §¹i La sÏ lµ "Chèn tô héi träng yÕu cña bèn ph­¬ng ®Êt n­íc , còng lµ n¬i kinh ®« bËc nhÊt cña ®Õ v­¬ng mu«n ®êi" , t¸c gi¶ ®· béc lé kh¸t väng nµo cña nhµ vua còng nh­ cña d©n téc ta lóc bÊy giê?  ? Ở luËn ®iÓm nµy ®Ó ®¹t ®­îc môc ®Ých t¸c gi¶ ®· chän h×nh thøc diÔn ®¹t nh­ thÕ nµo ?    **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS:  + Đọc, rả lời cá nhân câu hỏi xác định nội dung chính của đoạn văn bản  + Hoạt động cá nhân 5 phút, hoàn thành PHT  + Thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến, hoàn thành sản phẩm nhóm 5 phút.  + Cử đại diện chuẩn bị báo cáo sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả và bổ sung cho nhau.  - Giáo viên điều hành quá trình thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - Học sinh tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  GV chiếu lược đồ, yêu cầu HS lên xác định vị trí của thành Đại La.  GV Chốt kiến thức, bình: Các em ạ, trong Đại Việt sử kí toàn thư sử gia Ngô Thì Sĩ có viết: “ ***Núi là vạt áo che, sông là dải đai thắt, sau lưng là sông nước, trước mặt là biển, địa thế hùng mạnh mà hiếm, rộng mà dài, có thể là nơi vua ở hùng tráng, ngôi báu vững bền, hình thể Đại Việt không nơi nào hơn được nơi này”. Như vậy nhìn vào bản đồ chúng ta thấy lời nhận xét của Ngô Thì Sĩ về thành Đại La xưa và Thăng Long Hà nội ngày nay là hoàn toàn chính xác***  **NV2**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **?** Tại sao kết thúc bài: “ Chiếu dời đô”, Lí Thái Tổ lại không ra mệnh lệnh mà lại đặt câu hỏi: “Các khanh nghĩ thế nào?” Cách kết thúc như vậy có ý nghĩa gì?  ? QuyÕt ®Þnh dêi ®« vÒ vïng ®Êt lîi thÕ trªn cho em hiÓu thªm g× vÒ nhµ vua Lý C«ng UÈn?  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS trao đổi cặp đôi, hoàn thành câu trả lời  GV hỗ trợ nếu cần.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  HS đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, HS cặp khác nhận xét, bổ sung nếu cần.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - Giáo viên đánh giá, kết luận, bình đan xen trong quá trình chốt các ý: chuyển dẫn sang nhiệm vụ mới.  **GV bình**:kết thúc bài: “ Chiếu dời đô”, Lí Thái Tổ lại không ra mệnh lệnh mà lại đặt câu hỏi: “Các khanh nghĩ thế nào *? điều đó chứng tỏ Lí Công Uẩn là vị vua thấu tình đạt lí trên thì vâng mệnh trời, dưới thì thuận theo ý dân . Đó là tư tưởng dân chủ lấy dân làm gốc rất tiến bộ của ông.Tư tưởng đó chúng ta còn bắt gặp trong các triều đại phong kiến Việt Nam. Trong Bình Ngô Đại Cáo Nguyễn Trãi đã từng viết( Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân) và tư tưởng tiến bộ ấy một lần nữa được Bác khẳng định: trọng dân, dân là chủ, dân làm chủ.*  GV chiếu video LCU  **GV** bình: *Tương truyền rằng khi rời đô về Đại La, thuyền rồng nhà vua vừa cập bến sông Nhị Hà chân thành Đại La có một con rồng vàng uốn mình mạnh lên, nhà vua cho đó là điềm lành, đổi tên thành Đại La là Thăng Long (Rồng bay lên). Điềm báo đấy đã khẳng định việc dời đô của Lí Thái Tổ là dựa trên yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Quyết định dời đô về thành Đại La là quyết định đúng đắn. Đã mở ra một thời kì hưng thịnh cho đất nước. Triều đại nhà Lý có đóng góp hết sức lớn lao cho tiến trình lịch sử dân tộc và để lại công trình kiến trúc tiêu biểu ngày hôm nay: chùa Một Cột, Văn Miếu….* | | **a. Lợi thế của thành Đại La**     * Kh¸t väng thèng nhÊt ®Êt n­íc .   Hi väng vÒ sù bÒn v÷ng cña quèc gia, kh¸t väng vÒ mét ®Êt n­íc v÷ng m¹nh , hïng c­êng .  \* Nghệ thuật:  **-** Lí lẽ xác đáng; dẫn chứng cụ thể, hợp lí.  -> Lập luận chặt chẽ  - Câu văn biền ngẫu cân đối nhịp nhàng, biện pháp liệt kê, so sánh.  **b. Quyết định chọn thành Đại La làm kinh đô.**  Kết thúc mang tính chất đối thoại , trao đổi, tạo sự đồng cảm giữa mệnh lệnh của vua với thần dân.  🡪 Lý Công Uẩn là vị vua cã tÇm nh×n chiÕn l­îc , quyÕt ®Þnh s¸ng suèt, biÕt nh×n xa tr«ng réng, cã ý chÝ hoµi b·o lín lao , cã ý thøc tr¸ch nhiÖm tr­íc vËn mÖnh quèc gia |
| **NV 3**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nhắc lại những thành công về nghệ thuật của văn bản?  ? Khái quát nội dung chính của văn bản?  ? Văn bản gợi cho em suy nghĩ và tình cảm gì?  Em rút ra bài học gì về cách viết văn nghị luận cho bản thân sau khi học văn bản?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ.  GV theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, HS cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của cả lớp | | **III. TỔNG KẾT:**  **1. NghÖ thuËt.**  +Sö dông c©u v¨n biÒn ngÉu  + KÕt hîp hµi hoµ yÕu tè nghÞ luËn vµ biÓu c¶m.  + NghÖ thuËt gi·n c©u vµ nhÞp ®iÖu linh ho¹t .  + LËp luËn giµu søc thuyÕt phôc , kÕt cÊu chÆt chÏ.  ***2. Nội dung***  - Phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất, đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập GV đưa ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Bài 1:  *Bài tập trắc nghiệm:* Câu hỏi: Chọn đáp án đúng trong câu sau :**

**Câu 1.** Theo em “Chiếu dời đô” thuyết phục người đọc bởi những yếu tố nghệ thuật nào?

A. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu

B. Sử dụng lối văn biền ngẫu giàu hình ảnh

C. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu, sử dụng lối văn biền ngẫu giàu hình ảnh, thuyết minh cụ thể, khoa học, kết hợp hài hoà giữa lí và tình.

D. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu, sử dụng lối văn biền ngẫu giàu hình ảnh , kết hợp hài hoà giữa lí và tình.

**Câu 2.** Ý nào nói đúng nhất nội dung khái quát của bài chiếu?

A. Phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất, đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh.

B. Nêu lên lí dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La.

C. Khẳng định thành Đại La là kinh đô của đất nước.

D. Thể hiện công lao và tài năng của Lí Công Uẩn.

**Bài 2: Có ý kiến cho rằng : “Chiếu dời đô” ra đời phản ánh ý chí độc lập tự cường và sự phát triển lớn mạnh của dân tộc Đại Việt. Em có đồng ý không? Vì sao?**

**Dự kiến sản phẩm:**

**Bài 1: Câu 1: D; Câu 2: A**

**Bài 2:** - Em đồng ý với ý kiến trên . Vì dêi ®« tõ vïng nói Hoa L­ ra vïng ®ång b»ng ®Êt réng chøng tá triÒu ®×nh nhµ LÝ ®ñ m¹nh chÊm døt n¹n phong kiÕn c¸t cø, thÕ vµ lùc cña d©n téc ViÖt ®ñ søc s¸nh ngang hµng ph­¬ng B¾c. §Þnh ®« ë Th¨ng Long lµ thùc hiÖn nguyÖn väng cña nh©n d©n thu giang s¬n vÒ mét mèi, nguyÖn väng x©y dùng đất n­íc ®éc lËp tù c­êng.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ:**

HS quan sát một số hình ảnh về Hà Nội xưa và nay

Em hãy đóng vai là một hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về mảnh đất Thăng Long- Hà Nội với bạn bè trong lớp và quốc tế?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà

**\* Báo cáo, thảo luận:** GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp

**\* Kết luận, nhận định:**

GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ.

**Bước 4. Hướng dẫn làm bài về nhà (2 phút)**

1. Hướng dẫn học bài

- Nắm được nội dung văn bản

- Hoàn thành bài tập phần vận dụng

2. Chuẩn bị bài mới: Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?

**TIẾT…: THỰC HÀNH ĐỌC: CHIẾU DỜI ĐÔ**

**(Lý Công Uẩn)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được các đặc điểm của thể chiếu

- HS chỉ ra và phân tích được hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được tác giả dùng để thuyết phục người đọc việc dời đo từ Hoa Lư về Đại La

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

**3. Phẩm chất:**

- Yêu nước, tự hào dân tộc

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Chiếu dời đô*

**b. Nội dung:** GV cho học sinh xem video giới thiệu về nhà Lý

**c. Sản phẩm:** HS quan sát video

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu video: https://youtu.be/Vt3MKmcPVpY

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát video

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- HS theo dõi video, nêu cảm nhận.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm học tập:** Bài đọc của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm  -Hoàn thành phiếu bài tập về tác phẩm   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Tìm hiểu chung về văn bản “Chiếu dời đô” – Lý Công Uẩn** | | | 1. Cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản. |  | | 2. Văn bản được viết theo thể loại nào? |  | | 3. Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì? |  | | 4. Đối tượng thuyết phục của văn bản là ai? |  | | 5. Xác định bố cục và nội dung từng phần của văn bản. |  |     **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS theo dõi văn bản  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV đưa thông tin về tác giả tác phẩm lên bảng  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1.Tác giả**  **-** Lí Công Uẩn (974-1028), tức Lí Thái Tổ, người châu Cổ Pháp, Bắc Giang (Từ Sơn, Bắc Ninh).  **-**Là người thông minh, có chí lớn, lập được nhiều chiến công.  - Phong cách sáng tác: chủ yếu là để ban bố mệnh lệnh, thể hiện tư tưởng chính trị lớn lao, có ảnh hưởng đến vận nước.  **2. Tác phẩm**  a, Hoàn cảnh sáng tác:  - Năm 1010, Lí Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Đại La. Nhân dịp này ông đã viết bài chiếu để thông báo rộng rãi cho nhân dân biết.  b, Thể loại: Chiếu – là một thể văn cổ chức năng, thường dùng bởi các bậc vua chúa trong việc ban bố, cáo lệnh xuống cho người dân. Ở đây, Lí Công uẩn đã sử dụng thể văn này để thể hiện sự tôn trọng của mình đến với người dân, trước khi quyết định một vấn đề liên quan đến vận mệnh của quốc gia, của dân tộc.  c, Bố cục : 3 phần  - Phần 1: Từ đầu → “không thể không dời đổi”: Lí do dời đô.  - Phần 2: Tiếp theo → “đế vương muôn đời”: Lí do chọn Đại La làm kinh đô.  - Phần 3: Còn lại: Quyết định dời đô. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

1. **Mục tiêu:** HS chỉ ra và phân tích được hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được tác giả dùng để thuyết phục người đọc việc dời đo từ Hoa Lư về Đại La

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bàihọc

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi sau:  + Tìm những lí lẽ, bằng chứng Lý Công Uẩn đưa ra để thuyết phục quan lại, nhân dân dời đô  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm bàn trả lời các câu hỏi sau:  *1. Em có nhận xét gì về nghệ thuật đặc sắc trong bài chiếu?*  *2. Nhận xét về hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được triển khai trong văn bản.*  *3. Điểm độc đáo của nghệ thuật viết văn nghị luận trung đại được thể hiện như thế nào trong văn bản “Chiếu dời đô”?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 3:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi:  *+ Câu hỏi kết thúc văn bản thể hiện điều gì?*  *+ Văn bản Chiếu dời đô thể hiện sự kết hợp hài hoà giữa lí trí và tình cảm như thế nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ**  **Luận điểm 1. Lí do cần dời đô**  - Dời đô là việc thường xuyên xảy ra trong lịch sử và đem lại lợi ích lâu dài     + Nhà Thương: 5 lần dời đô     + Nhà Chu: 3 lần dời đô  - Mục đích:     + Kinh đô được đặt ở một nơi trung tâm của đất trời, phong thủy và khẳng định vị thế     + Thuận lợi cho sự nghiệp, mưu toan việc lớn     + Là nơi thích hợp để có thế tồn tại đất nước, tính kế muôn đời cho con cháu  - Kết quả:     + Vận mệnh đất nước được lâu dài     + Phong tục, tập quán, lối sống đa dạng, phồn thịnh  - Nhà Đinh- Lê đóng đô một chỗ là hạn chế  - Hậu quả:     + Triều đại không lâu bền, suy yếu không vững mạnh dễ dàng bị suy vong     + Trăm họ hao tổn     + Số phận ngắn ngủi, không tồn tại     + Cuộc sống, vạn vật không thích nghi  ⇒ Dời đô là việc làm chính nghĩa, vì nước vì dân, nghe theo mệnh trời, thể hiện thực lực của nước ta lớn mạnh, ý chí tự cường  **Luận điểm 2: Nguyên nhân chọn Đại La làm kinh đô**  - Các lợi thế của thành Đại La  **+ Về lịch sử**: là kinh đô cũ của Cao Vương  **+ Về địa lí**: Trung tâm trời đất, địa thế rộng mà bằng, đất cao mà thoáng, địa thế đẹp, lợi ích mọi mặt  **+Đời sống dân cư:** Dân cư khỏi chịu cảnh ngập lụt, mọi vật phong phú, tốt tươi, là mảnh đất thịnh vượng  **+Về chính trị:** Chốn hội tụ trọng yếu, kinh đô bậc nhất.  ⇒ Xứng đáng là nơi định đô bền vững, là nơi để phát triển, đưa đất nước phát triển phồn thịnh  ⇒ Luận cứ có tính thuyết phục vì được phân tích trên nhiều mặt ⇒ Chọn Đại La làm kinh đô là một lựa chọn đúng đắn, nên đây xứng đáng là kinh đô bậc nhất của đế vướng muôn năm.  **2. Những đặc sắc trong nghệ thuật nghị luận**  -Đây là áng văn chính luận đặc sắc viết theo lỗi biền ngẫu, các vế đối nhau cân xứng nhịp nhàng  - Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được triển khai chặt chẽ, logic, theo trình tự hợp lí với diễn biến nhận thức và tâm lí con người. Các bằng chứng phong phú, đa dạng, tiêu biểu, thuyết phục, gắn bó mật thiết, làm sáng tỏ cho lí lẽ, luận điểm.  - Đặc trưng độc đáo của văn học trung đại được sử dụng có hiệu quả trong bài chiếu: Kết cấu nhân – quả chặt chẽ; tính sùng cổ (tấm gương trong sử sách); sử dụng ngôn ngữ trang trọng và lối văn biền ngẫu; Từ ngữ trang trọng, uyên bác, giàu tính ước lệ, tượng trưng, có sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố lập luận và cảm xúc của người viết.  **3. Sự kết hợp hài hòa giữa lí trí và tình cảm của tác giả**  - Kết lại bài chiếu nhà vua đã viết "Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?", câu hỏi này vừa có ý nghĩa là một mệnh lệnh, bởi vốn dĩ nhà vua đang ban chiếu dời đô, nhưng đồng thời nó cũng mang tính chất tâm tình khi nhà vua có ý muốn hỏi quần thần về ý định của mình. Điều đó thể hiện tấm lòng đức độ, anh minh của Lý Thái Tổ, dù là bậc cửu ngũ chí tôn nhưng vẫn hết lòng trân trọng ý kiến của quần thần, cũng là của nhân dân, đặt nhân dân lên làm gốc để tiến hành các quyết định. Đồng thời cũng bộc lộ mong muốn của Lý Thái Tổ về một đất nước vua tôi đồng lòng, đạt được sự thống nhất, thuận tình trong nhân dân. Có thể nói rằng cách đặt câu hỏi cuối bài đã làm cho bài chiếu trở nên khách quan, thấu tình đạt lý, giữ vững nguyên tắc trên vâng mệnh trời, dưới thuận ý dân, dễ dàng đi sâu vào lòng người đọc, người nghe.  - Trong Chiếu dời đô, Lí Công Uẩn không dùng nhiều lời mà hướng đến cái lí sắc bén, thuyết phục lòng người. Điểm cốt yếu là ông viện dẫn cái lí lẽ mà ai cũng thấu rõ, kí thác vào đó sức mạnh của niềm tin. Ông rất lí trí và rõ ràng khi chỉ rõ những mặt lợi, mặt hại của Hoa Lư, nhấn mạnh việc cần rời kinh đô đến nơi phù hợp để đất nước phát triển hơn. Cái tài tình của Lý Công Uẩn là ông đã hiểu rõ lòng dân, nắm vững tâm tư nguyện vọng của bách tính. Thế nên, lời nói tuy hết sức ngắn gọn nhưng lại có sức biểu dương lớn, nhanh chóng thu phục lòng người, đưa cuộc vận động nhanh chóng biến thành hành động cụ thể, hiệu quả ngay sau đó. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài và cách đọc hiểu thể loại văn bản nghị luận trung đại.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  “Chiếu dời đô” cho thấy tầm nhìn chiến lược của Lý Công Uẩn về Đại La, nơi sẽ dời đô đến. Một cái nhìn toàn diện, sâu sắc, chính xác về các mặt vị trí địa lí, địa thế, nhân văn... qua đó thể hiện khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất, đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh.  **2. Nghệ thuật**  - Lối viết văn chính luận, biền ngẫu, các vế đối nhau cân xứng nhịp nhàng  - Cách lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc sảo rõ ràng.  - Dẫn chứng tiêu biểu giàu sức thuyết phục.  - Có sự kết hợp hài hòa giữa tình và lí  **3. Kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận xã hội (trung đại)**  - Tìm hiểu bối cảnh lịch sử, thời đại ra đời của tác phẩm, các thông tin về tác giả có liên quan đến bài học. (Trả lời câu hỏi: Viết để làm gì? Đối tượng mà bài nghị luận hướng tới là ai? Người viết có vai trò, ảnh hưởng gì trong xã hội?)  - Tìm hiểu và phân tích được các yếu tố luận đề, luận điểm, lí lẽ, ý kiến đánh giá chủ quan và bằng chứng khách quan được tác giả triển khai trong bài.  - Tìm hiểu biện pháp nghệ thuật đặc sắc được tác giả sử dụng để làm nổi bật các vấn đề được trình bày trong bài nghị luận.  - Chú ý yếu tố biểu cảm được bộc lộ qua ngôn từ, giọng điệu lập luận, thể hiện quan điểm, tình cảm, thái độ của tác giả trước các vấn đề được đưa ra nhằm thuyết phục người đọc, người nghe.  - Liên hệ ý nghĩa của văn bản với bản thân, cuộc sống và thời đại.  \* Chú ý các đặc trưng nghị luận trung đại: viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm; vấn đề nghị luận mang tính quốc gia, chính trị; sử dụng từ ngữ trang trọng, uyên bác, giàu tính ước lệ, tượng trưng; câu văn biền ngẫu; tính sùng cổ; kết hợp hài hòa giữa yếu tố lập luận và cảm xúc của người viết. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Chiếu dời đô*

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Trả lời câu hỏi ***Vì sao nói việc “Chiếu dời đô” ra đời phản ánh ý chí độc lập, tự cường và sự phát triển lớn mạnh của dân tộc Đại Việt?***

**c. Sản phẩm học tập:** HS trình bày câu trả lời

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***Vì sao nói việc “Chiếu dời đô” ra đời phản ánh ý chí độc lập, tự cường và sự phát triển lớn mạnh của dân tộc Đại Việt?***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** | Nói việc “Chiếu dời đô” ra đời phản ánh ý chí độc lập, tự cường và sự phát triển lớn mạnh của dân tộc Đại Việt:  - Triều đình nhà Lí đủ lớn mạnh chấm dứt nạn phong kiến cát cứ  - Dân tộc Đại Việt đủ sức sánh ngang hàng với phương Bắc  - Định đô ở Thăng Long là nguyện vọng của nhân dân xây dựng một đất nước độc lập, tự cường |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành bài trắc nghiệm về văn bản Chiếu dời đô

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

**+ Câu hỏi:** ***Giả sử em là “vua” của nước 8A. Hãy suy nghĩ và viết 1 bài chiếu ngắn để cải thiện tình hình học tập/ kỉ luật của lớp***

***+ Bài tập trắc nghiệm***

**Câu 1:** ý nào nói đúng nhất mục đích của thể chiếu ?

A.Giãi bày tình cảm của người viết.

B. Kêu gọi, cổ vũ mọi người hăng hái chiến đấu tiêu diệt kẻ thù.

C. Miêu tả phong cảnh, kể sự việc.

D. Ban bố mệnh lệnh của nhà vua.

**Chọn đáp án: D**

**Câu 2:** . Lí Công Uẩn viện dẫn sử sách Trung Quốc nói về việc các vua nhà Thương, nhà Chu đã nhiều lần dời đô nhằm chứng tỏ việc dời đô xưa nay không phải là việc làm tuỳ tiện mà luôn gắn liền với yêu cầu xây dựng kinh đô ở nơi trung tâm, tạo nền móng cho sự phát triển lâu dài của đất nước và phù hợp với ‘ý dân’, ‘mệnh trời’. Đúng hay sai ?

A. Đúng      B. Sai

**Chọn đáp án: A**

**Câu 3:** Câu ‘Trẫm rất đâu xót về việc đó, không thể không dời đổi’ là câu phủ định. Đúng hay sai?

A. Đúng      B. Sai

**Chọn đáp án: B**

**Câu 4:** Dòng nào nói đúng nhất ý nghĩa của câu ‘Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi’.

A. Phủ định sự cần thiết của việc dời đô.

B. Phủ định sự đau xót của nhà vua trước việc phải dời đô.

C. Khẳng định sự cần thiết phải dời đổi kinh đô.

D. Khẳng định lòng yêu nước của nhà vua.

**Chọn đáp án: C**

**Câu 5:** Những lợi thế của thành Đại La là gì?

A. Ở vào nơi trung tâm của trời đất, được cái thế rồng cuộn, hổ ngồi.

B. Đúng ngôi nam bắc đông tây, lại tiện hướng nhìn sông, dựa núi.

C. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà lại thoáng.

D. cả A, B và C.

**Chọn đáp án: D**

**Câu 6:** Chiếu dời đô được viết theo phương thức biểu đạt chính nào ?

A. Tự sự     C. Thuyết minh

B. Biểu cảm      D. Nghị luận

**Chọn đáp án: D**

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện chia sẻ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn bài *tiếp theo*

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Phiếu học tập:

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**\* Phiếu học tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Tìm hiểu chung về văn bản “Chiếu dời đô” – Lý Công Uẩn** | |
| 1. Cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản. |  |
| 2. Văn bản được viết theo thể loại nào? |  |
| 3. Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì? |  |
| 4. Đối tượng thuyết phục của văn bản là ai? |  |
| 5. Xác định bố cục và nội dung từng phần của văn bản. |  |

**TIẾT…: VĂN BẢN 4-*NƯỚC VIỆT NAM TA NHỎ HAY KHÔNG NHỎ?***

(Dương Trung Quốc)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

* Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
* Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.
* Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*

- Năng lực nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

**3. Phẩm chất:**

- Tự hào, biết ơn những người anh hùng dân tộc

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*

**b. Nội dung:** HS thể hiện hiểu biết về lịch sử dân tộc

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi phát vấn: Hãy kể tên một số vị tướng nổi tiếng trong lịch sử nước ta. Theo em, điều gì khiến quân giặc ngoại xâm đem quân xâm lược nước ra đều phải chịu thất bại?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chia sẻ cảm nghĩ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1.Tác giả**  + Dương Trung Quốc (2/6/1947) là nhà nghiên cứu lịch sử và chính trị gia người Việt Nam. Ông từng là đại biểu Quốc hội Việt Nam, là một trong 21 người ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam trúng cử).  + Năm 2016, ông là ứng cử viên đại biểu Quốc hội do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu ứng cử.  + Ông nổi tiếng vì những phát biểu thẳng thắn của mình trong các kỳ họp quốc hội. Ông có bằng cử nhân chuyên ngành lịch sử, là Tổng thư ký Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Tổng Biên tập tạp chí Xưa & Nay và chủ tịch Hiệp hội Câu lạc bộ UNESCO Hà Nội.  + Ông còn là đại biểu Quốc hội thâm niên của Việt Nam qua bốn khóa XI, XII, XIII, XIV thuộc đoàn đại biểu tỉnh Đồng Nai.     + Tác phẩm nổi bật: *Lịch sử Đoàn Thanh Niên Cộng sản Hồ Chí Minh Và Phong Trào Thanh Niên Việt Nam*, nhà xuất bản Thanh Niên, 4-2001; *Việt Nam Những Sự Kiện Lịch sử (1919 - 1945)*, nhà xuất bản Giáo dục, 02-2005.  **2. Tác phẩm**  **a, Hoàn cảnh sáng tác:**  Diễn đàn “Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?” được báo Thanh Niên mở ra từ ngày 27-3 đến 30-6-2006, bắt đầu từ bài báo của nhà nghiên cứu lịch sử Dương Trung Quốc. Diễn đàn đã thu hút hàng vạn lượt ý kiến của bạn đọc trong và ngoài nước, thể hiện tâm huyết của mọi tầng lớp người Việt Nam mong muốn đất nước thoát khỏi tình trạng tụt hậu, kém phát triển với tâm lí nước nhỏ để trở thành một quốc gia hùng mạnh.  **b, Thể loại**: văn nghị luận  **c, Nội dung chính:**Văn bản bàn về vấn đề “Việt Nam là nước nhỏ hay không nhỏ?”, qua đó giúp cho mỗi công dân Việt Nam có cái nhìn toàn diện, khách quan, chân thực nhất về vấn đề này trong xã hội ngày nay. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

1. **Mục tiêu:**

* Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
* Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết
* Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Khăn trải bàn**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi:  *+ Vì sao tác giả nhắc tới Đại cáo bình Ngô? Tác giả đã nêu tên Vị Đại tướng đó là ai và ông nhắc nhở chuyện gì?*  *+ Tác giả nêu những câu chuyện lịch sử này nhằm mục đích gì?*  *+ Phần (1) và (2) của bài viết nhắc lại lịch sử nhằm mục đích gì? Đâu là điều đã tạo nên sức mạnh dân tộc trong những giai đoạn lịch sử quan trọng? Tác giả bài viết đặt ra vấn đề gì trong phần (3)?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 3:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo Phương pháp Khăn trải bàn , trả lời câu hỏi:  *+ Vấn đề tác giả đặt ra trong bài viết có ý nghĩa như thế nào đối với thế hệ trẻ hiện nay? Theo em, làm thế nào để có thể thoát khỏi tâm lí và cách hành xử tự ti của “một nước nhỏ”?*  *+Câu hỏi tổng kết: Nêu nội dung bao quát của văn bản*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo nhóm 4, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II/ Tìm hiểu chi tiết**  **1.Nhan đề và hệ thống luận điểm**  - Nhan đề đặt ra một câu hỏi với người đọc về việc đánh giá đất nước Việt Nam ta.  - Luận đề: Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?  - Luận điểm:  + Luận điểm 1: Sự tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam.  + Luận điểm 2: Bằng chứng chứng minh cho sức mạnh của đất nước Việt Nam khi trải qua các cuộc chiến tranh suốt hơn bốn thập kỉ qua.  + Luận điểm 3: Chỉ ra nguyên nhân dẫn đến nguy cơ thụt lùi của đất nước.  + Luận điểm 4: Tâm thế lớn, cách nhìn nhận về đất nước.  ***2. Lí lẽ, bằng chứng khách quan và ý kiến chủ quan.***  - Tác giả nhắc tới Đại cáo bình Ngô vì ông muốn sử dụng tác phẩm này dẫn dắt vào nội dung bài viết.  - Vị Đại tướng đó là Võ Nguyên Giáp.  - Ông nhắc nhở: “Có một thế hệ hằng ngày nhìn vết đạn của ngoại xâm trên thành Cửa Bắc để nuôi chí rửa sạch nỗi nhục mất nước”.  =>Tác giả nêu những câu chuyện lịch sử này nhằm mục đích khẳng định đất nước Việt Nam ta là một quốc gia đáng tự hào từ lâu đời.  **- Phần (1) và (2)** của bài viết nhắc lại lịch sử nhằm mục đích giúp người đọc hiểu rõ về thời kì, con người đó đã đấu tranh, hi sinh để đánh đổi được một đất nước như ngày hôm nay, tự hào về lịch sử hào hùng đó.  - Điều đã tạo nên sức mạnh của một dân tộc trong những giai đoạn lịch sử quan trọng đó chính là niềm tự hào, tự tôn dân tộc.  Tác giả nhắc tới những câu chuyện lịch sử này nhằm mục đích đưa ra dẫn chứng khẳng định nước Việt Nam ta là một quốc gia đáng tự hào từ rất lâu về trước. Chúng ta là một dân tộc hào hùng, có độc lập, chủ quyền, có lịch sử, truyền thống, văn hóa... người Việt Nam ta giàu lòng yêu nước.  **- Vấn đề trong phần (3):** Nhưng điều gì khiến cho công cuộc 20 năm Đổi mới được biểu dương như những thành tự to lớn với những chiến công của lịch sử giữ nước, cuối cùng vẫn không giúp nước ta tránh được nguy cơ tụt hậu?  - Theo tác giả bài nghị luận, những nguyên nhân dẫn đến sự tụt hậu của đất nước trong thời kì: Chiến tranh tàn phá của cải vật chất, để lại những tổn thất nặng nề và cách suy nghĩ và hành xử cửa con người.  - Ý kiến chủ quan của người viết: “Cách hành xử và tâm thế của chúng ta dường như luôn mặc cảm Việt Nam giờ đây là nước nhỏ. Không ít những phát biểu của các quan chức luôn khiến ta nghĩ rằng Tổ quốc của mình giống như những địa phương mong được xếp vào diện nghèo hay vùng sâu, vùng xa của thế giới để được hưởng những ưu tiên, trợ giúp, mà không thấy nỗi hèn nhục của một nước nghèo và tụt hậu.”  - Các lí lẽ, bằng chứng khách quan:  + Bây giờ, nếu mỗi ngày, cùng ....chúng ta mới chiến thắng nghèo hèn để vươn lên cho xứng đáng với dân tộc của mình,....nếu chỉ bỏ mình bỏ mình trong những ước muốn chật hẹp thì mục tiêu thoát khỏi nguy cơ tụt hậu là vô vọng. Còn như.....hành xử.  + Lời nhắc nhở của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, hai nhà doanh nghiệp  **3. Kết nối**  - Vấn đề tác giả đặt ra trong bài viết có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với thế hệ trẻ hiện nay, tác động đến nhận thức và hành động trong việc giúp đất nước phát triển đi lên.  - Theo em, để có thể thoát khỏi tâm lí và cách hành xử tự ti của “một nước nhỏ”, chúng ta cần nhìn vào lịch sử, học hỏi cha ông ta, cố gắng học tập, tu dưỡng đạo đức, để trong tương lai, ngày gần nhất ta sớm trở thành những công dân có ích cho xã hội, phát triển đất nước giàu mạnh hơn.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, phong phú, giàu sức thuyết phục.  - Lí lẽ thống nhất với dẫn chứng và được diễn đạt dưới hình ảnh so sánh sinh động, dễ hiểu.  - Bố cục chặt chẽ, lập luận mạch lạc.  - Giọng văn tha thiết, giàu cảm xúc.  **2. Nội dung**  "Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?" là một bài văn nghị luận xã hội. Văn bản làm nổi bật lên tinh thần yêu nước, truyền thống, lịch sử chiến đấu bảo vệ độc lập, hòa bình của dân tộc ta. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?*

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Viết kết nối với đọc

**c. Sản phẩm học tập:** bài viết của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) trình bày quan điểm của em về vấn đề “Việt Nam là nước nhỏ hay không nhỏ”?**

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện viết đoạn văn

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?* liên hệ trách nhiệm của bản thân đối với đất nước

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học tổ chức hoạt động “HỌC SINH NÓI” với nội dung: Từ văn bản *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?* em hãy nêu những việc làm thể hiện tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc ngày nay

**c. Sản phẩm học tập:** Chia sẻ của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

***Em hãy nêu những việc làm thể hiện tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc ngày nay***

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện chia sẻ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các nội dung chính của văn bản

+ Soạn bài *tiếp theo*

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Phiếu học tập:

A screen shot of a green and white paper

Description automatically generatedA screenshot of a computer screen

Description automatically generated

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**Đoạn văn tham khảo:**

“Việt Nam là nước nhỏ hay không nhỏ”? là một trong những vấn đề đáng được quan tâm trong xã hội ngày nay. Với những lịch sử hào hùng, đầy tự hào từ thuở cha ông khai sinh lập địa tới nay, mỗi chúng ta đều có thể ngẩng cao đầu với các nước khác khi giới thiệu, khẳng định về đất nước nghìn năm văn hiến của chúng ta. Mặc dù vậy, nước ta có nguy cơ tụt hậu vì chiến tranh và tâm thế nhỏ của một số người mặc cảm về đất nước nhưng đừng vì những điều nhỏ bé đó mà làm đánh mất đi sự vẻ vang, tự hào khi nói về Việt Nam. Hãy nhìn vào những mặt tích cực, những điều tốt đẹp mà cha ông dành cho chúng ta, những điều mà biết bao thế hệ phải đánh đổi bằng xương máu của mình để lại cho con cháu bây giờ. Để rồi từ đó, mỗi chúng ta hãy cần phải biết phát huy, bảo vệ những điều vốn có để giúp đất nước ngày một phát triển hơn.

**BÀI 5: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

**VIẾT:** **NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG**

**Thời gian thực hiện: 03 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Nắm được lưu ý và bước đầu biết viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống

- Nêu được vấn đề nghị luận và giải thích được tại sao vấn đề này đáng được bàn đến.

- Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết.

- Đối thoại với những ý kiến khác nhằm khẳng định quan điểm của người viết.

- Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động.

**2. Về kĩ năng**

\* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

\* Năng lực đặc thù:

 - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài nghị luận về một vấn đề của đời sống.

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết bài văn.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày

- Năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn học

**3. Về phẩm chất**

- Yêu nước: Hiểu và tự hào về sự phong phú của tiếng Việt, bồi dưỡng tình yêu với tiếng Việt - ngôn ngữ của dân tộc chúng ta.

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU TÌM Ý** | |
| - Nêu các biểu hiện khác nhau của tình yêu Tổ quốc? |  |
| + Nêu biểu hiện cụ thể của yêu thiên nhiên, đất nước, con người? |  |
| + Nêu biểu hiện cụ thể của quý trọng văn hóa dân tộc? |  |
| + Nêu biểu hiện cụ thể của tự hào về lịch sử dân tộc? |  |
| + Nêu biểu hiện cụ thể của xây dựng và bảo vệ Tổ quốc? |  |

**Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU LẬP DÀN Ý** | | |
| Mở bài | Nêu ý khái quát: các biểu hiện của tình yêu Tổ quốc |  |
| Thân bài | - Đoạn 1: Yêu thiên nhiên, đất nước, con người: …  - Đoạn 2: Quý trọng văn hóa dân tộc: …  - Đoạn 3: Tự hào về lịch sử dân tộc: …  - Đoạn 4: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: …. |  |
| Kết bài | Nêu ý tổng hợp: tình yêu Tổ quốc thật đa dạng, phong phú |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu**: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b) Nội dung**: HS dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** (GV)

GV tổ chức trò chơi

Yêu cầu: Mỗi hình ảnh tương ứng với một vấn đề của đời sống, em hãy gọi tên vấn đề đó?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Sản phẩm dự kiến:

\* Tên 4 vấn đề của đời sống:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hình ảnh** | **Vấn đề của đời sống** |
| 8CTORGDIUB_mn18  H17 | **Sức mạnh của tình yêu thương** |
| Nghị luận xã hội về hiện tượng sống vô cảm của thanh - thiếu niên hiện nay  - Học - Học nữa - Học Mãi | **Bạo lực học đường** |
| C:\Users\DELL\Desktop\tải xuống (4).jpg | **Lòng biết ơn** |
|  | **Những tác động của mạng xã hội** |

**Bước 4: Kết luận, nhận định** (GV):

GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức, cho điểm học sinh.

Giáo viên giới thiệu dẫn dắt vào bài:

Những hình ảnh mà các em vừa thấy đều là những hình ảnh đang diễn ra trong cuộc sống. Đó là các vấn đề mà chúng ta cần quan tâm, bàn bạc. Để đánh giá vấn đề đó là tốt hay xấu thì chúng ta cần đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của mình. Vậy viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống như thế nào? Cô và các em cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỊNH HƯỚNG** | |
| **a) Mục tiêu:** Nắm được lưu ý của việc viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống  **b) Nội dung:**  **-** GV hỏi HS về nội dung phần Định hướng.  - HS trả lời  **c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.  **d) Tổ chức thực hiện**: | |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm cần đạt** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hoạt động chia sẻ  ? Dựa vào phần soạn bài và phần tìm hiểu kiến thức ngữ văn trong sgk, em hãy cho biết Tại sao các văn bản đọc hiểu đã học trong Bài 5 sách Ngữ Văn 8, tập một đều là những bài nghị luận về một vấn đề của đời sống?  ? Theo em việc viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống cần có những lưu ý gì?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  **HS:** chia sẻ theo hiểu biết của bản thân.  **GV**:  - Dự kiến khó khăn HS gặp: lúng túng khi lí giải, dùng từ diễn đạt chưa thoát ý  - Giúp đỡ học sinh bằng cách đặt thêm một số câu hỏi phụ gợi ý hoặc khích lệ HS mạnh dạn chia sẻ cảm xúc  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV chỉ định 3 - 5 học sinh chia sẻ  - HS trình bày.  - HS bày tỏ suy nghĩ về phần chia sẻ của các bạn.  B4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét phần chia sẻ của HS. | **I.** **Định hướng**  **1. Tại sao các văn bản đọc hiểu đã học trong Bài 5 sách Ngữ Văn 8, tập một đều là những bài nghị luận về một vấn đề của đời sống?**  - *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn) đặt vấn đề: thái độ và hành động trước nguy cơ xâm lược của ngoại bang.  - Đoạn mở đầu bài *Đại cáo Bình Ngô* (Nguyễn Trãi) khẳng định Việt Nam là nước độc lập, có nền văn hiến và lịch sử rất đáng tự hào.  - *Chiếu dời đô* (Lý Công Uẩn) trình bày lí do và ý nghĩa của việc dời thủ đô về đất Thăng Long.  - *Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?* (Dương Trung Quốc) nêu lên vấn đề: Làm thế nào để đất nước Việt Nam mãi trường tồn và phát triển ngày càng lớn mạnh?  -> Để làm rõ vấn đề các tác giả đều nêu lên ý kiến, dẫn ra các lí lẽ và bằng chứng cụ thể.  **2. Lưu ý**  - Vấn đề của đời sống mà bài viết nêu lên cần thiết thực và giàu ý nghĩa.  - Người viết cần thể hiện rõ ý kiến của mình về vấn đề đã nêu lên.  - Vấn đề và ý kiến của người viết phải được làm sáng tỏ bằng các lí lẽ và bằng chứng phong phú, chính xác, có sức thuyết phục,...  - Ý kiến, lí lẽ và bằng chứng cần có quan hệ chặt chẽ, tập trung làm rõ vấn đề; giữa các đoạn văn trong thân bài cần có câu chuyển đoạn. |

|  |  |
| --- | --- |
| **THỰC HÀNH** | |
| **a) Mục tiêu:** HS thực hành viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, chú ý vận dụng cách viết câu khẳng định, phủ định và câu cảm  **b) Nội dung:** HS thực hiện yêu cầu theo hướng dẫn của giáo viên  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập số 1, số 2 của HS; bài văn của HS.  **d) Tổ chức thực hiện**: | |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **NV1**  B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  ? GV yêu cầu học sinh đọc phần chuẩn bị?  ? Học sinh thực hiện yêu cầu trong Phiếu học tập số 1: tìm ý  ? Học sinh hoàn thiện các yêu cầu trong phiếu Phiếu học tập số 2: lập dàn ý  B2: Thực hiện nhiệm vụ  **GV**:  - Phát phiếu học tập số 1, 2  - Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS.  **HS**:  - Tìm ý và lập dàn ý theo hệ thống câu hỏi trong phiếu (Hoàn thiện phiếu học tập số 1, 2 – làm việc cá nhân)  - Trao đổi bài theo cặp kiểm tra và sửa chữa (làm việc cặp đôi).  - Hoạt động viết  + Viết một đoạn văn: GV chia lớp thành 3 nhóm:  **Nhóm 1:** Thực hiện viết một đoạn văn phần mở bài, viết Đoạn 1 phần thân bài theo dàn ý đã lập  **Nhóm 2:** Thực hiện viết Đoạn 2, Đoạn 3 phần thân bài theo dàn ý đã lập  **Nhóm 3:** Thực hiện viết Đoạn 4 phần thân bài, một đoạn văn phần kết bài theo dàn ý đã lập  Có thể cho 6 học sinh trong 3 nhóm thực hiện trên bảng, các học sinh khác viết vào vở.  + Viết bài văn nghị luận hoàn chỉnh: HS hoạt động cá nhân  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV: Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  - HS: Trình bày sản phẩm của mình.  + Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bài của bạn và chữa bài của mình (nếu cần).  B4: Kết luận, nhận định  - GV chiếu kết quả của phiếu tìm ý, lập dàn ý để học sinh đối chiếu hoàn thiện bài.  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS | **II. Thực hành**  **1. Đề bài**: Suy nghĩ của em về “Những sắc màu của tình yêu Tổ quốc”  **a.** **Chuẩn bị**  - Đọc kĩ và tìm hiểu đề để biết các thông tin chính trước khi viết:  + Trọng tâm cần làm rõ: các biểu hiện khác nhau của tình yêu Tổ quốc.  + Kiểu văn bản chính: nghị luận xã hội.  + Phạm vi bằng chứng: từ thực tế cuộc sống; từ kiến thức lịch sử, thơ văn liên quan,...  - Nhớ lại những trang lịch sử oai hùng và đầy tự hào của dân tộc (sự kiện, con người,...).  - Tìm đọc, tham khảo các bài viết về lòng yêu nước xưa và nay.  - Ghi chép những nội dung liên quan và chuẩn bị tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu về các sự kiện, con người tiêu biểu (nếu có).  **b.** **Tìm ý và lập dàn ý**  **\* Tìm ý:**  - Với đề văn nêu trên, có thể tiến hành tìm ý dựa vào cách suy luận từ khái quát đến cụ thể như sau:  + Xác định vấn đề (ý khái quát): biểu hiện khác nhau của tình yêu Tổ quốc.  + Phát triển ý cụ thể cấp 1 (ý lớn): yêu thiên nhiên, con người; tự hào về lịch sử dân tộc; sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc; làm cho đất nước mạnh giàu;...  + Phát triển ý cụ thể cấp 2 (ý nhỏ):  / Yêu thiên nhiên, đất nước, con người: yêu làng xóm quê hương; yêu thiên nhiên núi đồi, sông biển; yêu gia đình và những người trong cộng đồng;...  / Quý trọng văn hoá dân tộc: tiếng nói, phong tục, truyền thống văn hoá.  / Tự hào về lịch sử dân tộc: dựng nước, giữ nước, văn hoá nghệ thuật,...  / Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: học tập, lao động, bảo vệ đất nước,...  **\* Lập dàn ý:**  **Mở bài:** Nêu ý khái quát: các biểu hiện của tình yêu Tổ quốc.  **Thân bài:**  Đoạn 1: Yêu thiên nhiên, đất nước, con người:...  Đoạn 2: Quý trọng văn hoá dân tộc: ...  Đoạn 3: Tự hào về lịch sử dân tộc: ...  Đoạn 4: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: ...  **Kết bài:** Nêu ý tổng hợp: tình yêu Tổ quốc thật đa dạng, phong phú.  **c.** **Viết**  - Viết một đoạn văn (mở bài, kết bài, Đoạn 1, Đoạn 2, Đoạn 3. Đoạn 4 trong phần thân bài)  - Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, chú ý vận dụng cách viết câu khẳng định, phủ định và câu cảm  **d.** **Kiểm tra và chỉnh sửa**  - Đọc lại  - Kiểm tra về nội dung: các ý nêu trong đoạn văn, bài văn nghị luận đã hợp lí và đầy đủ chưa và hình thức: bố cục, diễn đạt, trình bày  - Nhận biết các lỗi còn mắc phải và cách chỉnh sửa  - Tự đánh giá kết quả bài viết |
| **Phiếu học tập số 1**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU TÌM Ý** | | | - Nêu các biểu hiện khác nhau của tình yêu Tổ quốc? | - yêu thiên nhiên, con người; tự hào về lịch sử dân tộc; sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc; làm cho đất nước mạnh giàu;... | | + Nêu biểu hiện cụ thể của yêu thiên nhiên, đất nước, con người? | - yêu làng xóm quê hương; yêu thiên nhiên núi đồi, sông biển; yêu gia đình và những người trong cộng đồng;... | | + Nêu biểu hiện cụ thể của quý trọng văn hóa dân tộc? | - quý trọng tiếng nói, phong tục, truyền thống văn hoá. | | + Nêu biểu hiện cụ thể của tự hào về lịch sử dân tộc? | - tự hào về truyền thống dựng nước, giữ nước, văn hoá nghệ thuật,... | | + Nêu biểu hiện cụ thể của xây dựng và bảo vệ Tổ quốc? | - học tập, lao động, bảo vệ đất nước,... |   Từ các ý đã tìm được, có thể trình bày bằng một sơ đồ: | |
| **Phiếu học tập số 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU LẬP DÀN Ý** | | | | Mở bài | Nêu ý khái quát: các biểu hiện của tình yêu Tổ quốc |  | | Thân bài | - Đoạn 1: Yêu thiên nhiên, đất nước, con người: …  - Đoạn 2: Quý trọng văn hóa dân tộc: …  - Đoạn 3: Tự hào về lịch sử dân tộc: …  - Đoạn 4: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: …. |  | | Kết bài | Nêu ý tổng hợp: tình yêu Tổ quốc thật đa dạng, phong phú |  |  |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm cần đạt** | | **NV2**  B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  ? Dựa vào phần soạn bài và phần tìm hiểu kiến thức ngữ văn trong sgk, em hãy cho biết việc rèn luyện kĩ năng viết câu khẳng định, phủ định và câu cảm trong văn nghị luận có cách thức như thế nào?  ? Làm bài tập sgk trang 128  **Bài tập**  1. Nhận biết các yếu tố khẳng định (phủ định) và biểu cảm trong hai đoạn văn sau:  + *Nay các ngươi ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo; thân chịu quốc sỉ mà không biết thẹn. Làm tướng triều đìinh đứng hầu quân man mà không biêt tức; nghe nhạc thái thường đãi yến sứ ngụy mà không biết căm...*  *(Hịch tướng sĩ –* Trần Quốc Tuấn).  *+ Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng mình, khinh thường mệnh trời, không noi theo dấu cũ Thương, Chu, cứ đóng yên đô thành ở nơi đây, khiến cho triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi. Trẫm rất đau xót về việc đó,...*  *(Chiếu dời đô -* Lý Công Uẩn).  2. Viết đoạn văn cho đề bài nêu ở mục II. Thực hành, trong đó có sử dụng câu khẳng định, câu phủ định và câu cảm.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  **HS:** chia sẻ theo hiểu biết của bản thân.  **GV**:  - Dự kiến khó khăn HS gặp: lúng túng khi làm bài tập  - Giúp đỡ học sinh bằng cách đặt thêm một số câu hỏi phụ gợi ý hoặc khích lệ HS mạnh dạn chia sẻ cảm xúc  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV chỉ định 3 - 5 học sinh chia sẻ, làm bài tập  - HS trình bày.  - HS bày tỏ suy nghĩ về phần chia sẻ của các bạn.  - HS nhận xét phần làm bài tập của bạn.  B4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét phần chia sẻ, phần làm bài tập của HS. | **2. Rèn luyện kĩ năng viết câu khẳng định, phủ định và câu cảm trong văn nghị luận**  **a. Cách thức**  - Văn nghị luận vừa có lí lẽ, lập luận chặt chẽ, vừa biểu hiện cảm xúc, tình cảm của người viết; nêu rõ được ý kiến đồng tình hay phản đối. Vì thế, khi viết cần chú ý kết hợp các loại từ ngữ và  + Câu khẳng định, phủ định *(nhất định, không, không thể,...)*  *+* Câu văn biểu cảm (*ôi,* *than ôi, hỡi ôi,...),...*  + Cần vận dụng từ ngữ thể hiện sự lập luận *(tuy ... nhưng, vì thế, cho nên, không những ... mà còn, càng ... càng, phải chăng, chẳng lẽ, như vậy, suy ra,...)*  *+* Các từ ngữ như đang tranh luận, đối thoại trực tiếp với người đọc *(vâng, chẳng lẽ, đúng thế, điều ấy đã rõ,...).*  **b. Bài tập**  Chú thích:  gạch chân và in đậm: yếu tố khẳng định  gạch chân và không in đậm*:* yếu tố phủ định  không gạch chân và in đậm: yếu tố biểu cảm  1.  *+ Nay các ngươi nhìn chủ nhục mà không biết****lo****, thấy nước nhục mà không biết****thẹn****. Làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết****tức****; nghe nhạc thái thường để đãi yến ngụy sử mà không biết****căm****. (Hịch tướng sĩ – Trần Quốc Tuấn).*  *+ Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng mình, khinh thường mệnh trời, không noi theo dấu cũ Thương, Chu, cử đóng yên đô thành ở nơi đây, khiến cho triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi. Trẫm rất* ***đau xót*** *về việc đó [...]*  *(Chiếu dời đô – Lý Công Uẩn).*  2. Đoạn văn tham khảo  ***Một trong những truyền thống đáng tự hào của dân tộc Việt Nam là tinh thần yêu nước****. Không chỉ trong quá khứ, mà ngay cả hiện tại, chúng ta vẫn phát huy được tinh thần đó. Lòng yêu nước của thế hệ trẻ hôm nay có thể được thể hiện qua những điều tưởng chừng như vô cùng đơn giản. Chúng ta* ***yêu*** *lời kể chuyện của bà,* ***yêu*** *tiếng hát ru của mẹ. Chúng ta* ***yêu*** *xóm làng thân thuộc,* ***yêu*** *cánh đồng lúa chín thơm. Hoặc cũng có thể là những hành động thật lớn lao như cố gắng học tập tốt để mai này trở về xây dựng quê hương ngày một giàu đẹp. Ý chí bảo vệ và phát huy những nét văn hóa truyền thống của quê hương. Cả lòng quyết tâm chiến đấu bảo vệ đất nước của mỗi con người trong những lúc gian nguy rình rập như chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh….* ***Dù là nhỏ bé hay lớn lao thì tình yêu đó sẽ còn tồn tại mãi với thời gian bởi tình yêu đất nước là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.*** | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRẢ BÀI** | |
| **a) Mục tiêu:**  - Thấy được ưu điểm và nhược điểm của bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, chú ý vận dụng cách viết câu khẳng định, phủ định và câu cảm  - Chỉnh sửa hoàn thiện bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống  **b) Nội dung:**  - HS thảo luận theo cặp nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc theo cặp.  **c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.  **d) Tổ chức thực hiện**: | |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm cần đạt** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - Yêu cầu HS đọc, nhận xét, chữa bài theo cặp  - HS chữa lại bài sau khi đã đọc lại và nhận phiếu góp ý từ bạn.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm việc theo cặp và làm việc cá nhân  - GV thu phiếu của một vài cặp ngẫu nhiên và chữa    B3: Báo cáo, thảo luận  - GV yêu cầu 3 - 5 nhóm báo cáo kết quả thảo luận, rút kinh nghiệm của cặp mình với bạn.  B4: Kết luận, nhận định  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chiếu một số bài làm tốt của HS để HS trong lớp tham khảo. | **-** Bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống đã chỉnh sửa của HS đảm bảo yêu cầu của đề bài. |

**3. HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** GV đưa thêm các bài tập để củng cố, khắc sâu kiến thức bài học

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV chiếu các dạng bài tập

**Bài 1. Các bước để viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống** **là gì?**

1. Chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết bài, kiểm tra và chỉnh sửa
2. Chuẩn bị; tìm ý và lập dàn ý, kiểm tra và chỉnh sửa, viết bài
3. Tìm ý và lập dàn ý, chuẩn bị, kiểm tra và chỉnh sửa, viết bài
4. Kiểm tra và chỉnh sửa, viết bài, chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý

**Bài 2. Trong các thao tác để thực hiện viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống** **theo em thao tác nào là quan trọng nhất, vì sao?**

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm bài cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi học sinh trả lời các bài tập

B4: Kết luận, nhận định

- GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại trong bài làm của HS.

**Bài 1.** Trả lời: đáp án A

**Bài 2.** Học sinh có thể lựa chọn thao tác mà học sinh nhận thấy là quan trọng nhất, chỉ cần đưa ra kiến giải hợp lí và thuyết phục.

Chiếu một số bài làm tốt của HS để HS trong lớp tham khảo.

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: Học sinh vận dụng kiến thức được học viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống đảm bảo các yêu cầu về hình thức, nội dung

**b) Nội dung:** Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ (ở nhà)

**c) Sản phẩm**: Sản phẩm của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

? Suy nghĩ của em về “Những tác động tích cực và tiêu cực của mạng xã hội đến học sinh”.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.

HS: Đọc, xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- Nộp sản phẩm về GV sau 1 tuần

B4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng quy định (nếu có).

**\* Hướng dẫn học sinh học bài và chuẩn bị bài**

**-** Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà: tiếp tục hoàn thiện bài tập trong tiết học

- Chuẩn bị bài sau: Soạn bài Nói và nghe: Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một vấn đề của đời sống

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH VỀ**

**MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG**

**Thời lượng: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU BÀI DẠY**

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác

**1.2. Năng lực chung**

**- NL giao tiếp, hợp tác**: Biết lắng nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.

**- NL tự chủ và tự học:** Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất:**

Tôn trọng những ý kiến khác biệt.

**II. KIẾN THỨC**

Cách xây dựng lý lẽ, tìm bằng chứng để thảo luận nhóm về một vấn đề của đời sống.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy tính, máy chiếu (nếu có), bảng phụ, phấn/ viết lông.

- SGK, SGV*.*

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động Khởi động**

***a. Mục tiêu:***

- Kích hoạt được hiểu biết nền liên quan đến sự cần thiết của việc nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một vấn đề của đời sống

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***c. Tổ chức hoạt động:***

***\* Giao nhiệm vụ học tập:***

Gv đặt câu hỏi: Tại sao chúng ta lại cần nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một vấn đề của đời sống?->Hs làm việc theo kĩ thuật Think- Write- Pair- Share.

***\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

Thực hiện nhiệm vụ theo cặp.

***\* Báo cáo, thảo luận:***

1-2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nghe, góp ý, bổ sung (nếu cần).

***\* Kết luận, nhận định:***

GV nhận xét đánh giá, chốt chuyển ý vào bài

**2. Hoạt động xác định nhiệm vụ nói và nghe**

***a. Mục tiêu*:**

Xác định được nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

***b. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

***c. Tổ chức hoạt động:***

***\* Giao nhiệm vụ học tập:***

GV cho HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt* (SGK/tr.110), đọc lướt nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một vấn đề của đời sống (SGK/tr.128, 129) vàtrả lời câu hỏi:

+ Phần *Nói và nghe* này có liên hệ gì với phần *Đọc* em đã thực hiện trước đó?

+ Ở nhần nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một vấn đề của đời sống, nhiệm vụ học tập cần thực hiện là gì?

***\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

***\* Báo cáo, thảo luận:***

1-2 HS trả lời câu hỏi.

***\* Kết luận, nhận định:***

GV nhận xét, hướng dẫn HS kết luận: (1) thành lập nhóm và phân công công việc; (2) thảo luận trong nhóm nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một vấn đề của đời sống

**B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH NÓI NGHE**

**1. Hoạt động chuẩn bị**

***a. Mục tiêu***

- Thành lập nhóm và phân công công việc chuẩn bị cho buổi thảo luận.

- Chuẩn bị nội dung cho buổi thảo luận: Xem lại nội dung viết nghị luận về 1 vấn đề của đời sống đã làm trong phần viết.

- Chú ý các hướng dẫn trogn mục 1. Định hướng để nắm được cách tóm tắt nội dung chính khi nghe.

- Thống nhất mục tiêu và thời gian thảo luận

***b. Sản phẩm:*** Nội dung nghị luận về 1 vấn đề của đời sống đã làm trogn phần Viết.

***c. Tổ chức hoạt động:***

***\* Giao nhiệm vụ học tập:***

- GV tổ chức hướng dẫn cho các nhóm trưởng, đội trưởng phân công chuẩn bị nội dung thảo luận cho các thành viên. Mỗi thành viên cần xem lại nội dung nghị luận về 1 vấn đề của đời sống đã làm trogn phần viết.

- Chú ý các hướng dẫn trogn mục 1. Định hướng để nắm được cách tóm tắt nội dung chính khi nghe.

- Nhóm trưởng, đội trưởng cùng với các thành viên trong nhóm thống nhất các nội dung về mục tiêu và thời gian thảo luận trong phiếu học tập.

***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

HS thực hiện nhiệm vụ chọn nhóm trưởng

HS hoàn thành phiếu học tập trong 2 phút.

Các đội nhóm cùng thống nhất nội dung và hoàn thành phiếu học tập về mục tiêu, thời gian thảo luận.

***\*Báo cáo, thảo luận*:**

***\*Kết luận, nhận định:***

- GV ghi chú thông tin về các nhóm, có thể điều phối thành viên cho cân đối giữa các nhóm; ghi nhận ý kiến và nội dung chuẩn bị của HS trong các đội; ghi nhận mục tiêu và thời gian thảo luận với các nhóm theo nội dung các câu hỏi trong phiếu học tập.

**2. Hoạt động tìm ý và lập dàn ý:**

***a. Mục tiêu***

- Thực hành hoạt động thảo luận nhóm tìm ý và lập dàn ý dựa trên nội dung nghị luận về 1 vấn đề của đời sống đã làm trogn phần viết.

***b. Sản phẩm:*** Phần ghi chép, tổng hợp của thư kí các nhóm.

***c. Tổ chức hoạt động:***

***\*Giao nhiệm vụ học tập:***

HS đóng vai trò nhóm trưởng điều phối cuộc thảo luận. Đồng thời, GV in các phiếu hướng dẫn trình bày, thảo luận và biên bản tóm tắt nội dung cuộc thảo luận cho các nhóm HS.

***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

HS thực hiện nhiệm vụ thảo luận, trao đổi dưới sự điền khiển của nhóm trưởng.

***\*Báo cáo, thảo luận*:**

GV tổ chức buổi thảo luận cho các nhóm dựa trên phần hướng dẫn của gv

**2. Hoạt động thực hành nói và nghe.**

***a. Mục tiêu***

- Thực hành hoạt động thảo luận: nghe và ghi lại các ý chính của bài thuyết trình.

***b. Sản phẩm:*** Phần ghi chép, tổng hợp của thư kí các nhóm.

***c. Tổ chức hoạt động:***

***\*Giao nhiệm vụ học tập:***

HS đóng vai trò nhóm trưởng điều phối cuộc thảo luận với nội dung nghe và ghi lại các ý chính của bài thuyết trình.

***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

HS thực hiện nhiệm vụ thảo luận, trao đổi dưới sự điền khiển của nhóm trưởng

***\*Báo cáo, thảo luận*:**

GV tổ chức buổi thảo luận cho các nhóm dựa trên phần hướng dẫn của SGK với 3 phần chính như sau:

- Trình bày ý kiến

- Phản hồi ý kiến

- Thống nhất ý kiến

***\*Kết luận, nhận định:***

Hướng dẫn HS rút ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình thảo luận: (1) Lắng nghe lẫn nhau; (2) Tôn trọng ý kiến trái chiều; (3) Phản biện dựa trên lí lẽ, dẫn chứng.

**3. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu***

- Tự đánh giá phần trao đổi, thảo luận của mình trong nhóm.

- Nhận xét phần trao đổi, thảo luận của các bạn trong nhóm và rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân.

***b. Sản phẩm:*** Phiếu tự đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.



***c. Tổ chức hoạt động:***

***\*Giao nhiệm vụ học tập:***

Để rút ra được những bài học kinh nghiệm có giá trị cho bản thân khi thực hiện bài thảo luận nhóm về một nhân vật trong truyện khoa học viễn tưởng, HS tự phản hồi quá trình tham gia của mình dựa trên hướng dẫn sau đây cho quá trình hướng dẫn hoàn thành phiếu học tập.

Ở cột thứ nhất, HS ghi lại những nhận xét về quá trình em tham gia cùng các bạn bằng cách trả lời các câu hỏi như:

*- Em có tích cực tham gia góp ý kiến thảo luận không?*

*- Em có lắng nghe các bạn với thái độ tôn trọng, tập trung không?*

*- Em có cùng các bạn tích cực đặt câu hỏi và tìm câu trả lời để làm rõ vấn đề cần thảo luận không?*

Ở cột thứ hai, HS ghi lại tất cả những quan sát và nhận xét của HS liên quan đến thái độ, ý kiến, hoạt động của các bạn trong nhóm bằng cách trả lời một số câu hỏi như:

*- Em đồng tình với ý kiến của bạn nào?*

*- Ý kiến của bạn em có tóm tắt đầy đủ nội dung thuyết trình hay không?*

*- Em học được những gì qua thái độ, hoạt động của các bạn trong nhóm?*

Ở cột thứ ba, HS ghi lại những kinh nghiệm, bài học sâu sắc nhất HS tự rút ra cho bản thân mình thông qua quá trình nhận xét việc tham gia thảo luận nhóm của HS và các bạn trong nhóm.

***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập:***

Mỗi HS thực hiện nhiệm vụ.

***\*Báo cáo, thảo luận*:**

GV tổ chức cho HS chia sẻ theo cặp với bạn bên cạnh, sau đó, GV mời 1,2 HS đại diện chia sẻ trước lớp.

***\*Kết luận, nhận định:***

Hướng dẫn HS rút ra những bài học kinh nghiệm về việc nghe và tóm tắt nội dugn thuyết trình về một vấn đề của đời sống: (1) Chú ý nghe kĩ nội dung thuyết trình về một vấn đề của đời sống mà các ý kiến tham gia đã trình bày; (2) Ghi lại các ý chính theo hệ thống; ý lớn (đó là vấn đề gì? Nội dung lớn gồm các ý nào”), ý nhỏ (triển khai ý lớn), các bằng chứng, ví dụ minh hoạ; Tuy theo yêu cầu để lựa chọn và ghi lại các nội dung chính (3) giọng nói, tư thế, thái độ quyết định tính thuyết phục của việc trình bày ý kiến cá nhân trong quá trình thảo luận;